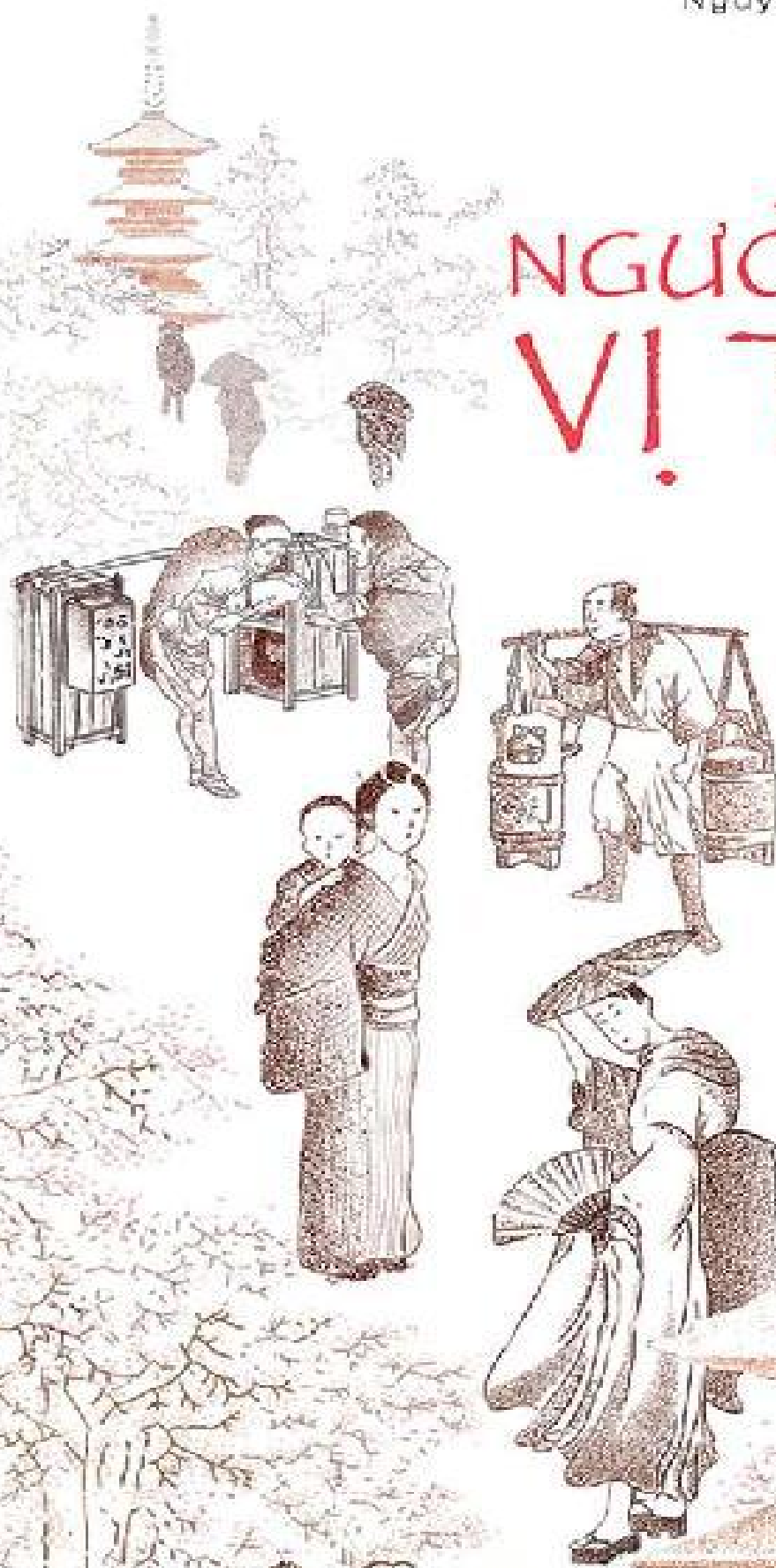


ISODA MICHIFUMI

Nguyễn Đỗ An Nhiên dịch

NHỮNG NGƯỜI NHẬT VỊ THẠ



PHẦN VIẾT BẰNG
THẾ GIỚI

Mục lục

1. [Lời giới thiệu](#)
2. [Kokudaya Jūzaburō \(1719 – 1777\)](#)
3. [Nakane Tōri \(1694 – 1795\)](#)
4. [Ōtagaki Rengetsu \(1791 – 1875\)](#)
5. [Lời kết](#)
6. [Người có cả lý luận và tình cảm](#)

Lời giới thiệu

T

ác giả Isoda Michifumi (Ki Điền Đạo Sử) sinh năm 1970, là một nhà nghiên cứu sử học. Và đúng như cái tên được cha mẹ đặt cho, ngay từ thuở nhỏ, tác giả Michifumi đã đặc biệt yêu thích môn lịch sử. Những năm học cấp III ở trường công lập Okayama Daianji của tỉnh Okayama, Michifumi đã dùng “Tự điển đọc hiểu văn thư cổ cận thế” của gia đình để đọc các văn bản, sách cổ trong thư viện tỉnh.

Dòng họ Isoda vốn thuộc dòng dõi trọng thần của phiên Okayama, xứ Bichu, thời Mạc phủ Tokugawa nên trong nhà còn lưu giữ nhiều văn thư cổ. Ông tổ 5 đời trước của tác giả vốn là thầy dạy của phiên chủ Ikeda thời bấy giờ và cũng là người dạy Nho giáo cho Takayama Kisai – một nhà sĩ thời Minh Trị, người sáng lập Đại học Nha khoa Tōkyō. Chữ “Michi (Đạo)” trong tên tác giả là “thông tự” của gia tộc Isoda, được truyền từ đời này sang đời khác.

Tuy ở Nhật cũng từng có quan niệm “húy danh” – tránh gọi tên bậc tôn trưởng trong họ tộc để tỏ lòng tôn kính nhưng không nghiêm khắc như các nước có nền văn hóa kị húy như Trung Quốc. Vì vậy, từ khoảng giữa thời Heian (794 – 1185), khi thói quen đặt tên gồm 2 chữ Hán trở nên phổ biến thì “húy danh” trở thành “thông tự (*toori-ji*)” hay “hệ tự (*kei-ji*)” trong tiếng Nhật. Người Nhật lấy một chữ đặc thù làm *toori-ji* của họ tộc, truyền từ đời này sang đời khác để chứng tỏ tính chính thống của người kế tục hay có ý cho biết người đó là một thành viên của họ tộc.

Isoda Michifumi đã theo học khoa Sử trường Đại học Kyōto Furitsu do có nhà sử học Mizumoto Kunihiro giảng dạy tại đây cũng như Kyōto là vùng đất còn lưu trữ nhiều văn thư cổ và di tích lịch sử. Tuy nhiên, do trường không có bậc cao học nên Michifumi vừa theo học đại học vừa học luyện thi để năm sau thi vào trường Đại học Keio Gijuku (thường được gọi tắt là trường Keio), nơi có nhà nghiên cứu

Sử Kinh tế Hayami Akira làm việc. Tại trường Keio lừng danh, tác giả Isoda Michifumi theo đuổi con đường sử học cho đến khi lấy bằng tiến sĩ với đề tài “Cấu trúc xã hội của đoàn gia thần đại danh (*daimyō*) cận thế” dưới sự hướng dẫn của nữ sử gia Tashiro Kazui. Sau đó, từ năm 2004, Isoda đã làm việc tại nhiều trường đại học, cơ quan văn hóa khác nhau như Đại học Ibaraki, Đại học Nha khoa Tōkyō, Đại học Văn hóa Nghệ thuật Shizuoka, tòa soạn báo Yomiuri, và nay đang làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Nhật Bản Quốc tế.

Các giải thưởng Isoda Michifumi giành được đều xuất phát từ chuyên môn sử học của ông như giải “Tài liệu Shinchō” năm 2003 với tác phẩm *Sổ chi tiêu gia đình võ sĩ – Duy tân thời Mạc mạt của kế toán phiên Kaga*. Năm 2010, *Sổ chi tiêu gia đình võ sĩ* được dựng thành phim. Cùng năm, Isoda Michifumi nhận giải thưởng “Truyền thông Văn hóa” của đài NHK vì “đã giải thích về lịch sử cho khán thính giả một cách dễ hiểu, góp phần cống hiến cho việc truyền văn hóa và xây dựng địa phương năng động”. Năm 2015, Isoda giành giải thưởng “Câu lạc bộ Người viết tùy bút” vốn có truyền thống lâu đời với mục đích khích lệ những tác giả trẻ.

Từ năm 2003 đến nay, Isoda Michifumi viết gần 20 đầu sách và nhiều bài báo chuyên về lịch sử Nhật Bản trong đó đã có 2 đầu sách được dựng thành phim. Ngoài *Sổ chi tiêu gia đình võ sĩ* đã đề cập ở trên, bộ phim thứ hai *Thưa ngài, đó là tiền lãi!* dựa trên tiểu thuyết lịch sử *Những người Nhật vị tha* mà độc giả đang cầm trên tay. Tuy nhiên, *Thưa ngài, đó là tiền lãi!* chỉ đề cập đến câu chuyện của các *samurai* ở làng quê nghèo xứ Sendai tìm mọi cách vực dậy nền kinh tế đang suy sụp của quê mình, tức chỉ sử dụng một phần ba nội dung *Những người Nhật vị tha*. Bên cạnh những Kokudaya Jūzaburō, Sugawaraya Tokuheiji, Chisaka Chūnai xuất hiện trong phim cũng là những nhân vật chính trong phần đầu của sách, còn có hai văn nhân Nakane Tōri và Ōtagaki Rengetsu góp phần làm đầy đặn quyển sách này. Hẳn quý vị độc giả đang đón chờ những *samurai* hiện lên trang sách với hình ảnh cầm kiếm oai phong, lẫm liệt, sẵn sàng vì đạo mà tử thủ? Và có phần thất vọng khi nào “tiền lãi”, nào “văn nhân” xuất hiện trong lời giới thiệu này?

Nhưng Isoda Michifumi – một sử gia trẻ tuổi, tràn đầy nhiệt huyết, một cây bút chuyên về lịch sử sẽ không làm bạn thất vọng. Có thể các nhân vật của Isoda Michifumi không xông pha trận mạc, không lừng danh trên văn đàn Nhật Bản như những huyền thoại người người đều biết. Nhưng những Kokudaya Jūzaburō, Sugawaraya Tokuheiji, Chisaka Chūnai, Nakane Tōri và Ōtagaki Rengetsu – những con người chân thật, sống động nhất từ trước đến nay trong lịch sử Nhật Bản thời Edo mà tôi và các bạn được biết đến qua *Những người Nhật vị tha* sẽ lại một lần nữa chứng minh cho chúng ta thấy: Người Nhật thật biết cách làm cả thế giới kinh ngạc.

Những người Nhật vị tha không thuộc dạng tiểu thuyết thuần túy, cũng không phải dã sử, tuy hơi khó đọc một chút nhưng đủ hấp dẫn để biết thêm tinh thần *samurai* của những người Nhật xa xưa. Tác giả là một nhà sử học nên mức độ chân thật của nội dung khá thuyết phục dù sử liệu ít ỏi nhưng chính vì độ ít ỏi đó mà chân dung những người Nhật trong sách, yêu người vô điều kiện đủ làm lay động người đọc. Tôi tin chắc những *samurai* tay không cầm kiếm mà cầm tiền chạy đôn chạy đáo cứu làng quê, một Nakane Tōri xứng đáng được gọi là đại thi sĩ nhưng tự tay đốt bỏ tác phẩm của mình, một Ōtagaki Rengetsu đáng bậc anh thư nhưng chẳng mong người ta biết đến trong *Những người Nhật vị tha* sẽ khiến bạn có những giây phút dừng lại, sống chậm để nhìn lại mình và tự hỏi: Ta đã sống vị kỷ biết dường nào?

Nguyễn Đỗ An Nhiên

Kokudaya Jūzaburō (1719 – 1777)

X

uân Michinoku thường đến muộn nhưng khi cỏ non đã nhú trên thảo nguyên, nụ hoa đã chớm đậu trên cành cây anh đào thì cánh hoa đào bung sắc, núi cười rạng rỡ. Dòng nước trong xanh chảy cuộn cuộn qua bờ ruộng như cắt ngang con đê, đem lại sự mát lạnh cho thôn làng. Thật không có ngày nào êm đềm, tươi xanh như thế này.

Vậy mà từ lúc này, Jūzaburō cứ thờ dài. Phải nói đúng là vừa thờ dài thườn thượt vừa thất thủ lê bước trên đường làng.

Làng Yoshioka là tên một trong những khu phố *shukuba*¹ dọc tuyến đường Ōshū. Có khoảng hai trăm căn nhà, góc phố có một ụ đất làm mốc *ichirizuka*, trên đó có một cây liễu sam lớn mọc thẳng đứng như muốn khiêu khích ông trời.

¹ Các khu phố có trạm dừng để truyền tin, vận chuyển thời Edo.
(Các chú thích trong sách đều của người dịch)

Ụ đất phố Yoshioka là ụ thứ sáu *rokurizuka* tính từ thành Sendai. Tuy nói khu phố *shukuba* cách thành Sendai sáu *ri*² như vậy nhưng hầu hết một nửa sinh kế của các hộ dựa vào nông nghiệp, vô cùng nghèo khó. Bên kia dãy nhà mái lá nghèo nàn đó là dãy núi hùng vĩ như tấm bình phong Nanatsumori (bảy cánh rừng).

² *Ri (lý)*: đơn vị tính khoảng cách thời xưa ở Nhật, khoảng 3,927km. *Ichirizuka* là ụ đất làm mốc như cột mốc cây số ngày nay. *Ichi* trong *ichirizuka* là 1, *roku* trong *rokurizuka* là 6.

Jūzaburō vốn thích ngắm cảnh từ nhỏ, thường ngắm nhìn bấy lâu nhưng càng bắt gặp vẻ êm đềm của mùa xuân hôm nay càng

thấy nặng trĩu trong lòng. Ý muốn ngắm nhìn dãy núi tuyệt đẹp đó bị nghiền nát, ngược lại, cảm giác thất vọng không cách nào diễn tả khiến chàng như đang lê bước trên đường.

Jūzaburō cứ thế phó mặc bước chân cho nỗi buồn, chàng thành linh nhận ra mình đã ra khỏi khu phố nhỏ, đến tận *Sekigami-sama* (thần hộ đê).

Sekigami-sama thờ thần Sekigami nằm cạnh sông Yoshida, được cúng bái như một miếu thờ nhỏ. Phố Yoshioka đã xây đê ngay *Sekigami-sama*, dẫn nước tưới tiêu khắp ruộng đồng. Khi mùa xuân đến, cỏ đuôi ngựa mọc đầy con đê bên miếu thờ.

Jūzaburō sinh ra tại khu phố này. Thuở nhỏ, cậu thường hái cỏ đuôi ngựa. Nhưng cứ mỗi lần khoe “Là cỏ đuôi ngựa con hái ở *Sekigami-sama*” thì y như rằng, người lớn mắt tối sầm, im lặng. Cậu bé thơ ngây hỏi cha thì được dặn:

“Phải biết ơn *Sekigami-sama* đấy. Sông Yoshida trông hiền hòa vậy chứ rất hung bạo. Hồi xưa, khi có đại hồng thủy làm đê chắn ở *Sekigami-sama* bị vỡ cho nên dân trong làng họp bàn với nhau tìm người tế thần. Cha không rõ người nào ở đâu đã bị làm vật hi sinh tế thần. Chỉ nghe kể bên làng Ohira dùng vũ lực bắt trói một nữ tu tình cờ đi ngang, mặc lời van xin rồi dân làng vừa khóc vừa chôn. Nơi cúng tế nữ tu đó là đền thờ Mikogozen ở Ohira. Con cũng từng thấy đúng không? Có thể làng Yoshioka chúng ta cũng đã từng làm việc tàn nhẫn như thế. Tóm lại, nhờ vậy, chúng ta thoát nạn lũ lụt và được cày cấy kiếm sống đời này qua đời khác.”

Câu chuyện thật sự chấn động. Jūzaburō muốn nghĩ đó là những lời bịa đặt. Cậu nhìn cha bằng đôi mắt khẩn cầu.

“Cha không bịa đâu. Có năm vỡ đê, xương người hiện ra mà. Bô lão trong làng nói đó là xương người tế thần, phải thờ cúng trong miếu.”

Miếu thờ *Sekigami-sama* hướng về phía Đông là để dẫn nước về ruộng, dõng theo cây lúa lớn lên. Ánh mắt cha khi nói về điều đó mờ

đi như thể bản thân sắp phải làm vật tế thần.

Cha mất đã được ba năm. Ông là Jinnai, đương chủ đời thứ sáu tiệm Asanoya, thương gia duy nhất của làng Yoshioka này. Tuy đời này sang đời khác đều làm rượu nhưng tính tình Jinnai có vẻ hợp với học văn hơn là bán buôn. Sinh thời, ông thường vui thích bắt chước thầy đồ trường làng, tập hợp bọn trẻ quanh đấy để dạy chúng đọc sách viết chữ miễn phí.

Jūzaburō là con trai trưởng, chào đời khi ông Jinnai hai mươi tuổi. Nhưng Jūzaburō không nối nghiệp cha mà đi làm con nuôi nhà làm rượu cách nhà cha mẹ để chỉ mấy căn, tiệm Kokudaya. Chỉ vì nhà Kokudaya không có người nối dõi nên khi được mời “Làm con nuôi không?” thì sự cứ thế mà thành.

“Đâu nhất thiết phải đưa con trưởng đi làm con nuôi.” – Cũng có người bàn ra nhưng không hiểu vì lý do mà chuyện thành như vậy. Bây giờ, nhà cha mẹ đẻ chàng do người em trai nhỏ hơn bốn tuổi kế nghiệp, làm chủ nhân đời thứ bảy, kế thừa cả tên tuổi cha mình là Asanoya Jinnai. Cũng có khi chàng nghĩ hay là do mình bị cha đánh giá thấp, bị bỏ rơi không chừng nhưng giờ đây, có nghĩ vậy cũng chẳng ích gì.

Trong những câu chuyện về cha mình, Jūzaburō thường nhớ những năm cuối đời, cha như trút hết tâm huyết vào “lợi nhuận lâu dài” mà cứ nhắc đi nhắc lại điều này. Ban đầu, chàng chẳng hiểu cha nói gì.

“Phải làm cho cả làng phồn vinh. Cha muốn làm việc gì đó đem lại lợi nhuận lâu dài cho ngôi làng này rồi mới chết.”

Cũng có khi cha nói vậy. Không phải lời nói đầu môi chót lưỡi. Ông nói như vậy bằng đôi mắt buồn thắm thắm, từ tận đáy lòng. Thật ra, những năm cuối đời, cha có vẻ gì đó u uất, không vui. Rồi chẳng biết tự lúc nào lại được hòa thượng chùa Kuhonji đặt cho pháp danh Kyōun-an Daiyomukei Zenshi (Giáo Vận Am Đại Dự Vô Kính Thiện Sĩ). Vì ông từng hằng say chỉ dạy ở trường làng cho con người ta nên có thể hiểu chữ “Giáo Vận Am” nhưng “Vô Kính” thì không cách nào hiểu được.

Mãi đến gần đây, chàng mới mơ hồ hiểu được lòng cha. “Những năm gần đây, làng Yoshioka thật kiệt quệ. Tương lai sẽ ra sao đây?” – Một ngày trước, chàng chợt nghĩ đến điều đó. Nhà cửa rách nát hiện ra cả mặt tiền, đất trống cỏ hoang mọc đầy, làng Yoshioka chàng đã sống những ngày tháng dài, nay như một cái lược mất răng, cũ kỹ. Nói cách khác, làng đã trở nên rệu rã. Nếu cứ rệu rã thế này, sự khốn khổ như địa ngục sẽ âm thầm tìm đến, phá hủy ngôi làng này mất. Một người vốn lo xa như cha đã sớm nhận ra và vật lộn với điều đó. Tiệm Asanoya của cha là một phú hộ giàu nứt đổ đổ vách trong làng, tiệm Kokudaya của chàng cũng ở vị trí tương tự. Gia đình bản thân sống giàu có. Nếu chỉ nghĩ đến điều đó thôi thì chẳng cần phải lo lắng gì. Nhưng, sống ngay cạnh làn sóng bi thảm người dân nghèo trong làng Yoshioka này cứ lần lượt ra đi vì chết đói thì thật đáng sợ và không đành lòng. Chàng không biết tại sao mình thấy sợ hãi đến vậy. Nhưng gì thì gì, cứ nghĩ đến tương lai sắp đến, lòng chàng đầy bất an, toàn thân sồn gai ốc.

“Liệu người quyền quý là để loại bỏ người nông dân sao?” – Jūzaburō cứ phải nghĩ đến điều đó. Việc chàng ưu tư từ lúc này là có liên quan đến điều đó.

Khi chính quyền không còn bảo vệ được đời sống của chúng ta nữa, con người phải sống thế nào đây? Bây giờ, điều Jūzaburō đang vừa đi vừa nghĩ đến chính là đây.

“Ít gì cũng là *kura-iri-chi* thì hay biết mấy.” – Chàng nghĩ vẫn vợ. *kura-iri-chi* là đất trực thuộc lãnh chúa.

Không may, Yoshioka không phải *kura-iri-chi* mà thuộc đất ban phát. Nghĩ lại đây là khởi đầu của sự bất hạnh.

Đất ban phát chỉ miếng đất lãnh chúa ban cho trọng thần. Yoshioka được lãnh chúa ban cho gia tộc trọng thần Tadaki với mức bổng lộc 1.500 *koku*¹. Lãnh chúa không xấu nhưng mức 1.500 *koku* đó thật chẳng thấm béo vào đâu. Nó quá ít để chủ đất phát cho người dân. (Cũng dân trong vùng mà mức đãi ngộ khác biệt thế này thì thật bất hợp lý). Sự thật thì người ở Yoshioka, ai nấy đều ảm ức trong lòng.

¹ Trong trường hợp này, đây là đơn vị tính lượng gạo một người trưởng thành tiêu thụ trong một năm và từ đó được tính thành lượng bổng của bề trên ban phát cho thuộc hạ. Cũng là đơn vị để tính diện tích đất.

“Chẳng có *daimyō*¹ nào cỡ lỗ sĩ như lãnh chúa vùng này.”

¹ *daimyō* (đại danh): lãnh chúa cai quản một phiên thời bấy giờ.

Jūzaburō bắt đầu nghĩ đến cả điều đó. Không cần nói cũng biết, lãnh chúa vùng này là Date² phiên³ Sendai. Dòng họ Date rất lâu đời, có dòng họ xa với ngự gia nhân của ngài Kamakura. Dòng họ này đã cai trị những vùng hẻo lánh của Nhật Bản như chủ nhân nên để lại một hệ thống xưa cũ, lạc hậu đến mức khó tin.

² *Date Shigemura* (1742 – 1796).

³ *Lãnh địa do lãnh chúa đứng đầu.*

Chẳng hạn, họ không dùng chế độ *koku-daka*⁴ mà dùng *kan-daka*⁵. Một đồng *kan* quy bằng miếng đất diện tích 8 tan-bu, và gọi miếng đất 100 *koku* ở phiên khác là miếng đất 10 *kan*. Nông dân cũng dùng *kan* để đo diện tích đất mình có.

⁴ *koku-daka* (thạch cao): chế độ dùng sản vật địa phương làm đơn vị *koku* để tính.

⁵ *kan-daka* (quán cao): chế độ dùng *kan* làm đơn vị tiền tệ, lâu đời hơn chế độ *koku-daka*.

Vốn dĩ trong dòng họ Date không cho đám gia nhân chính thường trú ở dưới thành Sendai. Họ cho gia nhân sống tản mát ở vùng lãnh thổ rộng 620.000 *koku*, cho dựng thành quán ở đó và thực hiện trình diện luân phiên trong lãnh thổ. Kiểu gia thần như thế này rất hiếm.

Trọng thần dòng họ Date thực hiện trình diện luân phiên giữa thành Sendai và thành quán như các *daimyō* lui tới trình diện giữa Edo và phiên xứ của mình. Có thể nói là một cảnh kỳ quái.

Sau khi chính quyền (Mạc phủ) lật đổ Toyotomi¹ đã quy định “nhất quốc nhất thành” (một nước một lâu đài), cấm tiệt các *daimyō* xây dựng thành quách. Vậy mà dòng họ Date lại được miễn quy định này. Jūzaburō nghe người ta nói phiên tổ Date Masamune (1567 – 1636) đã ra sức biện hộ rằng: “Đó không phải là lâu đài. Mà là sở phòng địch. Là “sở” thôi.” Tuy là ngụy biện nhưng Tokugawa² cũng không quở trách gì nên tình trạng đó cứ nguyên như thế đến tận vùng Kyūshū và Mutsu³.

¹ *Toyotomi Hideyoshi (1537 – 1598): daimyō thời Sengoku (Chiến quốc), người đã thống nhất nước Nhật.*

² *Tokugawa Ieyasu (1543 – 1616): shōgun (tướng quân) đầu tiên mở đầu thời đại Mạc phủ Tokugawa, còn được gọi là thời Edo (1603 – 1868).*

³ *Tên gọi khác của xứ Michinoku, nay thuộc tỉnh Miyagi.*

Kết quả là trong lãnh thổ của Date toàn đồn lũy, mỗi đồn lũy được phân cho chức lão (trọng thần) làm “sở” phòng địch. Và Yoshioka nơi có thành quán Yoshioka cũng là đất phân phát được ném cho trọng thần Tadaki.

“Đây chính là khởi đầu không đem lại lợi lộc gì cho Yoshioka.” – Jūzaburō nghĩ vậy.

Vốn dĩ, làng phải gánh chịu quá nặng. Trách nhiệm làm trạm trung chuyển, truyền tin *tenma*⁴ thật không thể xoay xở bằng tiền thuế của nông dân bình thường. Lấy lý do sử dụng đường cái vào việc công, phiên trưng thu người, ngựa. Việc này nặng nề đến mức bất hợp lý không chịu nổi. Nó thật sự khiến cả làng suy sụp đến mức dòng họ Date cũng phải suy nghĩ.

⁴ *tenma* (truyền mã): chế độ vận chuyển, truyền tin thời Edo. Chính quyền đặt các trạm trung chuyển ở các khu vực, đường lộ đã quy định.

Họ quyết định lập nên chế độ hỗ trợ gọi là “truyền mã ngựa hợp lực”, phát tiền về các *shukuba*, ngăn chặn kiệt quệ.

“Nhưng cách này cũng có chỗ thiếu sót.” – Mỗi lần nghĩ đến việc này, nỗi ám ức từ tận đáy lòng Jūzaburō cứ trào lên. Thật ra Yoshioka chẳng được trả một xu nào từ chế độ này.

“Tại sao chỉ có mỗi Yoshioka là phải chịu cảnh này? Thật là một sự phân biệt đối xử quá đáng.” – Người dân khắp khu Yoshioka ta thán lâu nay nhưng chẳng ích gì.

“Khu Yoshioka là lãnh địa của Tadaki, dân ở đó là dân của Tadaki. Có phải dân của ngài Date đâu mà đòi lãnh trợ cấp từ lãnh chúa?” – Quan lại trong phiên một mực từ chối với lý do duy nhất như vậy.

Vì vậy Yoshioka trở thành một *shukuba* mà chỉ cần sống ở đó thôi cũng đã là một gánh nặng. Cứ mỗi lần nạn đói kéo đến là cư dân bỏ đi, số hộ dân giảm đi trông thấy. Số hộ dân càng giảm, gánh nặng *tenma* mỗi nhà càng tăng, rồi số hộ lại giảm vì điều đó.

“Ngôi làng này bị kẹt trong một khởi đầu tồi tệ.” – Từ khi nhận ra điều đó, Jūzaburō chẳng mấy may xúc động khi nhìn những bông hoa đào khoe sắc. Ngược lại, nắng xuân càng ấm áp, lòng chàng càng trống rỗng.

“Nếu cứ như vậy, Yoshioka sẽ diệt vong. Không có cách nào khác sao?” – Vừa đi bên dòng nước con đê, chàng vừa nghĩ nhưng thời gian cứ lạnh lùng trôi.

Đúng lúc ấy, tên một người đàn ông thoáng hiện lên trong đầu. Tokuheiji tiệm Sugawaraya, nổi tiếng là nhà thông thái duy nhất trong làng Yoshioka. “Nếu là Tokuheiji, biết đâu...” – Chàng nghĩ vậy. Người này là một trà sư.

Từ xưa, Yoshioka vốn là nơi trồng trà. Trà uống ở Sendai hầu hết là sản phẩm của vùng này. Tuy nhiên, khi đem sang các phiên, xứ khác lại bị xem thường, chê bôi: “Đồ trà Mutsu!”

“Các xứ phương Bắc không hợp với trà đâu. “Sông đen” Kurokawa xứ Mutsu mà trồng được danh trà sao?” – Tuy bị mỉa mai, Sugawaraya vẫn không hề bận tâm.

“Ta có thể trồng được trà không thua trà Uji của Kyōto.” – Nói rồi chàng ta theo đuổi việc trồng trà. Cuối cùng Sugawaraya thật sự trồng được loại trà nổi tiếng ngang loại trà *Jokisen* cao cấp của xứ Uji khiến dân Yoshioka mắt tròn mắt dẹt cả lên. Sugawaraya nói năng lại hợp tình hợp lý nên cũng rất được tín nhiệm trong các cuộc họp làng.

Cửa tiệm nằm bên kia đường, xéo xéo nhà Jūzaburō. Cũng vì vậy, hôm trước, khi đến mùa hoa đào, chàng ta lại mời “qua nhà tôi uống *kisen* nào” như muốn khoe trà mình trồng được.

Tokuheiji ba mươi lăm tuổi nên nói về tuổi tác thì Jūzaburō hơn hẳn một giáp, cả hai đều tuổi Tý. Nói về tài sản thì bên nhà Jūzaburō hơn nhiều nhưng Sugawaraya có vẻ già dặn, lại am hiểu nên khi tiếp xúc với Tokuheiji, lúc nào chàng cũng có cảm giác như được sư phụ truyền dạy, ngược lại với sự chênh lệch tuổi tác.

Jūzaburō chờ đến khi mặt trời lặn, quyết tâm sang nhà Sugawaraya. Bên đó đã có lời mời “qua nhà tôi uống trà” thì hẳn cũng không phải ngại ngần gì. Jūzaburō băng xéo con đường trước nhà, đứng trước cổng nhà Sugawaraya.

“Đó là đêm mùng 5 tháng Ba năm Meiwa¹ 3 (1766) âm lịch.” – Về sau được ghi chép lại như thế.

¹ *Minh Hòa: niên hiệu trong khoảng thời gian 1764 – 1772.*

Trà *kisen* thủ công nhà Sugawaraya quả thật rất ngon. Uống cạn chén trà nhỏ rồi mà hương vị sau đó vẫn thật tuyệt. Mỗi lần uống cạn là ngay lập tức, Sugawaraya lại rót chén khác.

“Được rồi, chút ít thôi.”

“Không, được người ta uống trà mình làm ra là niềm vui của tôi mà.”

“Vậy tôi không khách sáo.”

“Trà năm nay có năm loại. Vị khác nhau một chút.”

Jūzaburō lại uống cạn chén trà.

“Ồ, đúng là khác. Rất ngon. Yoshioka mà trồng được trà như vậy thì cũng là một niềm hãnh diện của phiên ta.”

Mặt Sugawaraya giãn ra.

“Tôi có một tâm niệm bí mật. Với anh thì tôi tiết lộ. Tôi đang định dâng trà này lên nhà *kanpaku*² Kujō ở Kyōto.”

² *Quan bạch: tương đương quan nhiếp chính trong triều.*

“ ... ”

Jūzaburō kinh ngạc. Con người này thật không tầm thường chút nào. Trà Mutsu bị xem thường cũng là vì nơi trồng là một vùng quê xa xôi kinh thành. Nếu vậy, gửi trà đến nhà quan tối cao chốn kinh thành để tạo uy danh là xong chuyện. Chắc chắn người này chỉ nghĩ ra phương pháp giải quyết vấn đề trong khoảnh khắc nhất thời. Thử trí tuệ không nao núng trước thế lực của nhà *kanpaku* lừng danh thiên hạ mà dùng quyền uy đó bình phẩm về trà mình trồng. Phải nói là một cảm giác thích thú đến run người. Hay phải nói là đáng sợ nhỉ?

“Tôi nghĩ không đến mức không thể. Nhưng nếu chỉ có mong ước thôi thì biết bao giờ mới thành. Đời sống con người có hạn. Nếu cứ như vậy, Yoshioka sẽ bị bỏ mặc. Nếu không làm ra đặc sản gì thì không thể sinh sống ở đây. Gửi trà lên kinh để quảng bá ở xứ Mutsu này cũng có thể trồng được loại trà như thế này. Làm vậy cũng có lợi cho làng ta.”

Đúng vậy. Chỉ có mong ước thôi thì tương lai chẳng thay đổi gì cả. Toàn thân Jūzaburō như có một luồng điện chạy qua. Cảm giác đầu óc như chấn động. Chàng nghĩ đến suy nghĩ hạn hẹp, cứ mãi chần chừ của mình. Và chàng bắt đầu nói như vỡ òa.

“Thật ra, tôi đang nghĩ muốn làm gì đó, nên mới đến đây.” “Ồ!”

“Mấy năm gần đây, thiên hạ khốn cùng nhưng cái cách Yoshioka Sancho này suy sụp thật quá sức tồi tệ. Cứ cách năm là nhà trống tăng lên, muốn bán nhà cũng không có người mua. Mà có tiền cũng chẳng ai mua nhà ở Yoshioka. Tôi cứ nghĩ chuyện gì thế này. Anh nghĩ chuyện này là sao?”

“Thật vậy, tôi cũng nghĩ như thế. Nhưng một khi đã nói vậy, hử anh Kokudaya đây đã có suy nghĩ của mình, nói cho tôi nghe được không?”

Tokuheiji cẩn thận dò hỏi. Có vẻ anh ta nghĩ chẳng may lỡ lời gì với bậc bề trên rồi bị hiểu lầm, mặt báo lên thì phiền. Nếu vậy chỉ còn cách tự mình xông lên thôi. Chàng quyết định giải bày.

“Vốn dĩ, làng này từ xưa, đất ruộng đã ít hơn so với số nông dân và ngựa. Có hai trăm hộ nhưng nông dân có ruộng rộng 1 *kan* (8 *tan-bu*) chẳng có mấy người. Người chỉ có nhà mà không có ruộng lại nhiều. Đã vậy, ai cũng làm ăn buôn bán kiếm sống nhưng gần đây, tình hình khó khăn. Tháng họp chợ sáu lần mà lần nào cũng ế ẩm, chưa kể, mấy chuyện khác cũng u ám gì đâu!”

“Đúng vậy. Tôi cũng nghĩ anh Kokudaya đây nói đúng lắm. Nhưng không chỉ có vậy. Đất ruộng đã ít lại còn không được nhận trợ cấp *tenma* như các *shukuba* khác. Thế là gánh nặng *tenma* càng tăng lên. Đã vậy, lãnh chúa Sendai thu nhập không như ý, cho chặt cây rừng gần đó đem bán, thế là cây gỗ cũng dần bị chặt hết. Lại nói vận chuyển những cây này nên trách nhiệm *tenma* càng không thể so sánh với ngày xưa, chẳng phải sao? Khốn khổ trong công việc *tenma*, người ta nghĩ có nhà ở Yoshioka là một thiệt thòi, chẳng còn người ở đây nữa, đó là những sự thật không thể chối cãi.”

Sugawaraya nói những điều đáng kinh ngạc. Jūzaburō nuốt nước bọt cái ực, nhìn quanh. Cửa lửa như thế, lỡ ai nghe thấy thì không hay chút nào. Chuyện dừng chạm đến bề trên mà. Sugawaraya nói rõ ràng lý do thật sự khiến *shukuba* khốn khổ. Đó là vì lãnh chúa.

“Vậy ta phải làm thế nào?”

“Về chuyện đó, trong lòng tôi có một ước nguyện lớn nhưng không tương xứng với thân phận của mình. Nếu làm được việc đó, nơi này sẽ được cứu. Nhưng nói gì thì nói, cần một thứ tiền quyết. Đó là tiền. Nhưng quả thật lực bất tòng tâm nên tôi giữ trong lòng bấy lâu.”

Jūzaburō đột nhiên chồm người lên. “Cần bao nhiêu để cứu nơi này?” “Một ngàn bốn, năm trăm *ryō*.” Sugawaraya buông gọn lỏn.

Jūzaburō thật không tài nào hiểu được một ngàn bốn, năm trăm *ryō* thì làm thế nào để cứu *shukuba* này? Nhưng người như Sugawaraya đã nói thì hẳn có đối sách bí mật nào đó chứ không sai. Jūzaburō thật muốn biết đó là gì.

“Chỉ cần có số tiền đó thì sẽ có cách à?”

“Đúng vậy, có cách. Nhưng trước mắt phải có tiền. Vì là ước nguyện to lớn để đem lại hạnh phúc cho mọi người nên không thể trộm cắp, cướp giết được chứ thật sự tôi rất muốn có tiền.”

“Anh nói là ước nguyện to lớn để đem lại hạnh phúc cho mọi người, tức là mọi người trong *shukuba* sẽ được cứu đúng không? Nếu chỉ cần có số tiền đó mà đem lại sự giàu có cho *shukuba* này thì dù phải hi sinh thân này, tôi cũng sẵn sàng.

Cách đó là gì? Nhiều năm nay tôi đã nghĩ bụng không biết có cách nào để giải quyết chuyện này không. Anh hãy cho tôi biết cách đó là gì đi!”

Những lời nói đó được thốt ra từ miệng Jūzaburō một cách tự nhiên. Bản thân chàng cũng không biết tại sao mình lại hăm hở đến vậy

nhưng tóm lại, chàng đã hỏi suy nghĩ của Sugawaraya như thế cầu cạnh. Chỉ cần một ngàn bốn, năm trăm *ryō* là có thể cứu Yoshioka này. Jūzaburō đã chồm người lên vì lời nói của Tokuheiji. Đột nhiên, chàng cảm thấy như hào quang Phật tử đang tỏa ra trước mặt.

“Không, không có gì ghê gớm đâu...”

Nói rồi, Sugawaraya bắt đầu nói về bí sách tái sinh Yoshioka. Một đối sách đủ gây ấn tượng cho Jūzaburō. “Không gì khác. Đó là bả mấu tạm gửi số tiền đó lên bề trên một thời gian, hàng năm chúng ta nhận lợi tức.”

Suy nghĩ của Sugawaraya thật đáng kinh ngạc. Nếu cứ như vậy, Yoshioka sẽ bị bề trên nghiền chết bằng những trọng trách.

Còn bây giờ ngược lại, đổi thành Yoshioka sẽ cho bề trên mượn một số tiền và hàng năm nhận lãi từ bề trên.

Nghĩa là, từ chỗ bị lấy tiền chuyển thành bên lấy tiền. Tức là không thể cứ bị phiên bóc lột như lâu nay nên Yoshioka sẽ bắt đầu cho phiên Sendai rộng lớn 620.000 *koku* vay tiền với tư cách một làng *shukuba*.

Nhưng, liệu đề nghị như vậy có được bề trên chấp nhận? Về mặt Jūzaburō hiện lên nổi bất an. Tokuheiji sắc sảo nói ngay.

“Chẳng phải bề trên tiền nong cũng đang không như ý sao? Tức là ngài không có tiền. Chúng ta tranh thủ những lúc bề trên cần tiền thật sự như khi Mạc phủ ra lệnh giúp đỡ hay trước khi lên Edo trình diện luân phiên, lúc đó mượn phép tâu lên nguyện vọng đó, chắc chắn người sẽ chịu nhận.”

“Thì ra là vậy.”

Có lẽ đúng vậy. Phiên Sendai không có tiền.

“Vả lại, từ năm ngoái, bề trên đã bắt đầu giúp đỡ các *shukuba* khác với lý do hợp lực. Ngoài lợi tức, có lẽ còn gia tăng ân huệ mà thêm

tiền nữa thì phải. Lợi tức mười phần trăm một năm, đúng với thị trường. Nếu cho bề trên mượn khoảng 1.000 *ryō*, chắc chắn chúng ta sẽ nhận được khoảng 100 *ryō* tiền lời một năm. Và đem số này đi phát cho những nhà làm nhiệm vụ *tenma* ở *shukuba* thì về lâu dài, công việc ở *shukuba* cũng không bị đình trệ. Nếu không quyết chí làm thì sẽ có người chẳng còn cách nào để làm nhiệm vụ của bề trên giao cho mà gia nghiệp sụp đổ mất. Nếu số hộ trong *shukuba* giảm đi nữa thì việc những người còn lại bị đẩy xuống địa ngục nhiệm vụ là chuyện hiển hiện trước mắt. Thật không đành lòng. Tôi nghĩ bằng cách nào đó, chúng ta phải tập hợp được số tiền hơn 1.000 *ryō* để cứu *shukuba* Yoshioka này ra khỏi địa ngục. Thật lòng mà nói, tâm nguyện này không phải nhất thời tôi mới nghĩ ra mà đã từ lâu rồi, nó cứ luẩn quẩn trong đầu tôi nhưng nó là chuyện quá sức tôi. Như tôi nói đấy, sức tôi thật không thể gom được số tiền đó. Tôi tiếc lắm nhưng đành chịu sống như vậy bao năm nay. Nhưng tôi nghĩ thế này. Có câu “có chí thì nên” mà. Không có việc gì mà ta không làm được.

Chỉ là vì nghĩ không thể nên không làm được thôi. Anh đã hỏi như vậy nên tôi cũng nghĩ kỹ rồi. Tôi muốn đời mình phải cứu được Yoshioka bằng kế hoạch này, dù có phải đổi cả mạng sống, tôi cũng muốn thực hiện tâm nguyện này.”

Sức mạnh khẩu khí của Sugawaraya thật không tầm thường. Jūzaburō biết Sugawaraya từ khi còn nhỏ. Chàng chưa từng thấy chàng trai thông minh, lại hiền lành từ lúc mới biết đi này có ánh mắt đáng kinh ngạc và cách nói chuyện hào khí như lần này. Vì vậy, như có một luồng khí lạnh chạy dọc sống lưng, toàn thân Jūzaburō sồn cả gai ốc.

“Đúng vậy rồi, Sugawaraya! Tôi rất ngạc nhiên khi biết anh có tâm nguyện như vậy. Nếu đã nói vậy, tôi cũng sẽ nói cho anh nghe. Thật ra, tôi cũng thấy chỉ mỗi Yoshioka chúng ta không được trợ cấp thì thật vô lý. Tôi cũng đã nghĩ liệu không có cách nào sao, tỉ như dâng tiền, khẩn cầu người rủ lòng từ bi mà cho chúng ta trợ cấp. Nhưng bao năm nay không lo nổi tiền, nên đành im lặng, giấu nó trong lòng.”

Sugawaraya ngạc nhiên ra mặt. Dâng tiền lên bề trên cầu xin lòng từ bi và cho bề trên mượn tiền để lấy lời đúng là khác nhau, nhưng chàng thật không ngờ trong Yoshioka này cũng có người có suy nghĩ giống mình. Jūzaburō nói với Sugawaraya, về quyết chí.

Những lời này được ghi chép kỹ càng trong *Kokuonki* (Quốc Ân kí) lưu truyền tại Yoshioka.

“Đã vậy, một khi anh và tôi cùng chung tâm nguyện rồi thì mình hãy động viên tinh thần lẫn nhau đi. Hãy cùng nhau biến trái tim thành sắt đá, tuyệt đối không từ bỏ tâm nguyện này mà cùng nhau đồng tâm hiệp lực. Chúng ta cùng thề trước thần linh, Phật tổ sẽ hoàn thành nó. Nếu chúng ta biết chờ đợi, sẽ có con đường, chắc chắn cuối cùng sẽ đạt thành. Chỉ một hạt giống nhỏ không chịu chết ngạt trong lòng đất cũng tạo ra cả ngàn cành hoa cơ mà. Trước tiên, hai người chúng ta phải vững tin sẽ làm được việc này.”

“Đúng vậy, anh Kokudaya. Trước tiên chúng ta phải có lòng tin.”

Hai người họ đã ngộ ra. Trái tim con người là hạt giống. Là hạt giống mở ra tương lai rộng lớn vô cùng. Như một hạt giống biến thành rừng cây anh đào nở hoa, chỉ cần có trái tim là chắc chắn sẽ tạo được kỳ tích kinh ngạc. Ngày nay, không những không bảo vệ được dân, quan lại đang trở thành những con người đe dọa dân chúng. Phải bằng cách nào đó mà ra tay thôi.

Tuy vậy, Jūzaburō vẫn cảm thấy lo lắng.

“Cho *daimyō* mượn tiền, liệu số tiền đó có quay lại thật không?” Chàng lo lắng về điểm này. Nhưng câu trả lời của Sugawaraya rất rõ ràng.

“Gì chứ? Không phải cho bề trên mượn trực tiếp. Mà là bề trên sẽ chuyển cho *daimojiya* (đại văn tự ốc) và tiền sẽ luân chuyển ở đó.”

Daimojiya là *kuramoto* (tàng nguyên) của phiên Sendai. Chuyện đó thì Jūzaburō biết.

kuramoto vừa là ngân hàng của *daimyō*, chính là cho mượn tiền nhưng cũng là nơi vận hành tiền bạc của *daimyō*. Nhà Date dùng *daimojiya* này để lưu thông tiền bạc. Cũng nghe nói “về mặt tài chính, *daimojiya* hiểu rõ hơn quan nhân”.

Như Sugawaraya nói, nếu để *daimojiya* lưu thông tiền thì chắc chắn sẽ có lợi tức mười phần trăm một năm.

Không tự mình vận hành số tiền 1.000 *ryō* mà gửi cho *daimojiya* lưu thông như là tiền vốn của phiên để sinh lời chắc chắn.

Đây chính là suy nghĩ kỳ diệu của Sugawaraya. Chàng nghĩ anh ta sao giỏi nghĩ ra kế sách đó.

“Vốn dĩ, nếu ở Yoshioka nghèo nàn này có 1.000 *ryō* đi nữa cũng chẳng có chỗ để lưu thông sinh lời.” Sugawaraya nói.

Chính xác là như thế.

Có 1.000 *ryō* làm vốn trong tay, kiếm được 100 *ryō* mỗi năm. Yoshioka này không có thương nhân nào tài tình đến thế. Nhưng Sendai thì khác. Ở đó có nhiều võ gia, nhà buôn, và cũng có nhiều người sốt ruột muốn mượn tiền.

“Nhu cầu vốn” – thời đại này chưa có từ chuyên ngành kinh tế này. Nếu có đi nữa thì “nhu cầu vốn” sẽ là từ ngữ của giai cấp đặc quyền như *samurai*, quý tộc, thương nhân. Giới *samurai* tiêu thụ bốn mươi phần trăm tổng sản lượng gạo. Nhu cầu vốn của giới *samurai* không nhỏ. Hay như các thương gia Sendai kinh doanh gạo phát lương, rượu, nước tương cũng có nhu cầu vốn lớn. Thời Edo, những người nắm giữ ngành vận tải, sản xuất rượu, người hoạt động tài chính với giới võ sĩ đều giàu có và có nhu cầu về vốn.

Ở đâu cũng vậy, *kuramoto* đều huy động vốn với lãi suất năm là mười phần trăm và cho võ gia vay với lãi suất gần hai mươi phần trăm mỗi năm. Họ lời gần mười phần trăm nên thấy như “gà đẻ trứng vàng” nhưng “không phải ai cũng có thể cho giới võ gia vay tiền” là chuyện bình thường vào thời đại này. Chưa kể, võ gia lại

không trả tiền vay mượn ngay. Hình thức vay mượn cũng khó khăn. Đất đai, nhà cửa của *samurai* đều do lãnh chúa ban phát, không được bán nên không thể thế chấp. Cũng không có trường hợp thương nhân nào tịch thu đất của phiên sĩ không trả được nợ rồi lên làm phiên sĩ cả. Để cho võ gia mượn tiền, cần có thuật nắm được phần gạo lương của võ gia. Ngày thường, phải kết nối với người làm ở *kuramoto* của phiên, lựa thời cơ, trước khi gạo lương được vận chuyển đến nhà của *samurai* thì thu lại phần đã cho vay. Chỉ có những người nắm được đường đi nước bước đó mới có thể cho võ gia vay tiền.

Sugawaraya định xây dựng một cơ chế để cho *kuramoto* lưu thông tiền và Yoshioka sẽ thu tiền từ giới võ gia Sendai. “Tức là người nông dân chúng ta sẽ lấy lại phần lương đã bị lấy đi từ giới *samurai*.”

Có thể nói trong đầu Sugawaraya là kế hoạch xây dựng cơ chế tiền trợ cấp từ bên trên chảy xuống làng Yoshioka quê mùa, nghèo nàn. Jūzaburō không nén nổi vui mừng trước mưu trí đáng sợ đó.

Tuy nhiên, Sugawaraya vẫn còn trẻ. Thành linh Jūzaburō cảm thấy bất an trước kế hoạch quá hoàn hảo đó. Mặc dù nghĩ rằng hơi dư thừa nhưng chàng vẫn cảnh báo: “Anh Sugawaraya này, tôi nhiều chuyện một chút. Chuyện này chỉ có tôi và anh biết thôi đấy nhé. Xin lỗi chứ nếu anh nói với người khác thì sẽ bị cười vào mặt đấy.”

“Đúng là vậy. Có bị nói vậy cũng chịu.”

Sugawaraya bật cười. Đêm đó, hai người cùng nhau cười nói vui vẻ và chào tạm biệt với tinh thần sáng khoái.

Sự thay đổi, trước tiên, xuất hiện thật nhỏ nhoi trong đầu ai đó. Thoạt đầu nó biến mất như những bọt tuyết mùa xuân, sau đó lớn lên đến mức gây ngạc nhiên, thay đổi toàn thể. Nếu điều đó là bóng dáng thường xuyên của lịch sử thì có thể gọi cuộc trò chuyện của hai người đêm ấy là *sự thay đổi*.

Có thể đó là một suy nghĩ vĩ đại.

“Nếu cứ như vậy, tiền công hàng năm cứ bị cắt xén bớt mà thôi. Chúng ta sẽ bị các *samurai* bóc lột đến tận xương tủy. Ngược lại mới đúng, thường dân chúng ta phải lấy tiền từ bề trên.”

Trong cái đêm đáng ghi nhớ, ngày 5 tháng Ba năm Meiwa 3 đó, Kokudaya Jūzaburō và Sugawaraya Tokuheiji đã nói với nhau như thế.

Họ âm thầm chiêu mộ những người cùng chí hướng, gom góp số tiền 1.000 *ryō* để cho lãnh chúa phiên Sendai 620.000 *oku* mượn, hàng năm thu lợi tức 100*ryō* để phát cho dân làng. Và như vậy, Yoshioka sẽ được cứu thoát khỏi cảnh khốn cùng.

Tức là không gì khác ngoài việc “dân làng Yoshioka cho lãnh chúa mượn tiền và thu lại tiền từ lãnh chúa”.

Có thể nói, đương thời, đây là một tư tưởng nguy hiểm và nếu dân làng không quan tâm đến câu chuyện này thì xem như thất bại.

Vì vậy, Jūzaburō tiến hành kế hoạch này một cách thận trọng như đang đi trên lớp nước đá mỏng tang.

Vào thời Edo, bè đảng bị ghét như rắn độc. Nếu không được phép của bề trên mà ba người trở lên tụ họp lại nói chuyện chính trị thì sẽ bị xem là đồ đảng, tương đương hành vi mưu phản.

Nền hòa bình ba trăm năm của Tokugawa có được là do từ *daimyō* đến dân chúng đều dưới quyền cai trị của tướng quân và cả việc kết nối nhau lên kế hoạch làm gì cũng bị cấm triệt để. Thời Edo, từ “đảng” có âm hưởng gần như ác sự.

Ba trăm năm, những người dân đã được cai trị không được kết bè kết đảng, nay bước vào thời Meiji¹, họ không thể nào lý giải nổi nền chính trị với đảng chính thống cũng là chuyện đương nhiên. Và điều đó đã khiến nền chính trị của đất nước này tơi tả đến tận sau này.

¹ Minh Trị: niên hiệu trong khoảng thời gian 1868 – 1912. Đây cũng là khoảng thời gian diễn ra công cuộc Meiji Ishin (Minh Trị Duy tân).

Tóm lại, với người Edo, một đoàn thể kết nối chỉ là “ngôi làng” họ sinh ra, hay nếu không phải vậy thì là “buổi giảng đạo” cúng bái thần Phật mà thôi.

Lên kế hoạch liên quan đến chính trị, tập hợp mọi người này nợ sẽ là những hành vi tương đương mưu phản hay khởi nghĩa, điều đó nguy hiểm không sao đo lường được.

Jūzaburō biết điều đó. Nhưng chàng không thể điềm tĩnh được như Tokuheiji.

“Anh Jūzaburō, tôi biết anh rất nóng lòng, dù chỉ một khắc cũng muốn sớm đưa thỉnh nguyện cho mượn tiền lên bề trên để cứu Yoshioka nhưng phải chọn thời điểm thích hợp...”

Khi bị nhà thông thái Tokuheiji nhắc nhở như vậy, chàng đã bức tức thật sự. Nghĩ lại, từ khi được nghe Tokuheiji nói về kế hoạch này, đã gần nửa năm trôi qua. Bấy lâu, họ đã nhiều lần tổ chức họp bàn chỉ hai người với nhau nhưng vì thấy không tiến triển gì nếu cứ như vậy mãi, chàng giục Tokuheiji.

“Anh Sugawaraya này, vậy tôi hỏi anh. Tóm lại khi nào thì cái thời điểm thích hợp đó đến?”

“Đó là khi bề trên thiếu tiền chứ gì nữa.”

“Nếu vậy, chẳng phải ngay bây giờ cũng được sao? Nếu là lãnh chúa Sendai thì lúc nào chẳng thiếu tiền.”

“Không, nếu vậy thì không đúng. *daimyō* thoạt nhìn tưởng thiếu tiền nhưng thật sự không khó khăn gì. Anh thử nghĩ xem. Không có *daimyō* nào bị sụp đổ vì tiền nợ cả. Thứ đáng sợ nhất đối với các *daimyō* là khi bị Mạc phủ ra lệnh làm nhiệm vụ bất thành lĩnh, không kịp có kế hoạch điều động tiền và không hoàn thành nhiệm vụ.”

“Đúng là nếu không hoàn thành nhiệm vụ Mạc phủ giao phó thì sự nghiệp *daimyō* cũng tan tành. Và chịu ô nhục với toàn thiên hạ.”

“Đúng vậy. Nói có hơi trắng trợn chứ ở đó có kẻ hở để chúng ta chen vào. Bây giờ anh cứ quan sát. Sẽ đến lúc lãnh chúa Sendai nhận lệnh tướng quân mà rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan cho xem. Đó là lúc chúng ta hành động.”

Jūzaburō chỉ biết nghĩ bụng “thì ra là vậy”.

Những lúc bình thường, có nói gì với phiên cũng vô ích. Nhưng khi phiên bị Mạc phủ dồn ép quá sức, phiên chủ sẽ gặp khó khăn vì thiếu tiền thì nhân cơ hội đó mà tâu lên: “Mạc phép bề trên, đây là số tiền 1.000 *ryō* làng Yoshioka gom góp được. Chúng dân cho ngài mượn, chỉ xin lấy tiền lãi 100 *ryō* mỗi năm.” Lúc đó, chắc chắn phiên chủ chỉ còn cách chấp nhận.

“Chẳng phải có câu “người sắp chết đuối cả cọng rơm cũng chụp” sao? *daimyō* cũng vậy thôi.”

Tokuheiji nói vậy rồi cười.

Cơ hội đó đã đến sớm thật bất ngờ. Không, phải nói là quá sớm. Tháng Tám năm Meiwa 3 (1766). Khắp Yoshioka rộ lên một lời đồn.

Mạc phủ có lệnh cho lãnh chúa Sendai giúp đỡ công trình xây dựng sông ngòi vùng Kantō¹. Và trách nhiệm của phiên Sendai được giao cho bách tính trong phiên. Đương nhiên, dân chúng lấy làm bất mãn. Nhưng với Jūzaburō, cơ hội tuyệt hảo chờ đợi bấy lâu đã đến. Chẳng thể đè nén sự phấn khích đang trỗi dậy, vội vã chạy đến nhà Sugawaraya. Chẳng muốn báo tin tốt lành này càng sớm càng tốt.

¹ *Quan Đông: chỉ các địa phương phía Đông Nhật Bản, bao gồm cả Edo (Tōkyō ngày nay).*

“Anh Sugawaraya, cuối cùng rồi nó cũng đến. Đã có lệnh cho lãnh chúa đi giúp xây dựng.”

Nhưng thật bất ngờ, mặt Sugawaraya bỗng u ám.

“Không, rắc rối rồi. Thật không ngờ cơ hội lại đến sớm quá. Ngay bây giờ làm sao hai người chúng ta xoay cho được số tiền lớn chứ.”

“Đúng là vậy, nhưng dù gì cũng là cơ hội nên...”

“Anh Jūzaburō, để phiên chấp nhận đề nghị này mà cứu Yoshioka thì số tiền nhỏ là không thể nào. Ít nhất phải có 1.000 *ryō*, nếu không chẳng thể làm gì hơn. Ngay bây giờ, liệu chúng ta có được số tiền đó không?”

“Nhưng, nếu chúng ta tập hợp mọi người...”

“Đúng, phải gia tăng số người cùng chí hướng. Nhưng những chuyện như thế này, phải thận trọng, không thì gặp rắc rối to đấy.”

Đúng là vậy. Bây giờ phiên đang ép buộc nhiệm vụ xuống cho người dân trong phiên. Phiên rất lo sợ bất mãn của người dân sẽ bộc phát nên rất cảnh giác với việc tụ tập, khởi nghĩa. Nếu bây giờ làm gì không khéo mà bị mật báo lên trên thì phải chịu cảnh lao tù. Và như vậy, sẽ mất cả chì lẫn chài.

“Bây giờ tôi không nghĩ ra được cách gì ngoài việc cầu khẩn thần Phật.”

Một khi người như Sugawaraya đã nói vậy, Jūzaburō chẳng thể làm gì khác.

Từ hôm đó, Jūzaburō quyết định. Trước tiên, chàng quyết không đi tắm. Làng Yoshioka có nhà tắm công cộng, chàng đã từng rất thích ngâm ở đó cho toát mồ hôi vào những ngày nóng nực. Nhưng nay chàng không làm vậy mà chuyển sang *mizugori*¹. Sugawaraya cũng làm vậy nên chàng rất vui.

¹ *Tắm nước lạnh để thanh tẩy khi khẩn cầu thần Phật điều gì đó. Còn gọi là “hành thủy”.*

Trong *Kokuonki* có viết thế này:

“Cuối cùng, họ không đi tắm ở nhà tắm công cộng quen thuộc. Sáng chiều, họ hành thủy tuyệt thực, cầu nguyện.”

Cứ như thế, họ cắt giảm tiền đi nhà tắm công cộng, lại tuyệt thực, bắt đầu để dành tiền.

“Họ đang cầu nguyện gì vậy nhỉ?” – Những người xung quanh bắt đầu thắc mắc. Nếu thanh tẩy *mizugori* thì hẳn có sự tình gì mới cầu nguyện – họ nghĩ vậy cũng là chuyện đương nhiên. Nhưng hai người đàn ông ấy không thể thổ lộ đang định làm một việc vô cùng to tát với đối phương là bề trên. Họ chỉ biết im lặng, tiếp tục niệm Phật khẩn thần. Sau này, việc đó tạo ra một tác dụng bất ngờ nhưng cho đến lúc này, họ chẳng nghĩ gì, chỉ chuyên tâm hành thủy, cầu khẩn thần linh, chư Phật.

Nhưng đã xảy ra một chuyện phiền toái.

“Kokudaya Jūzaburō với Sugawaraya Tokuheiji không giỡn chơi được đâu. Ngày nào cũng tắm nước lạnh, chuyên tâm cầu khẩn như thế thì đổ bệnh mất.” Tiếng đồn lan khắp *shukuba*, khiến mọi người trở nên nghi hoặc.

Sugawaraya quả thật nhậy bén. Chàng nói: “Nếu kế hoạch bại lộ thì thật không hay. Thay vì vậy, có lẽ nên bàn bạc với ngài Chisaka.” Và đó là một quyết định trọng đại.

Ngài Chisaka tức là nhà Chisaka, quan *ōkimoiri* (đại can tiên) quản lý quận Kurokawa ở Yoshioka.

Ở phiên khác, *ōkimoiri* được gọi là *ōjōya* (đại trang ốc), người có chức tước cao nhất làng được chọn ra từ bách tính. Nhà Chisaka đã nhiều đời phụ trách chức quan *ōkimoiri* này ở Yoshioka, nay do Chisaka Chūnai, một thanh niên mới ba mươi tuổi nắm giữ. Nhân tiện, nhắc lại là ở phiên Sendai, *shōya* (trang ốc) hay *myōshu* (danh chủ) đều được gọi là *kimoiri* (can tiên).

Trong số dân làng, *ōkimoiri* là người có vị trí gần với bề trên nhất. Có thể nói đó là thủ hạ của bề trên. Nay Sugawaraya nói “trình bày

tất cả về kế hoạch này” cho một người hoàn toàn xa cách như thế.

“Thật không đây?” – Chàng đã nghĩ vậy, nhưng:

“Anh Kokudaya này, anh thử nghĩ kỹ xem, nếu không nói cho *ōkimoiri* nghe, liệu tâm nguyện to lớn này có thành hiện thực không?”

Đúng là vậy. Đúng như Sugawaraya nói, nếu *ōkimoiri* không chấp nhận, kế hoạch này không thể tiến được bước nào cả. Chàng hiểu điều đó.

Chính *ōkimoiri* mới là chỗ quan trọng trong hành chính, là nơi kết nối duy nhất với phiên. Khi không thông qua *ōkimoiri*, gọi là *otsuso* (việt tố). Tức qua mặt *ōkimoiri* mà bẩm báo trực tiếp với lãnh chúa và quan lại trong phiên thì có thể là trọng tội, thậm chí là tội chết. Nếu không theo đúng trình tự, ước muốn sẽ không thành, vì vậy trước tiên phải qua được cửa ải *ōkimoiri* mới có thể tiến lên phía trước, đó là điều quá rõ ràng. *Okimoiri* quan trọng như vậy đấy.

Sự kỳ quặc trong chính quyền võ sĩ thời Tokugawa là chính trị dân sự hầu như phó thác cho người dân trong phiên. Với ý nghĩa đó, có thể nói thời Tokugawa là thời đại “tự trị” lạ lùng. Nhà *daimyō* (phiên) vốn thuộc quân đội, không phải là tổ chức dành cho chính trị dân sự. Tuy cũng có cách cai trị trực tiếp bằng cách gửi võ sĩ đến các vùng nông thôn làm *shōya* nhưng, nếu quan sát các phiên như Satsuma sẽ thấy phương pháp đó không được áp dụng. Nếu làm như thế, người ta dự đoán bách tính sẽ chống đối. Với chính quyền võ sĩ, chỉ cần nộp thuế cho họ là đủ. Đó là phong cách của đất nước này, trước hết là của thời Tokugawa. Hình thức thỏa hiệp được hình thành giữa hai bên chính quyền võ sĩ và nông dân là hai chế độ *f* (thôn thỉnh) và *shōya* (trang ốc). Đó là chế độ chọn người trong làng có thể lực, đảm nhiệm chức *shōya*, chịu trách nhiệm thu thuế và công việc hành chính theo đơn vị làng. Dưới chế độ này, trên *shōya* còn có *ōjōya* với khoảng mười mấy làng, nên *ōkimoiri* trở thành người có quyền lực lớn nhất trong thôn làng ở *ōjōya* và phiên Sendai.

Trên *ōkimoiri* có chức quan *kōribugyō* (quận tổng hành) và *daikan* (đại quan) do võ sĩ đảm nhiệm nhưng công việc thực tế thì *ōkimoiri* và *kimoiri* xử lý tất cả mọi việc.

“Hãy điều tra dân số trong vùng” – nếu có lệnh như vậy thì người làm sổ hộ tịch và đếm nhân khẩu chính là *ōkimoiri* và *kimoiri*. *kōribugyō* và *daikan* chẳng chút động đậy, chỉ việc ngồi trên cao chờ nghe báo cáo.

Tất cả hành chính dân sự của quận Kurokawa ở Yoshioka cũng do Chisaka Chūnai là *ōkimoiri* phụ trách. Do đó, rõ ràng là trường hợp nhóm Jūzaburō có muốn làm gì đó, nếu ngài Chisaka không đồng ý thì chẳng thể tiến hành.

Ở Yoshioka, người ta nói “không có ai tử tế bằng ngài Chisaka”. Vì sự tử tế đó mà khi có thiên tai, nhà Chisaka suýt chút phá sản. Người ta gọi “nhà Chisaka mua thuốc” có nghĩa nhà này thường mua thuốc phát cho người bệnh nghèo khó. Cha của Chisaka thời trẻ là một người nổi tiếng nốc rượu như hũ chìm. Bà mẹ tức giận mắng: “Người nghèo không có tiền mua rượu. Còn con thì chỉ biết uống rượu mà thôi.” Thế là, kỳ lạ thay, người con thay đổi hẳn, bỏ rượu mà lạ lòng nữa là bắt đầu mua thuốc phát cho dân nghèo. Nhà nào không có tiền làm đám tang, anh ta cũng chi trả cho, người nghèo không có tiền làm đám cưới, anh ta cũng cho không. Cuối cùng, khi làng khốn khổ vì hạn hán, anh ta trút hết gia sản để đào kênh, dẫn nước khiến gia cảnh rơi vào nghèo khó, suýt bị bãi chức *ōkimoiri*. Nhưng dân làng không quên ơn anh ta.

“Ngài Chisaka mà không làm *ōkimoiri* nữa thì chúng tôi sẽ vất vả lắm.” Họ đóng góp mỗi nhà chút ít tiền, thu xếp trả các khoản nợ của nhà Chisaka. Nay đã đến đời con, cháu nhưng đương nhiên, nhà Chisaka vẫn được dân làng kính trọng hết mực.

Chisaka Chūnai bây giờ cũng được biết là người nhân đức. Trong Yoshioka, ai cũng biết rõ chuyện dạo gần đây, sức khỏe người cha già có phần sút kém, không còn minh mẫn, hay đi lang thang thơ thẩn khiến cả nhà rất vất vả nhưng hai vợ chồng không phò mặc cho người làm mà tự tay chăm sóc.

“Ngài Chisaka bận việc công, không thể thường xuyên theo bên người cha già hay đi lang thang nên phải cho người hầu đi theo. Nhưng đến chiều, nếu cha chưa về đến là ngài lo lắng ra đến tận cửa để chờ. Nếu guốc dép cha bẩn, ngài tự tay lau cho sạch.”

Chuyện này, trong làng Yoshioka, không ai không biết. Cả Jūzaburō và Tokuheiji đều nghĩ nếu là *ōkimoiri* bình thường, họ sẽ không bàn bạc nhưng với Chisaka Chūnai thì họ mạnh dạn nghĩ “chúng ta nói chuyện thử xem sao”.

Lối ra vào nhà *ōkimoiri* quả thật khác biệt. Để tránh con mắt dòm ngó của mọi người, một tối, hai người họ tìm đến nhà Chisaka Chūnai và thổ lộ tất cả về kế hoạch cứu làng Yoshioka.

Trong bóng tối, Chūnai tuyệt đối giữ im lặng, lắng nghe. Trong ánh sáng leo lét của chiếc đèn lồng, Tokuheiji trình bày chi tiết về kế hoạch, không nghỉ. Sau khi chàng nói xong, bầu không khí tĩnh lặng bao trùm cả ba người kéo dài một cách đáng sợ.

Cả Jūzaburō và Tokuheiji nín thở chờ lời nói sẽ được phát ra từ con người đầy quyền uy ngồi trước mặt. Nhưng Chūnai không nói lời nào dù đã được cho nghe một chuyện trọng đại.

Vào đúng khoảnh khắc họ vừa nghĩ “thôi xong!” thì Chūnai mấp máy cặp môi dày. Nhìn kỹ, nước mắt đang trào ra từ hai khóe mắt Chūnai.

“Dạo gần đây, có rất nhiều người tìm đến ta nhờ cậy. Nhưng hết thấy đều là những người đến vì lợi ích của riêng mình. Người hứa dâng lên số tiền lớn thì đại khái, thay vào đó là muốn được lên cấp bậc võ sĩ, thay đổi thân phận. Nghe hai người nói sẽ dâng số tiền lớn lên bề trên, thoát đầu ta đã nghĩ cũng lại là những chuyện như vậy nhưng nghe kỹ mới thấy khác biệt một trời một vực. Hóa ra hôm nay hai người đến đây vì nghĩ đến những người không thể sinh sống ở Yoshioka này và mong muốn làm gì đó cho họ. Ước nguyện của hai người, Chisaka Chūnai này rất hiểu. Liệu có việc nào tốt đẹp hơn việc này không? Vì vậy, ta muốn nhờ hai người một việc. Kể từ

đêm nay, hãy thêm ta vào số người cùng chí hướng cho kế hoạch này, có được không?”

Chūnai nói, toàn thân run lên vì xúc động. Và như thế, số người cùng chí hướng trong kế hoạch cứu Yoshioka tăng thành ba người.

Việc *ōkimoiri* Chisaka Chūnai tham gia có ý nghĩa rất lớn. Đến gần con dốc thứ năm mươi của cuộc đời, Jūzaburō mới hiểu *ōkimoiri* gánh vác vai trò to lớn như thế nào.

“Phiên Sendai, mọi việc trong quận đều giao cho *ōkimoiri*” – việc này được cả các phiên lân cận biết đến rộng rãi.

Phiên Sendai quá rộng lớn. Có đến mười hai quận. Việc cai quản không thể nào sâu sát được. Như nhiều phiên thời Edo, từ đầu, phiên Sendai cũng không dùng phương pháp cai trị trực tiếp bằng bàn tay võ sĩ mà giao việc các địa phương cho *ōkimoiri*.

Đáng ngạc nhiên là cho đến thời kỳ cuối Mạc phủ, nhà Date phiên Sendai cũng chỉ có bốn quan *kōribugyō*. Thay vào đó, có khoảng ba mươi *daikan*, mỗi quận có một, hai *daikan* chịu trách nhiệm hành chính nhưng thực tế, vận hành mọi việc là *ōkimoiri*. Trước tiên, nếu không thuyết phục được vị trí quan trọng này thì kế hoạch không thể tiến hành là một sự thật rõ ràng. Và Jūzaburō, Tokuheiji đã thành công.

Nhưng điều này cũng chỉ như mới đi được một phần mười đoạn đường lên đỉnh núi, không hơn không kém.

Jūzaburō từng thử hỏi Sugawaraya:

“Anh nói chúng ta cho phiên mượn 1.000 *ryō* để lấy lãi, phục hưng Yoshioka này. Nhưng nếu định làm một việc quy mô như vậy, liệu có cần xin phép ai đó không? Lẽ nào có chuyện xin phép trực tiếp lãnh chúa?”

“Đúng vậy. Không cần sự đồng ý từ trước của lãnh chúa. Ở nhà Date, có sáu *bugyō* lo chính sự. Chỉ cần xin được phép của nhóm

bugyō này.”

“Phải cần xin phép những sáu vị *bugyō*, anh định làm thế nào?”

“Không, nói sáu người nhưng thật ra chỉ một người thôi. Nhà võ gia vốn không muốn dính dáng đến việc dân chính. Họ thích mấy việc liên quan đến võ bị, thiền viện, chùa chiền hơn. Cho nên những chuyện tính toán tiền bạc, hay công việc liên quan đến địa phương được xem là ti tiện, thấp kém nên chỉ có một *bugyō* gọi là *zaiyō-kata-torikiri* (tài dụng phương thủ thiết) lo thôi.”

“Ồ, vậy vị *bugyō* gọi là *zaiyō-kata-torikiri* đó sẽ là người quyết định có chấp nhận nguyện vọng của chúng ta hay không?”

“Không, không phải vậy.” “...”

“*Bugyō* có địa vị quá cao, nghe đâu còn không tự mình đi chợ nữa cơ mà. Cho nên còn có một người phụ trách công việc thực sự gọi là *shutsunyū zukasa* (xuất nhập ti) sẽ quyết định.”

“*shutsunyū zukasa* oai lắm à?”

“Oai. Trên *ōkimoiri* Chisaka là ngài *daikan*, trên đó có *kōribugyō*, rồi trên nữa là *shutsunyū zukasa* và các ngài *bugyō*. Những tiện dân thấp kém như chúng ta không thể đến gần được. *shutsunyū zukasa* là ngài Kayaba Moku.”

“Vậy ai mới có thể đến gần *shutsunyū zukasa* được?”

“Ừm, cả ngài Chisaka cũng không mong được diện kiến. Người có thể gặp chỉ là *daikan*.”

Jūzaburō thấy sao mà xa xôi, diệu vợi. Bọn họ còn chưa có cách gom được 1.000 *ryō*. Giả sử có gom được 1.000 *ryō* đi nữa, nào thương lượng với quan trên cầm số tiền này để xây dựng chế độ đặc biệt cấp lãi cho Yoshioka này nọ, còn quá cả mơ. Cho dù là một kế hoạch vì người trong thiên hạ, cho dù đã vứt bỏ lợi ích, tham vọng riêng tư bao nhiêu đi nữa, nhưng các quan lại bề trên trong

phiên vốn rất ghét những gì chưa có tiền lệ. Trước mặt làng Yoshika là dãy núi bảy cánh rừng đen thẫm. Và việc họ lôi kéo quan lại trong phiên tham gia kế hoạch khó như đào đường xuyên dãy núi đó vậy.

Cả Jūzaburō cũng chẳng dám nói cho con cái trong nhà về kế hoạch này. Người con trai tên Otoemon. Chàng có chút khoảng cách với con trai, chưa lần nào trút hết ruột gan nói chuyện với nhau. Otoemon không phải là con ruột của Jūzaburō. Otoemon là yashinai-katoku (dưỡng gia độc) vốn đang thịnh hành trong giới thương gia lúc bấy giờ. Nói đơn giản là con nuôi để kế nghiệp kinh doanh nên mới đến với nhà Kokudaya mà thôi. Tính tình siêng năng, đầu óc thông minh nhưng chỉ trò chuyện về công việc với Jūzaburō, nghĩ lại, giữa họ chưa từng nói chuyện gì cho ra chuyện. Cũng không phải là bất hòa hay không hợp gì. Cho đến nay, mối quan hệ của hai người chỉ là cùng nhau chu toàn công việc, không nói những chuyện không cần thiết.

Kokudaya có họ là Takahira. Không phải là họ được phiên chính thức công nhận, mà chỉ xưng với nhau như “họ ả” nên không được điền vào giấy tờ việc công, chỉ ký tên “Takahira Otoemon” như *samurai*. Ở Yoshioka, nhà buôn bán chút đỉnh, ai cũng có “họ ả” như thế. Thời trẻ, Jūzaburō cũng vào nhà Kokudaya – Takahira – với tư cách yashinai-katoku. Nghĩ lại thì thân phận chẳng khác nào Otoemon.

Hàng ngày, Jūzaburō cùng Otoemon – người con không cùng chung dòng máu, đứng cạnh nhau trước bài vị của tổ tiên để thắp hương, cùng nhau chấp tay cầu nguyện cho sự an bình của nhà Kokudaya.

Nay, việc Jūzaburō định làm là một việc không tưởng, nếu nghĩ trên phương diện nhà Kokudaya. Đó là hành vi đừng nói là đem lại an bình cho gia tộc mà còn có thể nguy hại đến tính mạng. Nếu thành công, có thể Yoshioka sẽ phục hồi, nhưng Kokudaya sẽ phá sản nếu làm không tốt. Một Otoemon chăm chỉ làm việc thế này sẽ nghĩ gì khi biết chuyện này? Cứ nghĩ đến là Jūzaburō không sao an lòng. Nhưng nếu không xây nền móng dưới chân cho vững chắc, kế hoạch này không thể tiến triển.

Một ngày tháng Năm năm Meiwa 5 (1768), Jūzaburō thỉnh thoảng gọi Otoemon.

“Otoemon! Bây giờ ta chuẩn bị đi gặp ngài Jūbei, con đi chung với ta.”

“Có chuyện gì không ạ?” “Đi rồi biết. Mau đến đây.”

Otoemon chỉ còn cách đi theo. Ngài Jūbei là Jūbei nhà Kokudaya, cùng là đồng tộc gây dựng thương hiệu. Khi vào đến nhà Kokudaya Jūbei cùng người con trai Otoemon, Jūzaburō bắt đầu nói như tuôn trào bao điều chất chứa bấy lâu. Chàng vội vàng kể về kế hoạch cùng với Sugawaraya định gom góp 1.000 ryō để cho phiên mượn lấy lãi, việc được cả *ōkimoi* đồng tâm, nhưng tiền chưa lo đủ, chàng đang cố gắng hết mình với tinh thần hi sinh cả gia nghiệp Kokudaya.

Jūbei im lặng lắng nghe. Otoemon cũng lặng thinh. Tuy là chuyện không tưởng nhưng cũng có thể là sự mạnh mẽ của con người có chính khí. Khuôn mặt Jūzaburō đang ra sức trình bày không gọn chút phân vân, lưỡng lự mà lại có một sức hấp dẫn kỳ lạ. Hai người họ im lặng lắng nghe câu chuyện có thể khiến số phận của họ thay đổi, nhuộm trong tro xám.

Và khi Jūzaburō kết thúc toàn bộ câu chuyện, thêm vào đó, một sự việc không thể nào tin được đã xảy ra. Jūbei lên tiếng: “Anh Jūzaburō, anh thật đáng ngưỡng mộ. Tôi nghĩ nguyện vọng đó thật không thể nào. Nhưng người ta có nói muốn là được mà phải không? Cứ làm thử đi. Tôi nghĩ thần Phật sẽ phù hộ cho những việc làm tốt đẹp. Các anh không đến nhà tắm công cộng nữa mà *mizugori* là vì chuyện này đúng không?”

Quyết không bỏ cuộc, không nản chí mà chờ thời cơ. Hãy cho ta cùng tham gia với các anh có được không?”

Jūzaburō bật khóc nức nở, nắm tay Jūbei siết chặt. Sau đó, quay sang Otoemon nói với thái độ cực kỳ nghiêm trọng: “Ta đã gần năm mươi. Khó có thể đạt được chí nguyện này khi còn sống. Nếu ta

chết mà việc chưa thành, con hãy thay ta cùng đồng tâm hiệp lực với mọi người để hoàn thành đại nguyện này. Cho dù thân ta chết đi, dù phân hủy hay tan rã thì linh hồn ta sẽ luôn bên con, nhất định đạt thành tâm nguyện.”

“Lần đầu tiên con được nghe tâm sự của cha. Cha đã lao tâm khổ tứ như thế. Thật là một ý chí đáng ngưỡng mộ. Việc cha nói, không đợi sau khi cha mất đi mà bây giờ khi cha còn sống, con sẽ không chút lơ là.”

Nào ngờ Otoemon cũng nói như thế, bắt đầu dốc lòng cho kế hoạch này còn hơn cả Jūzaburō.

Mối quan hệ cha con xa cách lâu nay bây giờ được gắn kết chặt chẽ như cha con thật sự, mà không, còn hơn thế. Người trong nhà và hàng xóm lân cận không biết chuyện đó nên khi thấy sự thay đổi rõ rệt giữa hai người họ đều lấy làm thắc mắc: “Nhà Kokudaya có chuyện gì ấy nhỉ?”

Jūzaburō và Tokuheiji bắt đầu bước vào giai đoạn hoàn thiện nền móng để hoàn thành “kế hoạch”.

Như đã nói, ở phiên Sendai, người ta gọi *shōya* là *kimoiri*. Dân số Nhật Bản thời Edo khoảng ba mươi triệu người, với sáu triệu hộ dân. Cả nước Nhật có khoảng 50.000 ngôi làng, bình thường có một *shōya*, hơn nữa, có trường hợp một làng nhiều lãnh chủ, hay ở những làng lớn thì có vài *shōya*. Nếu tính cả gia đình *shōya* thì trên dưới 500.000 *shōya*, tức trong số bách tính, cứ chừng 50 người là có 1 người là *shōya*.

Gia đình *samurai* khoảng một triệu rưỡi người, nhiều hơn hẳn *shōya*. Nhưng những võ sĩ này thời bình chẳng giúp ích được gì. Chiến đấu là nhiệm vụ chính của *samurai* nên người phụ trách hành chính trong dân chúng ít ỏi, dân chúng cả nước Nhật do 500.000 *shōya* chăm lo. Với ý nghĩa đó, rõ ràng, các *shōya* là người cai quản đất nước này. *shōya* (*kimoiri*) có trọng trách như vậy đấy. Chưa kể, về điểm “tri thức” thì *shōya* là báu vật của đất nước này.

Cuối thời Mạc phủ, khi Nhật Bản như bưng tỉnh thì người “có học” rất ít. Người có học có nghĩa gần như là người có thể đọc viết Hán văn, viết ra suy nghĩ của mình thành câu cú, nhưng dân số có thể làm được chuyện này lại ít không ngờ.

Samurai chừng một triệu rưỡi người, *shōya* chừng 500.000 người, ngoài ra thêm vào chưa đến mười phần trăm số thần quan, tăng lữ là số dân biết đọc biết viết cao quý đi nữa thì tóm lại, 500.000 *shōya* ở các vùng quê, nông thôn chính là người tổ chức văn hóa. Đối với bách tính trong làng, *shōya* là quan lại hành chính, là thầy, là người có văn hóa, thậm chí là cơ quan truyền thông loan báo các thông tin trong xã hội. Nếu không có “những người tri thức” này cắm rễ ở các vùng đất thì sẽ không giữ được quốc gia.

500.000 *shōya* – nếu những con người này không có tri thức, chắc chắn đất nước này sẽ bị thảm biết dường nào.

Tóm lại, *kimoiri* là một trọng trách nặng nề. Việc chính sự là do *ōkimoiri* Chisaka nhưng gì thì gì phải lôi kéo được *kimoiri* trong làng về cùng phe thì kế hoạch của nhóm Jūzaburō mới có thể tiến lên trước được.

“Cũng sắp đến lúc phải trình bày với *kimoiri* Ikuemon. Chúng ta đã đến chỗ ngài *kimoiri* Chisaka trước, vậy không biết nói sao với ngài ấy đây?”

Khi Jūzaburō hỏi như vậy, Sugawaraya trả lời: “Gì chứ? Không cần lo lắng đâu. *kimoiri* đó là người đàn ông khảng khái. Chỉ cần ngài *ōkimoiri* chấp nhận, thì sẽ theo thôi. Nếu cùng mọi người thì chuyện gì cũng làm theo. Tính người đó là vậy. Tuy nhiên, không được nhượng bộ để chịu lùi một việc nào đó. Thay vì dùng lý lẽ thì nên trao nhau chén rượu, nói chuyện tình cảm tốt hơn.”

“Đúng vậy. Nói đúng ra đó là người có tình cảm.”

“Tôi muốn mời ngài ấy uống rượu. Thết đãi chỗ nào thì được nhỉ?”

“Có đấy. Ở Asanoya, nhà cha mẹ ruột tôi.”

Jūzaburō nhớ đến loại rượu dùng để thết đãi ở chỗ Asanoya Jinnai, nhà cha mẹ ruột của mình. *kimoiri* Ikuemon rất thích uống rượu. Chưa kể, là chỗ bà con của Jūzaburō. Họ của Ikuemon là Endō, một nhánh phân gia của nhà cha mẹ ruột Jūzaburō, Asanoya. Dòng họ Endō có bản gia là Asanoya cũng là một “danh môn” ở *shukuba* này. Quan trấn thủ Endō Izumi là tổ tiên của dòng họ này.

Có hẳn một ngôi mộ đá ở chùa cữu phẩm trong phố, khắc dòng chữ “Endō Izumi” rất uy nghiêm. Cũng vì vậy mà họ rất được kính trọng: “Thì ra tổ tiên nhà Asanoya là *daimyō*!”

Vốn dĩ, Ikuemon được lãnh chức *kimoiri* cũng là nhờ nguồn gốc phân gia của nhà Asanoya. Nếu từ sự tình như vậy thì Ikuemon hẳn sẽ rất biết ơn nhà Asanoya và có ý thức với việc cùng chung gia tộc với Jūzaburō. Phải dùng đến cách này thôi.

Họ tính toán sẽ mời *kimoiri* đến nhà Asanoya, mời rượu thết đãi rồi bày tỏ tâm tình.

Tài lực nhà cha mẹ ruột của Jūzaburō, Asanoya đặc biệt nổi bật trong vùng Yoshioka này. Không những có một căn nhà rộng lớn trên đại lộ mà còn cả dãy nhà xưởng sản xuất rượu trái dài. Asanoya cùng lúc sở hữu ba thương hiệu rượu nổi tiếng, không nhà sản xuất rượu nào trong vùng lân cận hơn được. Rượu thết đãi của họ nức tiếng xa xỉ thượng hạng.

“Mời anh đến làm chung rượu.” – Trao đổi với nhà cha mẹ ruột rồi, Jūzaburō ngỏ lời mời Ikuemon. Ikuemon vui mừng đến. Đã đến rồi thì chỉ có uống rượu. Đúng như tính toán của Sugawaraya, Ikuemon say bí tỉ. Nhưng gần đến tàn cuộc, họ vẫn chưa thể đề cập đến vấn đề chính với *kimoiri* này. Xung quanh đông đúc người, không thể nào nói chuyện trong bí mật.

Khi Jūzaburō không thể kiềm chế được nữa, hướng về Ikuemon với vẻ quyết định dứt khoát, thì Sugawaraya đưa mắt ra hiệu ngăn lại.

Họ cứ chần chừ như vậy đến khi buổi tiệc rượu bước vào hồi kết.

“Nếu cứ như vậy thì ngài *kimoiri* sẽ về mất.” – Jūzaburō sốt ruột ra mặt. Khi chàng còn đang bối rối không biết làm thế nào thì Sugawaraya nhích lại gần Ikuemon đang rất phấn khích.

“Ngài *kimoiri*, xem ra ngài uống chưa đủ phải không?”

“Ờ, đúng vậy. Chưa đủ gì cả. Sao, đến nhà ta uống không? Jūzaburō, cảm ơn anh đã gọi tôi đến nhà hôm nay. Bây giờ chúng ta đến nhà tôi đi. Sugawaraya, thấy sao hả?”

“Vâng, vậy tôi không khách sáo.”

Đúng như ý định của mình nên Sugawaraya nhanh chóng trả lời và quay về hướng Jūzaburō với vẻ mặt “Đấy, anh thấy chưa?”.

Đến nhà *kimoiri*, cả hai uống đến ong cả đầu. Ngài *kimoiri* Ikuemon này, tính tình hào sảng, lại biết quan tâm đến người khác. Ngài có mụn con trai nổi dãi tên Tōkichi, yêu thương nó hết mực. Mỗi lần rượu vào rồi thì Ikuemon bắt đầu khóc: “Ta thật lo lắng cho tương lai của thằng nhỏ.” Hôm đó, khi đã ngà ngà say, họ lại nói đến chuyện đó.

Cũng là chuyện đương nhiên. Tương lai của Yoshioka thật u ám. Có thể nói chẳng bao lâu rồi cũng như ngọn đèn leo lét trước gió, khó mà đóng nổi cổng vật, thuế má *tenmayaku* hàng năm. Việc trưng thu cổng vật là trách nhiệm của *kimoiri*, nếu cổng nạp của Yoshioka chậm trễ thì *kimoiri* là Ikuemon và cả đứa con một Tōkichi sẽ bị ném vào nhà giam. Nhà giam thì chẳng khác gì địa ngục. Mùa đông vùng này khắc nghiệt, nhà giam không tường chắn, chỉ là những hàng rào gió lùa thì chỉ với một tấm áo mỏng, chắc chắn Tōkichi sẽ chết cóng.

Tuy đã cố gắng tránh nghĩ đến chuyện như thế, nhưng ngài biết rõ số phận đó đang âm thầm tiến đến. Đạo gần đây, Ikuemon thường tìm đến rượu cũng vì lý do đó.

“Không có cách nào sao?”

Khi *kimoiri* Ikuemon tay cầm chén rượu, mặt đỏ lựng thốt lên câu nói đó, Sugawaraya không bỏ lỡ cơ hội. Ngay lập tức, chàng tiết lộ kế hoạch của họ, giải thích chỉ cần có 1.000 *ryō* thì có con đường để được giải phóng khỏi áp lực nặng nề hoàn thành công việc.

Mặt Ikuemon lộ vẻ ngạc nhiên, cuối cùng ngài nói với đôi mắt lựng tròn: “Nếu cần tiền để làm việc như vậy, ta đây sẵn sàng bán tất cả gia sản, đồ đạc trong nhà cũng được. Dù có phải xách bị đi ăn mày tôi cũng cam lòng. Vợ chồng có phải bán mình đi làm thuê cũng không nề hà. Cứ nghĩ đến tương lai của Tōkichi, làm vậy chẳng phải yên tâm hơn sao?”

Rất thật lòng.

“Đúng vậy. Nếu nghĩ đến lúc cậu Tōkichi trưởng thành, trở thành *kimoiri* thì phải làm gì đó. Nếu cứ như thế này, con cái chúng ta rất đáng thương.”

Nghe Jūzaburō nói vậy, Ikuemon nói: “Nhưng, có điều...”

“Chuyện gì?”

“Liệu nguyện vọng đó có thành sự thật không?”

Ngài nói như vậy cũng phải. Liệu việc họ định làm sắp tới đây có khả thi không? Jūzaburō nuốt nước bọt cái ực. Chàng chưa từng hỏi Sugawaraya, nhưng với Jūzaburō, thật lòng chàng cũng rất muốn biết sự thật đó. Sugawaraya lên tiếng: “Trước tiên, phải nói kế hoạch to lớn này không đơn giản. Ừm, cũng như khi hái mặt trăng vậy.”

Mặt đỏ gay như khi, Sugawaraya nói với giọng bông đùa, phá tan bầu không khí căng thẳng.

“Thật là!” – Câu chuyện giữa ba người trở nên thân mật hơn, họ cười phá ra.

“Khỉ hái mặt trăng ư? Không làm thử sao biết được.” – Ba người họ chỉ còn cách nghĩ như vậy, trái tim họ đã quyết. Và như thế, cuối cùng Jūzaburō và Sugawaraya cũng đã thành công trong việc lôi kéo được *kimoiri* Ikuemon cùng tham gia. Đó là vào tháng Năm, năm Meiwa 5 (1768).

Sau đó khoảng hai tháng trôi qua, câu chuyện có tiến triển. Đã qua mùa *obon*¹, vào một ngày nóng nực cực điểm, một lệnh thư bay đến chỗ Jūzaburō. Lật ra phía sau thấy tên người gửi là: Miuraya Sōemon, phố Yanagi, Sendai. Không phải chuyện tầm thường. Miuraya là thương gia nổi tiếng vùng Sendai, đảm nhận việc công trong phiên. Nói cách khác, đó là thương gia giàu có nhất trong số các thương gia phiên Sendai, khác hẳn với thương gia *shukuba* quê mùa như Jūzaburō. Tay run run, Jūzaburō mở phong bì. Đúng là nét chữ do chính tay Miuraya viết.

¹ Mùa lễ hội tưởng nhớ những người đã khuất trong gia đình, thường được tổ chức trong 3 ngày 13 ~ 15 tháng Tám. Có địa phương làm theo âm lịch.

“Mới đây, tôi được giao trọng trách đốc tiền, *chūsen goyō* (chú tiền ngự dụng). Theo đó, xưởng đốc cần rất nhiều người làm việc. Bề trên có lệnh tuyển chừng mười bốn, mười lăm người có nhân cách để phụng sự. Do đó, liệu ngài có thể cho người nối dõi của mình, cậu Otoemon, làm người cai quản ở xưởng đốc tiền được không? Tôi biết lời đề nghị này thật không có lý chút nào. Nhưng tôi không nghĩ ra được ai khác. Nếu là cậu Otoemon, tôi biết rõ con người cậu ấy nên không chút lo lắng. Vì vậy, rất mong ngài xem xét trước sự vô tâm này của tôi.”

Nội dung bức thư thật đáng kinh ngạc. Jūzaburō không biết phải làm thế nào. Phiên bắt đầu cho đốc tiền, và người quản lý công việc đó, Miuraya chỉ đích danh con trai Jūzaburō là Otoemon.

Chūsen – không cần phải giải thích nhiều, tức là đốc tiền xu. Sự kỳ lạ của thời đại Edo là công việc phát hành tiền tệ vốn là quyền của

chính phủ lại không do chính phủ thực hiện mà được ủy nhiệm cho giới thương nhân trong xã hội.

Tiền xu Kanei – được đúc bằng đồng hoặc sắt nhưng chính quyền trung ương là Mạc phủ Tokugawa không hề nhúng tay vào việc phát hành đồng tiền cơ bản này.

Trước hết là các *shinpan*¹ (thần phiên), và đến cả *tozama daimyō*² (ngoại dạng đại danh) cũng được cho phép đúc tiền.

¹ Chỉ các phiên có người đứng đầu là con cháu trực hệ của dòng họ Tokugawa, một trong ba nhóm *daimyō* thời Edo. Nếu dòng họ Tokugawa không có con trai nối dõi *shōgun* (tướng quân) thì sẽ tuyển người từ các phiên này.

² Một trong 3 nhóm *daimyō* thời Edo, chỉ các dòng họ theo phụng sự Tokugawa từ trước trận Sekigahara. Nhóm đầu tiên là *shinpan* (chú thích trên), nhóm còn lại là *fudai daimyō* (phổ đại đại danh) chỉ các dòng họ theo phụng sự Tokugawa sau trận Sekigahara.

Đương nhiên, phải tiến hành dưới sự cho phép của Mạc phủ nhưng đó chỉ là phép xã giao bên ngoài, chứ các *daimyō* được phép đúc tiền vốn khó khăn về tài chính, thường mong có tiền không gì bằng nên họ thường đúc tiền một cách vô độ. Chưa kể, công việc đúc tiền này không phải do phiên trực tiếp quản lý, mà được giao phó cho thương gia giàu có. Một đại sự quốc gia là đúc tiền mà được giao chuyển từ chính phủ xuống phiên, từ phiên xuống thương gia như thế. Việc thương nhân đúc tiền theo lệnh của phiên được gọi là *chūsen goyō*. Và Miuraya được giao cho việc này.

Cách làm thừa thãi, phó mặc việc phát hành tiền cho người khác của Mạc phủ Tokugawa dẫn đến thảm kịch thời kỳ cuối Mạc phủ. Các phiên như Satsuma phát hành tiền giả, khuếch trương ngân khố của phiên. Một đồng tiền xu Kanei chỉ bằng một mon (bằng 50 yên ngày nay) nhưng lại có đồng tiền *tenpō*. Đó là loại tiền đáng sợ khi lưu thông với giá trị một đồng *tenpō* bằng 100 mon (5.000 yên ngày nay). Bằng cách xây dựng đồng tiền *tenpō* này làm “tiền

riêng”, Mạc phủ các phiên đã làm giàu nhanh chóng. Để cho các phiên đúc tiền, Mạc phủ đã vô tình tự siết cổ mình.

Tóm lại, đó là một sự kiện trọng đại. Jūzaburō chạy ngay đến chỗ Sugawaraya. Phản ứng của Sugawaraya sau khi nghe chuyện thật bất ngờ. Chàng vui mừng nhảy cẫng.

“Anh Jūzaburō à, đây quả là một tin tốt lành đấy. Có thể nói là cơ hội ngàn năm có một. Như vậy thì những con khỉ như chúng ta cũng có thể hái được mặt trăng trên trời không chừng.”

“ ... ”

“Cuối cùng thì bề trên đã cạn tiền, bắt đầu cho đúc tiền rồi. Không còn cách nào khác. Miuraya Sōemon là thương gia được bề trên giao trọng trách. Con trai của anh lột mắt xanh Miuraya rồi. Làm cai quản ở xưởng đúc tiền là một chức vụ lớn. Nếu nhận nhiệm vụ này, đương nhiên, sự tin cậy của bề trên cũng khác hẳn.”

“Nghĩa là, nếu Otoemon nhà tôi mà được lãnh trọng trách đó thì có lợi cho việc khởi bẩm nguyện vọng phục hưng Yoshioka của chúng ta?”

“Đúng vậy. Chuyện sẽ hoàn toàn khác hẳn. Chưa kể, không chỉ có vậy. Lại có tiền nữa.”

“Lẽ nào?”

“Anh không hiểu sao? Tuy Miuraya giàu nhất vùng Sendai, nhưng anh nghĩ liệu họ có thể đúc tiền bằng chỉ tiền của họ mà được sao?”

“Chuyện đó thì khó rồi.”

“Để đúc tiền cần một số tiền khổng lồ. Nào xây nhà xưởng, nào thuê nhân công, mua đồng, xây lò, mua củi. Chắc chắn thời gian đầu sẽ tốn rất nhiều tiền. Trước tiên, nhà Miuraya sẽ hết tiền. Nhưng, sau đó thì khác đấy. Miuraya sẽ cho đúc thật nhiều tiền với tư cách quan

đúc tiền của phiên. Mà đúc tiền thì chắc chắn không sinh lời. Đây là chỗ chúng ta cần để mắt tới.”

“Anh nói chúng ta sẽ làm gì hả?”

“Miuraya lúc đó sẽ thiếu tiền nên tạm thời chúng ta sẽ cho họ mượn, sau đó, đề nghị họ trả dôi ra.”

“Chà, liệu có làm được không?”

“Được! Không có cách nào làm tăng số tiền một cách chắc chắn như cho mượn tiền để đúc tiền cả. Nếu chúng ta cho mượn tiền thì Miuraya sẽ mang ơn chúng ta. Sau khi đúc tiền thành công, Miuraya sẽ trở nên thông thả, thoải mái hơn. Lúc đó, chúng ta sẽ đề nghị mượn số tiền lớn để phục hưng Yoshioka là được.”

“Thì ra là vậy.”

“Chưa kể, nếu anh gửi Otoemon lên đó, chúng ta sẽ nắm được tình hình xưởng đúc tiền kịp thời. Có lẽ, Miuraya để mắt tới nhà anh không chỉ vì đánh giá cao con người của Otoemon mà còn muốn mượn tiền từ người có tiền tích lũy như anh. Có lẽ họ cũng có chút tính toán như vậy đấy. Biết đâu chừng cuối năm nay là Miuraya sẽ đề nghị anh cho mượn tiền. Từ bây giờ nên gom tiền đi là vừa.”

Đầu óc con người này thông minh đến mức nào vậy? Anh ta thông suốt mọi việc khiến Jūzaburō kinh ngạc đến sợ.

Chấp nhận đề nghị của Miuraya, Jūzaburō gửi Otoemon đến xưởng đúc tiền. Và đúng như dự báo của Sugawaraya.

Miuraya đã lên tiếng đề nghị “Cho tôi mượn tiền”. Đúng như Sugawaraya nói, khoảng cuối năm, Miuraya thiếu tiền để trả lương cho nhân công và mua củi đốt nên đề nghị mượn 550 *ryō*.

“Tiền lãi cao thế nào cũng chịu.” – Miuraya đã nói vậy.

Sugawaraya nhanh chóng hành động. Ngay lập tức, chàng sai người đến chỗ *ōkimoiri* Chisaka Chūnai và tập hợp nhóm những

người đồng chí Chūnai, Ikuemon, Jūbei, Junai đến để giải thích.

“Nếu chỉ chúng ta thì khó lòng gom đủ 1.000 *ryō* được ngay. Tạm thời bây giờ chúng ta cho Miuraya mượn 500 *ryō*, sau đó sẽ mượn lại từ Miuraya số tiền lớn.”

“Liệu thật sự có ổn không?” – Có người lên tiếng lo lắng trước công việc đúc tiền. Nhưng, Sugawaraya nói: “Đúng là sẽ mất thời gian cho đến lúc đúc tiền thành công. Nhưng, dù gì đi nữa, cũng có cái gọi là vận may từ trên trời rơi xuống. Nếu không nhận lấy vận may đó, ngược lại, vậy phải chịu phạt, chẳng phải vậy sao? Vậy thì bây giờ, ta nên quyết chí làm thì tốt hơn.”

“Chẳng phải đây là lúc để đạt thành chí nguyện to lớn của chúng ta sao?” Jūzaburō đưa ra kết luận. Chàng cùng Sugawaraya, “nhị khẩu nhất thiết” (hai miệng một lưỡi) (*Kokuonki*) thuyết phục mọi người cùng đồng ý.

Một khi đã quyết định cho Miuraya mượn tiền thì trước mắt, phải gom tiền. Cả nhóm tức tốc bắt đầu kế hoạch. Tuy lòng tin đối với việc đúc tiền khá mơ hồ nhưng lòng tin dành cho Miuraya khá sâu sắc.

“Ai chứ nhà Miuraya đó thì cho mượn tiền chắc chắn sẽ được trả lại.” – Họ lấy làm yên tâm như thế. Bất kể sáng tối, bọn họ ra sức thống kê, xem xét gia sản. Họ tính từng món đồ, y phục, đến cả căn nhà để đưa vào thế chấp. Đặc biệt, Sugawaraya đã đem mọi thứ trong nhà đi cầm. Chàng đem cả gia nghiệp là sách sản xuất trà bí truyền đi cầm.

Jūzaburō đã nói “không cần phải làm như thế” nhưng chàng không nghe. Kinh ngạc là Sugawaraya còn đem cả thứ chàng quý trọng chỉ sau sinh mạng đến tiệm cầm đồ. Mùi hương trà do Sugawaraya sản xuất rất tuyệt vời. Danh tiếng vang đến tận kinh thành.

Haru no kaze

Kaori mo koko ni

Chiyo kakete

Hana no rokосу

Sueno Matsuyama.

Dịch ý:

Hương thơm làn gió xuân

Tỏa ngát đến tận nơi này

Trải qua ngàn năm

Sóng hoa trập trùng

Núi Sueno Matsuyama.¹

Chàng đem đi cảm cả bài waka² được công khanh Kujō ban cho.

¹ Bài thơ nhắc đến năm loại hương trà: gió xuân (*harukaze*), hương thơm (*kaori*), ngàn năm (*chiyo*), sóng hoa (*hana no rokосу*) và *Sueno Matsuyama* (cũng là tên ngọn núi trong vùng).

² Hòa ca: thể thơ truyền thống có 31 âm tiết của Nhật.

Biết được việc đó, Jūzaburō nói: “Chẳng phải đó là thứ anh quý chỉ sau sinh mạng mình thôi sao? Đem đi cảm vậy có được không?”

Sugawaraya bình thản đáp: “Gì chứ? Những lúc như thế này mới là lúc đem đi cảm những báu vật khiến người ta kinh ngạc đấy. Làm vậy thì mọi người sẽ hứng khởi hơn.”

Và cuối cùng, họ gom được 450 *ryō*. Số tiền vốn có thể gọi là dòng nước tái sinh Yoshioka đã được sinh ra như vậy.

Xuân mới năm Meiwa 6 (1769). Ngày 16 tháng Giêng là *yabui* – ngày gia nhân, tiểu đồng, tiểu tăng khắp mọi nơi ai nấy được nghỉ

phép về quê.

“Đến mùa *yabui*, cả nắp vạc dầu nơi địa ngục cũng để mở.” – Ở Yoshioka, nắp vạc các nhà đều để mở, hầu gái nấu cơm được cho về quê, nước sôi cũng không được nấu. Nhà tắm, tiệm cắt tóc cũng đóng cửa nghỉ.

Khi cả khu phố trở nên tĩnh lặng như thế thì Otoemon đang tham gia công việc đúc tiền ở Ishinomaki quay về Kokudaya. Chàng trai trẻ đem theo một tin tốt lành. “Công việc đúc tiền đang rất thuận lợi, phát triển hàng ngày. Ngài Miuraya Sōemon đang có lời.”

Jūzaburō chạy như bay đến chỗ Sugawaraya.

“Anh Sugawaraya này, Otoemon nhà tôi mới về đến. Nghe nói Miuraya đang gặp thuận lợi lắm.”

“Quả đúng là vậy nhỉ. Nhưng phải nói, Miuraya quả thật lợi hại.”

“ ... ”

“Ngài ấy nói “đúc tiền, cần người, cần tiền” rồi lấy đi con trai của anh, Otoemon. Dùng người rồi lại đánh tiếng “vì đúc tiền theo lệnh bề trên nên chắc chắn có lời” để định lấy tiền từ tay chúng ta.”

“Đúng là ngài Miuraya có nói “tiền lãi cao bao nhiêu cũng được” mà.”

“Thế nhưng, chẳng phải nội dung khác sao? Sau đó, nào là theo luật quản lý đúc tiền, không trả được. Hãy chờ thêm chút đi. Họ vừa nói một chuyện thật không hiểu được. Nếu có lời thật thì Miuraya đã trả tiền được rồi. Anh Kokudaya này, chúng ta đi Ishinomaki đàm phán đi.”

“Để lấy lại số tiền đã cho mượn à?”

“Chẳng phải vậy sao. Chuyện đó là đương nhiên. Lấy lại cả vốn lẫn lời 450 *ryō* đã cho mượn, và sau đó còn phải mượn tiền vốn từ Miuraya đó. Tổng cộng 1.000 *ryō*. Phải lấy từ Miuraya.”

“Anh đừng nói chuyện không tưởng như thế chứ. Liệu chúng ta có thể làm được việc đó sao?”

“Được hay gì đi nữa, đó chẳng phải là lời hứa giữa chúng ta và Miuraya sao?”

Đúng là vậy. “Nếu có lời từ việc đúc tiền, ta sẽ xuất vốn để phục hưng Yoshioka.” – Miuraya đã cam kết như vậy.

Nhưng dù gì đi nữa, Sugawaraya lúc nào cũng khiến người ta kinh ngạc. Con người này sắc sảo hay dững cảm? Nhưng nếu theo kết quả lâu nay thì chàng ta luôn thắng. Cả sự việc lần này hẳn cũng nằm trong tính toán nước đi rồi. Chỉ còn cách theo chàng ta thôi.

“Anh có nước đi để giành phần thắng rồi à?” Trên đường đi Ishinomaki, Jūzaburō rút rè hỏi thử. Sugawaraya nói: “Anh là người nhà của Miuraya mà đúng không?”

“...”

Sự thật đúng là vậy. Tuy bây giờ Miuraya là thương gia giàu có vùng Sendai nhưng cha ông ấy sinh ra ở Yoshioka, bà con họ hàng vẫn còn sống ở nhiều nơi trong Yoshioka. Jūzaburō cũng là một trong số đó nên việc Miuraya đề nghị con trai của Jūzaburō là Otoemon đến giúp việc đúc tiền cũng phần lớn xuất phát từ đó.

“Bề trên không kiếm lời được ở việc đúc tiền. Nhưng người nhận làm thì có lợi. Hệ thống đã như vậy rồi. Với Miuraya bây giờ, 1.000 *ryō* là số tiền có thể thanh toán được. Nhưng với một thương gia tầm cỡ như thế thì có chút xảo quyệt. Sự xảo quyệt đó là cố tình im lặng. Cho đến lúc bị hỏi thúc, món nào không trả cũng yên thì sẽ im lặng, không trả. Chỉ là vậy thôi.”

“Tuy nói vậy nhưng...”

“Anh thử nghĩ xem. Nếu Miuraya vì việc trên giao cho mà xảy ra tranh chấp với chúng ta thì sẽ ra sao? Miuraya đã đóng dấu trên giấy tờ làm chứng rồi. Nếu nuốt lời thì còn gì thể diện, đúng không?”

Với những cửa hiệu lớn như vậy thì rất ngại dư luận. Vả lại, Miuraya xuất thân từ Yoshioka. Nếu bỏ mặc Yoshioka thì cũng không còn mặt mũi về viếng mộ tổ tiên.”

Ra là vậy, những lời Sugawaraya nói thật có lý. Nếu Miuraya không trả những gì đã nói sẽ trả thì đó là tội lỗi của Miuraya. Sugawaraya đã thương lượng một cách có tính toán với việc Miuraya sợ mất thể diện với dư luận quần chúng. “Những việc như thế này, chỉ có cách đường đường chính chính trình bày lên bề trên ở một sân khấu có thể trở tài. Vì vậy, ngài Jūzaburō, từ bây giờ phải chuẩn bị đạo cụ đầy. Giúp tôi một tay nào.”

Nói rồi, Sugawaraya cho tay vào nẹp áo. Chàng rút ra một mảnh giấy kỳ dị. Nhìn kỹ thì đó là *Kumano Go-ōfu* (Năng đã ngộ vương phù). *Kumano Go-ōfu* là giấy dùng để viết lời thề. Vì có in hoa văn quạ đen là sứ giả của đền thờ Thần đạo Kumano mà nó còn được gọi là *Kumano Go-ōfu*¹. Kể từ thời trung cổ, ở đất nước này, khi thề trước thần linh thì viết lời thề ước đó vào giấy này. Người ta tin rằng nếu không giữ lời hứa đã được viết trong *Kumano Go-ōfu* thì sẽ có một con quạ chết ở đâu đó và trước sự tức giận của thần Kumano, người lập lời thề sẽ thổ huyết mà chết. Người đó sẽ rơi xuống địa ngục, liên tục bị đốt bởi ngọn lửa của nghiệp chướng.

¹ “*Karasu*” có nghĩa là con quạ, thêm “o” và “san” là cách nói lịch sự, tôn kính.

Không biết Sugawaraya có được *Kumano Go-ōfu* từ đâu, nay đem ra đưa cho Jūzaburō.

Lên đến phủ đốc tiền, ngay lập tức họ đến gặp Miuraya Sōemon. Phủ đốc tiền có những gương mặt quan lại cai quản nổi tiếng mà trước hết phải kể đến *kaneshi* mới từ Edo về, hoặc đại diện thương gia đầu tư. Trong phòng khách rộng lớn, trước hàng loạt các gương mặt đầu lĩnh, Sugawaraya bắt đầu bài diễn thuyết.

“Ngài Miuraya ngồi đây đã đồng ý cam kết với chúng tôi việc gia tăng tiền theo giấy cam kết này. Nhưng lại nói rằng phủ đốc tiền không thể trả tiền theo đúng giấy cam kết này.”

“... ”

Mọi người nín lặng, nghĩ bụng người này bắt đầu tố cáo việc làm không đúng đắn của chủ tọa Miuraya. Khi sự im lặng bao trùm cả gian phòng rộng lớn, Sugawaraya nói.

“Lý ra, chúng tôi sẽ đề nghị được trả lại đủ. Nhưng lần này, chúng tôi xin phép để đó. Thật ra, nhóm năm, sáu người chúng tôi có một tâm nguyện. Đó là tạm dâng lên bề trên số tiền lớn (tiền vốn) để hàng năm lấy lãi từ đó, phát cho dân chúng trong Yoshioka. Chúng tôi muốn xây dựng một cơ cấu như vậy. Số tiền chúng tôi thu xếp đưa ngài Miuraya chính là số tiền quan trọng để làm việc đó. Bởi Yoshioka là một nơi nghèo nàn nên chúng tôi không xoay sở được số tiền lớn. Nên chúng tôi định đề nghị ngài Miuraya giúp sức, mượn tiền từ phủ đức tiền. Chúng tôi định sẽ trả lại bằng số tiền lãi nhận được từ bề trên. Nhưng một khi đã như thế này rồi thì chúng tôi đành từ bỏ ý định mượn tiền từ phủ đức tiền. Thay vào đó, rất mong ngài Miuraya trả lại số tiền 450 ryō đã mượn vào mùa đông này. Lãi suất thì không cần như đã hứa, đúng theo thông thường là được.”

“Chà, đâu cần phải nói vậy...” Miuraya nói với vẻ khó xử.

“Vậy, một lần nữa, xin nhờ ngài Miuraya. Mong ngài hãy cho chúng tôi mượn tiền. Chúng tôi không yêu cầu ngay. Khi nào việc đức tiền tiến triển tốt, thì vui lòng cho chúng tôi mượn như đã hứa. Nếu công việc có vẻ không ổn thì đáng tiếc là chúng tôi đành từ bỏ ý định đó.”

Theo lý lẽ thì phần đúng thuộc về nhóm Sugawaraya. Sự sai trái của phủ đức tiền nhóm Miuraya đã quá rõ ràng.

“Rất có lý lẽ.” – Quan lại ngồi tại đó ai nấy đều nghĩ vậy. Khi dựng nên phủ đức tiền, họ rất thiếu tiền. Lúc đó, khu Yoshioka nghèo khó đã giúp họ bằng cách cho mượn số tiền ít ỏi quý giá. Nếu việc đức tiền bắt đầu thuận lợi rồi thì lần này phải giữ lời hứa, trả lại cho khu phố nghèo khó này và giúp họ mới phải.

Đúng lúc đó. Sugawaraya chậm rãi rút từ ngực áo ra một tờ giấy. Chính là *Kumano Go-ōfu*.

“Hai người chúng tôi tuyệt nhiên không dùng số tiền sẽ mượn vào việc riêng. Chúng tôi không thể làm những việc này vì lợi ích cá nhân. Nếu cứ như hiện nay, Yoshioka của chúng tôi sẽ lâm vào khốn cùng. Chúng tôi một lòng muốn cứu lấy Yoshioka. Chúng tôi đã thề với thần linh ở ba đền thờ Thần đạo Kumano như thế này đây.”

Nói rồi chàng mở rộng *Kumano Go-ōfu*, cúi rạp người. Trên đó có tên Sugawaraya Tokuheiji và Kokudaya Jūzaburō, đậm đen, rõ ràng.

Dấu điểm chỉ bằng máu cũng nổi rõ, sống động.

Mọi ánh mắt của những người phủ đúc tiền nhất loạt đổ về Miuraya. Không còn cách nào khác, Miuraya nói: “Nếu, nếu vậy thì tôi đã hiểu rồi. Các vị trong phủ đây hẳn cũng không có ý kiến gì.”

Vậy là đã quyết định.

Miuraya trả lại 450 *ryō* mượn từ nhóm Jūzaburō, kèm tiền lãi. Không những vậy, còn đề nghị cho mượn một số tiền lớn để phục hưng Yoshioka, khoảng 562 *ryō*2 *bu*.

Mọi việc quá suôn sẻ nên Jūzaburō nói: “Anh Sugawaraya, anh thật xuất sắc. Đúng là chúng ta đã lấy được từ Miuraya hơn 1.000 *ryō* rồi.”

Nhưng Sugawaraya nói với vẻ không vui: “Không, chưa xong việc đâu. Phải lấy được giấy cam kết từ Miuraya chứ không phải hứa miệng.” Chàng bặm môi.

Thật ra Miuraya cũng có ý hướng riêng. Tháng Tư, khi Jūzaburō đến chỗ Miuraya ở phố Yanagi, Sendai, thái độ của Sōemon xem ra có vẻ mềm mỏng, nhẹ nhàng hơn mọi khi. Jūzaburō nói: “Sắp tới, chúng tôi sẽ thỉnh nguyện lên bề trên việc của Yoshioka. Vì vậy,

chúng tôi cần tiền. Mong ngài Miuraya đây viết cho giấy cam kết sẽ cho chúng tôi mượn số tiền lớn như đã hứa hôm trước...”

“Đương nhiên rồi. Được thôi. Ta sẽ viết.”

Miuraya nhận lời viết giấy cam kết nhanh chóng một cách bất ngờ.

“Thật cảm ơn ngài.”

“Để tên ai thì được nhỉ?”

“Vui lòng viết tên ngài Sugawaraya Tokuheiji, ngài

Kokudaya Jūbei, và tôi Kokudaya Jūzaburō giúp.” “Ta hiểu rồi.”

“Thật ra, nếu thất bại trong việc mượn hơn 560 *ryō* từ ngài Miuraya đây, ba người chúng tôi sẽ phải bán hết gia sản, bán thân làm công để xoay xở số tiền này đây ạ.”

Có vẻ trước lời nói của Jūzaburō, một người sống chỉ biết đuổi theo lợi nhuận như Miuraya thật sự kinh ngạc. Thành linh Miuraya trở nên nói nhiều hơn: “Yoshioka là nơi người cha quá cố của tôi chào đời. Nếu nói rõ thì bản gia nhà anh cũng như gia tộc nhà tôi. Tôi đã nghĩ không biết có thể làm được gì giúp ích không. Nay đối với tôi, việc các anh Jūzaburō đây nghĩ ra và làm thật cũng đáng góp sức lắm nên tôi rất hài lòng.”

Những lời nói rất thảo mai, không có lấy một chút tình cảm. Nhưng với bản chất thật thà, chỉ cần nghe ông ta nói thôi, Jūzaburō đã cảm thấy rất vui sướng trong lòng.

Như vậy, số tiền cũng đã được một nửa. Tiền như những nắm tuyết vo tròn. Một khi đã có được một số vốn gốc rồi thì như những nắm tuyết lăn, tiền gọi tiền đến, cứ thế mà nắm tuyết to lên.

“Nghe nói Miuraya ở Sendai đã đầu tư 560 *ryō*.”

Chỉ như vậy thôi mà kế hoạch cứu Yoshioka thoát cảnh khốn cùng bằng cách gửi số tiền 1.000 *ryō* lên bề trên để lấy tiền lãi dần dần

bước vào giai đoạn hiện thực hóa.

Jūzaburō bàn bạc với Sugawaraya một việc đã kìm nén bấy lâu.

“Cũng đã đến lúc tôi nói với nhà cha mẹ ruột Asanoya để nhờ giúp sức nhưng...”

“Vậy thì bây giờ là đúng thời điểm rồi. Nên nói ngay càng sớm càng tốt.”

Tuy Sugawaraya nói vậy nhưng với thân phận người con đã được đưa đi làm con nuôi từ tấm bé thì với Jūzaburō, cũng có chỗ thật khó mở lời. Asanoya là thương gia số một ở Yoshioka. Nếu được nhà cha mẹ ruột giúp điều đạt tiền thì kế hoạch sẽ tiến triển thuận lợi. Nhưng chàng có chỗ hơi băn khoăn. Hiếm hoi, có lần về nhà, chàng đã nói chuyện cứu Yoshioka với em trai là Asanoya Jinnai, con trai của Jinnai là Shuemon, và người mẹ già thì chẳng hiểu sao ai nấy đều im lặng, đánh trống lảng sang chuyện khác. Chàng không tài nào hiểu được. Sau đó, Jūzaburō hoàn toàn không thể đề cập gì đến việc sẽ gây ảnh hưởng đến gia nghiệp như kiểu “sẽ bỏ ra số tiền lớn vì Yoshioka”.

Ngày 13 tháng Tư là ngày giỗ cha ruột của Jūzaburō, Asanoya Jinnai.

Thật ra ngày 13 tháng Mười hai mới đúng nhưng thời gian này, việc kinh doanh bận rộn. Asanoya chọn tháng Tư, mùa xuân, thời tiết tươi đẹp để cả gia tộc cùng làm giỗ.

Hôm đó, Jūzaburō quyết định cùng Sugawaraya đến nhà để trình bày kế hoạch cứu Yoshioka, đề nghị giúp hỗ trợ về mặt tiền bạc.

Nhưng đến khi phải nói thì không tài nào nói cho suôn sẻ. Chàng cứ ngắc nga ngắc ngứ.

Mãi một lúc cố gắng, Jūzaburō mới lên tiếng được: “Hôm nay, tôi xin phép...”

Kokuonki có ghi lại Jūzaburō đã bắt đầu câu chuyện như thế. Jūzaburō dốc hết ruột gan ra để nói. Chàng giải thích quá trình lâu nay, chuyện này chuyện kia, rồi giở tấm giấy cam kết của Miuraya cho từng người trong nhà xem, nói rằng cuối cùng đã điều đạt tương đối một số vốn. Nhưng càng nói, người trong nhà càng im lặng. Cuối cùng, khi đã giải thích xong xuôi, Jūzaburō mới nói thế này: “Nay tôi cũng muốn được ngài Asanoya đây giúp một số tiền tương ứng...”

Khoảnh khắc đó, sự im lặng bao trùm toàn bộ nhà Asanoya. Một lúc lâu sau, một tiếng nói vang lên từ đâu đó: “Thật không ngờ lại có chuyện thế này. Anh Jūzaburō, thật giống cha như đức.”

Đó là người em trai Jinnai. “...”

“Anh Jūzaburō. Thật ra nhà ta đã có chuyện giấu anh lâu nay.”

“Chuyện gì?”

“Vì anh đã đi làm con nuôi nhà Kokudaya Takahira nên em đã không thổ lộ, xem như đây là đại sự nhà Asanoya. Nhưng nay không cần giữ đó làm bí mật nữa nên em sẽ nói. Thật ra đó là lời trăng trối lúc lâm chung của cha.”

“Trăng trối thế nào?”

“Chuyện là thế này. Lúc cuối đời, cha đã gọi mọi người đến bên chỗ nằm và nói: “Xem ra ta không còn thời gian nữa. Như ta đã nói từ lâu, ta rất mong con xem trọng việc kế tục gia nghiệp, một mặt hãy cố gắng giúp đỡ những người nghèo khó, cô đơn trong khả năng có thể. Ngoài ra, cha mong con thương yêu mẹ già. Cho đến lúc này, ta không còn gì luyến tiếc nhưng chỉ một điều, từ thời trung niên, ta có một ước vọng to lớn. Đó là giúp cho việc *tenma* của Yoshioka này. Làm cách nào đó để bề trên ra tay cứu giúp Yoshioka-juku này nhưng cơ hội và tuổi thọ thì có hạn, ta đã không thể làm gì được. Ta rất tiếc. Vì vậy ta nhờ con. Đây là số tiền của Asanoya mà ta góp nhặt được cho đến hôm nay, mong con đừng dùng vào việc gì khác. Đời cha làm không được thì đời con, đời con không được thì đời

cháu Shuemon, bao nhiêu đời cũng được, đừng vứt bỏ ý nguyện này. Hãy dùng số tiền này để vực dậy Yoshioka.” – Cha nói vậy và nắm chặt tay em, vẻ mặt đầy tiếc nuối, chuẩn bị trút hơi thở cuối cùng. Lúc đó, em đã cố gắng nói với cha. “Con xin tiếp nhận di ngôn cuối đời của cha. Con sẽ tiếp tục tiết kiệm tiền, chờ thời cơ. Nếu con làm không được thì con sẽ truyền đạt lại cho con trai con, Shuemon. Nhất định chúng con sẽ hoàn thành chí nguyện của cha.” Em nói vậy thì cha chỉ im lặng, gật đầu và hơi mỉm cười rồi ra đi.”

“Chuyện đó, tôi không hề nghe nói đến.”

Jūzaburō vừa khóc nức nở vừa nói.

Vì chàng không ngờ cha cũng nghĩ đến việc cứu Yoshioka như mình. Những lời nói tiếp đó của người em trai lại càng khiến Jūzaburō kinh ngạc.

“Khi nghe chuyện rồi, em bàn với mẹ và quyết định không nói với anh. Em nghĩ như vậy tốt hơn. Vì đằng nào rồi gia sản Asanoya này sẽ trở nên khó khăn. Em không muốn liên lụy đến cả anh. Cả em và mẹ đều đồng tình với cha. Gia đình ta đã quyết định trút hầu hết gia sản cho Yoshioka. Nhưng đúng là cha nào con nấy. Anh không biết gì về chuyện này vậy mà cũng đã lên kế hoạch cứu Yoshioka, sẵn sàng tiêu hết tiền của Kokudaya. Đã như vậy rồi, chỉ có tiến hành thôi. Nghĩ lại, còn hạnh phúc nào bằng?”

Những người có mặt ở đó, ai nấy đều khóc. Sugawaraya cũng khóc.

Người em trai, Jinnai, mắt đỏ hoe, tiếp tục nói: “Chà, hôm này cũng là ngày giỗ cha, em đã lỡ khóc. Gì thì gì, em xin theo ý mọi người ở đây. Em giúp bao nhiêu thì được?”

“Tạm thời, xin viết giấy cho mượn 500 *kan* (quan).”

“Chắc hẳn từ bên kia suối vàng, tâm nguyện duy nhất của cha đã lan tỏa. Em muốn báo cáo với mẹ và trước bài vị cha chuyện này, anh vui lòng chờ một chút.”

Người mẹ già xuất hiện ngay sau đó. Bà nói như trách mắng con trai: “Gì mà lấp lửng vậy, không cần. Mau viết giấy hẹn cho hai người họ đi!”

Ngay lập tức, Jinnai đem bút nghiên đến trước bài vị của người cha quá cố, viết giấy trao cho Jūzaburō và Sugawaraya.

Chưa hết, hôm sau, chuyện đáng ngạc nhiên hơn đã xảy ra. Để nói lời cảm ơn hôm trước, Sugawaraya ghé nhà Jinnai. Chàng cố giữ lòng như một con quỉ, nói những lời lạnh lùng.

“Hôm qua thật cảm ơn anh. Hiện nay chúng tôi đã mượn được từ Miuraya 2.000 *kiri* (500 *ryō*), thêm phần 500 *kanmon* của anh. Nhưng vẫn chưa đủ để bả lên bề trên. Thật phiền anh nhưng có thể xuất thêm cho chúng tôi được không?”

Nếu là bình thường thì thật đáng giận. Nhưng Jinnai nói: “Nếu vậy, tôi đưa thêm 500 nữa nhé.”

Chỉ một thái độ, nếu cần lại đưa thêm. Nếu hơn thế nữa, Asanoya sẽ phá sản. Mà như vậy thì thật không hay chút nào. “Không, chỉ cần anh sửa lại trong giấy thành 1.000 *kanmon* là được rồi.”

Sugawaraya nói vậy và ra về.

Như thế, tuy chậm rãi nhưng việc gom tiền vốn đã được tiến hành. Nhưng, trong nhóm đồng chí, có người trong thâm tâm không muốn đưa tiền nên giữa chừng, vài người bắt đầu tỏ vẻ sốt ruột:

“Nếu Miuraya Sōemon lại nói chuyện gì hèn hạ, không muốn đưa tiền thì sao? Nếu vậy thì kế hoạch này mất cả chì lẫn chài.”

“Lúc đó, tôi, Jūzaburō, Jūbei, ba người chúng tôi sẽ bán hết gia tài, bán thân làm công để gom tiền. Ba người chúng tôi vốn đã chuẩn bị tinh thần đó.” – Nói rồi Sugawaraya đặt mạnh giấy hợp tác và *Kumano Go-ōfu* xuống sàn. Trước thái độ đó, những kẻ bàn ra trở nên lúng túng, vội vàng nói:

“À, không. Anh nói đúng lắm. Chúng tôi cũng nghĩ như anh vậy thôi.”

Sugawaraya cũng nhân cơ hội, kết thúc sự việc:

“Vậy với kế hoạch này, mọi người cũng không bàn ra tán vào nữa. Vậy được chứ?”

Chàng nhắc nhở. Một khi đã bị nói như vậy, chỉ còn cách đồng ý. Mọi người gật đầu.

Jūzaburō há hốc mồm kinh ngạc. Sugawaraya đã trở ngược tình thế bất ngờ xuất hiện trong buổi gặp mặt, giải quyết gọn gàng nguy cơ nội bộ lung củng, nhanh chóng xốc lại tinh thần mọi người một cách ngoạn mục.

Vấn đề khó khăn tiếp tới đây là thỉnh nguyện lãnh chúa, lập nên một cơ cấu cứu Yoshioka-*juku*. Và liệu có khả năng người dân trong phiên cho lãnh chúa mượn tiền để sau đó lấy lời, giảm thuế hay không? Jūzaburō hỏi thẳng Sugawaraya câu hỏi mà mình thắc mắc bấy lâu.

“Anh Sugawaraya này, tiền thì có vẻ gần đạt mục tiêu rồi. Nhưng chúng ta làm cách nào để bề trên chấp nhận kế hoạch của chúng ta? Chuyện này đâu phải nộp đơn thỉnh nguyện là sẽ được thông qua dễ dàng, đúng không?”

“Là chuyện đó.” “Tức là?”

“Anh Jūzaburō quen biết với ngài Ōtomo Gunji chứ?” “Ngài Ōtomo, gia trung nhà Tadaki à? Chỉ biết tên nhưng...”

“Vậy cũng được rồi. Trong Yoshioka này, đó là người biết rõ bề trên nhất.”

Ōtomo Gunji là gia nhân dòng họ Tadaki mà Tadaki là người cai quản vùng Yoshioka-*juku* này. Trước tiên, phải hỏi người này. Jūzaburō cùng Sugawaraya đến gặp Ōtomo.

Yoshioka không phải là một *shukuba* thông thường. Đó là một trong “bốn mươi tám quán Date” mà Date Masamune đặt ra. Dù gì cũng được dựng lên như một thị trấn dưới chân thành nên đường dốc nhiều, lại quanh co khúc khuỷu.

“Yoshioka bảy khúc tám dốc.” – Người ta thường nói vậy. Thậm chí còn gọi là “thị trấn cái khó”. Sự thật thì mỗi góc đường đều được xây vuông vức để phòng bị kẻ thù đột nhập.

Vì vậy, có đi cũng mãi chẳng thấy tới đâu, cứ mỗi lần đường gấp khúc thì tên phố lại đổi, từ phố thượng, phố trung xuống phố hạ.

Hai người họ cứ đi theo con đường khúc khuỷu “cái khó” này từ phố thượng xuống phố trung, từ phố trung xuống phố hạ. Nhà của ngài Tadaki lãnh chủ ở một góc phố hạ, xung quanh được bao bọc bởi khu nhà ở của các *samurai*.

Nhà của Ōtomo Gunji ở khu đó.

Ōtomo không phải là gia nhân trực tiếp của phiên Sendai. Vì là gia nhân của nhà Tadaki vốn là gia thần của dòng họ Date nên thường được gọi matamono (bồi thần), nghèo hơn Jūzaburō nhiều.

Dù vậy, nhà ở của Ōtomo vẫn toát lên phong cách *samurai* với chiếc cổng nhỏ được dựng chu đáo. Khi nói chuyện thì tác phong ấy cũng được thể hiện. Chàng võ sĩ Ōtomo ngồi đối diện cách xa họ một chút và ở vị trí cao hơn. Jūzaburō và Sugawaraya nghiêm trang ngồi dưới.

Khi hai người tóm tắt kế hoạch, Ōtomo thờ dài ái ngại. “Chà, hai người lại nghĩ chuyện khó rồi đây. Mà tìm đến tôi thì có nghĩa gì đâu chứ?”

“Chỉ là chúng tôi muốn mượn phép hỏi người liệu trình nguyện vọng này lên trên thì có được bề trên chấp thuận không? Vả lại, trình lên như thế nào thì dễ được chấp thuận hơn? Vì vậy chúng tôi mới mượn phép đến đây.”

Ōtomo dăm chiêu.

“Chuyện đó thì phải lên đến Sendai mới biết được.”

“Ngài Ōtomo, đây là nguyện vọng một đời của chúng tôi. Mong ngài khi lên cổng quan dọ hỏi giúp có được không ạ?”

“Để ta suy nghĩ.”

Ōtomo chau mày. Không còn cách nào khác, hai người họ thất thểu quay về.

Thế rồi, một thời gian sau, Ōtomo liên lạc với họ. “Ta đã tìm hiểu chuyện hôm trước rồi, hãy đến gặp ta.”

Hai người họ vui mừng nhảy cẫng, lại bước đi trên con đường dốc khúc khuỷu của *shukuba* đến nhà Ōtomo lần nữa.

Khác với lần trước, Ōtomo thay đổi hẳn, nói nhiều hơn. Người đàn ông này có tính làm công bầm sinh, hễ được giao việc là không thể ngồi yên. Lần trước, sau khi Jūzaburō và Sugawaraya ra về, ông ta đã nhanh chóng viết thư lên người quen ở phủ quan cũng như nghe ngóng, dò hỏi tình hình.

Đó cũng là lần đầu tiên Jūzaburō nghe chuyện chính sự của giới *samurai*. Ōtomo nói thế này: “Ở phủ quan, điều cốt lõi là từ trước đến nay đã có tiền lệ hay chưa?”

P phủ quan trên phiên vận hành với chủ nghĩa quan liêu.

Công việc hành chính chỉ mang tính tiếp nhận, một khi không có trình báo gì từ các thôn làng thì hầu như chẳng làm việc gì mới mẻ. Nếu những người bên dưới có đề nghị điều gì đó mới thì họ sẽ tìm hiểu, kiểm tra xem đã có tiền lệ, có việc gì tương tự hay không. Ở Sendai, có chức quan làm việc kiểm tra đó, gọi là “quan kiểm tra tài chính”. Gặp việc gì quan trọng thì quan kiểm tra xác nhận với *ōkimoiri*, so sánh tiền lệ để sao cho không bị bất bình đẳng.

Việc phủ quan chú trọng đến tiền lệ và giải quyết vấn đề dựa vào chỉ thị và phản hồi trong quá khứ thì không phải mới đây. Các quan lại khi xưa đặt ra luật lệ, đến thời Kamakura, Muromachi thì phát triển hơn và cho đến thời Edo thì hành chính phiên được tiến hành dựa trên hành chính đã có tiền lệ này. Các hồ sơ ghi chép hành chính được chất trong kho lưu trữ cùng với một số lượng đáng kinh ngạc các giấy ghi chú, đánh dấu và mục lục để có thể tham khảo tiền lệ. Có thể nói, cho đến thời kỳ phiên xứ thời cận thế, chế độ hành chính tập trung vào tiền lệ trong quá khứ hơn là sự tình hiện thực đã thật sự được sinh ra.

“Vì vậy, về nguyện vọng của các người...” “Sao ạ?”

“Có nhiều ý kiến khác nhau, ta không rõ lắm. Đúng là có người trong quan phủ đã khen ngợi đây là “nguyện vọng có một không hai từ cổ chí kim” hay đại loại “từ trước đến nay, chưa từng có nguyện vọng nào mà dân chúng đồng lòng như vậy. Ta chưa từng nghe thấy bao giờ dù trong ghi chép của phiên. Nếu dâng đơn lên bề trên chắc ngài sẽ tiếp nhận thôi” nhưng mà...”

Thình lình nét mặt hai người tối sầm lại. “Nhưng mà sao ạ?”

“Ừ thì, cũng có người nói nguyện vọng đó “tuyệt vời quá nên ngược lại, không hay cho lắm”. Người đó nói “nguyện vọng này quá tuyệt vời. Phần tuyệt vời là dân chúng trong phiên, tức hành chính trong phiên không tốt, liệu không tạo ấn tượng như vậy cho bề trên chứ? Những nguyện vọng quá xuất sắc thường lại rất đáng lo”.”

“Lẽ nào!”

Hai người họ sững sờ. Nếu nói tồi tệ thì không có chuyện gì tồi tệ bằng. Bao nhiêu năm nay, phiên Sendai giao phó công việc cho Yoshioka-*juku* nhưng chẳng hề hỗ trợ. Nói cách khác, thấy chết chẳng thêm cứu. Sai trái là ở phiên. Dân Yoshioka đã chịu đựng điều đó, nay chỉ đồng lòng chuẩn bị số tiền lớn mà không chút vụ lợi để dâng lên phiên, tìm đường cứu lấy chính mình mà thôi. Vậy mà nay có kẻ làm quan lại cho rằng “dân chúng trong phiên tuyệt vời quá sẽ cho thấy sự yếu kém của bề trên, không hay cho lắm”.

“Bề trên và quan lại chỉ biết nghĩ cho bản thân.”

Jūzaburō đau đớn cảm nhận điều đó.

“Chưa kể, có nơi còn nói “nếu nhìn xa, nguyện vọng này chẳng có lợi ích gì với bề trên”. Còn nữa, có người nói “nguyện vọng thì có phần kỳ dị, nhưng nếu đề nghị lợi tức thật ít thì may ra được phép”.”

“ ... ”

Làm sao có chuyện đó được chứ?

“Một khi đã mượn tiền thì phải trả tiền lãi như người ta – là chuyện đương nhiên. Nhưng xem ra phiên không có cả khái niệm trả lãi đúng giá thị trường dù nhận tiền. Những suy nghĩ nào là trả lãi thì không lợi lộc gì, hay trả lãi ít thì được, tất cả đều là những suy nghĩ tùy tiện không có nhân lẫn đức, không lý cũng chẳng tình.”

“Rốt cuộc là vẫn chưa biết thế nào nhỉ?” – Sugawaraya nói khi rời khỏi nhà Ōtomo, trên đường về.

“Vốn dĩ chúng ta đã biết trên phiên là cửa khó thông rồi. Chúng ta cứ cố gắng, đừng bỏ cuộc.”

Jūzaburō chỉ biết nói vậy.

Thế nhưng, không chỉ có tin xấu. Phần nào đã có cách gom góp tiền, Jūzaburō và mọi người tập trung ở Kichijōin để bàn bạc. Kichijōin là ngôi chùa nằm giữa Yoshioka-*juku*, cánh đàn ông trong làng thường tụ tập, hội họp ở đây.

Hôm ấy, một việc đáng mừng đã xảy ra. Chẳng là, khi một người trong số họ đứng lên nói:

“Có một điều đáng lo. Chúng ta tiến hành kế hoạch này sau khi đã chuẩn bị được 1.000 *ryō* vàng nhờ mượn được của Miuraya Sōemon. Giả sử chúng ta có lấy được lợi tức 100 *ryō* từ phiên đi nữa thì trước tiên phải trả 100 *ryō* đó cho Miuraya. Dân chúng Yoshioka thì nghĩ, nếu kế hoạch này được chấp nhận thì sẽ có tiền

ngay. Thế nhưng, họ không được nhận ngay mà lại thấy tiền đi đến nhà của thương gia Sendai, chắc chắn dân làng này sẽ âm ỉ lên rằng “bất chính”, là “cướp cạn”.

Và chúng ta sẽ bị kéo lên phiên để xử tội. Khi đó, kế hoạch hoàn toàn sụp đổ.”

Chính xác là vậy. Jūzaburō và những người thực hiện kế hoạch này là những người có học ít nhiều trong đám đàn ông ở *shukuba* này. Nhưng người trong *shukuba* không phải ai cũng biết chữ.

“Ta không thể biết những người không biết chữ sẽ làm gì.”

– Đúng là có nỗi lo như thế. Thế nhưng, khi đề cập chuyện đó, thành linh từ phía bên kia có tiếng nói lớn vang lên.

“Các ông! Không phải lo chuyện đó.”

“Chúng tôi không nói vậy đâu. Hãy tin chúng tôi!”

Đó là tiếng của Dengorō phó trung và Heihachi ở phố hạ, họ là những người phụ việc ở gian bếp. Cả hai đồng thanh lên tiếng.

“Chúng tôi không góp tiền vào kế hoạch này được. Nhưng chúng tôi thấu hiểu sự vất vả của các ông. Không trả tiền cho ngài Miuraya thì không được nhận tiền cứu trợ. Chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm giải thích cho mọi người kỹ càng chuyện đó. Bây giờ chúng tôi sẽ đi từng nhà để nói cho họ biết chuyện.”

Họ nói sẽ đi lấy giấy cam kết của dân trong làng, giúp Jūzaburō và mọi người. Jūzaburō thấy mắt mình cay cay.

Thời Edo, đặc biệt thời kỳ cuối, chính là thời đại thường dân tỏa sáng. Thường dân thời Edo tử tế, hiền hậu, nét đẹp tính cách đó không nền văn minh nào trên trái đất từng trải qua.

Người bình thường cũng cư xử trên phương diện luân thường đạo lý mà cả thời đại yên bình từ trước đến nay cũng hiếm mà có được.

Heihachi là một trong số những thường dân như thế. Chàng không có lấy được mảnh đất ra hồn, chỉ có được căn nhà tồi tàn ở phố hạ Yoshioka-*juku* và làm công ở Kichijōin, sống một cách khiêm cung. Công việc của chàng ta đại loại bưng cơm khi có lễ cúng, hay quét dọn trước cổng chùa.

Thời Edo là xã hội mà “sở hữu đất đai” là điều kiện duy nhất quyết định quyền lên tiếng của một người. Người không có đất thì không được xem như *ikkenmae*¹, không được gọi đến các buổi hội họp trong làng. Vì vậy, những người như Heihachi không phải chịu trách nhiệm gì đối với công việc của làng cả. Thế nhưng, đến cả người đàn ông này cũng bắt đầu chạy quanh, không, nói đúng hơn là ra sức chạy để góp sức.

¹ Người sở hữu đất, đóng thuế, có quyền hơn các hộ gia đình khác và có nghĩa vụ đối với tập thể.

“Nếu cứ như vậy, Yoshioka-*juku* này sẽ sụp đổ.” – Dường như lòng Heihachi đầy ắp suy nghĩ đó. Chàng nghĩ nếu không tập hợp tiền vốn, dâng lên bề trên, nếu không xây dựng quỹ tiền thì không thể cứu *shukuba* này.

Mĩa mai thay, người đàn ông này lại đi khắp những nhà giàu có chung quanh, ra sức thuyết phục để gom góp tiền. Jūzaburō và Sugawaraya đã đi quanh và thuyết phục được tám người chung tay. Heihachi bắt đầu tự mình ra sức với ý định tìm cho ra người thứ chín. Jūzaburō và Sugawaraya không biết việc đó. Về sau, khi hay chuyện, hai người mới té ngựa.

Nhờ làm việc ở chùa nên Heihachi quen biết rộng. Và hơn cả, chàng quen với việc kêu gọi quyên góp. Nếu để chàng ta cảm sở quyên góp tiền thì không ai qua mặt được. Nghe đâu Heihachi đã tìm đến nhà Hayasakaya trước tiên. Chàng để mắt đến nhà Hayasakaya là vì dạo gần đây, nhà ấy khá giả lên hẳn. Nhà Hayasakaya sản xuất rượu, có tiệm ở phố hạ. Những thương gia được gọi là giàu có của Yoshioka-*juku* mọi người đều tập trung ở phố thượng, chỉ có xưởng rượu của Hayasakaya nằm riêng lẻ ở phố hạ. Cả chùa thờ tự của gia tộc cũng khác biệt. Những dòng họ lâu đời ở phố thượng đều lập mộ phần ở chùa Kuhonji, chỉ có nhà Hayasakaya là ở chùa Chūkō. Vì nhà Hayasakaya là thương nhân mới phát triển sau này, mối quan hệ với Asanoya, Sugawaraya, Jūzaburō vẫn còn xa cách, nên chưa tham gia góp tiền.

Đương chủ nhà Hayasakaya là Shinshirō, độ chừng bốn mươi tuổi, là người thông minh. Nhà Hayasakaya có tính cách năng động, và Shinshirō cũng rất tích cực trong buôn bán, nhờ vậy mà gầy dựng được mấy xưởng rượu.

“Tôi muốn đào suối nước nóng.” – Gần đây, Shinshirō còn nói vậy và đi quanh vùng núi lân cận, tìm nguồn nước nóng có thể làm nơi tắm suối nước nóng. Phải nói thêm, cuối thời Meiji, dòng họ này đã sản sinh anh tài Hayasaka Fumio, người sau đó vào học trường Đại học Đế quốc Tōkyō, đầu những năm Shōwa¹, là người đầu tiên trên thế giới đã phát minh ra thiết bị mở dù nhảy một cách an toàn.

¹ *Chiêu Hòa: niên hiệu trong khoảng thời gian 1926 – 1989.*

Nhưng nói gì thì nói, xem ra Heihachi đã quyết định sẽ thuyết phục nhà Hayasakaya này. Một phần nội dung câu chuyện Heihachi

thuyết phục nhà Hayasakaya về sau được ghi chép rõ ràng trong *Kokuonki*. Những lời nói của người đàn ông quét chùa này được lưu lại nguyên vẹn trong thời Edo có quá nhiều ghi chép này cũng là một việc hiếm hoi. Ngày nay, nó trở thành một tài liệu quý về lịch sử tư tưởng để chúng ta tìm hiểu suy nghĩ, tâm tư của người dân thời ấy.

Theo lời kể Jūzaburō nghe được sau đó thì Heihachi đã mở đầu bài diễn thuyết dài dằng dặc bằng câu: “Tôi nghĩ là ngài cũng đã biết...”

Heihachi đã kể cho Hayasakaya nghe về khó khăn của những người góp tiền. Heihachi nói: “Các ngài ở phố thượng thật vĩ đại!”

Những nhà giàu có ở phố thượng đều góp mặt trong kế hoạch này. Đến phu nhân Asanoya Jinnai cũng ủng hộ, thật khiến người ta rớt nước mắt vì cảm động. Chưa hết, đến cả nhà Kokudaya Zempachi, không mấy giàu có ở phố thượng cũng thành người thứ tám tham gia kế hoạch với 200 *kanmon*. Cánh đàn ông phố thượng thật sự quên mình để cứu ba phố Yoshioka này. Thật là những tấm lòng chân thành, tử tế hiếm có tự cổ chí kim sao? Vậy mà ngược lại, nhà giàu phố hạ như Hayasakaya thật đáng buồn làm sao.

Yoshioka-*juku* được chia thành ba phố, thượng, trung, hạ. Những người đang xuất tiền tham gia kế hoạch đều là người phố thượng. Nếu cứ như vậy thì người phố hạ như Heihachi chẳng phải bỏ ra đồng nào mà vẫn ung dung chờ phát tiền lãi.

Và thú vị ở chỗ là người dân thời đại này không cho rằng điều đó là hay, là có lợi.

“Nếu là vậy thì thật chẳng tự hào gì khi làm người phố hạ. Những kẻ dù không góp tiền nhưng ở phố thượng sẽ hãnh diện với tư cách “phố thượng” đã cứu Yoshioka-*juku*. Người phố hạ sẽ trở nên nhỏ bé, phải khép nép tránh sang một bên mà không thể ngẩng cao đầu. Nếu vậy thì thật không hay chút nào.”

Đó là lý lẽ của Heihachi. Người Edo, đến cả thường dân cũng rất trọng hai chữ “thể diện”. Tính cách này được các nhà truyền giáo

châu Âu thời Sengoku phát hiện và thuật lại như một kho báu. Đó chính là điểm thú vị của đất nước này, của người dân thời đại này. Và Heihachi đã tự mình dốc sức thuyết phục nhà giàu phổ hạ Hayasakaya để khỏi đánh mất thể diện của họ.

Heihachi bật bạch nổi lòng.

“Thật tình tôi rất muốn góp tiền nhưng với thân phận của tôi, thật không biết xoay xở thế nào. Nhưng ngài đây thì khác. Địa vị, thân phận lẫn tiền bạc đều khác hẳn chúng tôi. Mong ngài xem xét tham gia góp tiền cho kế hoạch.”

Người đàn ông nghèo khó đã thẳng thắn đề nghị như vậy. Khi Hayasakaya vẫn còn im lặng, chàng ta nói thêm: “Tên tuổi của ngài sẽ lưu danh hậu thế. Xin ngài suy nghĩ kỹ.”

Heihachi nhiệt tình như vậy khiến Hayasakaya cũng xiêu lòng, hỏi: “Góp bao nhiêu thì được?”

Câu trả lời của Heihachi lại vô cùng thú vị. Nghe kể rằng chàng ta đã khoanh tay, nói với thái độ như thể là chủ nhân của Hayasakaya: “Ừ nhỉ. Đại khái, với địa vị của ngài thì khoảng 500 – 600 *kanmon*. Nếu không được chừng đó, có lẽ họ không cho ngài tham gia đâu. Gì thì gì, họ đã viết cả giấy thế chấp tài sản, quần áo, vợ con cơ mà. Nhà Asanoya chẳng còn áo xống gì ngoài chiếc áo mặc trên người. Không chịu thiệt một chút thì không nói chuyện được. Nếu không góp được chừng đó thì thật không tương xứng với địa vị trong xã hội của ngài.”

Với Hayasakaya thì quả là một chuyện điên rồ. Góp 500 – 600 *kanmon* thì nhà Hayasakaya sẽ gặp nguy. Không đến nỗi sập tiệm nhưng quả thật khó lòng đồng ý với đề nghị này. Nhưng khi đã được nói “tương xứng với địa vị” thì không thể xem như chưa từng nghe.

Cũng cần giải thích thêm chút đỉnh về điều này. Xã hội Edo khác với tất cả xã hội từng tồn tại trong lịch sử Nhật Bản. Đó là sự duy trì ý thức về “tương xứng với địa vị”. Đó là xã hội phân biệt địa vị, và được những người sống trong xã hội đó xây dựng bằng những cam

kết rằng sẽ hành động tương xứng với địa vị đó. Thủy tổ Tokugawa Ieyasu vốn rất thích câu nói “tương miso có mùi của tương miso, *samurai* có mùi của *samurai*”. Nói cách khác, “hãy hành động tương xứng với địa vị”. Võ sĩ mổ bụng tự sát, hay quan phủ quên mình bảo vệ dân làng cũng là những hành động tuân theo nguyên lý “tương xứng với địa vị” này. Quan niệm này là nguyên lý hành động của những con người có quyền lực chi phối mạnh mẽ thời Edo. Hành động tương xứng với địa vị là chuyện đương nhiên, ngược lại, những kẻ không tuân thủ điều đó sẽ không được xã hội dung thứ, sẽ bị xem thường như một kẻ ti tiện, vô đạo đức.

Hayasakaya cũng phải cố gắng cho *shukuba* sao cho phù hợp với địa vị đó của mình. Và thường dân cũng cho rằng những người có địa vị cao đương nhiên sẽ làm như vậy. Nói khác đi, làm người thượng lưu thời Edo thật khổ. Bị cả thường dân thấp kém chĩa mũi dùi một cách không nương tay rằng “hãy hành động tương xứng với địa vị”.

Vì vậy mà Heihachi cũng thẳng thắn đề nghị Hayasakaya góp tiền vì *shukuba*.

Có vẻ Hayasakaya rất khó trả lời, ấp úng: “Tôi rất hiểu tâm ý của anh nhưng... với thân phận của tôi thì... Anh có thể xem xét lại không?”

Nhưng Heihachi không nhượng bộ. Trên phương diện đạo đức thời này thì chính nghĩa rõ ràng thuộc về chàng ta. Heihachi bắt đầu thuyết giảng cho Hayasakaya như thể một đạo sĩ giảng đạo.

“Chà, chà, sao nghe không có chút thành ý gì cả. Ngài hãy nghĩ kỹ đi. Chuyện phú quý một gia tộc không hẳn vĩnh cửu. Ngày xưa, làng này đã từng có xưởng rượu Sōzaemon, Rokuzaemon, giàu sang cỡ nào vậy mà rồi sao? Bây giờ đến cả dấu tích căn nhà cũng không còn. Nhưng nếu cúng dường chuông chùa, tượng Phật thì khác. Nhà Takaya Gorōshichi, Fukudaya Matasaku phổ trung đều đã chết nhưng tên họ còn lưu danh như những thí chủ đầy thôi. Cũng như con người ta rồi phải chết, phú quý cũng tan biến theo thời gian thôi.” “...”

“Quan trấn thủ Akechi (Mitsuhide) chẳng phải vậy sao?” Không biết nghe được từ đâu nhưng người đàn ông quét lá ở chùa này bắt đầu nói chuyện sử sách để diễn thuyết.

“Akechi đã giết chủ quân Oda Nobunaga và trở thành cái tên phản chủ. Nhưng sinh tiền ông đã miễn thuế đất cho dân Kyōto và cấp tiền cho chùa Myōshin xây nhà tắm. Nhờ vậy mà bây giờ, mỗi lần vào nhà tắm chùa Myōshin, các sư trong chùa vẫn đọc kinh, thắp hương cho Akechi. Nghe đâu đến nay bài vị Akechi vẫn được thờ cúng. Ngài cũng thử cân nhắc học hỏi, tích lũy công đức để hậu thế có thể tôn kính xem. Cọp chết để da, người ta chết để tiếng. Tôi không đề nghị chuyện xấu xa. Ngài nên tham gia với tư cách một người góp tiền. Rồi danh tiếng ngài sẽ lưu truyền muôn đời. Không hề để lại tiếng xấu cho con cháu hay hậu thế gì cả.”

Heihachi nói vậy nhưng Hayasakaya vẫn một mực im lặng. Sau một lúc nhắm mắt như đang vận nội công, cuối cùng Hayasakaya khó nhọc lên tiếng: “Nếu là 200 – 300 *kanmon* thì tôi còn có thể chứ năm, sáu trăm quả thật không thể nào. 300 *kanmon*, không thể thêm xu nào, mong anh hiểu cho tôi.”

Và như vậy, rốt cuộc Hayasakaya cũng đồng ý góp tiền.

Tinh thần công – tư của người Nhật thời Edo được nâng đỡ bởi tinh thần trách nhiệm mạnh mẽ cao độ với các thế hệ. “Làm vậy thì mặt mũi nào nhìn tổ tiên. Không làm cho đàn ông hoàng thì có lỗi với con cháu.” Có thể nói Heihachi đã đánh vào tâm lý đó để thuyết phục Hayasakaya.

Với Jūzaburō và những người còn lại, chuyện thật đáng mừng. Heihachi nói: “Nhưng có kẻ không góp tiền dù tôi đã nói hết lời.”

“Vậy anh đã đề nghị những ai?”

Jūzaburō lo lắng hỏi, Heihachi dông dài kể lại chuyện thất bại một cách tiếc rẻ.

Phổ trung không một ai góp tiền. Heihachi thấy vậy không được nên đã nhờ Dengorō và Kōemon thuyết phục Watanabeya, Asamaya và Sakuraiya nhưng họ thất bại với cả ba mối này.

Nhà Watanabeya nổi tiếng keo kiệt vùng Yoshioka-*juku* này, khi nghe chuyện chỉ nói: “Nghe được đấy. Tôi cũng muốn tham gia nhưng với tiền thì...”

Sau đó, họ im lặng gườm nhau rồi chia tay trong hậm hực. Nhà Asamaya thì khác, không cần nói nhiều. Mấy năm gần đây, chuyện kinh doanh của nhà họ không được tốt cho lắm.

“Tôi thật lòng ghen tị khi thấy mọi người tham gia đề đạt lên bề trên. Nếu là mười, hai mươi *kanmon* thì tôi có thể xoay xở...”

Trước tình hình đó, họ mau chóng từ bỏ ý định thuyết phục. Họ cũng đến nhà Sakuraiya nhưng cũng không được đón nhận. Tuy đã ra sức thuyết phục “sẽ là nền tảng cho con cháu về sau” nhưng câu trả lời không lấy gì làm khởi sắc. Họ đã thử thương lượng với giá 100 *kanmon* được cho là tương xứng với nhà Sakuraiya nhưng Sakuraiya nhất mực chối từ.

“Anh hãy thấy mình may mắn khi được sinh vào thời đại này, nay chỉ cần nghĩ cho con cháu, nhắm mắt tham gia mà làm việc tốt thôi.”

Heihachi đã thử thuyết phục như vậy nhưng vô ích.

Đã bước vào nửa sau thời Edo. “Ý thức gia đình” đã ăn sâu vào nhận thức người dân ở làng *shukuba* nhỏ bé này. “Ý thức gia đình” là một loại tôn giáo cho rằng sự kết nối vĩnh cửu, sự phồn vinh con đàn cháu đống chính là giá trị tối cao. Tôn giáo này xưng là “Phật” nhưng là tôn giáo thờ tổ tiên chứ không phải Phật, đồng thời cũng là tôn giáo con cháu. Họ sợ nhất là tuyệt đường con cháu, mộ phần tổ tiên không người chăm sóc. Thông qua thời Edo, đến cả những thường dân Nhật Bản cũng tin vào tôn giáo quốc dân này. Cho đến thời Muromachi, đừng nói là phần mộ gia đình, cả chuyện khắc tên cá nhân trên bia mộ cũng hiếm hoi, vậy mà đến thời Edo, “ai sẽ chăm sóc mộ phần?” là cả một vấn đề, chuyện có “con cháu chăm

sóc mộ phần” trở thành mục đích bắt buộc. Vì vậy, nếu bị vặn hỏi “có lợi cho bản thân hiện nay, hay cho con cháu trong tương lai”, hầu hết đều chọn về sau.

Ngược lại, người theo chủ nghĩa thời điểm hiện tại như nhà Sakuraiya “nếu đời nay sụp đổ thì con cháu cũng chẳng có gì” chính là dị giáo đối với tôn giáo quốc dân này. Về sau, ba nhà Watanabeya, Asamaya, Sakuraiya từ chối góp tiền đã bị người làng Yoshioka-*juku* chê cười đến mức đáng thương.

Tuy một phần cũng do Dengorō và Kōemon không giỏi thuyết phục để họ xuất tiền nhưng cả ba nhà bị người làng khinh miệt “nhà đó keo kiệt bẩm sinh, lại chẳng có tài cán gì” đến mức tăng lữ trong làng phải lên tiếng nhắc nhở “thôi, đừng nói xấu họ như vậy nữa”.

“Chuyện trở nên rắc rối rồi.” – Jūzaburō thở dài. Chàng chỉ kêu gọi đóng góp với tình cảm trong sáng nhưng nay người góp tiền thì được tôn kính quá mức, người không góp lại bị khinh khi ra mặt.

Người lo lắng về việc này nhất là *ōkimoiri* Chisaka Chūnai. Với tư cách người đứng đầu cai quản cả khu, *ōkimoiri* đã nghĩ: “Nếu chuẩn bị sẽ không xảy ra có sự.” Chisaka cho gọi tám người đã góp tiền tập hợp lại. Trước mặt tám người Jūzaburō, Sugawaraya, Jinnai... đứng xếp hàng, Chisaka nói: “Chúng ta phải hạn chế.”

Người dân Yoshioka-*juku* đã bắt đầu bàn tán về nhóm chín người bọn họ như “nghĩa sĩ Akō”¹. Mặt khác, cũng có người bị nói xấu vì không góp tiền. Quanh quẩn trong thế giới nhỏ hẹp, người ta thường có lòng đố kỵ, ghen tị mạnh mẽ. Ở Yoshioka-*juku* chật hẹp này đang manh mún sự chia rẽ. Dù từng người họ góp tiền với tấm lòng chân thành muốn cứu *shukuba* này nhưng cũng có kẻ không được vui. Và họ phải cẩn thận.

¹ *Truyện thuyết 47 samurai ở Akō thời Genroku (1688 – 1704) lên kế hoạch trả thù cho chủ quân là Asano Takumi-no-Kami bị phán xét oan ức, phải tự mổ bụng tự sát. Sau khi trả thù, họ cũng mổ bụng tự sát để tỏ lòng trung và nghĩa khí của samurai. Sự kiện này còn được gọi là Akō Jiken.*

Chisaka giải thích cặn kẽ từng việc phải lưu ý.

“Tóm lại, làm gì cũng phải cẩn thận. Dù có làm ăn cũng phải tránh đi xa. Đi bác sĩ ngay khi phát bệnh để tránh bệnh trở nặng. Dù có bị ai hỏi han gì về việc phục hưng Yoshioka cũng không được hé răng nửa lời...”

Chàng nói một tràng hơn mười điều phải lưu ý. Những điều này thì cả Jūzaburō và Sugawaraya đều thừa biết. Thế nhưng, đáng ngạc nhiên là Chisaka bắt đầu nói về việc sau khi kế hoạch thành công. Thật bất ngờ làm sao.

“Và có một việc chúng ta phải truyền lại cho con cháu đời sau. Các anh có thể rằng nếu như nguyện vọng này đạt thành đi nữa, chúng ta cũng không được tự hào về việc chúng ta đã làm không?”

“Nghĩa là sao?”

“Có thể không ai trong chúng ta sẽ vênh mặt tự hào khi kế hoạch này thành công nhưng đời con cháu chúng ta thật không biết được.”

Đúng là vậy. Nếu kế hoạch thành công, Yoshioka-*juku* hồi sinh thì chín người họ sẽ được ca tụng. Và điều này sẽ trở thành mầm mống cho cái gọi là “đẳng cấp gia tộc”. Chắc chắn chín gia đình đã cứu *shukuba* này sẽ có một vị thế khác biệt trong ngôi làng nhỏ bé.

“Vì vậy, tôi muốn chúng ta thề với nhau. Cho đến đời con cháu về sau, chúng ta không được ngồi chiếu trên.”

“ ... ”

Tức trong tương lai, dù có đến dự tiệc rượu nơi đâu, dù có ở cuộc họp nào của làng, họ không được ngồi vị trí cao hơn người khác. Thậm chí phải ngồi ở vị trí thấp nhất. Tuy có chút quá đáng nhưng không ai phản đối. Khi Chisaka giục tám người còn lại trả lời, từng người đều tuyên bố rõ ràng: “Không phản đối.” Vốn dĩ, ngay từ đầu họ không tính toán thiệt hơn. Tất cả đều xem đó là chuyện đương nhiên. Họ quyết định viết rõ nhắc nhở con cháu đời sau không được

kênh kiêu một khi kế hoạch thành công. Chisaka cho rằng nếu không có giấy trắng mực đen rõ ràng thì không yên lòng, nên họ quyết định làm vậy. Người làm quan trong làng cũng thường viết giấy hộ thân nên mọi người im lặng làm theo.

Họ quyết định viết một văn bản gồm “Các điều hạn chế” như không ngồi chiếu trên vân vân rồi mọi người cùng ký tên vào đầu và cuối văn bản. Jūzaburō cũng viết “Kokudaya Jūzaburō” và đóng dấu và còn đóng cả hoa ấn lên đó. Chỉ khi đóng hoa ấn này, chàng mới xưng “Kokudaya”. Điều này khiến lòng chàng dâng trào tinh thần của một võ sĩ. Những người khác cũng có hoa ấn, không ngần ngại viết tên, đóng dấu, đóng hoa ấn như những võ tướng thực thụ.

Chỉ Shinshirō nhà Hayasakaya không biết có phải do không có hoa ấn, hay do tự xưng mình là thương nhân nên cẩn thận lấy thương ấn từ chiếc túi vải ra để đóng lên đó.

Những tưởng chuyện giấy tờ, văn bản đã xong nhưng không phải.

“Một khi đã đệ trình đơn xin lên bề trên mà chỉ cần một ai đó nói “tôi không góp tiền được” thì kế hoạch này sẽ tan như bọt nước.”

Chisaka nói với vẻ lo lắng. Cả nhóm đồng loạt nhìn nhau.

Tuy họ là những người anh em đáng tin cậy của nhau nhưng đúng là chỉ cần một người rút lui, chuyện sẽ trở nên gay go.

“Vậy từng người chúng ta nên viết suy nghĩ của mình ra giấy.” Không rõ có phải là Sugawaraya không nhưng một người trong số họ đã nói vậy.

Tuy hơi thừa nhưng phải nói, vào thời này, nông dân bá tính từng người viết ra ý chí của họ một cách riêng lẻ khi tham gia một phong trào nào đó là việc hiếm hoi. Thông thường, có khởi nghĩa hay thỉnh nguyện điều gì, ý chí của một nhóm người sẽ được tập hợp vào một văn bản và mọi người ký tên vào đó. Vì vậy, có thể nói chín người làng Yoshioka này quả thật không tầm thường. Từng người họ đã

thể hiện rõ “ý chí của từng cá nhân” trong việc cứu Yoshioka, như những người sống ở thời hiện đại.

Ōkimoiri Chisaka Chūnai cầm bút trước tiên. Những dòng chữ với sự chuẩn bị tâm lý tràn ngập bi thương.

“Nếu chẳng may chuyện tiền bạc xảy ra việc gì không thuận lợi, đương nhiên tôi sẽ bán cả nhà cửa, gia sản, y phục, thậm chí dù có để cả vợ con làm thuê cũng cam lòng. Tôi và vợ con mình sẵn lòng làm vậy.”

Tiếp theo *ōkimoiri* Ikuemon viết:

“Tôi đây đã bàn bạc kỹ lưỡng với mẹ tôi, nhánh chính của dòng tộc Asanoya và mạn phép đến đây với tâm thế sẵn sàng. Cho dù có phải vác bị ăn xin cũng nhất định không hối tiếc.

Tôi cũng cùng quyết định với đứa con trai (nổi dối) Tōkichi của mình.”

Mọi người ai nấy đều viết theo cách của mình.

Jūzaburō quyết định viết rõ tâm trạng lúc ấy.

“Cho dù tôi có phải bán thân làm công cũng không hề gì.”

Với những người nông dân, không gì đáng sợ bằng việc rớt xuống tầng lớp *mutaka no mizunomi*. Tức thân phận bán thân làm công, không sở hữu ruộng đất, chỉ có nước uống qua ngày. Chỉ những ai có mảnh đất đứng tên và nộp thuế công đầy đủ với chính quyền mới được xem như một con người thực thụ. Một khi không còn ruộng đất, nhà cửa trong tay, chỉ biết uống nước qua ngày thì chỉ còn cách bán thân, làm gia nhân cho nhà người để vừa trả nợ vừa kiếm sống qua ngày. Và khi đã như vậy thì cả nhà sẽ phải ly tán. Con cái suốt đời bị người ta sai khiến, con trai không lấy được vợ, con gái không cưới được chồng. Với những người dân thường, việc này chẳng khác nào bị thế gian xử tội chết.

Khi một mạch viết ra điều đáng sợ nhất, khuôn mặt đứa con trai hiện lên trong đầu chàng. Chỉ vì trở thành con nuôi chàng mà biết đâu cuộc đời nó sẽ khốn khổ. Lẽ ra nó đã có được cuộc sống an nhàn trong một nhà làm rượu, chỉ vì chàng mà nó thể bị đẩy xuống tận cùng. Dù vậy, vẫn không thể rút lui.

“Con trai tôi, Otoemon cũng nói rằng: “Cho dù khốn khó chồng chất, vẫn cố gắng hết sức mình để hoàn thành đại sự”.”

Chàng lấy lại tinh thần và viết thêm câu đó.

Jūzaburō thắc mắc không biết Sugawaraya đang ngồi bên cạnh mình viết gì. Nhìn trộm theo ngòi bút của Sugawaraya thì chàng suýt bật cười khi thấy chàng ta, khác với mọi người, viết về vợ mình thật dài.

“Khi tôi hỏi vợ thì nàng ấy nói: “Em biết chàng có những suy nghĩ như thế. Phận làm vợ phải theo chồng là chuyện đương nhiên tự cổ chí kim, nên em chẳng việc gì phải đắn đo. Một khi đã làm dâu nhà chàng, chuyện sống chết của em đều do chàng định đoạt. Chàng hãy đệ trình bề trên những gì chàng cho là tốt nhất”.”

Sugawaraya viết như vậy. Vợ Sugawaraya độ hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi. Thời trẻ, chàng ta vui đầu vào chuyện trồng trà nên lấy vợ hơi trễ. Hơn ba mươi lăm tuổi, chàng mới lấy người con gái trẻ hơn mình cả mười bốn, mười lăm tuổi làm vợ. Nàng tên Natsu, da trắng ngần, trong suốt. Trước đây chỉ biết nói ghét phụ nữ nhưng kể từ ngày lấy vợ, Sugawaraya thay đổi hoàn toàn, như phát cuồng vì vợ, một ngày cũng không thể rời xa. Một Sugawaraya nổi tiếng thông thái một vùng nhưng hoàn toàn “lép vế” trước người vợ trẻ.

Bình thường, những lúc thế này, Sugawaraya thể nào cũng lý luận nọ kia nhưng nay chỉ viết lại nguyên văn lời cô vợ, rồi cuộc thành ra kiểu người vợ nói “muốn làm gì tùy chàng” nên Jūzaburō lấy làm buồn cười.

Vậy là Jūzaburō và mọi người đều viết xong, tức quyết định đệ trình lên phiên.

Thình lình, có tiếng đập cửa thật mạnh. Mọi người giật bắn mình.

Lúc đó, Jūzaburō và Sugawaraya đang thăm thì với nhau về thư thỉnh nguyện để trình lên phiên. Lễ nào chuyện sớm bại lộ, và lính quan trên đã tìm đến? Suy nghĩ bi quan đó hiện lên trong đầu họ như một tia chớp.

Nhưng không phải vậy. Khi kéo mở cánh cửa, nhóm Heihachi vốn đang chạy khắp nơi kêu gọi góp tiền, thò đầu vào. Những người đàn ông trong những bộ quần áo nhàu bần, phong phanh đứng trước cửa, giữa mùa đông lạnh lẽo với những cơn gió thổi bay cả những cành cây khô ở Michinoku. Tất cả họ đều hướng ánh mắt về nhóm Jūzaburō với vẻ mặt thần bí.

“Chúng tôi có một mong muốn.” – Heihachi nói.

Rằng họ muốn nhóm Jūzaburō đọc lá thư thỉnh nguyện lên bề trên để cứu Yoshioka-*juku* trước toàn thể dân làng vào ngày lễ *osanya-san*.

Osanya-san chỉ đêm 23. Ngày này, dân chúng trong *shukuba* tập hợp ở chùa Kichijōin và Hachiōji Anraku-in đón trăng bán nguyệt thâu đêm đến lúc mặt trời lên để cầu nguyện. Họ muốn nhân dịp đó được biết nội dung của lá thư.

Thời này, chỉ cần tụ họp chính trị là có thể bị xem như “khởi nghĩa”. Nhưng việc cả làng tập hợp cả đêm để đón trăng, cùng nhau uống rượu “trò chuyện” chờ trăng, chờ ngày mới thì mặc nhiên được công nhận. Hẳn đây là suy nghĩ của bọn họ.

Nhân tiện nhắc lại ở đây, đất nước này thời Edo có nền văn hóa chính trị đọc cho nghe. Những bảng cáo thị thường thấy trong các bộ phim truyền hình về thời xưa chỉ viết “Tuân thủ luật lệ”, “Cấm Kitô giáo”, “Không được đánh bạc” vân vân nhưng những pháp lệnh được bề trên ban ra thông thường không được xuất hiện.

Thời Edo, tuy nói tỉ lệ người dân biết chữ cao nhưng quá nửa không biết đọc. Do đó, việc đọc cho dân nghe các pháp lệnh có ý nghĩa vô

cùng to lớn đặc biệt vào thời kỳ đầu Edo. Người đứng đầu dân làng như *shōya* sẽ tập hợp mọi người lại một nơi, đọc cho họ nghe pháp lệnh. Bằng cách đó, sự cai trị của lãnh chúa lan đến hàng cùng ngõ hẻm. Thường dân Nhật Bản biết đến công báo, báo chí, tức biết đến pháp luật qua mặt chữ cũng phải vào khoảng nửa sau thời Meiji trở đi.

Tóm lại, những gì liên quan đến chính trị, luật pháp thì sẽ được người đứng đầu đọc cho dân chúng nghe bằng miệng. Đó là truyền thống lâu đời của đất nước này.

Đêm 23, một bầu không khí lạ thường bao trùm toàn thể *shukuba*. Khác với những đêm 23 thông thường, hoàn toàn không có không khí hội hè. Dân trong *shukuba* lũ lượt kéo đến chùa trong đêm đen, không nói lời nào. Những cái bóng đen lúi lúi kéo đến để nghe đại sự dần dần lấp đầy khuôn viên chùa.

Jūzaburō bắt giắc rung mình. Từ bây giờ, một sự kiện trọng đại quyết định vận mệnh của cả *shukuba* sẽ diễn ra. Trong bầu không khí căng thẳng tột độ, nhóm chín người Jūzaburō từ từ đọc lớn nội dung thư thỉnh nguyện cho dân chúng trong *shukuba* nghe.

Từ chỗ có 219 hộ, Yoshioka-*juku* nay đã mất hết 16 hộ phá sản. Yoshioka-*juku* này là một *shukuba* nghèo nàn, người có ruộng đất trị giá một *kanmon* trở lên chỉ tám, chín người, không hơn không kém. Vì vậy, dân trong *shukuba* kiếm tiền qua sáu phiên chợ được mở mỗi tháng nhưng cũng chẳng thấm tháp vào đâu. Từ đây sắp tới, nếu tiếp tục làm nhiệm vụ *otenmayaku* cho bề trên cần phải có cách cải thiện, nay mạn phép xin được giảm thuế sáu *kanmon* cho những nhà *ikkenmae*, giảm 4 *kanmon* cho những nhà *hankenmae*¹. Nhưng chúng ta không đơn thuần thỉnh nguyện như vậy mà cho đến lần *sankin-kōtai*² vào năm tới đây, chúng ta sẽ dâng lên bề trên 4.500 *kanmon*, ba năm sau vào lần *sankin-kōtai* tiếp theo sẽ dâng tiếp 1.500 *kanmon*, tổng cộng 6.000 *kanmon*. Thay vào đó, xin được giảm thuế như vậy.

¹ Tùy vào mức thuế mà được phân biệt thấp hơn với *ikkenmae*.

² Tham cần giao đại: chế độ trình diện luân phiên thời Mạc phủ để đảm bảo lòng trung thành của các *daimyō* với *shōgun*.

Họ giải thích cặn kẽ, tường tận cho dân làng nghe. Nếu dân làng không đồng tâm nhất trí, kế hoạch này không thể thành công.

Cả làng lắng nghe trong im lặng, không cả một tiếng tăng hắng. Ai nấy đều hiểu sự việc trọng đại thế nào.

Giữa chừng, thỉnh thoảng có tiếng keng vang lên dồn dập. Hình như làng bên có hỏa hoạn. Vậy mà dân chúng trong *shukuba* không ai cử động, chẳng ai đứng lên, cứ chăm chú lắng nghe.

Trên đường về, sau khi kết thúc buổi đọc thư, Sugawaraya quay sang Jūzaburō nói một câu: “Có đám cháy mà chẳng một ai đứng lên, tôi thật không thể nào quên những nét mặt chăm chú đó.”

Jūzaburō nghĩ bụng, với dân làng Yoshioka, nỗi sợ hãi cái nghèo đang xâm lấn còn lớn hơn cả nỗi sợ nhà cháy.

Với Yoshioka-*juku*, ngày trình thư thỉnh nguyện lên phiên hãn là ngày quyết định vận mệnh của cả làng. Dân ba phố trong Yoshioka đồng lòng chấp tay cầu nguyện, đem đến chỗ nhóm Jūzaburō ba thùng rượu sake để tiễn họ lên đường. Thâm tâm Jūzaburō “muốn được đưa tiễn thật yên lặng” nhưng với trường hợp này thì không thể. Thanh niên trai tráng trong làng hùng hực khí thế như thể muốn xắn tay áo theo đưa họ đến tận Sendai. Nhưng nếu kéo nhau đông đúc như vậy không thể nào không khiến bề trên nghĩ rằng họ đang kéo bè nổi loạn. Sugawaraya ra sức thuyết phục “người đứng đầu *goningumi*¹ đi tiễn là được rồi” nhưng không cách nào giải tán được họ. Những người đứng đầu *goningumi* đi theo sau họ, chấp tay cầu nguyện thần Phật. Tâm nguyện của cả dân làng như bám chặt họ từ lúc xuất phát.

¹ Nhóm năm hộ gia đình liên kết với nhau, một cách tổ chức hành chính thời Edo.

Nơi tiếp nhận đơn thỉnh nguyện sẽ là *daikansho*². Nhóm Jūzaburō nhằm hướng *daikansho* ở Kurokawa, nơi cai quản Yoshioka-juku. Do viết đơn thỉnh nguyện này mà cả chín người bọn họ, kể cả *ōkimoiri* Chisaka Chūnai cũng được xem là “nông dân”. Mà nông dân muốn đệ trình điều gì lên phiên đều phải được *daikankyō* duyệt. Đại quan trực phiên thời gian đó là Yashima Dennenosuke. Người này là một viên quan bình thường. Quan chức thông thường chẳng ưa gì những đơn thư ngoại lệ thế này. Bất kể nhóm Jūzaburō lặn lội đường xa mới đến được *daikansho*, ông ta chỉ thờ ơ đọc lướt lá thư và nói với vẻ lạnh nhạt: “Việc này các người hãy bẩm báo ngài Hashimoto Gonemon đồng chức. Trước tiên, hãy trình lên ngài Hashimoto.”

² *Đại quan sở: nơi quan đại diện chính quyền Mạc phủ đóng ở địa phương.*

Có nghĩa ông ta hoàn toàn không muốn nhận thư thỉnh nguyện này, nên chuyển sang người đồng chức với mình. Một sự chối bỏ trách nhiệm lộ liễu. Có thể thấy mặt Sugawaraya nhăn nhó khổ sở. Việc tiếp nhận lá thư thỉnh nguyện chưa từng có tiền lệ này và trình lên quan trên trong phiên quả thật là một việc phiền toái với giới quan lại vốn theo chủ nghĩa không quan tâm đến sự tình. Đến cả *ōkimoiri* cũng ký vào thư cũng không qua được ải này. Có vẻ Yashima nghĩ rằng “chỉ cần tống cho Hashimoto là xong việc”. Đây là khởi đầu cho cái vòng quan liêu luẩn quẩn.

Thời Edo, thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp chưa từng thấy trong quá khứ. Một xã hội như cổ tình xử lý một cách phức tạp các loại văn bản hành chính như thế này thật hiếm thấy trong lịch sử nhân loại.

Điều này cũng có thể có liên quan với việc võ sĩ quá nhiều dù chiến tranh đã kết thúc. Vào cuối thời Sengoku, số lượng võ sĩ (gia trung *daimyō*) ở một đảo quốc nhỏ như Nhật Bản gia tăng nhanh chóng. Có thể nói thời Hideyoshi xuất binh Triều Tiên¹ là đỉnh điểm, dân số chỉ khoảng mười mấy triệu người mà võ sĩ năm trăm ngàn người, tính luôn cả gia đình họ thì sinh ra một quân đoàn khổng lồ hơn một

triệu người. Hễ đã gia tăng số lượng võ sĩ một lần thì khó lòng giảm bớt. Đến thời Edo, dù đã hòa bình nhưng đất nước vẫn phải gánh số võ sĩ hùng hậu vô nghĩa này.

¹ *Toyotomi Hideyoshi đưa quân xâm lược Triều Tiên vào năm 1592.*

Giới binh sĩ quá dư thừa. Vì vậy nhiều võ sĩ được giao cho chức vụ, công việc chỉ một người cũng có thể làm được giao cho hai người hoặc hơn thế phụ trách gọi là aiyaku (cùng làm việc). Họ còn cố tạo ra cái gọi là tsukiban (trực theo tháng). Họ tin rằng làm vậy thì không có kẻ nào nắm giữ quyền lực tuyệt đối. Trong giới võ sĩ, nếu ai đó nổi lên nắm quyền lực thì sẽ bị căm ghét cùng cực. Không ai được phép nắm quyền ngoại trừ chủ quân. Vì vậy, họ luôn xử lý sự việc theo nhóm chứ cá nhân không tự mình giải quyết.

Do đó trong “chính phủ” tạo nên giới võ sĩ này, bản thân những người có chút quyền lực nhỏ bé, mờ nhạt này không biết ai sẽ là người quyết định chính. Họ cố tình tạo ra một tổ chức dường như không hiểu điều đó. Từ đó, khi muốn quyết định một công việc hành chính nào đó, họ lần theo một lộ trình phức tạp, giấy tờ văn bản được chuyển lòng vòng để một số lượng võ sĩ đóng dấu vào đó. Rốt cuộc, chẳng thể nào biết được ai là người quyết định sự việc, cái vòng luẩn quẩn cứ thế quay đều.

Tôi đã nói chuyện ngoài lề hơi nhiều rồi, quay lại chuyện của nhóm Jūzaburō thôi.

“Nộp cho Hashimoto Gonemon” là lệnh của *daikan* Yashima. Dẫu biết mọi việc không thể nào suôn sẻ nhưng nhóm Jūzaburō vẫn thất vọng tràn trề. Nói đúng hơn, đối với họ, chỉ thị lòng vòng này thật tàn nhẫn. Bởi *daikan* Hashimoto Gonemon ở *daikansho* Nakaniida rất xa họ.

Giữa Yoshioka-juku và Nakaniida là những dốc núi hiểm trở, quanh co, đạo gần đây do thời tiết xấu mà những con đường vốn đã không bằng phẳng nay còn tồi tệ hơn, có chỗ còn bị đứt đoạn.

“Quan lại thật biết cách làm khổ dân chúng.” – Âm ỨC vậy nhưng họ chẳng còn cách nào khác.

Để thương lượng với phiên, người có chức trong làng phải ra tay thôi.

Ōkimoiri Chisaka Chūnai, *kimoiri* Ikuemon và Sugawaraya sẽ đi ngựa để băng qua đoạn đường đau khổ này. Jūzaburō cho rằng người thông thái như Sugawaraya đi thì được việc hơn mình. Nhưng đến sáng hôm lên đường, nhìn Sugawaraya xuất phát, chàng thấy lo trong bụng.

Con ngựa của Sugawaraya ốm yếu, như chực ngã lăn ra. Jūzaburō thầm nghĩ không biết liệu họ có đến nơi an toàn không. “Anh Sugawaraya, vậy ổn không?” – Chàng cất tiếng hỏi.

Từ trên lưng ngựa, Sugawaraya trả lời.

“Dù có chết tôi cũng không rời lá thư đâu.”

Nhìn lại mới thấy Sugawaraya đeo lá thư trên cổ. Nhưng lo lắng của Jūzaburō không sai chút nào. Giữa đường, con ngựa bị lún bùn, Sugawaraya rơi từ lưng ngựa, toàn thân đập mạnh xuống. Chisaka Chūnai lật đật ôm Sugawaraya đỡ lên.

“Gay go rồi. Chắc lá thư lấm bùn cả rồi!”

Nói rồi chàng giữ bùn dơ bên ngoài cái gói đựng thư quần ở cổ Sugawaraya kiểm tra bên trong. Chẳng những lá thư hoàn toàn bình an vô sự mà cả Sugawaraya cũng đang giạng chân đứng thẳng, quần áo chẳng lấm lem gì mấy.

“Không hổ danh con cháu của Ngưu vương Kumano đã bảo vệ lá thư.”

Nói rồi ba người họ rửa tay ở vũng nước đọng ven đường, cùng tạ ơn thánh thần. Cứ như thế, ba người vừa đi vừa ngã không biết bao nhiêu lần, mỗi lần như vậy lại chấp tay khấn thần Phật đất trời rồi

bằng qua cánh rừng Michinoku. Chỉ có thể nói tấm lòng chân thành, trong sáng của họ thật đáng khâm phục.

Thế rồi cuối cùng họ cũng đến được *daikansho* ở Nakaniida. “Đến đây mà không qua được ải này thì tất cả kết thúc.” – Ba người họ nghĩ bụng.

Đại quan Hashimoto Gonemon xuất hiện ngay lập tức, nhìn cả ba rồi đọc thư. Sugawaraya quỳ lạy mà trong lòng không ngừng cầu nguyện.

“Các người ngẩng đầu lên đi!”

Nghe câu nói đó, ba người nhất loạt ngẩng đầu lên. Đại quan nói với vẻ ngạc nhiên: “Chà chà, đây là thư thỉnh nguyện ta chưa từng nhận được từ trước đến nay.”

Trong khoảnh khắc, ba người họ đều nghĩ: “Thôi xong!” Họ cảm giác như bị xô xuống đáy vực sâu và nghĩ *daikan* đang tức giận với lá thư thỉnh nguyện chưa từng có tiền lệ. Thế nhưng, họ đã không tin vào tai mình khi nghe những lời nói tiếp theo của *daikan* Hashimoto: “Nhất định ta sẽ đem thư này lên bề trên, thỉnh nguyện người!”

“Hả?!” – Họ nghĩ. Tâm trạng không nói nên lời dâng trào tự đáy lòng. Chưa hết, *daikan* Hashimoto vẫn tiếp tục nói những lời ấm áp và cười thật vui vẻ. Nụ cười đích thực người ta chỉ cho người khác thấy khi thật sự sáng khoái tự đáy lòng.

Thậm chí vị *daikan* này còn nói trước sự kinh ngạc của họ: “Bây giờ chúng ta cùng cạn chén nào!” Không phải mơ. Tuy đậm bạc nhưng có rượu, có canh. Đại quan Hashimoto khen ngợi ý chí của ba người. Sau khi được tiếp đãi nồng hậu như vậy, họ trở về lữ quán mà lòng lâng lâng vui mừng khôn xiết. Họ lại thêm một phen bất ngờ khi chẳng bao lâu sau khi về đến nơi, lại có người của *daikan* phái đến: “Sáng mai sẽ chuẩn bị cơm nước.” Ba người ngạc nhiên đến tỉnh cả rượu, cảm thấy vô cùng bối rối. Họ chưa từng nghe có vị *daikan* nào đối xử với thường dân bách tính như thế này. Cả ba trở

nên sợ hãi. “Nhờ anh nhắc lại với quan trên chúng tôi chỉ là thường dân bách tính, thật không dám nhận lời.” – Họ cúi thấp đầu từ chối. Nhưng người của *daikan* nói: “Không, *daikan* đã lệnh như vậy. Ngài nói rất vui mừng trước việc làm vì dân chúng của ba người. Vì vậy, mong các anh đừng ngại đến dùng bữa.”

Thế là sáng hôm sau, ba người họ lúi rúi dắt nhau đến *daikansho* dùng bữa sáng và được cho xem “mặt thư” đã được *daikan* ký rõ ràng.

Những việc này trở thành câu chuyện làm quà mà ba người Sugawaraya dành cho Jūzaburō khi trở về.

Đại quan Hashimoto đã viết cả “mặt thư”. Có thể nói đây là thư đính kèm của *daikan*, chỉ cần có nó, việc giấy tờ văn bản lên quan trên sẽ thông suốt. Thậm chí, *daikan* Hashimoto còn hứa: “Ta sẽ báo lại với đồng chức, ngài Yashima, không để xảy ra chuyện gì xấu.” Sự thật là sau đó, thái độ của *daikan* Yashima quay ngoắt như trở bàn tay.

Khi ba người bọn họ đến chỗ *daikan* Yashima lần nữa, ông ta nói: “Ta đã nghe chuyện từ ngài Hashimoto. Thật đáng mừng. Thư thỉnh nguyện đó thật không gì sánh được, hẳn bề trên cũng chưa từng nghe thấy bao giờ”, và nâng cao lá thư trên đầu với vẻ cung kính. “Quan lại tệ hại nhất là không muốn làm việc gì mới lạ. Chỉ biết theo đuôi người khác.” – Jūzaburō nhớ lại có lần Sugawaraya từng nói vậy và ngẫm những lời ấy thật đúng. Nhưng dù gì, kế hoạch đã được *daikan* đánh giá cao, có chút tiến triển, như gần đến đích. Yoshioka-*juku* sẽ được cứu. Jūzaburō vui mừng vì điều đó hơn cả.

Thế nhưng, quan lại thật không dễ chút nào.

Thông báo ấy đến vô cùng đột ngột. Hôm đó nhằm mùng 8 tháng Giêng, sau ngày ăn cháo nanakusa¹ một ngày.

¹ Cháo có bảy loại rau, ăn vào mùng 7 tháng Giêng cho nhẹ bụng sau những ngày Tết.

Ōkimoiri Chisaka cử người đến chỗ Sugawaraya. Ngay lập tức, Sugawaraya có linh cảm: “Đến rồi”. Họ trình thư lên phiên Sendai vào cuối tháng Mười một, tức đã gần một tháng rưỡi trôi qua. Chàng cảm nhận thứ cần đến đã đến.

Với những loại giấy tờ thông thường, các quan giải quyết rất nhanh. Nhưng với lá thư thỉnh nguyện chưa từng có tiền lệ này thì việc hồi âm chậm trễ đến mức gần như tuyệt vọng.

Họ, Jūzaburō và những người bạn cũng hiểu được điều đó. Nhưng một khi phải chờ đợi trong thực tế, họ chỉ còn biết mong “Phải mà có hồi âm trước khi qua năm mới nhỉ?”. Quan lại trong phiên thường giải quyết công việc cuối năm cấp kỳ. Họ kỳ vọng điều đó và chờ đợi nhưng cho đến lúc phải trang hoàng *kadomatsu*¹ ngày Tết trước cửa nhà cũng chẳng thấy tăm hơi gì.

¹ *Cây thông trang trí trước cửa nhà ngày Tết từ trước Tết cho đến hết ngày 7 tháng Giêng.*

Cho đến thời Genroku (1688 – 1704), giải quyết hành chính của *daimyō* không đến mức chậm trễ như vậy. Cho đến thế kỷ XVII, *daimyō*, *kachū* vẫn chưa đánh mất bản sắc của một tập thể chiến đấu thời chiến quốc Sengoku nên hành động vẫn rất nhanh nhẹn. Thủ tục hành chính ở phủ quan vẫn chưa bị phức tạp hóa và mọi việc vẫn được xem xét, vận hành theo ý kiến của con người chứ không phải từng điều luật. Nhưng khi xã hội thái bình, tình trạng này đã thay đổi. Cơ quan hành chính của phiên phì đại về số lượng, nếu nói một cách tiêu cực thì nó trở thành một trò chơi truyền tin vô nghĩa.

Cho dù bề trên có ra quyết định sớm đi nữa thì lệnh thư sẽ được chuyển xuống theo thứ tự *shutsunyū zukasa*, *kōri bugyō*, rồi mới đến *daikan*, *ōkimoiri*. “Chắc cũng phải qua năm mới.” – Vừa lúc nghĩ lại như vậy thì có tin nên Jūzaburō hiểu ra ngay thông báo có nghĩa gì.

Nhà của *ōkimoiri* Chisaka hơi tách rời trung tâm Yoshioka-*juku* một chút nhưng không xa lắm. Căn nhà tuy rộng lớn, hoành tráng nhưng

do phiên cấm dựng xà ngang, cấm lợp mái nên căn nhà không có vẻ gì là nơi ở của võ gia. Phiên Sendai là nơi cai quản nghiêm ngặt phong tục của nông dân, không cho cả người đáng ra tương đương *ōjōya* của phiên khác lợp mái nhà. Tuy nhiên, ở Yoshioka-*juku*, căn nhà này có đẳng cấp khác biệt. Đó là chỉ có nhà Chisaka mới được che dù. Những nhà khác phải “ráng chịu bằng tấm giấy dầu, hay áo mưa bằng rơm”. Ngoài hiên nhà Chisaka có dựng cây dù ít khi thấy ở vùng này. Sugawaraya được mời vào trong nhà, ngang qua đó.

Chisaka đang ngồi ở chiếu trên, đón chàng bằng câu nói: “Thật xin lỗi anh ngàn, vạn lần.”

Sugawaraya cứng đờ cả người. Phải chăng bề trên không chấp nhận nguyện vọng mà họ đánh cược cả sinh mạng Yoshioka-*juku* vào đó? Chàng cứ nghĩ mình đang gặp ác mộng thì nghe tiếng Chisaka rõ mồn một như rót vào tai.

“Thư thỉnh nguyện đã đến được chỗ *kōri bugyō* Imaizumi Shichisanrō, có lời phê và bị trả lại mất rồi. Mọi người đã vất vả, nhọc công vậy mà... Thật đáng tiếc khi chẳng có chút thành quả nào. Nhưng với một đại sự thế này thì một, hai lần trình tấu sao đến được tai bề trên đúng không? Cho nên đừng nản lòng.”

“Tôi xin phép hỏi lại cho rõ. Thư thỉnh nguyện bị trả lại à?” Chisaka chậm rãi gật đầu. Thật tội tệ. Lá thư thỉnh nguyện của Jūzaburō, Sugawaraya, những người dân Yoshioka đã bị đẩy qua chuyền lại ở phủ quan một cách tàn nhẫn để rồi kết quả là bị trả lại.

“Phải chăng chúng ta đã thỉnh nguyện một điều quá đáng?”

Chisaka dường như có chút nao núng. Sugawaraya cảm nhận được điều đó. “Không thể kết thúc như vậy được.” – Chàng nghĩ và ra sức ngăn chặn.

“Ngài Chisaka, trước tiên, phải xem thư trả lời của bề trên thế nào đã. Phiên ngài có thể cho tôi xem được không?”

Chisaka mở rộng lá thư của bề trên. Sugawaraya nhìn chăm chăm vào đó.

“Khó xác nhận nội dung.” – Chỉ có vậy. Tức “khó hiểu”. Thư thỉnh nguyện đã lên đến *shutsunyū zukasa* nhưng rồi bị trả lại kèm theo vài chữ ngắn ngủi. Một câu trả lời lạnh lùng không thể tin được.

Và được kết luận “Vì vậy, chấm dứt sự việc”. Nghĩa là “kết thúc ở đây” sao? Không lý do, không gì cả. Một câu trả lời hệt như tờ giấy trắng. Không có cách đối xử nào coi thường người khác đến vậy. Nên chẳng ghi lại sự việc này? Phiên đã bắt người dân Yoshioka chờ hai tháng trời chỉ vì không xác nhận được nội dung.

Khuyết điểm lớn nhất trong chính trị thời Edo là không có hội nghị lập pháp cho tầng lớp thấp như ở châu Âu, và hệ thống nhanh chóng tiếp nhận thỉnh cầu của dân chúng rồi phản ánh lên hành chính lại yếu ớt. Hệ thống quan lại trung thành với chủ quân, làm việc với trách nhiệm đối với chủ quân thì hoàn hảo nhưng không giỏi trong việc phản ánh ý kiến dân chúng lên nền chính trị. Chế độ *mezasubako* (thùng thư góp ý) của tướng quân đời thứ tám Tokugawa Yoshimune (1684 – 1751) theo dòng chảy thời gian chỉ còn là hình thức. Chỉ cần nhìn tướng quân các đời sau đó chẳng hứng thú gì với chế độ đó nữa cũng hiểu. *Mezasubako* có ở các phiên nhưng chủ yếu để mật báo những việc làm bất chính của quan lại chứ không còn là nơi để gửi đơn từ hành chính đáng tin cậy nữa.

Thời đó, chỉ mỗi phiên Kumamoto là dám thử nghiệm một chế độ cho phép phản ánh những ý kiến của dân chúng lên nền chính trị với mục đích phú quốc cường binh. Hoặc nếu Yoshioka-*juku* là một *shukuba* ở Kyūshū hay của một phiên nào đó về sau là một phiên hùng mạnh thời Mạc mạt thì có lẽ đã không chịu cảnh bị đối xử lạnh lùng như vậy.

Nhưng Yoshioka-*juku* này thuộc phiên Sendai, không sai một li. Và phiên đã không mảy may đoái hoài gì đến nguyện vọng của người dân Yoshioka-*juku*.

Ấy vậy mà khi đối diện với câu trả lời lạnh lùng đó, thái độ của Sugawaraya thật đáng kinh ngạc. Chàng chăm chú nhìn dòng chữ hồi đáp, suy nghĩ hồi lâu rồi nói:

“Bị trả về mà không có lý do gì, chẳng phải là bề trên muốn xác nhận thành tâm của những người đệ đơn là chúng ta sao?” Không hề có chút oán giận bề trên. Người dân thời Edo thật sự trong sáng. Ngay cả người thông minh như Sugawaraya cũng vẫn nghĩ về chủ quyền của mình với lòng tin tuyệt đối như vậy. Chisaka có hơi bất ngờ trước câu nói của Sugawaraya.

“Ra là vậy, cũng có thể lắm. Nhưng anh có thấy nguyện vọng của chúng ta đem lại gánh nặng cho bề trên không?”

Ý chàng muốn nói lãnh chúa cũng đang gặp khó khăn về tài chính, đúng lúc người dân Yoshioka lại trình lên một nguyện vọng tùy tiện nên bị bác bỏ với lý do “khó hiểu”. Đúng là nội dung thỉnh nguyện để cứu Yoshioka-*juku* của nhóm Sugawaraya là đưa ra một chế độ mà bề trên (lãnh chúa) phải xoay vòng tiền vốn để kiếm lãi. *ōkimoiri* Chisaka, người được cho phép che dùm, luôn một lòng trung thành với lãnh chúa nên đã có suy nghĩ như thế.

“Chúng ta có thể làm cách nào đó để lãnh chúa không phải nhọc công không? Hay là chúng ta tự mình xoay vòng vốn, phát lãi cho người dân?” – Chisaka nói. Có thể thấy rõ lòng chàng muốn từ bỏ việc đưa thư thỉnh nguyện.

Đến lúc này, Sugawaraya thét lớn: “Sao vậy ngài Chisaka? Ngài nói vứt bỏ lá thư thỉnh nguyện này sao? Nếu chúng ta tự mình xoay vòng vốn được thì ngay từ đâu đã đâu phải phiền đến bề trên!” – Chàng nhìn thẳng vào Chisaka, phản đối kịch liệt.

“Ra là vậy, có thể khi ngài Chisaka và chúng tôi còn sống, ta có thể xoay xở. Nhưng có thể thấy trước đến đời con, đời cháu chúng ta, chúng sẽ quên những vất vả của cha mẹ, làm thất thoát tiền vốn, chẳng để lại đồng nào. Trong cái vùng chẳng có lấy một nghề sản xuất nào cho ra hồn thì việc xoay vòng vốn đầu tư thật không dễ chút nào. Chúng ta đã từng nghe kể cả “tiền *gogaya*” mà phiền vận

hành cũng không suôn sẻ do kinh tế yếu kém mà. Lãnh chúa có được sự tin cậy to lớn dường ấy mà còn khó khăn hướng hồ thường dân chúng ta.” – Sugawaraya bày tỏ ý kiến của mình. Quả thật đúng vậy.

“Thư thỉnh nguyện này nhằm cứu Yoshioka-*juku* nhưng cũng có ích đối với bề trên.”

Sugawaraya khẳng định rõ ràng. Nếu cứ thế này, số hộ trong *shukuba* sẽ giảm đi nhanh chóng. Không còn người dân, cũng chẳng có ngựa, sẽ khó lòng hoàn thành nhiệm vụ *tenmayaku* bề trên giao phó. Yoshioka-*juku* có được cứu giúp, bề trên mới thu được thuế và giao nhiệm vụ cho dân chúng được. Cũng có nhiều trường hợp trạm truyền tin được phiên giúp đỡ dù không dâng lên số tiền lớn 1.000 *ryō*. Nếu chúng ta kiên trì đệ trình nhiều lần, phiên sẽ hiểu thôi. Một *ōkimoi* như ngài Chisaka đây không giúp dân thực hiện ý nguyện đó là sao? Sugawaraya nói vậy. Rất chí lý.

“Nhưng tôi cũng có vị trí của mình.” – Dù đã giải thích đến vậy nhưng Chisaka vẫn tỏ vẻ phân trần.

Cơn tức giận trong lòng Sugawaraya trào lên mạnh mẽ.

Chàng nghĩ lâu nay mình một mực kính trọng *ōkimoi* nhưng chỉ đến hôm nay mà thôi. Che dù, mặc áo lụa, chỉ cần chút phú quý như vậy là đã phủ phục dưới chân bề trên mà không buồn đoái hoài đến nỗi khổ của người dân. Đến cả một Chisaka vốn được xem là người có nhân cách mà cũng vậy. Sugawaraya đau lòng nghĩ thế thái nhân tình là thế này sao.

Chưa kể, bề trên còn biết cách lợi dụng điểm yếu đó của con người, cho theo họ của lãnh chúa, ban gươm đao cho quan lại trong làng để mua chuộc họ. Dân chúng không nhận ra điều đó, cứ thấy người được phép làm những việc họ không được phép như mang họ của lãnh chúa, đeo gươm, che dù là cứ thế tôn kính. Thật ra thứ đáng kính trọng hơn cả không phải là họ tên, là gươm đao mà chính là bậc làm quan biết hướng về dân chúng mà phụng sự. Thế nhưng mọi người không ai nhận ra điều đó. Một khi họ không nhận ra thì

thế giới đáng buồn này chẳng chẳng có gì thay đổi. Cứ nghĩ đến đó là Sugawaraya lại thấy tức giận. Đó chính là khoảnh khắc tư tưởng vượt thời đại nảy mầm trong lòng một thương nhân vùng núi Đông Bắc. Có lẽ lúc này chàng ta đã hiểu ra được ý nghĩa của quyền lực và chính trị.

“Ngài Chisaka, ngài định hướng về ai để phụng sự vậy?”

Sugawaraya hỏi dồn Chisaka. Với chàng, đến lúc này thì quyền uy của *ōkimoiri* chẳng có ý nghĩa gì nữa. Chàng chỉ muốn đánh thức lương tâm của người đàn ông trước mặt mình. Chàng tiếp tục một lòng ra sức thuyết phục.

Một khi đã là công chức của phiên, Chisaka phải suy nghĩ theo quan điểm của bề trên là chuyện đương nhiên. Nhưng đồng thời, Chisaka cũng là một người dân của Yoshioka-*juku*.

“Ngài không thể nghĩ cho dân chúng một chút được sao?” – Sugawaraya hỏi tới.

Dân chính thời Edo rất phức tạp. Phiên vốn là một tập đoàn quân sự, không thạo việc dân sự chi li. Vì vậy phiên giao phó hết việc dân sự cho thôn làng và những người có quyền ở đó, gọi là mura-uke. Họ chọn ra những người có thể lực trong số dân làng, gán cho các chức danh như *shōya* (*kimoiri*), *ōshōya* (*ōkimoiri*) này nọ và để làng tiến hành dân sự với hình thức tự trị. Do đó, những *ōkimoiri* như nhà Chisaka dù gì vẫn là thường dân, chỉ khác là thường dân chịu trách nhiệm công chức của phiên, không hơn không kém. Thế nhưng, những chức như *ōkimoiri* ấy là được xem là lập thân xuất thế. Từ khoảng giữa thời Edo trở đi, *ōkimoiri* và chức vụ khác trong làng dần dần mang màu sắc quan lại. Bản thân những người làm chức ấy cũng bắt đầu có ý thức như vậy.

Chisaka cũng không ngoại lệ, tâm hồn đã bắt đầu có ý hướng về lãnh chúa trên phiên. Từ đó vấn đề nảy sinh. Có thể nói Sugawaraya đang dùng tài hùng biện để chiến đấu, kéo một Chisaka mất cả trăm năm để đứng vào hàng ngũ võ sĩ trở về với dân làng.

Sugawaraya liếc nhìn Chisaka nói: “Nhà Asanoya tiết kiệm từng xu từ thời người cha quá cố để thực hiện việc này. Cả nữ trung trong nhà cũng làm vậy.”

Vì tương lai của Yoshioka-*juku* mà phụ nữ, con trẻ trong nhà Asanoya đều không một tiếng than, sống cuộc sống cần kiệm tối đa cả mấy chục năm nay, ngày nào cũng bỏ tiền vào hũ cho nguyện vọng này.

“Ngài thấy vậy mà không cảm được điều gì sao?” – Chàng thậm chí còn hỏi như vậy. Dần dần, giọng Sugawaraya như lạc đi, cặp mắt đỏ ngầu, tay nắm chặt, toàn thân run lên. Trước mặt Chisaka, chàng bật khóc, dùng hết thành ý ra sức thuyết phục đến khô cả giọng.

“Tay nắm chặt, mắt ràn rụa, miệng thuyết phục đến tận sáng hôm sau.” – Trong *Kokuonki* có ghi lại như thế. Sugawaraya đổi khác đến mức kinh ngạc, liên tục nói với Chisaka về những vô lý ở đời. Chàng nói suốt một khoảng thời gian dài đáng sợ. Cho đến khi gà gáy sáng.

Chisaka đành chịu thua, nói “ta hiểu rồi”.

Chisaka cố gắng nghĩ một cách lạc quan. Thư thỉnh nguyện bị trả lại không một lý do thì có thể xem đây là trong cái rủi có cái may. Bề trên vẫn chưa nói rõ vì thế này thế kia mà không được, do đó vẫn có hi vọng ngài lắng nghe thỉnh nguyện. Vì vậy làm thử xem. Tức những nỗ lực hùng biện của Sugawaraya đã giành phần thắng.

Họ nhanh chóng gút lại phương án cải thiện. Đương nhiên phải trình thư lại nhưng vấn đề là làm thế nào cho đến lúc đó, cuối cùng họ đi đến kết luận: “Tóm lại, nên báo cho bảy người còn lại biết.”

Nếu biết thư bị bác bỏ, có thể sẽ có người rút lui. Chỉ cần thiếu mất một đồng minh, số tiền 1.000 *ryō* cũng trở nên vượt quá tầm tay. Không chỉ có vậy. Cũng có thể có người nóng nảy phóng lên Sendai, nhảy xổ vào đám rước kiệu của *daimyō* mà gửi thư thỉnh nguyện theo kiểu *kagosō*¹ không chừng. *Kagosō* là hành động bị cấm đoán. Nếu làm vậy thì Yoshioka-*juku* có người chịu tội chết, và

có khả năng thư thỉnh nguyện sẽ vĩnh viễn không được tiếp nhận. Vào lúc này, nếu nói cho mọi người biết hết thì quá nguy hiểm. Chisaka nói: “Nếu trình lại cũng nên chờ thêm chút thời gian.”

¹ Gửi đơn thư tố cáo, đệ trình lên lãnh chúa mà không thông qua các thủ tục bên dưới.

“Chờ khoảng bao lâu?”

“Cũng phải nửa năm... Qua năm mới rồi, sẽ không bị coi là thất lễ với bề trên.”

“Nửa năm ư...?”

Sugawaraya thở dài. Trong khoảng thời gian đó, phải giấu mọi người chuyện này. Chẳng khác nào phản bội những người bạn đang hi sinh cả tính mạng vì đại cuộc sao?

Sugawaraya đau thắt lòng.

“Tôi nghĩ đến anh trước hơn ai hết.” – Về sau, Sugawaraya nói với Jūzaburō như vậy nhưng lúc này, cả hai người Sugawaraya và Chisaka đều giữ im lặng với cả Jūzaburō và những người còn lại về việc lá thư bị trả lại.

Nhưng họ không thể nào giữ kín sự thật về việc lá thư bị phiên trả lại được mãi.

“Sao bề trên hồi đáp trễ quá.” – Vào tháng Tư, một người trong số họ sốt ruột đã đến hỏi phủ quan và biết được lá thư thỉnh nguyện đã bị trả lại từ lâu. Jūzaburō cùng sáu người còn lại chạy đến nhà Chisaka.

“Tại sao không cho chúng tôi biết việc bị trả lại? Tấm lòng anh thật quá sâu sắc đấy!” – Jūzaburō nói.

Bất kỳ ai cũng có thể thét lên vì tức giận “giữ lễ thái quá rồi đấy!” trước câu nói “tấm lòng sâu sắc” của Jūzaburō. Chàng quả thật là

một người tốt.

“Chúng tôi có bí sách, xin mọi người cứ giao phó cho hai chúng tôi.”

Nhưng Chisaka và Sugawaraya chỉ khẳng định một điều như vậy. “Nếu việc này lan khắp làng, đến tai đám thanh niên vô mưu khiến bọn họ hung hăng phản đối lên trên thì mất cả chì lẫn chài. Hai người chúng tôi sẽ giải quyết ổn thỏa. Mọi người cứ chờ chúng tôi.”

“Bí sách đó là gì?” – Có người hỏi dồn. Nếu cứ thế này, tình cảm giữa họ sẽ rạn nứt. Jūzaburō đâm lo nên vội vàng nói: “Nếu *ōkimoiri* Chisaka và Sugawaraya đã nói vậy, chúng ta hãy tin và chờ họ vậy.”

Nhờ câu nói này của Jūzaburō mà những người còn lại như bưng tỉnh, họ trở nên im lặng. Vốn dĩ nông dân vùng Tōhoku thường im lặng làm theo những gì do người có địa vị cao hơn quyết định. Trên cả nước Nhật Bản, phiên Satsuma hay Higo vùng phía Nam Kyūshū cũng có văn hóa này. Thôn làng vùng Tōhoku có sự thuần phục đối với người có vị trí đứng đầu, luôn tuân theo đầu lĩnh. Đây là văn hóa truyền thống không thể thấy được ở những thôn làng của vùng Kinai Kingoku đã phát triển thương mại. Có thể nói, văn hóa này đã cứu Chisaka và Sugawaraya.

Tuy nói “có bí sách” nhưng cả Sugawaraya và Chisaka đều rất bối rối. Làm thế nào để lật ngược quyết định của phiên và để phiên chấp nhận thỉnh cầu cứu giúp Yoshioka-juku?

“Đúng là chỉ còn cách cầu cứu ngài Hashimoto.” – Sugawaraya lẩm bẩm. Lần đầu đem thư đi, người đã ủng hộ bọn họ là *daikan* Hashimoto Gonemon. Đến chỗ *daikan* Hashimoto lần nữa để hỏi rõ sự tình lá thư bị trả lại. Biết được lý do rồi thì sửa lại kế sách, sau đó đem thư đi trình lên phiên lần nữa. Đó là câu trả lời mà Sugawaraya đưa ra vào lúc này.

Thế nhưng, chỉ có Chisaka được gặp *daikan* Hashimoto. Nếu kể thân phận, Sugawaraya chỉ là “anh nông dân Sugawaraya” không hơn không kém, không được xưng họ một cách chính thức. Ở mức độ nào đó, trong xã hội Edo, cái họ và thanh gươm thể hiện “quyền

tham chính”. Vì vậy, chỉ có Chisaka có họ riêng và là *ōkimoiri* mới có tư cách thương lượng trực tiếp với *daikan* của phiên.

Lỗi suy nghĩ “Chính sự là công việc của võ sĩ có họ” là một thứ khó lòng thay đổi ở đất nước này vào thời Edo. Chỉ khi cuộc sống bản thân bị uy hiếp, người dân mới được phép phản đối chính quyền. Việc phản đối đó cũng được quy định là phải tiến hành thông qua các quan lại có họ trong làng theo trình tự *shōya* đến *ōjōya* rồi mới lên phiên.

Nghĩa là, nếu nói về tài hùng biện, thuyết phục đối phương thì Sugawaraya đi mới phải. Nhưng một nông dân bình thường như Sugawaraya thì không thể qua mặt Chisaka để đến gặp *daikan*. Nếu đi, có khả năng bị xem là hành vi “vượt tổ” bất tuân pháp luật.

Không còn cách nào khác, Chisaka lên đường đi gặp *daikan* Hashimoto. Chisaka thúc ngựa đi trên những dốc núi trơn trượt trong mùa mưa, mãi mới đến *daikansho* và ra sức trình bày với *daikan* Hashimoto.

“Chẳng phải dân chúng Yoshioka đáng thương quá sao?”

– May mắn cho Chisaka là vị *daikan* này, vốn nắm trong tay quyền lực lại là người chịu lắng nghe dân chúng. Trước những lời thống thiết của Chisaka, *daikan* trả lời với ánh mắt xót xa không thể diễn tả bằng lời. *Daikan* là người tiếp xúc gần gũi nhất với cuộc sống của nông dân. Có thể ông ta chứng kiến và biết rõ sự khổ cực của nông dân nhưng không hiểu vì lẽ gì mà vị *daikan* này lại bày tỏ sự cảm thông với người dân Yoshioka đến vậy. Ngày nay, hầu như không còn lại ghi chép gì về vị quan đã chết trong lạng lẽ này.

Tóm lại, Chisaka cảm thấy phải bầu víu vào người đàn ông này. Nghĩ vậy, tình cảm trong lòng Chisaka đột ngột trở dậy. Những lời Sugawaraya vừa khóc vừa nói đêm nào cứ tuôn trào từ miệng Chisaka như thể hồn người kia nhập vào người này.

“Nhiều năm về trước, có người đàn ông tên Jinnai ở Yoshioka-*juku*. Ông ấy có một ước mơ to lớn và bắt đầu làm một việc. Đó là hàng

ngày giảm bớt phần ăn của mình, đổi thành những đồng xu bỏ vào hũ. Tại sao ông ấy lại làm như vậy? Ban đầu chẳng ai hiểu lý do. Thậm chí có người còn xem thường, gọi ông ấy là lão bủn xỉn ki bo từng cắc một. Cho đến lúc lâm chung, Jinnai mới bày tỏ bí mật đó. Trước khi chết, ông nắm tay con trai nói thế này. “Thật ra cha có một ước mơ. Đó là tiết kiệm tiền dâng lên bề trên, thay vào đó, bề trên sẽ vĩnh viễn giải phóng Yoshioka-*juku* khỏi công việc *otenma* nhọc nhằn. Nhưng đời cha không thể thực hiện được. Nay mong con thay cha thực hiện tâm nguyện này” – nói rồi ông trút hơi thở cuối cùng. Người con lấy tên cha, lại bắt đầu tích góp từng xu một. Ngày qua ngày, bao nhiêu năm cũng vậy. Nói là thỉnh nguyện lên bề trên nhưng chẳng biết cách nào, cũng chẳng nói với ai, cứ âm thầm góp nhặt. Tấm lòng của Jinnai thật kiên định. Nghe đâu chàng kín đáo nói với gia đình rằng “Một mình ta sẽ gánh chịu đói nghèo của Yoshioka-*juku*”. Nếu là bình thường thì gia đình sẽ phản đối, đằng này đến cả phụ nữ trong nhà cũng bắt đầu tích góp từng xu. Và rồi dần dần việc này được người trong *shukuba* biết đến. Ai nấy đều lấy làm cảm kích. Thế rồi có người nói tôi cũng góp, một người, hai người, cuối cùng là lá thư thỉnh nguyện này đây. Thế nhưng bề trên đã trả lại. Chưa kể, chẳng hề cho biết lý do... Tôi thật không cam tâm. Tôi ám ức, tiếc nuối không sao chịu được.”

Một Chisaka vốn kiêu lời nay nói ra những lời tâm huyết như trút cả ruột gan. Sắc mặt *daikan* Hashimoto thay đổi theo từng lời kể của Chisaka. Và đột nhiên, *daikan* hỏi: “Chisaka, khoan đã! Có nghĩa là việc này không phải do người và những người kia nghĩ ra trước tiên à?”

“Vâng, đúng vậy. Có gì không thưa ngài...?”

“Ta hỏi lại điểm quan trọng này. Nghĩa là ở Yoshioka-*juku* đã có tâm nguyện này từ rất lâu rồi sao?”

“Vâng, không sai ạ. Một người tên Jinnai đã nghĩ ra trước tiên từ rất lâu rồi.”

“Lẽ nào...”

Người ta kể rằng lúc này, *daikan* Hashimoto đã ngửa mặt lên trời mà thở dài và nói thế này: “Có đạo nghĩa sâu nặng thống thiết đến dường đó sao?”

Sâu nặng thống thiết ở đây có nghĩa là tình cảm tha thiết, sâu sắc. Sự thật của Yoshioka-*juku* làm lay động trái tim Hashimoto. Và một việc đáng kinh ngạc xảy ra. *Daikan* Hashimoto đã nói thế này: “Ta không thể bỏ mặc việc này. Bây giờ ta sẽ lên Sendai. Nhưng trước tiên sẽ hỏi thăm sự tình ở ngài Imaizumi.”

Một việc không tưởng. Hashimoto là *daikan* của phiên Sendai, địa vị thấp nhất trong phiên. Một viên quan nhỏ lại nói sẽ đi Sendai với mục đích thay đổi quyết định của quan lớn trong phiên. Chisaka không thể nào tin được. Trong khoảnh khắc, chàng đã thầm nghĩ vị *daikan* này phát cuồng rồi sao? Thế nhưng trước mặt chàng là một *daikan* với nét mặt vô cùng nghiêm túc. Ông nói: “Có sự tình đằng sau việc trả lại thư thỉnh nguyện.”

Thật ra Hashimoto đã ra tay tìm hiểu quá trình lá thư bị trả lại ở Sendai. Kết quả là ông biết được một sự thật không ngờ. Quan lớn trên phiên đã liếc qua thư thỉnh nguyện của Yoshioka-*juku* và buông một câu thế này: “Thời buổi này mà dám tùy tiện xin xỏ lợi lộc cho *shukuba*.”

Và thế là lá thư bị trả lại ngay tức khắc.

Theo Hashimoto, tình hình tài chính trong phiên rất eo hẹp. Đến thời kỳ *sankin-kōtai* là phiên cần tiền bằng mọi giá. Đúng lúc đó, thư thỉnh nguyện của Yoshioka-*juku* đến. Trong đó viết “sẽ dâng lên số tiền lớn, thay vào đó cấp lợi tức vĩnh viễn cho *shukuba*”. Tức đám thường dân Yoshioka định cho bề trên mượn tiền để lấy lãi cao vì biết người đang gặp khó khăn. Thật vô lễ.

“Và bề trên hiểu như vậy đấy.” – Hashimoto giải thích. “Phải giải thích sự hiểu lầm đó. Ta sẽ đi Sendai.” – *daikan* còn nói vậy. Hỏi ra mới biết không phải dân Yoshioka lợi dụng cơ hội kiếm lời. Mà chỉ là tâm tư của một người đàn ông tên Jinnai đã ấp ủ trong một thời gian

dài. Biết được điều đó, *daikan* Hashimoto đã trở thành người bạn của Yoshioka-juku.

Sự tồn tại của vị *daikan* như vậy gần như là kỳ tích. Người đàn ông này đang muốn bắt một phiên lớn với 620.000 *oku* xử sự như một quốc gia phúc lợi hiện đại.

Bản thân Chisaka cũng ở một góc thuộc quyền cai trị của phiên Sendai nên chàng thừa biết làm như thế này đáng sợ đến mức nào. Chàng biết chắc mình làm không được.

Bình thường, rất dễ dàng để làm người hiền lành đối với gia đình và bạn bè. Quan lại hiền lành, dễ tính trong gia đình nhiều không kể xiết. Nhưng một khi đã vào phủ quan, lại quen với việc cho dù lòng nghĩ khác vẫn phải sống thảo mai để giữ địa vị của mình. Khi trở thành người của một tổ chức, khó lòng phát ngôn ngược lại với cấp trên và số đông như khi tiếp xúc với gia đình, bạn bè. Thực sự là Chisaka đã từng thấy nhiều *daikan* và *kōri-bugyō* như thế. Vậy mà *daikan* Hashimoto đang đứng trước mặt chàng đây lại làm vậy. Chàng chưa từng gặp vị *daikan* nào hành động với tâm thế của một người dân Yoshioka.

Nếu có cái gọi là hi vọng thì chẳng phải nó đang trú ngụ trong những trái tim được kết nối của những con người như thế này sao? Trên thực tế, cũng giống như trò *shōgi daoshi*¹ vậy, trái tim Jinnai đã làm lay động trái tim Sugawaraya khiến Sugawaraya làm mình cảm động và những lời nói của mình đã làm lay động trái tim *daikan*. Thật kỳ diệu. Chisaka chỉ có thể thốt lên như vậy mà thôi.

¹ Dùng một con cờ *shōgi* (một loại cờ hai người chơi, như cờ tướng) đánh đổ con cờ bên cạnh và cứ thế tiếp diễn, như hiệu ứng domino hiện đại.

Daikan Hashimoto đã đi Sendai đúng như ngài tuyên bố. Sau khi được sự thông qua của cấp trên trực thuộc là *kōri-bugyō* Imaizumi Shichisanrō, ngài hướng thẳng đến chỗ quan lớn nắm thực quyền tài chính của phiên Sendai. Đó là *shutsunyū zukasa* Kayaba Moku.

Hashimoto xin phép có một cuộc diện kiến ngoại lệ với người đó. Đó là một hành vi có thể nói là dũng cảm mù quáng.

Đứng đầu quản lý hành chính phiên Sendai là nhóm quan *bugyō*, vị trí tiếp theo là quan *shutsunyū zukasa* quản lý tài chính. Thế nhưng thực quyền do *shutsunyū zukasa* nắm giữ. Điều này có lý do của nó. Phiên Sendai có cái gọi là “luật 3 *ryō*”. Thú vị là ở phiên này, chỉ có *shutsunyū zukasa* phụ trách tài chính mới có thể độc đoán tặng thưởng cho phiên sĩ. Tuy nhiên, số tiền được quy định tối đa là 3 *ryō* (Kayaba Moku, Kodan Mitsuyō (Cổ truyền mật yếu)). Nếu ở phiên khác thì nhóm *bugyō* tương đương shioki karō (sĩ trí gia lão) không được chi một xu tiền thưởng nào nếu không được phép của phiên chủ. Chưa kể, nơi làm việc của *shutsunyū zukasa* ngay bên cạnh phòng làm việc của phiên chủ. Vừa nắm quyền tài chính, vừa tiến hành ban thưởng, tham gia chính trị, quyền lực của *shutsunyū zukasa* là cực lớn.

Ấy vậy mà Hashimoto đã đi nói chuyện trực tiếp với con người nắm thực quyền này.

Cũng nhờ vậy mà kế hoạch cứu giúp Yoshioka-juku vốn bị bác bỏ nay đột ngột thay đổi tình thế.

Kayaba Moku – Hashimoto Gonemon biết rõ người này. Có điều, tuy nói cùng là quan tài chính nhưng địa vị của hai người khác xa nhau một trời một vực.

Kayaba là trung tâm đầu não của bộ tài chính, còn Hashimoto chỉ là một viên quan quèn ở một vùng quê xa xôi. Trong phiên còn ca tụng “Ngài Moku là người tài năng trăm năm mới có một lần”. Cũng cần giải thích thêm về cụm từ “trăm năm mới có một lần” này. Cách đây hơn một trăm năm, có một viên quan đầy tài năng về kế toán ở phiên này, tên Tokita Suruga. Người này quản lý tài chính siêu phàm, có thể gọi là thiên tài và đã trợ giúp rất nhiều cho con của Date Masamune là Tadamune. Kayaba được đánh giá có tài năng ngang ngửa Suruga.

Suruga nổi tiếng là người khẳng khái. Có lần phiên chủ Tadamune ra lệnh cho ông “truyền thụ bí quyết tài chính cho thế hệ kế tiếp” nhưng mãi chẳng thấy ông có động tĩnh gì. Khi Tadamune thúc giục “sao chưa dạy cho họ?” thì Suruga nói “Bí quyết tài chính chỉ có một. Vì vậy tôi mong cả phiên chủ và gia lão mọi người cùng lắng nghe”. Tadamune cho gọi tất cả quan lại, gia nhân đến thì Suruga nói thế này: “Bí quyết tài chính chỉ có một, một và chỉ một mà thôi. Đó là không tuân theo những ý thích tùy tiện của *daimyō*.”

Ông nói ngay trước mặt phiên chủ Tadamune. Gia lão hết thấy xanh mặt. Ý Suruga nói *daimyō* có nguồn thu nhập khổng lồ. Nếu không hoang phí thì không có gì phải lo lắng chuyện tiền bạc. Nhưng nếu *daimyō* tiêu xài vung tay quá trán thì tiền muôn bạc bẽ cũng không đủ, lúc đó tiết kiệm cách mấy cũng vô ích.

Cho đến thời Kanei (1624 – 1645), thời Shōhō (1645 – 1648), do vẫn còn dư âm của thời chiến quốc Sengoku nên có những vị quan tài chính hào khí thế này. Không những không tức giận mà Tadamune còn vui mừng trước những lời nói đó. Nhờ tính khẳng khái này của Suruga, phiên Sendai vượt qua những nhiệm vụ quân sự lẫn giúp đỡ xây dựng đầy khó khăn từ Mạc phủ, cuối cùng trả hết nợ nần và còn tích trữ được vàng trong kho thành Aoba (tên gọi khác của thành Sendai).

Kayaba lấy Tokita Suruga làm mẫu. Người đàn ông sáng suốt này luôn ca tụng bậc tiền nhân lừng danh ở phủ quan bởi ông biết điều đó đem lại lợi ích cho mình. “Tokita Suruga từng nói...” là câu cửa miệng của Kayaba để áp đặt quyền uy lên người khác.

Kayaba thường nhắc đến Tokita nhưng lời nói không đi đôi với việc làm. Ông không nói những điều khó nói với phiên chủ để hạn chế lãng phí mà trút gánh nặng lên vai người dân trong phiên.

Tồi tệ nhất là khi phiên chủ kết hôn, một cuộc hôn nhân đại dột.

“Ta sẽ đón chánh thất từ nhà tướng quân.” – Nhà Date bắt ngờ cưới con gái nuôi của tướng quân làm vợ cho người kế tục (đời thứ 6, Date Munemura 1718 – 1756). Đón nàng dâu xuất thân nhà tướng

quân trở thành một niềm vinh dự khiến phiên chủ hãnh diện khôn xiết. Nhưng lấy cớ đó, họ cho xây biệt điện Goshuden khổng lồ và mời tất cả người hầu, gia nhân nhà tướng quân với con số lên đến một trăm hai mươi người đến đó, ngoài ra còn phái thêm một trăm viên quan chuyên biệt, tổng cộng hai trăm mấy mươi người tạo thành một tổ chức chăm sóc nàng dâu. Không chỉ có vậy, hàng năm còn hào phóng phát cho nàng ta số tiền chi tiêu khổng lồ là 6.000 *ryō*.

Kết quả là chi phí dành cho *okumuki*¹ của phiên Sendai lâu nay khoảng 70.000 *ryō* tăng vọt lên thành 130.000 *ryō*. Lâu nay, thu nhập của phiên chủ phiên Sendai khoảng hơn 100.000 *koku* nhưng do dân số giảm, vụ mùa thất bát nên dần dần chỉ còn khoảng 74.000 ~ 75.000 *koku*. 1 *ryō* vàng tương đương khoảng 1 *koku* thóc. Thu nhập chỉ có khoảng 75.000 mà hàng năm chi tiêu hết 130.000, thì kết quả thấy rõ trước mắt.

¹ *Chỉ hậu cung của các daimyō.*

“Hãy làm gì đó đi!” – Kayaba và các quan tài chính bị tầng lớp võ sĩ bên trên thúc giục nên rất sốt ruột. Họ đã thử xin phép “cho chúng tôi khảo sát đất đai” nhưng bị bác bỏ. Phiên Sendai chưa có sự phân biệt *samurai*, nông dân. Các gia thần thượng cấp được ban đất đai ở các thôn làng trong phiên, gọi là chế độ Jigata chigyō (địa phương tri hành), do đó bọn họ ở trong tình trạng nửa *samurai* nửa nông dân. Nếu khảo sát đất đai thì nhà của những gia thần thượng cấp này cũng sẽ bị đánh thuế.

“Không được phép khảo sát đất đai.” – Cái tội vị kỷ đã khiến giai cấp thượng lưu phản đối nên việc khảo sát đất đai bị ngăn lại.

Vì vậy, tình trạng tài chính của phiên Sendai càng trở nên tồi tệ.

Và chuyện tồi tệ hơn cả, không ai ngờ đến, là kho thóc của phiên gặp hỏa hoạn, bị đốt cháy toàn bộ.

“Chẳng lẽ nhà Date đến đây là kết thúc?” – Mọi người trong phủ quan tài chính đều ngửa mặt lên trời mà than.

Thế nhưng, lúc này, Hashimoto Gonemon đã chứng kiến một quang cảnh mà cả đời, ông nhất định không thể nào quên.

Duy nhất một người trong số họ đã nở một nụ cười bí hiểm, lạ lùng. Đó là Kayaba.

“Cơ hội đã đến!” – Kayaba đã hét lên như thế. Ông ta thuyết phục bề trên và bắt đầu truy ra những phần ruộng đất mà nông dân lén lút trồng trọt để trốn thuế. Tiếng oán thán vang khắp lãnh địa do chính quyền quản lý, nhưng trong phiên thì việc làm này được đánh giá cao.

Nguồn thu nhập cho ngân khố của phiên đã được sinh ra đến mức có người nói “Kho thóc cháy vậy mà hay”. Cũng từ sự kiện này mà các quan tài chính biết được tài năng của Kayaba, kể từ đó, không ai có thể đụng đến vị trí của ông ta.

Không chỉ có vậy. Trong phiên không có ai tinh thông chuyện kinh tế như Kayaba. Ông ta hiểu ý nghĩa của “tỉ lệ lợi nhuận” hơn cả thương nhân. Hoặc có thể nói đây là người đầu tiên ở phiên Sendai hiểu được bản chất của chủ nghĩa tư bản.

“Giàu hay nghèo, được quyết định chỉ bởi một điều duy nhất.” – Kayaba nghĩ. “Đó là anh ở phía lấy lãi hay phía trả lãi.”

Lý thuyết quá đối đơn giản đó là chuyện đương nhiên trong thế giới chủ nghĩa tư bản nhưng quan lại trong các phiên thời Edo không thể nào hiểu được. Phiên nào cũng mượn tiền lãi cao để rồi dẫn đến phá sản.

Xã hội thời Edo là xã hội cho vay nặng lãi, khoảng mười phần trăm một năm. Và khi rơi vào phía trả lãi thì tài chính chẳng khác nào địa ngục.

“Không được để mắc nợ.” – Kayaba thường xuyên nói vậy. Để phiên không bị mắc nợ, phải kiếm được tiền. Để kiếm được tiền, phiên phải như một công ty thương mại, phải bán món hàng nào đó.

“Mua gạo” – Kayaba nói. Mua gạo có nghĩa là phiên sẽ thu mua gạo từ nông dân trong vùng, rồi đem bán lại ở các thị thành lớn như Edo, Ōsaka để kiếm lời. Phiên Sendai gọi là *kaimai shihō* (mãi mẽ sĩ pháp). Chế độ mua gạo này vốn đã có vào thời Date Masamune, nhưng đến thời Kayaba mới được tiến hành mang tính tổ chức và quy mô hơn. Như người ta thường nói “Tōhoku có sản vật nhưng không có sản phẩm”, Tōhoku tài nguyên phong phú nhưng sản phẩm thì nghèo nàn. Như ở phiên Sendai có lụa *Sendai hira* để may *hakama*¹ nổi tiếng nhưng không giúp phiên giàu có được. Tuy nhiên, có một ngoại lệ. Đó là gạo. Đồng bằng Sendai có thể trồng và thu hoạch sản lượng gạo khổng lồ. Và đây chính là sản phẩm. Chỉ cần gửi đến Edo, bao nhiêu cũng bán hết.

¹ Loại quần ống rộng thường được giới võ sĩ dùng. Có khi nữ giới cũng sử dụng.

Người ta còn nói: “Gạo thiên hạ ăn ở Edo thì hết một phần ba là gạo Sendai.” Kayaba để mắt đến gạo và định lấy gạo từ tay nông dân.

“Không cho nông dân ăn gạo.” – Phiên thi hành triệt để lệnh tiết kiệm. Thế là ngay cả ở Yoshioka-juku, chỉ có võ gia là được ăn gạo trắng thường xuyên, còn nông dân và thị dân thường phải trộn củ cải trắng, lúa mạch, hạt dẻ vào gạo trắng để ăn.

Chưa hết, Kayaba còn cưỡng chế mua gạo của nông dân. Cách làm của ông ta rất xảo quyệt. Trước tiên, vào đầu mùa xuân, khi người nông dân đã ăn hết ngũ cốc và bắt đầu vụ trồng lúa, phiên sẽ cho họ vay tiền không tính lãi, gọi là *omegumi-kin*. Thoạt nghe thì thấy như là một chính sách nhân đạo đầy lòng trắc ẩn nhưng đó chỉ là hình thức. Khi đến mùa thu hoạch, lúa gạo đầy sân, giá gạo trở nên rẻ đi thì phiên ra lệnh nông dân trả tiền đã mượn hồi đầu xuân bằng gạo. Ngay thời kỳ thu hoạch, lại là sản phẩm của địa phương, phiên thu mua được một lượng lớn gạo với giá rẻ không ngờ.

Kayaba cho chở số gạo này lên thuyền neo ở cảng Inoshimaki để gửi lên Edo, bán với giá cao để kiếm chênh lệch.

Không chỉ có vậy. Sự lạ thường của phiên này là còn ép nông dân để phiên mua cả số gạo còn lại sakutokumai sau khi họ đóng thuế với giá rẻ để bán với giá cao ở các thành phố lớn kiếm lời. Chưa từng có phiên nào biến lúa gạo vốn là lương thực chủ chốt trở thành phương tiện kiếm tiền như vậy.

Phiên Sendai đã áp dụng “Chế độ chuyên bán gạo”. “Phiên sẽ thu tiền lời từ việc bán gạo.” – Kayaba nghĩ vậy và tiến hành. Ông ta muốn biến phiên Sendai thành công ty mua bán gạo. Có thể nói một trong những lý do Sendai không thể phát triển tương xứng với vị trí trung tâm của một phiên lớn có 620.000 *koku* ở vùng Tōhoku là do chế độ mua bán gạo này.

Phiên hay là người dân sẽ bán nông sản trong vùng? – Điều này sẽ tạo ra khoảng cách một trời một vực. Như vùng lân cận Kinai, từ thời cổ đại, ở các khu vực phát triển các hoạt động kinh tế thì phiên không thể thực hiện chế độ chuyên bán gạo được. Nếu đã có chuyện kiếm tiền dễ dàng như vậy thì dân chúng đã đem đến mấy thành phố lớn kiếm tiền từ lâu.

Do vậy, ở vùng lân cận Kinai, dân chúng giàu có trong khi vùng Tōhoku hay phía Nam Kyūshū thì khác. Do ở xa Edo và Ōsaka, người dân khó lòng đem nông sản lên thị thành để bán. Ở những nơi như vậy, phiên sẽ thu mua nông sản từ nông dân và bán cho thị thành. Vì vậy, ở Tōhoku và Kyūshū, phiên rất mạnh còn kinh tế trong dân chúng thì không phát triển, hoặc rất yếu ớt. Các phiên Satsuma, Saga trở nên hùng mạnh vào cuối thời Mạc phủ cũng nhờ lý do này.

Bất hạnh cho vùng Tōhoku là khác với Kyūshū, họ chỉ có cách bán gạo – lương thực chủ chốt, cho các thành phố lớn. Chưa kể, lợi nhuận có được từ việc bán gạo không thuộc về người dân mà là của phiên. Vì vậy, người dân Sendai không thể nào trở nên giàu có là vì vậy.

Hơn thế nữa, điều này đã sinh ra bi kịch. Ngay cả năm có nạn đói, quan lại phiên Sendai như Kayaba vẫn mua gạo từ trong vùng để đem lên Edo bán kiếm lời. Có thể nói là “xuất khẩu nạn đói”. Đương

nhiên, trong vùng xuất hiện người chết vì đói, tạo nên một tình trạng thê thảm không khác gì tranh vẽ địa ngục.

Vào thời giống lúa chưa được cải thiện như thời hiện đại, việc trồng lúa – một loại thực vật của những xứ có khí hậu ẩm áp như ở Sendai đã là một việc khó khăn. Lại còn tạo ra một hệ thống bất hợp lý là phiên lấy lương thực chủ chốt đó làm sản phẩm chuyên bán đi để kiếm tiền, tiền lời từ đó lại không đến tay người dân.

Rốt cuộc việc làm của Kayaba là như vậy. Thật ra, đến thời Edo, vùng đất từng được ca ngợi về sự giàu có nhờ khai thác vàng, chăn nuôi ngựa vào thời cổ đại và trung cổ đã trở nên sa sút theo thời gian do dân số và giá đất giảm thấp. Đến mức có bài hát mỉa mai “từ Shirakawa (nay ở tỉnh Fukushima) trở lên phía Bắc, một ngọn núi giá một trăm mon”. Có thể nói Tōhoku đã bị lúa gạo đánh cho gục ngã.

Đến thời Shōwa, vùng đất Michinoku từng chuyên chở gạo lên Edo nay trở thành địa điểm đặt nhà máy điện hạt nhân – nơi chuyên chở điện – lương thực chính trong nền công nghiệp, lên Tōkyō. Chỉ thay đổi nội dung chuyên chở, từ gạo sang điện. Kết quả, chất phóng xạ rò rỉ, một phần những ngọn núi hùng vĩ tuyệt đẹp của Michinoku trở thành ngọn núi đáng giá một trăm mon theo đúng nghĩa đen. Thời đại nào cũng vậy, những người được chọn và những người giàu có luôn là kẻ mạnh và họ đùa giỡn với số phận của kẻ yếu.

Phải chăng không có cơ hội nào để họ cai trị mà biết nghĩ về người dân vào thời Edo? Thật không thể không hỏi như vậy. “Người tài” trong phiên thời Edo dùng để chỉ những người đàn ông như Kayaba. Nếu thời đại có người tài chỉ biết nghĩ đến dân chúng thật sự đến, thì đó là lúc đến được cánh cửa mở ra một đất nước lý tưởng mà nhân loại luôn hướng đến.

Thế nhưng *daikan* Hashimoto Gonemon đang sống trong một thế giới cực kỳ cách xa đó. Hashimoto phải gặp Kayaba. “Không dễ qua ải của người này” – Ai cũng nghĩ về Kayaba như vậy. Nhưng Hashimoto không hề run sợ. Khi gặp nhau, Hashimoto đã chất vấn

thể này: “Ngài Kayaba! Ngài có biết về việc xử lý vụ Yoshioka-*juku* không?”

“Tên này ở đâu ra vậy?” – Kayaba tức giận. “Hắn không xem địa vị của ta ra gì cả. Một tên chẳng biết gì đến lập thân xuất thế, chẳng biết sợ bề trên, chắc chắn hắn ta không có cả giác quan bẩm sinh đó rồi. Chỉ với lý do “dân chúng đang khó khăn” mà cả gan đến tận nơi của ta, người quyền uy nhất trong hành chính phiên, để phản đối vụ việc đã được định đoạt. Hắn bị điên rồi.” Vốn dĩ Hashimoto chỉ là một *daikan* không hơn không kém, đến nói trực tiếp thế này mà không thông qua cấp trên *kōri bugyō* là đã phạm luật.

“Hắn đúng là điên thật rồi.” – Ông ta nghĩ. Nhưng Kayaba không ngu ngốc đến mức tỏ thái độ khinh khi đó ra mặt. “Tài năng của người làm quan là không bày tỏ tư kiến.” Có vẻ như Kayaba tin như vậy. “Với những người như thế này, che giấu là một việc làm cấm kỵ. Trả lời đúng với sự vật vốn có thì hơn.” Có vẻ như bộ não đã đưa ra câu trả lời như vậy, nên Kayaba nói chậm rãi, rõ ràng: “Việc đó không được! Ta chỉ thấy họ lợi dụng thời điểm để mưu cầu lợi ích riêng tư. Ta đã trả lời là không thể lý giải. Hạ dân trong vùng đã đề nghị cho bề trên mượn tiền để lấy lãi cao đúng lúc ngài đang cần tiền trước khi đi *sankin-kōtai*. Những việc như vậy thì không được phép.” – Đó là câu trả lời của Kayaba.

“Lợi ích riêng tư” là câu nói cửa miệng của Kayaba, một người sắc sảo, nhận thức được lợi ích của mình nằm ở đâu. Ý ông ta nói Yoshioka-*juku* lợi dụng cơ hội bề trên đang thiếu tiền để kiếm lợi riêng. Tức nói người Yoshioka vô lễ. Hashimoto phản đối ngay lập tức.

“Không phải vậy!” “Vậy thì thế nào?”

“Yoshioka là nơi tôi cai quản, theo dõi nên biết rõ không phải như vậy.”

Ý muốn nói ngài không biết đâu. Hashimoto tiếp tục nói. “Yoshioka-*juku* vô cùng chân thật, không phải lợi dụng khó khăn của bề trên để thừa gởi. Có người tên Asanoya Jinnai đã dành cả đời mình để

dành dụm tiền, đến phút lâm chung nói rằng dâng số tiền đó lên bề trên để cứu Yoshioka-*juku* rồi ra đi. Điều đó khiến nhiều người cảm động và cùng nhau góp tiền để lập quỹ cứu *shukuba*, một người, rồi hai người tăng lên, bây giờ là chín người tất cả. Nhà Asanoya, đến cả y trang của mẹ già, vợ dại, con thơ đều đổi thành tiền để đóng góp.” Hashimoto ra sức kể lại.

“Hoàn toàn khác với những gì ngài Kayaba đây suy đoán.” – Cuối cùng, Hashimoto nói như vậy và nhìn thẳng khuôn mặt đó.

Thời gian im lặng trôi qua. Hashimoto Gonemon cứ chăm chú nhìn thẳng vào Kayaba đến mức không che giấu. Chính sự im lặng trong vài giây phút đó là khoảnh khắc định mệnh quyết định tất cả tương lai của Yoshioka-*juku*. Khoảnh khắc khi sự im lặng đó được phá vỡ là lúc sự sống còn của người dân Yoshioka được quyết định.

“*Yare, yare* (Được lắm, được lắm).” – Kayaba nói với vẻ tức giận. *Kokuonki* có ghi lại rõ ràng lời nói lúc ấy thật sự là “*yare yare*”.

“*Yare yare*, một trường hợp đặc biệt!” “...”

“Nếu là vậy thì để ta trao đổi với *ōkimoiri* trong êm thắm xem.”

Thật ngán ngẩm. Kayaba chấp nhận xem xét lại một cách dễ dàng.

Đó là vì ông ta cảm nhận được nếu không chấp nhận thì sẽ phiền toái hơn. Không, đúng hơn là do cần tiền thật sự. Cần tiền để *sankin-kōtai*. Kayaba dù gì cũng muốn số tiền từ Yoshioka-*juku*. Kayaba chấp nhận nguyện vọng của Yoshioka-*juku*. Thế nhưng, Hashimoto vẫn ngoan cố không động đậy. Ông cứ đứng chặn trước mặt Kayaba như một tảng đá.

“Còn chuyện gì nữa sao?”

“Nếu vậy, tôi mong ngài bấm lên bề trên sao cho ổn thỏa.” Hashimoto nhấn mạnh trước sự ngạc nhiên của Kayaba.

Hashimoto chạy như bay trở về và gặp *ōkimoiri* Chisaka Chūnai ngay lập tức.

“Hãy mau trình thư thỉnh nguyện lần nữa!” – Ông nói và bắt đầu chỉ dẫn cách viết từng dòng cặn kẽ. *Daikan* cho nông dân biết nội dung cuộc họp ở phủ quan là một điều ngoại lệ trong các ngoại lệ. Phiên là nơi được hình thành từ việc không để lộ thông tin trong phủ quan ra cho dân trong vùng biết. Với ý nghĩa đó, *daikan* Hashimoto là một người đàn ông lạ thường.

“Phải viết chuyện của Jinnai vào!” – Hashimoto nói. “Hãy viết là thỉnh nguyện này không phải là suy nghĩ nông nổi nhất thời, mà là từ trước rất lâu, khi Asanoya Jinnai còn sống. Có vậy mới có thể được bề trên chấp nhận.” – Ông giải thích. Chisaka không hiểu lý do.

“Tại sao phải viết cả chuyện của Jinnai?”

“Với bề trên, những gì đã bị bác bỏ mà muốn quay ngược lại thì phải có điều gì đó mới hơn.”

“ ... ”

“Phải làm sao cho bề trên có lý do “À, ta mới biết đây, rằng bọn người ở Yoshioka-*juku* không phải mới gần đây nghĩ ra ý tưởng đó mà là từ trước, từ thời Asanoya Jinnai còn sống, cho nên ta cho phép”. Thật ra, lần trước bị bác bỏ là do ngài Kayaba quyết định, chuyện phức tạp lắm.”

“Ra là vậy, nếu là vậy thì mình đã hiểu.” Vốn tiếp xúc với quan lại địa phương lâu năm nên Chisaka hiểu ngay điều Hashimoto không nói ra.

Hắn là quan *shutsunyū zukasa* Kayaba cũng đã định chấp nhận thỉnh nguyện của Yoshioka-*juku*. Bậc quan lại như Kayaba đã hỏi kỹ chuyện người dân Yoshioka. Và thế là biết đến người đàn ông tên Asanoya Jinnai. Từ đó ngài cảm động mà chấp nhận lời thỉnh cầu. Hắn là Hashimoto muốn dẫn dắt câu chuyện như vậy.

“Thật điên rồ!” – Chisaka thực bụng nghĩ vậy. Quan lại vùng Sendai ai không biết Kayaba chẳng hề nghĩ gì đến những người nông dân. “Quá lộ liễu đi!” – Chàng cứ nghĩ như vậy mãi.

Thế nhưng, có vẻ thỉnh nguyện đã được thông qua. Với Chisaka, chỉ có điều này là đáng mừng. Chàng nghĩ đến hi vọng mong manh đó mà thấy lòng dịu lại.

“Dâng số tiền 5.000 *kanmon*.” – Chisaka viết xong thỉnh nguyện thư dâng số tiền 5.000 *kanmon* tương đương 1.000 *ryō* vàng, và nộp lên phủ quan trên phiên lần nữa.

“Hắn lần này ước nguyện của chúng ta sẽ thành hiện thực.” – Jūzaburō thở phào. Thật vui mừng hơn bất kỳ điều gì. Chàng thấm thía câu “Tấm lòng thành sẽ khuất phục tất cả”. Trong số quan lại, cũng có người nhân nghĩa như *daikan* Hashimoto. Trái tim vô tư vô lợi như Asanoya đã khiến cả ngài Kayaba vốn lạnh lùng cũng phải cảm động. Chỉ cần tin vào một hạt giống mà cứ tiếp tục vun xới, sẽ có ngày từ hạt giống đó nở ra những bông hoa xinh đẹp. Chàng thấy như mùa xuân đã đến khắp đất trời.

“Chưa thể yên tâm được.” – Tuy Sugawaraya ra sức cảnh báo nhưng Jūzaburō không sao giấu được nỗi vui mừng trong lòng. Hai người họ hồi hộp chờ đợi tin báo tốt lành như chờ chim én gọi xuân về.

Thế nhưng, thỉnh linh, Jūzaburō và Sugawaraya lại bị đẩy xuống vực sâu lần nữa. Người đẩy họ vẫn là con người ấy, Kayaba. Sự tình là thế này.

Người báo tin mặt cắt không còn hột máu, chạy đến chỗ Sugawaraya.

“Gay go rồi! Thư thỉnh nguyện bị trả lại cùng giấy kèm rồi.” Giấy kèm là một mảnh giấy được dán dưới thư thỉnh nguyện để truyền đạt chỉ thị của quan trên. Nếu có viết “Thông qua thỉnh nguyện, duyệt” thì được chấp nhận, nếu là “Không duyệt” thì có nghĩa không được cho phép.

Hầu hết việc hành chính trong phiên đều được tiến hành bằng những mẫu giấy kèm này. Có thể nói nền chính trị thời Edo là “nền chính trị giấy kèm” cũng không sai. Viết rồi dán bằng hồ là hình thức quyết định thời Edo, người xử lý hành chính như các *karō* (gia lão) luôn đem theo hồ và thanh gươm nhỏ đặt bên phải chỗ ngồi để làm chính vụ. Từ sự phát triển của chế độ quan liêu, chỉ thị hành chính không còn truyền đạt bằng miệng nữa mà nhất định bằng văn thư để lại chứng cứ (giấy kèm). Chính vì là những mẫu giấy nhỏ nên có điểm đặc biệt. Nền chính trị giấy kèm này ra chỉ thị bằng những mẫu giấy nhỏ nên nội dung chỉ thị chưa từng được giải thích tại sao, lý do quyết định. Không, ngược lại thì đúng hơn, chính trị thời này của đất nước này hầu như không bị đòi hỏi trách nhiệm giải thích, vì vậy mới có hình thức văn thư hành chính như thế này. Trong quá khứ, có tồn tại văn hóa chính trị cùng với trách nhiệm giải thích hay không sẽ quy định luôn hình thức chính trị của đất nước đó về sau. Nếu nói theo nghĩa đó thì không có gì tượng trưng cho hình thái chính trị Nhật Bản đương thời bằng những mẫu giấy kèm này.

Tóm lại, thư thỉnh nguyện đã quay trở lại *Yoshioka-juku*.

Jūzaburō và *Sugawaraya* nhìn thấy nó ở phòng trong nhà *ōkimoiri* *Chisaka* mà không thốt nổi lời nào. Không bị viết “Không duyệt” là cái may trong cái rủi nhưng thật tình như vậy chẳng ý nghĩa gì cả.

“Dâng bằng tiền xu sẽ gặp khó khăn trong xử lý, hãy đổi 1.000 *ryō* sang vàng để dâng bề trên.” – Dòng chữ lạnh lùng. “Bị làm khó rồi!” – *Sugawaraya* gào lên trong lòng.

Nhóm *Sugawaraya* đã viết trong thư thỉnh nguyện rằng sẽ dâng một ngàn *ryō* bằng 5.000 đồng xu *kanmon Kanei tsūhō*. Nghèo như *Yoshioka-juku* lấy đâu ra vàng miếng *koban*. *Koban* là thứ của *daimyō* hay thương nhân đại gia, dân thường chẳng mấy khi được nhìn thấy trừ khi đến chỗ đổi tiền – vàng. Tính theo giá thị trường thì 1.000 *ryō* sẽ bằng khoảng 5.000.000 miếng *Kanei tsūhō* (5.000 *kanmon*). Do đó, họ đã quyết định nộp cho phiên 5.000 *kanmon*.

Thế nhưng, *Kayaba* đã tìm ra kẻ hở đó. Phiên *Sendai* đang bắt đầu chế tác đồng xu. Nếu gia tăng số lượng đồng xu, giá trị của nó sẽ

giảm. Giá tiền xu thị trường là 1.000 *ryō* bằng 5.000.000 *Kanei tsūhō* nay sẽ thành 5.800.000 miếng. Kayaba nhìn ra điểm này và tính toán moi thêm tiền của dân Yoshioka. “Bề trên không thể dùng tiền lẻ. Hãy đổi sang vàng koban và dâng 1.000 *ryō*.” Nói như vậy thì dân Yoshioka sẽ ra sức để dâng thêm 800.000 miếng. Đầu óc của quan lớn trên phiên như con dao cạo, nắm bắt tâm lý dân nghèo và chỉ nghĩ cách lợi dụng họ tối đa. Sugawaraya đoán chắc như vậy. Chàng đau đớn nhận ra mình đã quá ngây thơ trước sự xảo trá của người có quyền lực.

Với những người dân nghèo khó của Yoshioka, năm triệu đồng xu là một con số mang tính thiên văn học. Để gom được chừng đó, Chūnai nhà Asanoya, Jūzaburō, Sugawaraya đã thiếu điều chết đi sống lại. Cứ tưởng nguyện vọng đã thành hiện thực thì cơ hội lại trôi như nước chảy mây bay. Tức là phiên nói “Hãy nộp thêm 800.000 đồng xu. Nếu làm vậy thì sẽ được chấp thuận”.

Sugawaraya bặm môi. Jūzaburō và Chisaka sững sờ nhìn miếng giấy.

“Không ngờ quan trên lại có cách làm dơ bẩn thế này...” – Lúc này, ai cũng muốn nói một câu như thế. Không, phải nói là “đáng hổ thẹn” hơn là “dơ bẩn”. Phiên Sendai đã bị tiền bạc hóa mà không hề xấu hổ.

Sự thật là vậy. Khi phát hiện dòng chữ “dâng 5.000 *kanmon*” trong lá thư thỉnh nguyện của Yoshioka-*juku*, Kayaba đã nhướng chân mày. Do ông ta thấy được rằng “có thể lấy của chúng nhiều hơn nữa”. Trong khoảnh khắc nhìn thấy thư thỉnh nguyện, ông ta đã nghĩ ra ngay thủ đoạn xảo quyệt lợi dụng thị trường tiền lẻ. Đầu óc của con người này quả thật không tầm thường.

Nói thư thỉnh nguyện này là sợi dây cứu mạng đối với người dân Yoshioka cũng không sai. Khi sợi dây ấy còn chưa biết được buộc hay nói thì chỉ cần nói nộp thêm 800 *kanmon* sẽ nối dây, chắc chắn những người dân Yoshioka khốn khổ đó làm gì không dám nộp.

Ở đời, một người sắp chết đuối sẽ bám víu vào cả cọng rơm nhưng đó là cách của người thường. Để người sắp chết đuối bám vào cọng rơm, phải dụ họ xuống nước cho đuối. Chỉ có người có trí tuệ như mình mới có thể làm được. Kayaba đã nghĩ vậy.

Vì vậy, Kayaba cho gọi *daikan* Hashimoto đến và ra lệnh: “Trong thư này có viết sẽ dâng 5.000 *kanmon* nhưng người hãy bắt chúng sửa lại là 1.000 *ryō* vàng.” Thành linh bị nói như thế, Hashimoto đã không hiểu ý đồ đó. “Tiền của Yoshioka là tiền dâng lên bề trên chứ không phải gửi.” – Hashimoto nghĩ Kayaba ra chỉ thị để làm rõ điều đó. Ông không nhận ra đây là ý đồ muốn thay đổi số tiền, thêm đến những 800.000 đồng xu. Vì vậy, Hashimoto đã không một lời phản đối.

“Một tên cỡ này mà cũng không nhận ra.” – Kayaba nở nụ cười khinh khi trước một Hashimoto đang nhìn thẳng mình một cách chăm chú.

Người xưa có nói “người có tâm thường không có tài, kẻ có tài lại không có tâm”. Có thể nói lúc này đây, một Hashimoto có tâm nhưng không tài trí đã bị một Kayaba tài trí nhưng không có trái tim qua mặt một cách dễ dàng.

Vậy phải làm thế nào đây? Sugawaraya đã suy nghĩ nát óc nhưng mãi vẫn không tìm ra phương cách khả dĩ. Có vẻ như không còn con đường nào khác ngoài việc chấp nhận bước vào cái bẫy mà Kayaba đã giăng để rồi bị moi thêm tiền.

“Làm sao đây?” – Jūzaburō cũng như gà mắc tóc vì chuyện này.

“Trước mắt, cứ nói với mọi người về việc này đã.” “Đầu tiên là nhà Asanoya.”

Sau khi bàn bạc, hai người đến nhà Chisaka. Trên đường đến nhà Asanoya, chân họ nặng trĩu.

Trong số chín người, Asanoya là người góp nhiều nhất, 1.500 *kanmon*. Vì thế nhà Asanoya suýt phá sản, từ đó được nhiều người

cảm thông. Vốn dĩ kế hoạch này khởi đầu từ đời người cha Asanoya Jinnai. Hẳn nghe tin báo này, chắc chắn Asanoya sẽ thất vọng lắm.

Nhưng không còn cách nào khác là phải nói cho Asanoya biết. Đến nơi, Jinnai ra đón họ.

“Tức quan trên nói phải dâng trọn giá trị của 1.000 *ryō* mới chấp thuận?”

“Chúng tôi đang không biết làm sao...”

“Cho nên chúng tôi muốn xin ý kiến của anh Asanoya.” Jinnai im lặng, lắng nghe Sugawaraya và Jūzaburō lần lượt nói. Hai người khá bất ngờ khi Jinnai không có vẻ gì là thất vọng lắm.

“Vậy còn thiếu bao nhiêu?”

Jinnai chỉ hỏi vậy. Những tính toán như vậy thì Sugawaraya rất nhanh. Ngay lập tức chàng tính và giải thích: “Tỉ giá thị trường là 1 bu vàng đổi 1 *kan* 450 mon. Tức 1 *ryō* là 5 *kan* 800 *mon*. 1.000 *ryō* thì 5.800 *kanmon*. Tức chúng ta thiếu 800 *kanmon*.”

“Ừm...”

Jinnai nghe vậy rồi im lặng, hướng mắt nhìn trần nhà. Có vẻ như chàng đang nhẩm tính.

“Chẳng lẽ Asanoya nói anh ấy góp thêm?” – Sugawaraya và Jūzaburō chột dạ. Nếu nhà Asanoya mà góp thêm nữa thì sẽ trắng tay thật sự. Chắc chắn họ sẽ phải ra đường. Thế nhưng Jinnai đã nói dứt khoát: “Tôi sẽ góp thêm 500 *kanmon* trong số 800 đó. 300 còn lại, mong những người còn lại xoay xở giúp.”

Sugawaraya và Jūzaburō toát cả mồ hôi hột. Họ nghĩ bụng phải làm gì đó để ngăn Asanoya lại. Chứ nếu làm vậy, cả nhà Asanoya sẽ chết cóng, chết đói giữa đường.

Thái độ của Sugawaraya lúc này được ghi chép trong *Kokuonki* như sau: “Sugawaraya nhíu mày.” Trong những ghi chép các sự kiện đơn thuần từ trước khi văn học cận đại xuất hiện, hiếm thấy trường hợp nào miêu tả thái độ, nét mặt của người Edo trong khoảnh khắc rất thực đến như vậy.

Sugawaraya rất muốn có được sự trợ giúp tiền bạc nhưng không thể nào chấp nhận được lời đề nghị này của Jinnai.

“Tuy đây là việc quan trọng cũng như đem lại lợi ích cho làng chúng ta nhưng anh Asanoya này, anh đừng làm vậy.”

Jūzaburō cũng lên tiếng ngăn lại.

“Nếu Asanoya phá sản thì chúng tôi cũng rất gay go. Giả sử ước nguyện không thành thì chúng ta đành phó mặc số phận cho ông trời, thỉnh nguyện lên bề trên lần nữa với số tiền ban đầu là 5.000 *kanmon* cũng được mà.”

Khi Jūzaburō nói đến đó, ánh mắt Jinnai thay đổi hẳn. Đó là do Jūzaburō nói “giả sử ước nguyện không thành”. Bình thường, Jinnai vốn là người kiếm lời mà nay như một người khác, bắt đầu nói như vô cùng tức giận.

“Không! Nếu không chuẩn bị đủ 1.000 *ryō*, thỉnh nguyện của chúng ta sẽ không được đoái hoài tới. Chúng ta đã leo được chín phần, đã thấy lấp ló đỉnh núi rồi cơ mà. Nếu làm theo lời hai người nói, sẽ chẳng thấy chút hi vọng nào cả.”

Đúng là vậy. Kayaba không phải loại người hiền từ. Nếu không xoay được 1.000 *ryō* vàng theo đúng thời giá, nhất định ông ta sẽ không chấp nhận. Sugawaraya hiểu rõ chuyện đó hơn ai hết. Bầu không khí nặng nề, trầm lắng bao quanh ba người họ.

Kokuonki có ghi lại rằng: “Bầu không khí khó xử bao phủ khắp căn phòng.”

Lúc ấy, cánh cửa lùa chậm chạp được mở ra, người mẹ già của Jinnai xuất hiện.

“Chuyện đó...” – Bà quay sang nhìn Sugawaraya.

Ai nấy ngạc nhiên tột độ. Từ trước đến nay, chưa từng có chuyện phụ nữ chen vào cuộc đàm luận của cánh đàn ông.

“Lâu nay chúng tôi đã cố gắng chịu đựng, chuẩn bị tinh thần sẵn sàng bán cả y trang, gia sản. Cho nên đã xoay xở được 1.500 *kanmon*. Vì vậy...”

Khi bà nói đến đó, cả Sugawaraya và Jūzaburō đều đoán được bà sẽ nói gì tiếp theo. Bà chậm rãi nói thế này: “Vì vậy, chúng tôi đã chuẩn bị tinh thần rất rõ ràng cả rồi. Tôi, con gái, cháu chắt đều hiểu cả. Nếu cần thêm tiền, sẽ phải bán các đồ dùng trong nhà. Sẽ không gây phiền cho mọi người xung quanh. Hãy để chúng tôi góp thêm.”

Jūzaburō bật khóc.

Sugawaraya không nói được lời nào. Chưa từng có ai hi sinh như vậy. Để cứu *shukuba*, gia đình này thậm chí sẵn sàng hi sinh cả cơ nghiệp và cuộc sống bản thân. Sugawaraya dần lòng:

“Tôi hiểu rồi. Không còn cách nào khác. Tôi mạn phép thất lễ nhận lời. Tấm lòng của gia đình không phải mới bắt đầu đây. Tấm lòng của bác đây thật đáng cảm kích và ngưỡng mộ. Tuy thật không hay nhưng không còn cách nào khác ngoài việc nhận tiền của gia đình.”

“Vậy tôi yên tâm rồi. Việc gia đình chúng tôi đau buồn đã được chuẩn bị tinh thần ngay từ đầu. Cả gia đình chúng tôi hiểu rõ tương lai sẽ ra sao khi chấp nhận khó khăn của cả làng.”

Phá sản, tan cửa nát nhà, ở địa phương này gọi là “đau buồn”. Đúng là đau đớn, tổn thương nhưng ở Yoshioka “đau buồn” còn được viết với nghĩa khi một dòng họ lâu đời mất đi. Nếu nhà cửa mất đi, người trong nhà đi làm thị nữ, người hầu nhà người thì cả

gia đình ly tán. Đến cả đứa cháu nhỏ trong nhà của Jinnai cũng hiểu điều đó. Sugawaraya không còn nước mắt để khóc trước thảm cảnh đó.

Vậy mà, nét mặt Jinnai khi nói “VẬY TÔI YÊN TÂM RỒI” mới rạng rỡ làm sao. Nụ cười của người mẹ già khi nghe câu nói đó mới hiền hậu làm sao. Chàng chưa bao giờ bắt gặp nét mặt nào mãi nguyện như thế.

“Thật chúng tôi chưa từng biết gia đình nào trên đời này lại đồng lòng đến vậy. Đây quả thật chân tâm của cả gia đình.”

Jūzaburō nói rồi cúi đầu thật sâu, cùng Sugawaraya rời khỏi nhà Asanoya.

Rốt cuộc, vì đầu óc cáo già của Kayaba Moku mà cha con nhà Asanoya Jinnai – Shuemon phải góp tổng cộng 2.000 *kanmon*. Dù vậy, họ vẫn thiếu 300*kanmon*.

Phải có ai đó góp thêm. Trong số chín người họ, có một người khá khôn lỏi. Đó là Hayasakaya Shinshirō. Gần đây, nhà Hayasakaya buôn bán phát đạt, trở thành người giàu có trong Yoshioka-juku. Nhưng khi góp tiền, Hayasakaya nói lý nói lẽ, chỉ góp một nửa là 300 *kanmon*. Và ít hơn thì có Zempachi với 200*kanmon*. Tuy có thể góp chừng 500 – 600 *kanmon* nhưng Shinshirō một mực lắt đầu.

“Lúc này, Shinshirō phải góp thêm mới đúng.” – Ai nấy đều nghĩ vậy.

Thế nhưng, có vẻ đánh hơi thấy bầu không khí đó nên Shinshirō không để hợp mặt. Sugawaraya không còn đủ kiên nhẫn, đành đi gọi anh ta và quỳ gối ra sức thuyết phục. Shinshirō ngồi nghe với vẻ mặt thờ ơ, cho qua chuyện.

“Tôi không thể làm gì hơn. Mọi người tự tính với nhau đi.” Anh ta chỉ lặp đi lặp lại câu nói đó.

“Chúng tôi không nói anh góp toàn bộ 300 *kanmon*. Chỉ cần anh góp thêm 90 *kanmon* là được rồi.”

Shinshirō vẫn không đồng ý.

Đã cạn lời, Sugawaraya đành kể chuyện nhà Jinnai. “Có thể thấy chỉ lúc đó, Shinshirō mới hơi mềm lòng một chút.” – Cổ văn có ghi chép như vậy.

Shinshirō nói với khóe mắt hơi đỏ: “Nếu vậy, để tôi bàn với gia đình, vợ con rồi trả lời.”

Thế nhưng, tuyết trong lòng anh ta chỉ tan đến mức đó. Nhân lúc Sugawaraya không có mặt, Shinshirō đi thẳng đến nhà *ōkimoiri* Chisaka Chūnai và tuyên bố thẳng thừng:

“Có bới tung cả nhà tôi lên cũng không có được một nửa của 90 *kanmon*. Xin thứ lỗi cho tôi.”

Một lời nói dối trắng trợn. Nhà Hayasakaya dư sức bỏ ra số tiền 45 *kanmon*.

Nghe vậy, Chisaka dăm chiêu ra mặt. Tận đáy lòng, chàng rất tức giận nhưng vốn xuất thân gia đình nhiều đời làm *ōkimoiri*, chàng học được cách chế ngự tình cảm hỉ, nộ trước mặt thiên hạ. Chàng cố gắng nén cơn giận.

Đúng lúc Sugawaraya chạy đến. Nhìn sắc mặt Chisaka, Sugawaraya đoán ngay được Shinshirō đã nói gì. “Tên dối trá này!” – Chàng hét lên trong lòng. Nhưng khoảnh khắc tiếp theo, chàng thay đổi thái độ. Trong đầu chàng hiện lên quang cảnh ở nhà Jinnai hôm qua. Lại thấy tay Shinshirō run lên từng chập trước mặt *ōkimoiri*. Chàng nhận ra một điều. Con người này cũng chỉ là ra sức bảo vệ cuộc sống gia đình mình mà thôi. Shinshirō không xấu. Khiến dân chúng dối trá, chia rẽ tình cảm người dân, gây ra bao đau khổ cho họ chính là bề trên chứ không ai khác. Sugawaraya sửa lại tư thế, nói giọng quyết đoán: “Ngài Chisaka. Shinshirō cũng rất khó khăn mới góp được 300 *kanmon*. Chúng ta đừng ép buộc anh ta nữa.”

Shinshirō như được giải thoát bởi câu nói này. Rốt cuộc, hai người tham gia sau với số tiền ít hơn là Zempachi và Shinshirō không phải góp thêm, sáu người còn lại xoay xở 300 *kanmon* còn lại.

Họ thử viết danh sách đóng góp như sổ đăng ký chi tiết.

Asanoya (Endō) Jinnai 2.000 *kanmon*

Kokudaya (Takahira) Jūzaburō 550 *kanmon*

Sugawaraya (Sugawara) Tokuheiji 550 *kanmon*

Ōkimoiri Chisaka Chūnai 550 *kanmon*

Kimoiri (Endō) Ikuemon 550 *kanmon*

Kokudaya (Takahira) Jūbei 550 *kanmon*

(Endō) Junai 550 *kanmon*

Hayasakaya (Hayasaka) Shinshirō 300 *kanmon*

Kokudaya (Takahira) Zempachi 200 *kanmon*

Tổng cộng 5.800 *kanmon* tương đương 1.000 *ryō*

Họ đã gom góp một lượng lớn tiền lẻ. 5.800 *kanmon* là tổng cộng 5.800.000 đồng xu *Kanei tsūhō*. Phải nói sự đóng góp của nhà Asanoya Endō thật đáng kinh ngạc – 2.000 *kanmon*, hơn hẳn những người còn lại. So với con số của nhà Asanoya, số tiền đóng góp của ōkimoiri Chisaka và kimoiri Ikuemon thật ít ỏi. Hayasakaya cũng vậy. Người trong *shukuba* bắt đầu bàn tán sau lưng họ: “Địa vị chùng ấy thì có thể góp thêm quá chứ.” Nhóm Jūzaburō để ý đến những lời xàm xì nhân tình thế thái đó mà lo lắng. Nhưng gì thì gì, cũng đã lo đủ số 1.000 *ryō* vàng mà Kayaba yêu cầu.

Rồi thời khắc ấy cũng đã đến. Người ta lưu truyền là vào lúc 3 giờ sáng ngày 1 tháng Bảy năm Meiwa 9 (1772), một âm thanh kỳ lạ vang lên trong màn đêm. Tiếng gõ cửa nhà ōkimoiri Chisaka vang

lên inh ỏi. Âm thanh này chính là thứ mà người dân Yoshioka-*juku* nguyện cầu, chờ đợi bấy lâu.

“Thư thỉnh nguyện của Yoshioka-*juku* đã được chấp nhận.” Cuối cùng thì thông báo từ phủ quan trên phiên Sendai đã được gửi đến Yoshioka-*juku*.

Sugawaraya nhận thông báo và hét lên “Thật sung sướng! Cảm ơn! Chúng ta đã chờ đợi ngày này quá lâu rồi”. Chàng chạy đi gõ cửa từng nhà như thể đôi chân mọc cánh. Thế là chẳng mấy chốc, thông báo đáng mừng đó lan khắp *shukuba*, cho đến khi mặt trời lên thì ai nấy hớn hờ, lần lượt kéo đến nhà Chisaka.

Jūzaburō, Jinnai, *kimoiri* Ikuemon cũng chống gậy đến. “Có ai đó đọc cái này lên giùm tôi không?”

Ō*kimoiri* Chisaka Chūnai nói vậy và giơ cao thư thông báo. Với một người vốn trọng lễ nghi như Chisaka thì đây là một hành động phóng khoáng, vượt khuôn khổ bất ngờ. Trường hợp này, *kimoiri* Ikuemon sẽ phải đọc lớn. Những truyền đạt từ phiên thường sẽ do *shōya* (*kimoiri*) đọc cho mọi người nghe. Nhưng Chisaka cố tình phá vỡ tiền lệ.

Đúng lúc ấy, mọi ánh mắt đều đổ dồn vào một người đàn ông. Đó là Jinnai.

“Jinnai, anh đọc đi!”

Ai đó lên tiếng và lá thư cuộn có thông báo của bề trên được trao cho Jinnai. Jinnai nâng cao thông báo quá đầu: “Vậy tôi xin mạn phép.” Có thể nói nhóm những người như Jinnai và cả nhà Asanoya đã sống vì một khoảnh khắc huy hoàng này.

Giọng đọc sang sảng của Jinnai vang lên. Đó là nội dung mà Jūzaburō, Sugawaraya, Jinnai và mọi người mong đợi. Cuối cùng, tâm nguyện của họ đã được bề trên thấu hiểu. Kể từ cái buổi Jūzaburō và Sugawaraya ngồi uống trà, bắt đầu kế hoạch này, đã sáu năm đằng đẳng trôi qua.

Như vậy, thỉnh nguyện của họ đã được thông qua. Nhưng vẫn còn ngọn núi phải vượt qua. Họ phải nộp số tiền 1.000 *ryō* vàng theo lời quan tài chính của phiên Sendai nhưng hiện giờ vẫn chưa có tiền mặt. Dự định là họ sẽ tạm thời mượn tiền từ Miuraya Sōemon ở Ishinomaki nhưng nếu Miuraya không giữ lời hứa thì mọi chuyện kết thúc.

“Liệu Miuraya Sōemon ở Ishinomaki có cho chúng ta mượn tiền không tính lãi như đã hứa không?” – Họ lo lắng. Thế nhưng, bất ngờ là đúng như lời hứa, Miuraya nhanh chóng giao 2.250 *kiri* (562 *ryō* 2 bu) cho họ. Một cách dễ dàng. Chỉ có hai người, Jūzaburō và Sugawaraya đến gặp Miuraya.

Thật ra, hai người họ đã dự tính nếu Miuraya không giữ lời, cả hai sẽ mổ bụng tự sát. Sự thực họ đã chuẩn bị thanh kiếm ngắn, bộ kimono trắng dành cho người chết và cả di thư. Lẽ ra có cả *ōkimoiri* Chisaka cùng đi với họ nhưng không biết có phải sợ chết không mà cáo bệnh, rút lui. Thay cho Chisaka, *kimoiri* Ikuemon cùng đi. Chisaka có nói “chẳng may có chuyện gì, tôi cũng sẽ mổ bụng tự sát ở giường bệnh” nhưng không thể biết được tâm ý thế nào.

Hắn bất kỳ ai cũng lấy làm ngạc nhiên trước tinh thần sẵn sàng mổ bụng tự sát của hai người Sugawaraya và Jūzaburō, hơn hẳn Chisaka, vừa có họ tên vừa có địa vị ngang hàng *samurai*. Nông dân, đinh nhân thời đại này đều như vậy khi gặp chuyện. Nói cho đúng, “liêm sĩ” thấm sâu vào từng ngõ ngách của một vùng đất, đến tận tâm can người dân. Liêm sĩ, trong sạch không phải độc quyền của các *samurai*.

“Đã nói sẽ chuẩn bị được 1.000 *ryō* cho bề trên, rồi lại không được thì thật không còn mặt mũi nào nhìn thiên hạ.” – Cả Sugawaraya và Jūzaburō đều chuẩn bị tinh thần tự sát chỉ với suy nghĩ đó. Có thể nói đó những con người liêm sĩ một cách ngây thơ và chất phác.

Phải nói thêm, quốc gia cận đại sau khi bước vào thời Meiji đã tận dụng những tâm hồn liêm sĩ của dân chúng để tiến hành những cuộc chiến Nhật – Thanh, Nhật – Xô, và tiến tới cuộc đại chiến Shōwa để rồi bị đánh bại.

Xin phép quay lại câu chuyện của chúng ta. Khi Miuraya giữ lời hứa, Sugawaraya và Jūzaburō nay được bảo tồn sinh mạng, nhìn nhau: “Như chết đi sống lại. Tôi cứ ngỡ mình đã tắt thở vì hồi hộp.” Họ thở phào nhẹ nhõm và cùng cười thật tươi.

Và như vậy, họ đã chuẩn bị đủ tiền. Có điều, trong thời gian đó, tỉ giá thị trường tiền lẻ cứ giảm liên tục. Jūzaburō đã vội nhờ người con nuôi Otoemon đang ở Sendai ứng trước 125 *ryō*. Và rồi, vào ngày 22 tháng Chín năm Meiwa 9 (1772), họ gom đủ và dâng số tiền lẻ tương đương 1.000 *ryō* vàng lên phiên Sendai. Sugawaraya lên đến nơi, chạy khắp nơi và nộp tiền vào daimonjiya, ngân khố phiên Sendai rồi trở về nhà.

Kết thúc. Vậy là mọi việc đã xong. Đến cuối năm, theo đúng thư báo, phiên sẽ trả tiền lãi cho Yoshioka-*juku*. Mọi người ai nấy đều mong chờ.

Thế nhưng, đến đêm giao thừa năm ấy, cũng chẳng được tin gì từ phiên. Sang năm mới, Anei¹ 2 (1773), qua Tết, sang tháng Hai, cũng chẳng có gì.

¹ *An Vĩnh: niên hiệu trong khoảng thời gian 1772 – 1781.*

“Kỳ quái!” – Nhóm người góp tiền ở Yoshioka bắt đầu sốt ruột.

Lẽ ra chuyện này phải được ghi chép mới đúng. Phiên Sendai đã hút máu của Jūzaburō, Jinnai và mọi người, lại còn bòn rút thêm số tiền mồ hôi nước mắt của họ, nhưng lại chẳng hề tỏ vẻ thực hiện lời hứa đương nhiên “trả lãi”. Và thế là nhóm Jūzaburō trở thành người đòi nợ tiền lãi từ phiên.

Nông dân, đinh nhân đòi tiền nợ từ lãnh chúa!

Thật là chuyện không tiền khoáng hậu. Phiên Sendai lấy tiền gốc, nhưng không trả lãi – chỉ có thể nói là một trò lừa đảo.

Người có động thái trước tiên là Jinnai. Ngày 10 tháng Hai, chàng cùng Sugawaraya đến chỗ Chisaka, bàn bạc: “Chúng ta đã chạy

quanh tám năm nay, chịu đựng bao khó nhọc. Tôi không muốn cuối cùng lại bị tráo trở thế này.” Jinnai nói rõ phiên Sendai “tráo trở”. Dân thường dám nói lãnh chúa tức *daimyō* “tráo trở” thì hẳn chỉ có người đàn ông này.

Thế nhưng, người đóng vai trò quan trọng, *ōkimoiri* Chisaka lại tỏ vẻ không dứt khoát. “Tôi cũng lo lắng, ăn ngủ không yên. Có điều, chúng ta không được buộc tội bề trên như thế này.” – Những lời nói bảo vệ chính mình. Nếu không phải vậy thì là sự phục tùng cho một trật tự vô nghĩa. Tuy nhiên, Chisaka đúng là *ōkimoiri*, đã cho tìm hiểu và biết được nội tình ở Sendai.

“Theo lời *daikan* Yashima thì 1.000 *ryō* của chúng ta vẫn để nguyên trong kho, đến nay vẫn chưa được giao cho quan giám sát ngân khố.”

Thật đáng kinh ngạc. Phiên Sendai thiếu tiền như vậy mà vẫn để nguyên 1.000 *ryō* vàng trong kho, chẳng buồn đầu tư. Việc này thể hiện rõ tổ chức theo chiều dọc, không hề có sự kết nối theo chiều ngang trong các phủ quan thời Edo hậu kỳ.

“Tuy nhiên, *daikan* cũng nói đã đến lúc nên đi hỏi thăm. Cho nên tôi định hôm nay bàn bạc chuyện đó.”

“Thong thả quá nhỉ!” – Sugawaraya bất giác tức giận trước sự chậm rãi của Chisaka. Chàng nghĩ con người này thật sự chẳng có gì khó khăn sao. Gì thì gì, bọn họ đang mắc nợ để đề đạt thỉnh nguyện này. Phải lấy lại tiền lãi từ phiên sớm khắc nào hay khắc ấy để còn trả nợ. Có thể nói lửa đã cháy ngay sau lưng rồi còn gì.

Jinnai và Sugawaraya van nài Chisaka hỏi thăm lên phiên ngay lập tức. Câu trả lời được gửi đến không lâu sau đó. Thư viết: “Phiên sẽ trả lãi. Nhưng chỉ mới nộp tiền vào tháng Chín năm ngoái. Sang năm sẽ chi trả.” Một lý do chán ngán đến mức không thể tin đó là câu trả lời của một phiên lớn với 620.000 *oku*. Chưa kể, hoàn toàn không đề cập vấn đề cụ thể như sẽ trả bằng cách nào, ra sao. Họ đành phải hỏi thăm lần nữa thì câu trả lời được gửi đến vào ngày 5

tháng Tư như sau: “Sẽ xuất tiền từ phủ tài chính. Cho người lên Sendai nhận tiền.”

Và như vậy, mãi rồi phiên Sendai mới đồng ý trả tiền lãi. Chỉ có thể nói bằng một từ “tồi tệ”.

Ngày 10 tháng Tư, Sōemon, lính vận chuyển tiền của phiên Sendai đem đến Yoshioka-*juku* 42 *ryō* và 912 mon. Quả là một chặng đường dài dằng dặc.

Thế nhưng, chuyện vẫn chưa kết thúc. *shutsunyū zukasa* Kayaba của phiên Sendai lại có động thái mới.

“Tiền lãi đã được trả cho Yoshioka-*juku*.” – Kayaba nghe tin báo mà không giấu nổi sự ngạc nhiên. Bản thân ông ta hiểu rõ mình đã làm khó Yoshioka-*juku* ra sao. Vậy mà Yoshioka-*juku* vẫn dâng đủ 1.000 *ryō* vàng. Chưa hết, lại còn dai dẳng thương lượng khi bị trả lãi trễ, để bây giờ đã lấy được tiền lãi từ bề trên.

“Đám người này để làm thường dân thì thật phí.” – Ông ta nghĩ. Thuộc hạ của ông ta không có lấy người nào được như Jūzaburō và Sugawaraya. Ông ta hỏi *daikan* Hashimoto xem đám thường dân Yoshioka đó làm cách nào mà gom đủ 1.000 *ryō* vàng. Hashimoto giải thích cụ thể, từng chi tiết. Do Kayaba lệnh nộp tiền bằng vàng nên cha con nhà Asanoya Jinnai, Shuemon đã không do dự nhận lấy khó khăn về mình, góp số tiền lớn và nhờ vậy mọi người mới xoay xở số tiền bị thiếu.

“Hắn là nhà Asanoya sẽ tán gia bại sản mất. Cả Yoshioka-*juku* đều xót thương đứa nhỏ.” – Ông đã muốn nói thêm câu này nhưng rồi ráng kềm lại.

Lúc này suy nghĩ của Kayaba có chút thay đổi, trở nên quan tâm đến chín người ký tên trong thư thỉnh nguyện, đặc biệt là người có tên Jinnai. Thật lòng, ông ta muốn thử gặp con người đó – con người dù có bị chà đạp, hắt hủi thế nào cũng lãnh hết phần khó trong làng về mình, cứ dâng tiền không điều kiện.

Có thể nói đó chỉ là sự tò mò đơn thuần cũng được, nhưng thực chất không chỉ vậy. Sự thật là trong lòng Kayaba nảy sinh chút ít thiện cảm và sự kính phục dành cho người đàn ông có tên Jinnai.

Kayaba đã đưa ra một mệnh lệnh bất ngờ: “Hãy cho gọi chín người nộp thư thỉnh nguyện của Yoshioka-juku lên đây. *shutsunyū zukasa* Kayaba Moku ta đây sẽ gặp mặt họ trực tiếp tại nhà riêng.”

Yoshioka-juku trở nên náo loạn. Kayaba Moku là quan lớn cai quản tài chính dân chính phiên Sendai. Vị quan đó muốn gặp trực tiếp họ. Ai nấy đều quýnh quýng.

“8 giờ sáng ngày 9 tháng Năm phải có mặt.” – Lệnh viết như thế. Mọi người nhìn nhau, nhưng đây là lệnh của quan trên. Phải đi thôi, không còn cách nào khác.

Ōkimoiri Chisaka Chūnai, *kimoiri* Ikuemon, Asanoya Shuemon (con trai của Jinnai), Junai và con trai nối dõi của Jūbei, rồi Jūzaburō, Sugawaraya, Zempachi, Shinshirō, chín người họ khăn gói lên đường hướng về Sendai.

Khi đến nhà của Kayaba, quả nhiên ông ta có mặt, nhìn chín người họ bằng cặp mắt sắc sảo của mình rồi thành linh bắt đầu câu chuyện. “Ông ấy...” – Cả nhóm ngạc nhiên tột độ khi Kayaba nhắc đến tên Jinnai. “Từ thời của ông ấy, ông nội của Endō Shuemon, đã có lòng nhân nghĩa với chí nguyện lớn ấp ủ nhiều năm...” – Kayaba nói. Thậm chí còn thưởng tiền cho từng người.

Sự thật thì Kayaba có thiện cảm với Jinnai. Ông ta nhìn chăm chăm vào con trai của Jinnai, Shuemon như muốn rách cả mặt, chỉ với suy nghĩ muốn được gặp người cha. Hẳn trong lòng ông ta có điều gì đó như linh hồn dẫn dắt, lôi kéo ông ta về phía Jinnai.

Thế nhưng, trong số chín người ông ta gọi lên, không có Jinnai. Chỉ có người con trai, Shuemon. Sau khi chín người họ ra về, Kayaba hỏi *daikan* thuộc cấp.

“Tại sao không thấy Jinnai?”

“Hắn ta bị đau chân nên ở lại Yoshioka.” “Hắn có thể dùng ngựa hay kiệu để đến đây.”

“Xin lỗi ngài, không thể được.”

“Tại sao?”

“Jinnai nhất định không cưỡi ngựa cũng chẳng dùng kiệu.” “Hừm.”

Kayaba trở nên tò mò hơn nữa. Jinnai không cưỡi ngựa, không đi kiệu, cho nên không đến Sendai. Đó là lý do hắn không đến gặp người quyền uy như ta đây.

“Vậy tại sao Jinnai không đi ngựa?” “Đó là... Do lời dặn của cha hắn.” “Nói ta nghe.”

“Lúc trước, người Yoshioka từng muốn đi Ishinomaki. Jinnai lẽ ra cũng đi nhưng mắt mờ chân yếu. Khi được mời lên ngựa thì Jinnai nói thế này. “Người cha quá cố của tôi đã dặn: Có cuốn cổ thư tựa *Myōgakun* (Minh gia huấn), trong đó có viết những điều con cần khắc cốt ghi tâm...” và...”

Myōgakun – không biết tại sao cuốn cổ thư kỳ lạ này lại được một thương gia của Michinoku, Asanoya (nhà Endō) xem trọng dường vậy? Cho rằng trong đó ẩn chứa một sức mạnh thần bí vĩ đại nên Jinnai đã đọc nó và bắt đầu sự nghiệp cứu giúp Yoshioka.

Jūzaburō nhớ lúc nhỏ mình cũng bị bắt đọc đi đọc lại những lời dạy trong *Myōgakun*. Tuy nhà Asanoya, nhà cha mẹ ruột của chàng có nhắc đi nhắc lại “đây là sách của tiên sinh Kaibara Ekiken¹” nhưng sau hỏi lại thì hình như không phải. Chỉ là do nhà sách ở Ōsaka muốn bán quyển sách này mà nói bừa “sách của Kaibara Ekiken”. Thật ra tác giả là Seki Ichiraku (1644 – 1730), một học giả vô danh sinh ra ở Bizen (nay ở Okayama).

¹ *Kaibara Ekiken (1630 – 1714): một nhà Nho cũng là thầy thuốc trường phái Honzōgaku (Bản thảo học) thời Edo.*

Bizen là vùng đất mà phái Yōmeigaku (Dương Minh học) phát triển mạnh mẽ với các học giả Nakae Tōju (1608 – 1648), Kumazawa Banzan (1619 – 1691) lấy *Bizen shingaku* (Bị Tiền tâm học) làm tư tưởng chính. Tuy nhiên, Yōmeigaku bị xem là tư tưởng nguy hiểm nên dần dần bị đàn áp, cấm đoán. Cũng có thể chính vì vậy mà *Myōgakun* được bán như là sách của tiên sinh Ekiken.

Tóm lại, chính xác là cuốn sách đã hình thành nên tư tưởng của một gia đình nhỏ bé Asanoya. Người có ý chí muốn cứu Yoshioka-juku đầu tiên hết là gia chủ đời trước của Asanoya, cha ruột của Jūzaburō. Chàng nhớ lúc nhỏ, cha đã dạy thế này: “Con người là linh trưởng của vạn vật, vì vậy phải giảm bớt việc làm đau những sinh vật khác như cưỡi trên lưng ngựa, bò. Chúng thật đáng thương. Chưa hết, không thể để con người làm đau con người, leo lên vai người khác để được nghênh kiệu này nọ. Nếu bị bệnh nặng, không còn cách nào khác thì còn tha thứ được. Nhưng lúc còn đi lại được, còn cưỡi ngựa được thì nhất định không lên kiệu để người khác chịu đau khiêng mình trên vai như vậy được. Nhất định con không được quên việc này.”

Có thể nói đó là một tư tưởng đáng sợ. Kayaba thấy choáng váng chưa từng có. Bởi vì từ trước đến giờ, chưa có ai vạch ra được sự mâu thuẫn của thời đại, bản chất của sự việc như vậy. Ngay lập tức, bộ óc có thể nói thông minh bậc nhất phiên Sendai đã nhận ra bản chất của nhà Asanoya.

“Con người là một sinh vật đáng kính, con người không được làm đau khổ những con người đáng kính khác.” – Quan niệm này là căn bản của tư tưởng này.

Thế nhưng, cùng lúc, đầu óc của Kayaba thử lý luận ngược lại với lý lẽ chính đáng, sáng chói đó và cuối cùng, ngay lập tức suy luận ra một kết luận đáng sợ. Nếu theo tư tưởng này thì việc đi kiệu là hành vi thấp hèn mà con người hạ thấp sự đáng kính của con người.

Nếu theo tư tưởng này, chẳng phải người đi kiệu là người thấp hèn vi phạm luân thường nhất sao? Nhưng trong xã hội ngày nay, ai là người thường đi kiệu nhất?

Ta hiểu rồi. Đó là người được xem là cao quý nhất trong xã hội hiện nay, tức là những *samurai* như Kayaba, nói rõ ràng thì đó là những người cầm quyền như phiên chủ, tướng quân. Nếu phân tích tại sao Yoshioka đói nghèo, thì đó là do *samurai* bọn ta đã chất lên vai người dân Yoshioka nhiệm vụ *tenmayaku*. Kayaba rùng mình trước kết luận mang tính tư tưởng đáng sợ của gia tộc nhỏ bé Asanoya thuộc một ngôi làng trong núi với những ngọn lạnh lẽo. Ông ta như bị ném vào sự trống rỗng vô tận.

Và như thế, nhóm Jūzaburō được phiên Sendai tặng thưởng. Khi mở phong bì tiền thưởng thì chỉ có Asanoya (Endō) Shuemon con trai của Jinnai được 3 *ryō* 3 *bu*, nhiều hơn tám người còn lại, mỗi người chỉ có 2 *ryō* 2 *bu*.

Chín người họ đem số tiền thưởng của Kayaba tặng về Yoshioka. Ai đó nói “nên về giữa đêm để tránh gây chú ý” và thật sự họ đã cố tình làm vậy nhưng vô dụng. Khi chỉ mới về đến gần Yoshioka-*juku*, dân chúng trong làng đã cầm đèn lữ lượt ra đón. Người ta truyền lại rằng quang cảnh lúc đó đẹp như thể toàn bộ tinh tú trên trời nổi nhau chiếu sáng. Vừa đến Yoshioka, có người lại nói: “Tôi nghĩ nên phát hết số tiền thưởng này cho mọi người trong *shukuba*...” Ai nấy đều đồng ý. Chín người họ đã trao hết cho dân làng Yoshioka số tiền thưởng được quan trên ban cho, không chút tơ hào làm của riêng. Chỉ một lời đề nghị của Jinnai mà từng người, từng người trong *shukuba*, kể cả người nghèo nhất, đều được trao tay 200 *mon*.

Và như thế, kể từ năm Anei 3 (1774), cứ đến cuối năm, dân Yoshioka-*juku* lại được nhận đủ 100 *ryō* tiền lãi từ số tiền đã dâng lên bề trên. Nhờ đó, Yoshioka-*juku* thoải mái hơn, dân số không còn bị giảm đi cho đến tận cuối thời Mạc phủ.

Ngày lễ Tanabata¹ hàng năm, họ trang hoàng cổng nhà đẹp đẽ, tiếng nói cười vang khắp *shukuba*. Niệm nguyện của Jūzaburō, Sugawaraya, Jinnai đến đây đã đạt thành.

¹ Ngày 7/7, vùng này thường tổ chức lễ hội Tanabata kỷ niệm Ngưu Lang – Chức Nữ gặp nhau trong truyền thuyết Nhật Bản.

Thế nhưng, cuối cùng có một việc tôi phải viết ra đây. Đó là như mọi người đã lo lắng, khó khăn đang chờ đợi nhóm Jūzaburō. Đặc biệt việc kinh doanh của cha con nhà Asanoya – Jinnai và Shuemon trở nên khó khăn hơn do họ đã dùng hết một số tiền lớn.

Ngược lại, người phát lên lần này lại là Hayasakaya Shinshirō, vốn chỉ góp chút tiền ít ỏi lúc ấy. Người dân Yoshioka chau mày “Nhà Asanoya sắp sập tiệm rồi. Cậu có đức mặc sức mà ăn chưa chắc đã đúng. Nhà vô tâm vô tình kìa mà lại giàu lên đấy thôi”.

Vậy mà, nhà Asanoya còn làm thêm một việc không thể tin nổi. Ngoài xưởng rượu, họ còn có một tiệm cầm đồ và đây cũng là phương tiện kiếm sống chủ lực của gia đình. Họ bắt đầu cho cả những người vốn bình thường thì đã bị đuổi không tiếp là *gokukyunin* (cực cùng nhân) mượn tiền. *Gokukyunin* là những người nghèo mắc nợ, mất cả ruộng vườn, phải cầm cả quần áo mặc trên người trong cơ hàn. Đồ họ cầm chẳng có gì đáng giá, lại không có tiền để chuộc, tiệm cầm đồ mà tiếp những người như vậy thì chẳng thể làm ăn.

Thế nhưng, Jinnai vẫn đón tiếp những *gokukyunin* đói khổ đến tiệm một cách tử tế, và cho họ mượn tiền. Chẳng bao lâu, tiếng đồn lan ra những vùng lân cận, người nghèo lũ lượt kéo đến nhà Asanoya. Vậy mà Jinnai, Shuemon vẫn tiếp từng người, tùy hoàn cảnh mà có khi không lấy đồ của họ. Cuối cùng số người họ chỉ cho mượn tiền hoặc có khi miễn trả lên đến mấy chục người.

“Điên à? Làm vậy thì phá sản mất!” – Jūzaburō và mọi người lo lắng nhưng Jinnai vẫn tiếp tục cho người nghèo mượn tiền với nét mặt hiền hậu.

“Tiền là để con người ta sống. Lúc khó khăn thì giúp đỡ nhau thôi.” – Chàng bỏ ngoài tai những lời khuyên. Xem ra đã xác định tư tưởng rõ ràng.

Thế nhưng, kỳ lạ thay, khi tận tâm tận lòng vô tư đến mức gần như khảm kiệt như thế, một con đường mới lại được mở ra.

“Đằng nào cũng cầm đồ mượn tiền thì tiệm nhà Asanoya không tốt hơn sao?” – Đồng cảm với Asanoya, cả những người khách khá hơn cũng tìm đến khiến tiệm cầm đồ bắt đầu khởi sắc. Không chỉ có vậy.

Câu chuyện “Asanoya Jinnai cứu hàng chục người nghèo khó *gokukyunin*” chẳng mấy chốc lan đến phiên. Sau đó lan truyền trong giới phiên sĩ, và cuối cùng đến tai phiên chủ phiên Sendai 620.000 *koku*.

Phiên chủ phiên Sendai lúc bấy giờ là Date Shigemura, rất thích những hành vi, nghĩa cử ra dáng danh quân. Ngài lại yêu thích làm thơ *waka* và viết thư pháp. Mấy năm trước, khi nhà tù phiên Sendai không còn tội nhân nào cả, ngài đã vỗ tay vui mừng như đưa trẻ thơ và thiết đãi đồ ăn thức uống cho gia nhân, binh lính.

“Ta muốn xem mặt tên Jinnai đó!” – Phiên chủ có lời nhưng chàng vẫn không nghe. Thế nhưng ngài đã quyết phải gặp bằng được cái tên Jinnai đã từng không đến gặp dù Kayaba cho gọi. Trên đường đi thị sát trong phiên, người ghé Yoshioka và đến tận nhà Asanoya.

Chưa hết, không biết từ đâu, phiên chủ nghe nói Jinnai viết chữ rất đẹp nên khi vừa yên vị ở chiếu trên, ngài đã ra lệnh: “Ta nghe nói người viết chữ rất đẹp. Hãy viết cho ta xem.” Jinnai kinh ngạc tột độ.

Nhưng đây là mệnh lệnh chính phiên chủ ban ra. Chàng chú tâm viết và dâng lên bậc chủ quân tối cao lần đầu gặp mặt bức thư pháp đã viết. Phiên chủ thốt lên đầy cảm kích, hài lòng ra mặt và bất ngờ nói: “Để ta viết một chữ.” Phiên chủ muốn cùng Asanoya thưởng thức thú vui thư pháp. Người cầm bút, bắt đầu viết ba hàng chữ sau:

Đêm sương (Sương dạ)

Trắng lạnh (Hàn nguyệt)

Gió xuân (Xuân phong)

“Nhà người làm rượu phải không? Lấy mấy chữ này mà đặt tên rượu.” – Bậc quyền uy tối cao trong phiên nói vậy rồi đi.

“Rượu nhà Asanoya do phiên chủ đặt tên!” – Tiếng lành vang xa, rượu bán không ngơi tay. Và thế là rất cuộc, Asanoya không bị phá sản.

Nhờ vậy, sau đó Jinnai vẫn tiếp tục dốc tài sản gia đình ra sửa cầu, làm đường trong *shukuba*. Còn Kokudaya Jūzaburō vẫn vậy, cật lực làm việc cùng con cháu ở Yoshioka. Việc cả *shukuba* được nhận tiền lãi từ bề trên mỗi năm một lần là một niềm hạnh phúc không gì bằng đối với chàng. Năm nào cũng vậy, chàng luôn nheo mắt mỉm cười chứng kiến cảnh ấy. Nhưng rồi ngày vui ngắn chẳng tày gang, Jūzaburō chỉ được hưởng niềm vui đó bốn năm. Kể từ khi nguyện vọng đạt thành đến năm thứ tư, ngày 27 tháng Ba năm Anei 6 (1777), Jūzaburō mất ở tuổi năm mươi tám. Người ta không rõ nguyên nhân chàng qua đời nhưng di ngôn của Jūzaburō thì được truyền đến đời sau.

Khi lâm chung, Jūzaburō đã dặn con cháu ba điều:

“Thứ nhất, không được nói những gì ta đã làm trước mặt người khác. Không được khoe khoang rằng nhà ta đã làm việc thiện. Nhất định không được tự hào hay kiêu căng mà hãy sống đời bình dị.

Thứ hai, từ nay về sau phải cố gắng hết mình trợ giúp Yoshioka. Hãy nghĩ rằng ta làm ăn buôn bán được là nhờ mọi người, hàng ngày hãy chung tay cùng mọi người.

Thứ ba, hãy bán trà.”

“Bán trà” ở đây có nghĩa là “hãy giúp đỡ sự nghiệp mà Sugawaraya đã khởi đầu để phát triển sản xuất ở Yoshioka”.

Con cháu nhà Kokudaya đã nghe lời chỉ dạy, không một lời nói về vĩ nghiệp của Jūzaburō với người khác. Họ chỉ bí mật khắc tượng gỗ,

đặt trong nhà, gọi là *Odokko-sama* và âm thầm thờ phụng. Trong nhà Kokudaya có đứa trẻ nào không ngoan, sẽ bị dẫn đến trước bức tượng mà nhắc nhở: “*Odokko-sama* đang nhìn đấy.” Nhờ vậy mà nhà Kokudaya tiếp tục công việc buôn bán một cách bình dị, trung thực, bao nhiêu cửa tiệm khác sớm nở tối tàn duy chỉ có nhà Kokudaya là sống đến tận thời Heisei¹.

¹ *Bình Thành: niên hiệu từ năm 1989 đến nay.*

Jūzaburō mất sớm, nhưng người bạn cùng chí hướng, Sugawaraya sống thọ hơn. Dù phiên Sendai đã cấp tiền lãi hàng năm nhưng Sugawaraya vẫn tiếp tục thương lượng không chút chủ quan.

“Nếu tiền thuế Yoshioka nộp vào mùa thu bằng với tiền lãi, chúng tôi sẽ tốn công tốn của lên tận Sendai để nhận tiền lãi. Vậy sao không phát cho dân chúng trước khi sang năm mới?” – Chàng đề nghị như vậy và thương thuyết để phiên chấp nhận.

Nhưng rồi, khi người vợ hết mực yêu thương qua đời trước, Sugawaraya vì đau buồn mà một năm sau đó cũng ra đi ở tuổi sáu mươi lăm. Do họ không con cái gì nên không ai kế tục nhà Sugawaraya, người trong *shukuba* tập trung đến tổ chức tang lễ. Sugawaraya như người mở ra con đường giải thoát cho Yoshioka-juku nên ai nấy đều tôn thờ, nghiêm cẩn khắc tên Tokuō Dōki Koji (Đức Ông Đạo Huy Cư Sĩ) lên mộ chàng, hệt như một *samurai* đứng nghĩa. Có lẽ đó là cái tên thật sự phù hợp với công đức mà Sugawara đã gây dựng.

Người sống đến cuối cùng là em trai Jūzaburō, Asanoya (Endō) Jinnai. Sau khi phân phát gạo và ngũ cốc cho dân nghèo trong nạn đói Tenmei, Jinnai lâm bệnh vào tháng Chín năm Kyōwa 2 (1802). Lúc Jinnai lâm chung, nhà sư chùa Kuhonji trong Bodaiji được gọi đến. Jinnai là người cống hiến cho chùa nhiều hơn ai hết và là người đại diện các thí chủ. Nhà sư nghĩ phải làm sao đặt một danh xưng xứng đáng, đẹp để cải danh cho Jinnai sau khi chết đúng theo lễ nghi. “Zenyoin Jikei Koji (Thiện Dự Viện Tự Khánh Cư Sĩ)” – ông chuẩn bị cái tên này và đến nhà Asanoya. Asanoya được bề

trên ban họ Endō, và hơn hết, là nơi phiên chủ đã từng đặt chân đến, nên với nhà chùa, tên hiệu có “viện cư sĩ” là chuyện đương nhiên. Chẳng phải Sugawaraya Tokuheiji cũng được cải danh thành “cư sĩ” đấy sao. Jinnai có gia cách hơn hẳn Sugawaraya, nếu không đặt “viện cư sĩ” thật khó chấp nhận. Thế nhưng, Jinnai đã lấy hết tàn hơi ở những giây phút cuối đời ra hiệu muốn nói điều gì đó. Người trong nhà ghé tai sát đôi môi khô khốc của Jinnai: “Cuối đời, ta chỉ có một nguyện vọng.” – Ông khó nhọc nói. “Là gì ạ?” – Hỏi vậy thì ông trả lời, giọng yếu ớt: “Đừng để cư sĩ hay gì khác. Cải danh như mọi người, để Shinji (Tín Sĩ) là được”, và trút hơi thở cuối cùng thật nhẹ nhàng. Thọ bảy mươi lăm tuổi. Nét mặt ông khi ra đi thật thanh thản và nhu hòa.

Người ta truyền rằng nhà sư đã lẩm bẩm “Thật khiêm tốn” và ra về với lòng kinh ngạc khôn tả. Và trên mộ Jinnai, người ta khắc ít đi một chữ, “Zenyo Jikei Shinji (Thiện Dự Tư Khánh Tín Sĩ)”.

Nakane Tōri (1694 – 1795)

T

ôi muốn viết về một Nho sĩ tên Nakane Tōri. Sống với tư cách một Nho sĩ thôn làng và cũng chết như một Nho sĩ thôn làng nên giờ đây chẳng còn được mấy ai biết đến, nhưng thật lòng, tôi không thể nào không viết về con người này.

Con người có tên Nakane Tōri này tuyệt nhiên không hề mong đợi gì cuộc đời bé mọn được hậu thế biết đến. Chắc rằng ông cũng chẳng lấy gì làm thoải mái với những dòng chữ này của tôi. Thậm chí ngược lại, ông còn ra sức xóa bỏ vết tích cuộc đời mình. Chính vì vậy, sử liệu về ông rất nghèo nàn nên tôi không biết mình có thể viết về cuộc đời ấy đến đâu.

Nakane có một tài năng tuyệt diệu về thơ văn. Nếu ông đi con đường bình thường như bao người, hẳn giờ này đã được ngợi ca như một đại thi nhân của đất nước này và lưu danh trong ký ức của chúng ta.

“Không ai bì được với Nakane về thi phú.” – Đó là câu nói bình thường trong giới văn nhân Edo những năm Kyōhō¹. Sang thời Kansei², khi đọc được những vần thơ còn lại ít ỏi của Nakane, những văn nhân như Shibano Ritsuzan, Inoue Shimei, Ōta Kinjō đã thốt lên kinh ngạc trước tài thơ ấy: “Một thiên tài hiếm có kể từ thời Kei-Gen.”

¹ *Hưởng Bảo: niên hiệu trong khoảng thời gian 1716 – 1736.*

² *Khoan Chính: niên hiệu trong khoảng thời gian 1789 – 1801.*

“Kể từ thời Kei-Gen” nghĩa là từ thời Keichō¹ trước thời Edo và Genna² là giai đoạn mở đầu thời Edo, nói cách khác kể từ thời mở

đầu Mạc phủ Tokugawa... Có thể nói đó là tài năng thi ca không tiền khoáng hậu suốt thời Edo.

¹ *Khánh Trường: niên hiệu trong khoảng thời gian 1596 – 1615.*

² *Nguyễn Hòa: niên hiệu trong khoảng thời gian 1615 – 1624.*

Một thiên tài như vậy nhưng không được người đời biết đến là có lý do. Do thi nhân tài năng kiệt xuất hiếm hoi này đã ném tất cả những tác phẩm thi ca, văn chương của mình vào bếp lửa.

Có thể nói vốn dĩ việc một thiên tài như vậy sinh ra ở cõi đời này đã là một sự tình cờ. Ông sinh ra ở Shimoda, Izu. Ngôi làng Shimoda này là nơi mọi thứ trên đời trôi giạt đến một cách kỳ lạ đến buồn cười. Nào kiệu lễ của xứ Sado, nào tượng Phật cứ thế nổi trôi đến đây là những câu chuyện chẳng lạ gì với ngôi làng ven biển Thái Bình Dương này.

Cả con người cũng trôi giạt đến đây. Những năm Enpō³, một người đàn ông khác lạ xuất hiện. Thoạt nhìn, chàng ta có phong thái của một *samurai* nhưng dường như đang trên đường lang bạt kỳ hồ, không biết gốc gác. Chàng ta có nói “Tôi đến từ Mikawa” nhưng thật giả thế nào không biết được. Có điều, dường như chàng rất thích thưởng ngoạn thiên nhiên, nên cả ngày ngắm những vách đá không biết chán, lại làm thơ ca tụng vẻ đẹp ấy:

³ *Diên Bảo: niên hiệu trong khoảng thời gian 1673 – 1681.*

Kaihin seiyu ni shite

Tōsho miru beki nari.

Dịch ý:

Biển xanh thanh nhã mát lòng,

Ta ngồi ngắm đảo cả ngày không thôi.

Xem ra chàng ta cũng rất yêu thích bờ biển đá gồ ghề nơi này nên xưng: “Tôi là Takehama” và dừng chân ở Shimoda. Đã vậy, chàng còn bắt đầu hành nghề y chẳng biết học từ đâu. Sau đó chàng cưới vợ. Đây là lai lịch của Nakane Shigekatsu – một *samurai* lang bạt, trôi giạt đến vùng biển phong cảnh hữu tình để rồi sinh thành một thi nhân kỳ lạ, Tōri.

Những chuyện kể về thời thơ ấu của Tōri không nhiều, nghe đâu tên lúc nhỏ của chàng là Magohei. Nhưng chắc chắn một điều là gia đình không được hạnh phúc cho lắm. Tuy hành nghề y rất phát đạt nhưng dòng máu phiêu lưu, lang thang đây đó lại trỗi dậy khiến người cha Shigekatsu trở nên nghiện rượu. Ông thường xuyên ra ngoài uống rượu đến nửa đêm, khi đưa con nhỏ là Tōri đến gọi mới chịu về. Bàn tay nhỏ bé của Tōri cầm đèn lồng, soi đường trong đêm tối Shimoda để tìm người cha đã bết nhe vì rượu. Người làng ai cũng chảy nước mắt xót thương khi thấy cảnh cậu bé cứ phải đi đứng trong màn đêm như thế: “Thằng bé thật đáng thương làm sao!”

Còn có chuyện này. Một đêm mùa hè, khi đã quá khuya mà cha vẫn chưa về, Tōri ra sức đi tìm. Thành linh thấy trước mặt một bóng người chân bước liêu xiêu. Đó là cha. Vì đã quá say nên ông mải mồm Tōri không tiếc lời rồi ngã uỳnh dưới gốc cây, chìm vào giấc ngủ với tiếng ngáy thật to. Đương nhiên muỗi bu lại nhiều không kể xiết. Tōri thu hết sức mình định cống cha về nhưng với sức lực của một đứa trẻ thì không thể làm gì. Cậu bé đành chạy thật nhanh về nhà. Cửa vừa mở, cậu nói ngay với mẹ: “Tối nay cha ngủ lại nhà người quen. Bên ấy không đủ màn nên nói con về lấy. Tối nay con cũng ngủ ở đây.” Đó là lời nói dối đầu tiên của Tōri vì nghĩ đến tâm trạng của mẹ mình. Cậu bé ôm cái màn trong tay và chạy hết tốc lực đến chỗ cha để che màn, bảo vệ cha. Và chuyện còn kể rằng cậu bé ngồi bên cha suốt cả đêm không rời. Đương nhiên Tōri không hé răng nửa lời về chuyện này nên mãi về sau mẹ cậu bé mới biết chuyện khi nghe người trong làng bàn tán.

Chính vì Tōri là một đứa trẻ như thế nên người lớn trong làng rất quan tâm đến tương lai của cậu. “Cậu bé này không hợp với thể tục

xô bồ đầu. Nên cho xuất gia thì hơn.” Mẹ cậu cũng nghĩ vậy nên gửi Tōri đến một thiền tự. Cậu bé được cạo đầu và đặt tên là Shōen (Chứng Viên).

Thế nhưng, khi trở thành chú tiểu, Tōri bắt đầu có mối quan tâm lạ lùng. Cậu nói: “Con muốn học Đường âm.” “Đường âm” ở đây có nghĩa là tiếng Trung Quốc. “Ngày nào con cũng đọc kinh mà phát âm toàn tiếng Nhật. Vì Thiền được các Đường sĩ đem đến Nhật nên con muốn đọc kinh bằng Đường âm gốc vốn có.”

Cậu bé đã bắt đầu có những suy nghĩ mà người thường chẳng ai nghĩ ra. Không biết có phải vì đêm ngày ngắm cảnh biển tuyệt đẹp của Shimoda mà lòng cậu trỗi dậy suy nghĩ đó, hay vì dòng máu phiêu bạt của người cha đã khiến cậu như thế? Nhưng tóm lại, một tiểu tăng Thiền tự ở một đảo quốc giữa biển khơi đã nghĩ ra những điều thật không tầm thường.

Đương thời, ở Nhật chỉ có hai nơi có thể học Đường âm.

Đó là Nagasaki nơi có nhà của Đường nhân (người Trung Quốc), và một nơi nữa là Ōbakusan Mampukuji ở Uji.

Ōbakusan là một Trung Hoa thu nhỏ lúc bấy giờ. Ông tổ của Ōbakusan là Ingen lưu lạc đến nơi này trong khoảng thời gian nhà Minh trên đường diệt vong. Không biết có phải vì quyết trốn chạy tình trạng nguy cấp khi đất nước bị một dân tộc khác tiêu diệt không mà ông đã đem theo cả Trung Hoa lên thuyền đến đảo quốc ở phía Đông. Có thể nói đó là một chiếc tàu thùng cũng đúng. Trên chiếc thuyền đó, có ba mươi nhà sư cùng thợ mộc, thợ xây. Không chỉ vậy, ông còn đem theo cả đầu bếp, bàn ăn và cả cây trồng. Từ đó tái hiện cả cố quốc qua các loại rau củ mà trong đó có đậu que (*ingen-mame*). Ở Ōbakusan, họ trồng cả trúc sào của Trung Quốc để thay thế những cây trúc xung quanh. Có thể nói Ōbakusan ở Uji là Trung Quốc thu nhỏ ở Nhật là vậy. Và ở đó, Đường âm được người ta sử dụng hàng ngày.

Tōri đã phóng khỏi thiền tự, nhằm hướng Ōbakusan mà đi không chút do dự. Đó là vào mùa thu năm Shōtoku¹ đầu tiên.

¹ *Chính Đức: niên hiệu trong khoảng thời gian 1711 – 1716.*

Từ Shimoda đi Uji phải đi bằng tàu đến Ōsaka, sau đó đi đường bộ. Giữa chừng, cậu trọ ở chùa Henjōin ở Nakayama, xứ Settsu và được rủ đi hái nấm. Thú vị là họ hái được rất nhiều nấm. Tōri vui mừng thưởng thức, tự hỏi liệu có món nào ngon như thế không. Thế nhưng, sáng hôm sau, bốn trong sáu người họ bắt đầu đau đớn, da lưng phồng rộp, đổi tím và lần lượt chết. Trong số đó, có chú tiểu nhỏ nhất, tên Roshin mới mười một tuổi.

Tōri đau buồn lên đường đến Ōbakusan. “Xin vui lòng!” – Việc hô to câu nói này là một trong những nghi lễ của thiền tự. Sư trụ trì bước ra hỏi: “Ai đấy?”, và sẽ nói một câu từ chối theo luật: “Chùa này đã đủ. Chúng tôi xin từ chối.” Nhưng thật ra đây là phương cách để người nhập môn quỳ gối ba ngày trước cổng chùa, chứ chắc chắn họ sẽ cho vào chùa. Mọi thứ trong thế giới của Thiền được hình thức hóa như một vở diễn như vậy.

Tōri bắt đầu học tiếng Trung Quốc ở Ōbakusan này dưới sự chỉ dạy của tăng sư Trung Quốc. Chẳng bao lâu, trình độ Đường âm của cậu tiến bộ rõ rệt. Ban đầu, cậu rất hào hứng, nhưng sau đó, trở nên chán nản. Có thể nói, với một thiếu niên đầy tính hiếu kỳ như Tōri, một ngày ở thiền tự quá nhàm chán. Ở Ōbakusan, sách được đem đến từ Trung Quốc chất nhiều như núi trong kinh tàng. Tōri rất muốn đọc số sách khổng lồ đó nhưng bị sư thầy Trung Quốc gạt ngang một cách lạnh lùng: “Tu tập thiền không phải là đọc sách.” Từ đó, sự ngưỡng mộ mà Tōri dành cho Ōbakusan chuyển thành một sự thất vọng tràn trề.

Tinh thần của thiền trú ngụ trong những hành động “hành, trụ, tọa, ngọa”, nghe thì hay nhưng phải chăng nơi cấm đọc sách có đáng là nơi mình trú ngụ? Cậu thiếu niên Tōri quyết tâm xuống núi để được đọc sách. Ngày nọ, Tōri được giới thiệu:

“Ở Edo có người tên Sorai. Ông ấy là một học giả uyên bác, thu hút nhiều người theo học văn chương cũng như khuyến khích học văn mới mẻ. Ông ấy tự nhận không ai bằng ông ấy về Đường âm. Mà

này, quê của chú tiểu đây ở Sagami phải không? Không xa Edo nơi ở của tiên sinh Sorai mấy đâu. Hay theo ông ấy học xem sao?”

Khi đã hiểu ra rồi thì rất nhanh. Tōri nhanh chóng để lại Ōbakusan sau lưng. Cậu thiếu niên đi một mạch đến Edo không nghỉ. Chỉ với một manh mối duy nhất là tên vị sư – Egan. Ông là sư chùa Renkō phái Tịnh Độ tông ở Komagome, Edo, cũng là môn hạ của Ogyū Sorai thi văn xuất chúng. Tourai tìm đến vị sư này. Kể từ thời Meiji về sau, sách vở có nhắc đến Tōri đều viết tên vị sư này là “thượng nhân Yūyo Reigan” nhưng Yūyo đã mất vào năm này. Có thể do nhầm lẫn trong cách đọc tên mà thành tam sao thất bản. Tōri mong được tri ngộ với tiên sinh Sorai thông qua Egan.

Vốn dĩ, Tōri gia nhập thiền tự thật đã là một ý tưởng không hay cho lắm. Nếu đọc sách với tư cách tăng lữ, nên chọn một tông phái ít nghiêm khắc hơn. Và đó là Tịnh Độ tông. Từ trước đến nay, đây là tông phái có luật lệ lỏng lẻo nhất. Tuy có kẻ mở sòng bài kiếm tiền, rước cả du nữ, đánh mất phẩm cách nhưng mặt khác, không ít nhà sư có học thức, yêu thích thơ văn.

Tōri tìm đến Egan. Chùa Renkō khá rộng lớn. Đây là ngôi chùa do thành chủ Ōgaki tên Toda Uneme-no-shō (Toda Ujisada 1657 – 1733) sáng lập, cũng là nơi nhiều đời dòng họ Toda lập mộ.

“Ồ, chú tiểu đây đã học Đường âm ở Ōbakusan sao?” – Egan chồm người lên hỏi.

Tuy có hơi xa với nguyện vọng chính nhưng sức mạnh ngưỡng mộ Trung Quốc của các văn nhân Edo vượt xa trí tưởng tượng của chúng ta. Người Nhật thời Edo tôn sùng đất nước này cả về vườn tược lẫn thư họa. Nhưng do *sakoku* (tỏa quốc) nên không được phép qua đó. Vậy thì ít gì cũng được cầm trên tay viên đá, thế là họ nhập cả đá từ Trung Quốc. Đặc biệt, đá của Thái Hồ rất quý. Đẳng cấp *shōya* thì ít nhất cũng có một viên đá Thái Hồ làm đá trong vườn hay đặt dưới chậu cây để ngắm nhìn. Từ đó, không ai được quan tâm bằng người nói mình “biết Đường âm” hay người có thể đọc Hán thư. Egan nhìn chăm chăm vào mặt Tōri như thể nhìn báu

vật quý hiếm từ bên Đường đến đây. “Cậu tạm ở chùa ta một thời gian xem sao?”

Tōri sống ở chùa Renkō và thay đổi khá nhiều. Cậu chất sách kinh trong phòng riêng nhiều như núi, từ sáng đến tối chỉ im lặng đọc sách. Thậm chí có ăn cơm hay không cũng không biết. Đã vậy, thỉnh thoảng lại có tiếng hét vang “Hiểu rồi!” khiến nhiều người trong chùa rất lấy làm khó chịu.

“Tên đó chỉ mới mười chín tuổi mà đã đọc hết tất cả Đại tạng kinh rồi đó!” – Chẳng bao lâu, lan truyền lời đồn như vậy.

Đại tạng kinh là bộ kinh hơn 5.000 quyển tập hợp tất cả mọi sách kinh trong thế giới này. Bộ kinh còn được gọi là Issaikyō (Nhất Thiết kinh), kim cổ nhiều người đã trở thành tăng sư nhưng hiếm ai đọc được phần lớn toàn tập bộ kinh này. Tương truyền chỉ có đại sư Saichō, người đã mở chùa Enryakuji ở núi Hiei cho đến năm chín mươi tuổi mới đọc hết bộ Đại tạng kinh này.

Nhưng nói gì thì nói Tōri không hề có ý định cạnh tranh với Saichō. Chỉ là chàng bị thôi thúc bởi suy nghĩ, một khi đã trở thành nhà sư thì phải đọc hết toàn bộ kinh sách trong thế giới, có vậy mới thỏa mãn.

Sư trụ trì Egan đã quan sát thái độ đó của Tōri. Mỗi lần có khách đến thăm chùa, nhà sư lại hết lời khen ngợi sự chăm chỉ của chàng. Có thể nói, sự thật là thái độ, tinh thần học tập của Tōri rất chân thành. Trước tiên, người ta kinh ngạc trước trí thông minh đọc nhiều nhớ lâu của Tōri. Không chỉ có trí nhớ tốt, ở chàng còn có sự kiên trì. Nếu gặp phải câu, từ không hiểu, Tōri vẫn ghi nhớ đến năm năm, mười năm cho đến khi gặp được sự việc nào đó khiến chàng hiểu ra vấn đề. Có thể nói đó là một bộ óc siêu phàm.

“Cậu này dành cả đời để đọc sách. Thật chẳng tầm thường.” – Egan rất thích thú và thường nói với khách đến thăm chùa như vậy. Và rồi, tiếng đồn về Tōri đến tai nhà Nho Ogyū Sorai. “Có thể cho ta gặp cậu ta một lần được không?”

– Một đại học giả như Sorai đã đề nghị Regan bằng một ngữ điệu lịch sự, tôn kính quá mức.

Cần giải thích đôi chút về tính quan trọng mang tính lịch sử tư tưởng của Ogyū Sorai.

Từ thời Shōtoku cho đến thời Kyōhō, giới Nho sĩ Edo lâm vào tình trạng hỗn loạn. Và nguyên nhân không ai khác chính là Sorai.

“Nho học ngày nay đã bị làm cho lệch lạc. Ta sẽ dạy Nho học thật sự cho các người.” Sorai đã đưa ra những lời lẽ quá khích như thế và gia tăng môn sinh. Ông cho rằng học giả Chu Hi (1130 – 1200) thời Tống, thật đáng trách khi là người khiến Nho học lệch lạc. Ông thậm chí còn tuyên bố: “Nho học ngày nay là những lời dạy của ngục học giả nhà Tống, không phải là lời răn dạy của Khổng Tử.” Một cách gây chiến khôn ngoan. Đó là cách tuyên truyền, vào học với Sorai thì sẽ biết được Nho học thật sự. Không có lời nào ẩn tượng hơn để thu hút môn sinh như thế. Sự thật là trường học của Sorai đã trở nên huyên náo như họp chợ.

Vốn dĩ, không có học giả nào có tư tưởng mang hơi hướm chính trị được như Ogyū Sorai. Tính cách đó là của một người chu du thiên hạ, kết bè phái hơn là của một học giả. Cuộc đời của ông đã khiến như vậy. Cha của Sorai là thầy thuốc riêng của Tokugawa Tsunayoshi (1646 – 1709) – người sau này trở thành tướng quân, nhưng vì tội lỗi nào đó mà ông ta bị lưu đày đến Mōbara ở Kazusa¹. Do đó, từ năm mười bốn tuổi, Sorai trở thành con của một lãnh nhân, nếm trải đắng cay của cuộc đời. Để lập thân, không còn con đường nào khác ngoài học vấn. Trên cánh đồng cỏ cao quá đầu người, Sorai đã ôm chặt mấy quyển sách ít ỏi có được trong lòng, ra sức học tập. Tham vọng méo mó này mầm trong lòng Sorai từ lúc này. Năm hai mươi lăm tuổi, Sorai trở về Edo và mở trường dạy học ngay trước cổng chùa Zōjōji hòng tìm kiếm mối quan hệ với các bậc quan lại trong Mạc phủ. Zōjōji là chùa gia đình dòng họ tướng quân, ngang với chùa Kaneiji. Chàng thanh niên đã nhìn thấy khả năng đạt được vinh hoa nếu quen biết với giới cao tầng. Đúng như ý đồ, Sorai trở thành Nho thần của Yanagisawa Yoshiyasu (1658 – 1714),

một cận thần đầy quyền lực của tướng quân lúc bấy giờ. Những Nho sinh bình thường bấy giờ, không ai có thể bắt chước được sự nhạy bén này. Người đàn ông này có một tài năng chính trị thiên bẩm.

¹ *Nay thuộc tỉnh Chiba.*

Tuy nhiên, chàng ta vẫn có một nhược điểm. Điều cốt lõi là học vấn lại có điểm đối trá. Một khi đã nói học vấn của người khác “lệch lạc” thì Sorai phải chứng minh Nho học của mình “đúng đắn”. Chàng ta nói “Phải nghiên cứu cổ văn tự”. Cổ văn tự là khái niệm ở Trung Quốc thời nhà Minh, chỉ văn chương cổ đại Trung Quốc. Sorai cho rằng để biết lời dạy thật sự của Khổng Tử, phải tinh thông cổ văn tự là thứ chữ nghĩa được cho là gần với thời đại đó nhất. Và chàng đã ngạo mạn tuyên bố “Ta biết Đường ngữ (tiếng Trung Quốc)”. Dù thật sự, bản thân Sorai không hề thông thạo ngôn ngữ đó. Chàng ta chỉ sử dụng Okajima *kanzan*, một cựu thông dịch viên thông thạo tiếng Trung Quốc ở Nagasaki, làm túi khôn cho mình. Bằng cách có được Okajima, Sorai đã thành công trong việc tự mình xây dựng địa vị với quyền uy có được từ Đường ngữ.

Giai đoạn này, để mở rộng học phái của mình, Sorai hoạt động hết mình. Chàng ra vào thiền viện, chùa chiền khắp nơi để mời gọi những người quan tâm đến học vấn dù chỉ đôi chút, và cũng tranh thủ tìm kiếm anh tài trẻ tuổi. Chàng phát hiện ra tài năng bị ẩn giấu của những người con người ít tên tuổi và nhận làm môn đệ, đào tạo thành những người trợ giúp đắc lực cho mình. Nhờ vậy, khi tiếng đồn về Tōri, “một thanh niên hai mươi tuổi, đọc trọn sách kinh, thông thạo Đường ngữ” đến tai, Sorai đã rất háo hức. Nói đúng hơn thì đây chính là mẫu đệ tử Sorai ao ước, muốn có được hơn bất kỳ điều gì.

Khi gặp gỡ Tōri, Sorai đã khen ngợi tài năng đó. Nhưng một học giả đầy mưu tính như Sorai biết rõ không thể bộp chộp với những tài năng như thế này. Sorai đưa ra một quyển sách và nói: “Nghe nói cậu đọc được Hán thi, vậy trước tiên, thử đọc cái này xem.” Đó là Bạch Tuyết lâu tập của Lý Phàn Long (1514 – 1570).

“Dạ” – Nói rồi Tōri bắt đầu đọc thật trơn tru. Thật đáng kinh ngạc. Lý Phàn Long là một học giả chủ trương cổ văn tự thời nhà Minh. Học thuyết của Sorai, đa phần cũng dựa vào đó. Vì văn của Lý Phàn Long là văn cổ, không phải văn phong để một thư sinh sơ học, hai mươi tuổi lại có thể đọc một lèo, trôi chảy. Sorai dao động.

“Được rồi. Chuyển sang tiếng Nhật rồi hôm sau đem đến cho ta.” Chẳng có lý do gì ngoài việc Sorai muốn bắt thiên tài trẻ tuổi này dịch tác phẩm của Lý Phàn Long sang tiếng Nhật để mình tham khảo. Sorai đặc biệt nhạy bén trong những tính toán thiệt hơn như thế này. Cả mối quan hệ con người cũng vậy, ông ta luôn dùng người để đem lại cái lợi cho mình. Thế nhưng, Sorai giao tiếp với mọi người mà không thể hiện đầu óc tính toán đó ra bên ngoài. Đây vừa là điểm khôn lỏi vừa chứng tỏ mưu trí của Sorai. Tōri vốn đầu óc ngây thơ, không biết tính toán đó nên ra sức đáp lại kỳ vọng của Sorai. Chàng đã thức suốt đêm để dịch Bạch Tuyết lâu tập sang tiếng Nhật và nhanh chóng dâng lên cho Sorai. Sorai tán thưởng và “cho phép nhập môn”.

Tōri vui mừng tột độ. Sau đó, chàng cũng muốn làm thơ. Nhưng người Nhật làm Hán thi không dễ. Phải giữ niêm luật bằng trắc, ghép vần. Vì vậy, để làm thơ, các nhà thơ mua tự điển về vần bằng trắc được gọi là Vần thư để tra cứu, chọn chữ. Chưa kể, người Nhật làm Hán thi rất khô khan. Người nhà Đường đến Nagasaki, đọc thơ người Nhật làm chỉ biết bịt mũi “toàn mùi Nhật Bản” là vậy.

Thế nhưng, chỉ có Tōri là khác. Tōri biết Đường âm. Chàng thông thạo Hán ngữ, tự do tự tại trong thế giới Hán ngữ như thiên mã tung vó trời cao. Chỉ cần nghĩ là ra thơ, chẳng mấy chốc chàng đã viết hơn mười bài thơ.

Tōri đem những bài thơ đó đến gõ cửa nhà Sorai, cho ông ta xem. Ngạc nhiên thay, phản ứng của Sorai vô cùng lạnh nhạt. Ông ta chỉ giở chừng nửa tập thơ rồi chẳng buồn xem tiếp.

Với Sorai, ông ta không cần một thi nhân thiên tài để làm đệ tử. Ông ta chỉ cần một học sinh trung thành, sẵn sàng theo mình phát triển cổ văn tự học. Sorai giở tập Hán thi như châu như ngọc ra mà

chẳng đoái hoài sự tuyệt vời của nó. Ông ta bắt đầu nghĩ cách làm sao để tài năng đáng kinh ngạc của chàng thanh niên này đem lại ích lợi cho mình. Sorai ngẩng lên nói: “Bất kỳ ai học văn chương cũng nên đọc *Tả thị truyện*, Sử ký, và Hán thư.”

Tōri cứ thế nghe lời Sorai, ngày qua ngày đọc *Tả thị truyện*. Một chàng trai trẻ lại có trái tim trong sáng như thể quả thật hiếm. Không chỉ đọc, chàng còn bắt tay vào viết lời giới thiệu cho *Tả thị truyện*. Chàng thấm nhuần văn phong của *Tả thị truyện* và viết lời giới thiệu như thể đã đào sâu tận xương tủy của bộ truyện, sau đó lại đem đến chỗ Sorai. Sorai đọc một mạch và thốt lên một tiếng “Tốt!”.

“Để ta viết hậu đề cho ngươi.” – Nói rồi Sorai cầm bút viết vào cuối quyển: “Không còn là kẻ mông muội như xưa.” Sorai thích diễn như vậy. “Mông muội” ở đây ám chỉ Lã Mông¹ khi xưa bị chế giễu vì sự vô học của mình. Tức không cần phải nói nhiều, ý Sorai viết rằng Tōri “không phải là kẻ vô học như xưa, ta đã nhầm lẫn”.

¹ *Lã Mông (178 – 220): một danh tướng Trung Quốc thời Đông Hán, lúc trẻ ít học, sau tự trau dồi kiến thức trở thành một người văn võ song toàn.*

Tōri vui mừng viết ngay một đoạn tiểu sử về Lã Mông dâng cho Sorai. Đương nhiên, với văn phong cổ xưa như của những sử gia trước thời Tần, Hán. Sorai lại tán thưởng nhiệt liệt. Trong thế giới Nho học, tán thưởng với tất cả cảm xúc dâng trào như thế này được gọi là “ta thưởng”, đúng vậy, ông ta tán thưởng không hết lời. “Mọi người, có thể nói lần đầu tiên *Tả thị truyện* đã được đọc, hiểu thật sự trọn vẹn như thế này.” – Sorai tuyên bố. Tōri đã hoàn toàn trở thành một sứ đồ của Sorai.

Có điều, chính vì vậy, danh tiếng Tōri vang xa khắp thành đô.

Thế nhưng, khi tài năng văn chương phát tiết rục rịch, tinh thần Tōri lại trở nên xuống dốc. Cứ như thể có một khối u trong lồng ngực khiến chàng nặng nề, và cuối cùng nằm liệt giường. Chàng cứ thế nằm dài trên chiếc giường ở tầng phòng sau Phật điện, chỉ biết ngắm trần nhà mơ hồ, lảng đãng, không cách gì dậy nổi. Một tia

nắng rọi vào phòng, chiếu sáng mặt bàn. Tōri đưa bàn tay gầy ốm vì bệnh hướng về chiếc bàn như để đón nhận ánh sáng. Và tình cờ, bàn tay chạm vào một cuốn sách. Thật ngẫu nhiên, đó là chương “Hạo nhiên chi khí” trong *Mạnh Tử*. Điều này đã làm thay đổi to lớn cuộc đời Tōri, về sau chàng đã kể lại như vậy. Tōri đọc ngấu đọc nghiền quyển sách như một kẻ bị bỏ đói lâu ngày.

“Dám hỏi, hạo nhiên chi khí là gì? Để giải thích thật khó thay. Khí đó chí đại chí cương. Nếu nuôi dưỡng, không làm hại thì khí đó bao phủ đất trời...”

Đọc được những dòng đó, Tōri như bị điện giật. Chỉ có thể do chàng cảm nhận được cái gọi là khí hạo nhiên đó. Ta đã u sầu, rã rượi vì điều gì những ngày qua? Chàng nhận ra những lời ngợi khen của sư phụ, nào tài văn chương, nào phải tu tập, những việc ấy trở nên nhỏ bé và tầm thường biết bao. Không được cúi đầu để ra sức tìm kiếm những hạt cát. Phải biết ngẩng đầu để nhìn đại dương mênh mông. Lâu nay chàng hoàn toàn không nhận ra điều đó.

Tōri hét vang: “Đường đi thật bao la và dễ dàng. Đúng là vậy.”

Có thể nói, trong khoảnh khắc này, mọi thứ trong lòng chàng đã được sáng tỏ. Từ ngày bước chân vào thiền tự, có một câu chuyện khiến Tōri luôn bị ám ảnh.

Có một lão bà dựng một cái am để chăm sóc một vị sư tu hành. Bà luôn để một cô gái trẻ bưng cơm rót nước cho nhà sư. Ngày nọ, bà dặn cô gái vòng tay ôm nhà sư và hỏi “Như thế này có được không?”. Nhà sư đang tu hành đẩy cô gái ra và nói: “Ta như cành cây khô trên vách đá, không có sự ấm áp.” Lão bà nghe thấy liền nói “Hai mươi năm nay ta đã nuôi một nhà sư trần tục như vậy sao?”, và đuổi nhà sư đi rồi đốt cháy am.

Chàng đã luôn băn khoăn không biết lý giải câu chuyện thế nào? Đây là một công án vốn được lưu truyền trong thiền môn, gọi là *Bà tử thiêu am* và được xem là một vấn đề khó từ trước đến nay. Khi chàng vui mừng như bị điện giật là lúc câu giải đáp hiện lên trước

mặt chàng thật rõ ràng. Những năm cuối đời, Tōri đã giảng giải cho nhiều người về vấn đề này nhưng nay, không có sách vở nào để lại. Nhưng có điều gì đó đã được sáng tỏ trong lòng chàng. Tōri quyết định hoàn tục.

Thế nhưng, chàng không được phép. Gì thì gì, mẹ chàng còn đó. Bà luôn mong muốn Tōri trở thành một vị sư đức cao trọng vọng. Với một người có lòng tín ngưỡng sâu sắc, bà tự hào khi Tōri trở thành nhà sư. Và lại, cha Tōri cũng vừa mới ra đi. Ngày nào, bà cũng chấp tay trước bài vị chồng, khóc kể: “Nhờ Magohei (Tōri) trở thành nhà sư mà mình mới có thể cực lạc vắng sinh.”

“Một con xuất gia, cứu tộc được cứu.” – Với Tōri chỉ là một câu tục ngữ đơn thuần không hơn không kém, nhưng với người mẹ, đó là tất cả hiện thực.

Dù sao đi nữa, Tōri đã về quê. Bước chân nặng trĩu. Chàng nói “con muốn hoàn tục” nhưng mẹ không cho phép. Không, nếu bà nói thành tiếng “mẹ không cho phép” thì dễ chịu hơn. Đàng này, khi vừa nghe hai chữ “hoàn tục” từ miệng Tōri, bà sửng sò, gục mặt xuống chiếu mà nấc lên những tiếng kêu ghen ngào: “Một người như con làm sao có thể làm học giả mà sống được chứ?”

Không biết làm sao, người chú được gọi đến. Người này có chút học vấn, từng nghe tiếng tăm của Tōri trên thi đàn Edo. Ông đặt tay lên vai mẹ Tōri và nói nhỏ nhẹ: “Làm nhà sư phải vứt bỏ cả thế gian. Cho con làm nhà sư chẳng khác nào vứt bỏ con khỏi thế giới này sao? Để cứu cha mẹ mà phải vứt bỏ con sao? Nghĩ lại chẳng phải quá đáng lắm sao? Bây giờ, Magohei muốn hoàn tục. Tức đưa con tử đã một lần vứt bỏ nay quay trở về thế gian này. Như tử lại có một đứa con. Đề xin tử hãy chấp nhận nguyện vọng hoàn tục của cháu nó.”

Lúc ấy, đôi vai run vì khóc của người mẹ dừng hẳn lại. Tōri được phép hoàn tục.

Sư Egan chùa Renkō có mắt nhìn sáng suốt. Khi nghe lời nói đường đột “hoàn tục” của Tōri, ông vẫn không thay đổi sắc mặt, chỉ

trả lời: “Nếu vậy, có thể nuôi tóc dài trở lại ở gian khác trong chùa.” Ông chuẩn bị cho chàng cả một căn phòng riêng. Ý nói chờ cho đến lúc tóc dài ra, có thể buộc thành búi, lúc đó có thể rời chùa.

Thời đại này, con mắt người đời dành cho việc hoàn tục vẫn còn rất khắt khe. Một khi đã hứa trở thành đệ tử của đức Phật nhưng làm khác đi, quay về thế tục thì sẽ bị trừng phạt. Vì vậy, nếu về nhà để tóc dài trở lại thì dễ trở thành tâm điểm nhạo báng của người đời. Hay như người hoàn tục bị ném đá vào nhà cũng là một chuyện thường tình. Egan đã cho Tōri ở trong chùa vì muốn bảo vệ đệ tử.

Bắt đầu hành trình hoàn tục, Tōri càng đọc nhiều sách hơn nữa. Có sách ghi chép lại rằng: “Ngày giờ không đủ dài để chàng đọc sách.”

Thế nhưng, hòn đá ném vào việc hoàn tục của Tōri lại xuất phát từ một nơi khá bất ngờ. Chính là Sorai. Hay tin Tōri hoàn tục, Sorai khó chịu ra mặt. Với ông ta, Tōri ở mãi trong chùa mới có lợi hơn. Chỉ cần chàng giao lưu với các nhà sư của tông phái khác, nghiên cứu Đường âm, chú giải Hán tịch, hỗ trợ Sorai học từ phía sau là được. Với Sorai, giá trị lợi dụng Tōri chỉ có vậy. Nếu chàng hoàn tục, ông ta mất cả chì lẫn chài. Nhưng đầu óc con người này không đơn giản. Ông ta không hề tỏ ra mặt suy nghĩ đó của mình, chỉ nhắm vào đạo nghĩa thầy trò để tấn công Tōri.

“Tại sao không trao đổi với ta? Nếu hoàn tục để lập thân xuất thế với tư cách học giả, trước tiên phải báo cáo với sư phụ là ta đây mới đúng tôn ti trật tự chứ? Chưa kể, tóc để dài cũng đã hơn trăm ngày, nhà sư mà để tóc dài như vậy là có nghĩa gì?”

Nghe tin Sorai tức giận, ban đầu Tōri đã không tin. “Sư phụ Sorai không thể nào nói những lời như vậy.” Chàng không hiểu tại sao sư phụ lại tức giận vì một người như mình hoàn tục. Nhưng đúng là sư phụ giận thật rồi. Tōri vội vàng toàn tâm toàn ý viết thư phân trần gửi sư phụ. Một đoạn văn chương siêu tuyệt thấu tình đạt lý. Nhưng chỉ như đổ thêm dầu vào ngọn lửa tức giận trong lòng Sorai.

“Tiểu tăng, dám cãi lại ta.” – Ông ta nói như quát với hai môn đệ Dazai Shundai, Yamagata Shūnan. Dù trong cơn tức giận, con

người này vẫn không quên hoạt dụng sức mạnh tổ chức. Nhìn thấy Dazai Shundai thường ngày rất rạch ròi trong việc phân biệt trên dưới đang phần nộ, ông ta ra lệnh: “Shundai, người đi giải quyết cho ta.” Có thật không khi Sorai không tự mình ra tay mà để môn đệ trừng phạt Tōri. Cả một môn phái Sorai cùng nhau tập hợp, bắt đầu bài xích, tẩy chay Tōri.

Tōri ra đôn bắt ngờ cũng là lúc ấy. Một ngày, chàng nhóm lửa và ném tất cả những thi phú, văn chương vào đấy. Bởi chàng thấy xấu hổ trước việc đã dựa dẫm vào hư danh của Sorai, dù chỉ là một giai đoạn nhất thời.

Và tất cả thơ văn được cho là tuyệt tác không thể có về sau kể từ thời Kangen¹ đã biến mất trong ngọn lửa hôm ấy. Nghĩ đến lịch sử văn học đất nước, ta chỉ có thể ngửa mặt lên trời cảm thán mà thôi.

¹ *Khoan Nguyên: niên hiệu trong khoảng thời gian 1243 – 1247.*

Thế nhưng, câu chuyện vẫn chưa kết thúc. Cách sống thật sự của Tōri bắt đầu từ đây.

Tōri không biết phải làm sao. Rời khỏi chùa cũng không biết đi đâu.

Chàng hiểu ra sức mạnh ẩn giấu của Ogyū Sorai. Một khi đã bị ông ta căm ghét thì bằng hữu cũng viện đủ cớ để xa lánh chàng. Chưa kể, vừa không thể về quê với thân phận hoàn tục, vừa không thể cứ ăn nhờ ở đậu làm phiên sư trụ trì Egan mãi.

Tōri tiến thoái lưỡng nan. Đứng bên cửa sổ trai phòng, chàng ngẩng nhìn bầu trời hoàng hôn tuyệt mỹ. Vừa lúc một đàn ngỗng trời bay ngang qua. Chàng cảm nhận chúng bay theo quy luật và có đích đến rõ ràng.

“Đàn chim còn có tổ để trở về. Ta thì không. Dưới bầu trời rộng lớn này, không đủ một chốn để ta dung thân.” – Nghĩ đến đó, chàng rơi lệ.

Thình lình, có tiếng gọi: “Tōri, có khách đấy!” Chàng lật đặt sửa soạn lại y trang, tiến ra phòng khách. Một *samurai* tuổi chừng sáu mươi, đôi mắt sáng quắc như nhìn thấu tâm can người khác, ngồi thẳng lưng chờ chàng. Chàng nhớ mình đã gặp người này.

Khoảng thời gian Tōri mới vào chùa, từng dự một buổi tang lễ nhỏ. Tang lễ của một cô bé mới bốn tuổi, trên ngôi mộ nhỏ ở một góc vườn chùa có khắc “Hà Ngọc Lương Nguyên đồng nữ – Hưởng niên tứ”. Đó là lần đầu tiên chàng nhìn thấy người *samurai* nọ. Ông ngồi thẳng lưng, người vợ trẻ ngồi bên cạnh thì đau khổ vô hạn. Chàng nhớ một người trong chùa đã nói nhỏ: “Ngài Hosoi thật đáng thương. Một người có khí lượng như vậy lại sống đời *rōnin*¹. Không được cấp lương nên sống đời nghèo khó, đứa con này là đứa thứ ba đã mất của ngài ấy.”

¹ *Lãng nhân – samurai không có chủ quân.*

Nhờ vậy Tōri mới biết người *samurai* nghèo vừa mất đứa con gái nhỏ tên Hosoi Kōtaku (1658 – 1735). Hosoi là một lãng nhân cao danh nhất vùng. Không một *samurai* nào tồn tại trong thế gian này văn võ song toàn bằng ông. Đặc biệt, ông nổi tiếng viết thư pháp theo kiểu Trung Quốc rất đẹp, đến nỗi Kinri Gosho (Thiên hoàng Reigen) vì muốn có được bút tích của Hosoi đã đặt hàng từ Kyōto. Hosoi còn nổi tiếng là người nhân nghĩa. Cả bốn mươi bảy lãng sĩ Akō¹ cũng đã tiết lộ kế hoạch trả thù cho chủ với ông từ trước. Họ nhiều lần bàn bạc với Hosoi và ông chính là người viết tám bảng cấm trên sân nhà Kira “Gia nhân Asano Takumi-no-Kami no kami báo thù”.

¹ *Xem chú thích trang 87.*

Những chuyện như vậy thì ngay cả người ít quan tâm đến thế sự như Tōri cũng biết. Nay vị *samurai* lừng danh Hosoi đó tìm đến mình, ngay trước mắt, không sai vào đâu được.

Hosoi vốn là gia thần của Yanagisawa Yoshiyasu đầy quyền lực với 200 *koku* và chỉ huy một đơn vị pháo binh. Nhưng từ một việc nọ,

Hosoi vứt bỏ thân phận, địa vị của mình trong nháy mắt. “Nghĩa hiệp” – Có thể nói từ này được tạo ra để dành cho người đàn ông này.

Tori cũng biết chuyện này. Một người quen của Hosoi trở thành lãnh nhân và sống nghèo khổ nên nhờ ông tìm giúp một việc làm trong phủ quan. Hosoi dốc toàn lực giúp đỡ. Người quen của ông sở hữu một thanh kiếm quý gọi là “Sư tử vương” nên khi ông giới thiệu đến gia lão nhà *sobayōnin* (người bên cạnh hầu hạ tướng quân) của *Ukyōnodaibu* (tả kinh đại phu) Matsudaira Terusada thì được đề nghị: “Nếu dâng danh kiếm đó cho ta, ta sẽ tìm cách tâu lên trên.” Không còn cách nào khác, người quen đó dâng thanh “Sư tử vương”. Nhưng chờ mãi cũng bất vô âm tín, không thấy hồi âm. Cuối cùng, Hosoi đến hỏi thì Terusada chối quanh: “Ta không biết việc đó. Gia lão hứa giới thiệu đó đã chết rồi. Nếu vậy ta trả lại kiếm.” Một thái độ đi ngược lại tinh thần võ sĩ đạo quá rõ ràng. Hosoi tức giận: “*daimyō* phải là người yêu thương *samurai*. Thế nhưng, ngài lại không nghĩ đến thân phận kẻ lãnh nhân, mượn kiếm chán rồi thì bảo không biết. Như vậy là sao? Người quen của tôi thân phận lãnh nhân, đã chờ đợi ba năm trời dằng dặc, một ngày tưởng như nghìn thu.” Hosoi nhìn thẳng mặt *daimyō* Terusada, nói giọng sang sảng: “*Ukyōnodaibu*! Việc ngài làm thật tồi tệ!”, rồi bỏ đi. Đương nhiên, chuyện không kết thúc đơn giản như thế. Thủ đoạn của *Ukyōnodaibu* thật bẩn thỉu. Ông ta mượn tay chủ quân của Hosoi là Yanagisawa Yoshiyasu để trừng phạt Hosoi. Yanagisawa cũng thật bất công, ông ta đứng về phía *daimyō*, bỏ rơi Hosoi. Hosoi biết rõ tính cách của chủ quân nên chẳng đợi nói, ông rời bỏ nhà Yanagisawa để tránh đem lại phiền phức cho nhà chủ. Kể từ đó, Hosoi trở thành lãnh nhân.

“Lúc đó, tiên sinh Hosoi chẳng có tiền để dọn nhà. Nghe nói phải mượn từ chị dâu. Gia nhân nhà Yanagisawa ai cũng đầy ắp của biếu của tặng, vậy mà Hosoi thật thanh liêm. Nhưng tội nhất là người vợ. Sống cảnh bần hàn mà lần lượt, một, hai, rồi bây giờ là đứa con thứ ba ra đi. Cứ nhìn cảnh tiên sinh chấp tay trước ngôi mộ nhỏ, tôi đây thật không cầm lòng.” – Tōri vẫn còn nhớ rõ mồn một

những lời nói đó của người trong chùa. Tiên sinh Hosoi đó có việc gì mà tìm đến mình nhỉ?

Vốn Hosoi chính là người đưa Ogyū Sorai, sư phụ của Tōri, ra thế giới bên ngoài. Hosoi đã phát hiện ra tài năng của Sorai – một người cho đến năm ba mươi một tuổi vẫn còn vô danh, và tiến cử lên Yanagisawa. Không chỉ vậy, ông còn thu xếp cho Sorai mười lăm tùy tùng, và lo cả chuyện cưới vợ. Thế nhưng, khi Hosoi lâm cảnh khó khăn, Sorai chẳng những không đưa tay giúp mà còn ngoảnh mặt làm ngơ. Nay Sorai có danh phận ở nhà Yanagisawa với bổng lộc 500*koku*, còn người đã tiến cử ông ta là Hosoi trở thành lãnh nhân tay trắng, sống cảnh khó nghèo, con cái vì thế cứ chết thảm.

Thật ra, với Sorai mà nói, Hosoi là người khiến Sorai cảm thấy ngọt ngào hơn ai hết. Ngay từ đầu đã như vậy. Lần đầu tiên, khi giới thiệu Sorai diện kiến Yanagisawa, một người tử tế thật lòng như Hosoi đã không tiếc lời ca ngợi Hán thi của Sorai trước mặt chủ quân. Thế là Yanagisawa Yoshiyasu chỉ bình hoa, nói: “Vậy hãy làm một bài thơ về những bông hoa đó xem.” Sorai lúng túng. Nếu làm không hay thì sẽ bị chê cười, trốn được thì trốn. Sorai nhanh mắt phát hiện hoa trong bình là hoa giả nên từ chối: “Đó là hoa giả. Thời xưa không có hoa giả.” Đường thỏ khi xưa không có hoa giả. Tức hoa giả không phải là vật có thể làm chủ đề của Hán thi. Ông ta muốn lẩn tránh với lý lẽ đó. Thế nhưng, cơ hội vi diệu đó không qua được cửa Hosoi. “Làm thơ về thứ không có mới gọi là văn chương chứ. Lệnh của bề trên, cứ thử đọc xem.” – Ông vô tư nói. Không còn cách nào khác, Sorai toát mồ hôi hột làm một bài Hán thi. Kết cuộc, một bài thơ ngớ ngẩn ra đời. Mọi sự Sorai căm ghét Hosoi cũng từ sự kiện đó mà ra. Nhưng Hosoi lại vô tư, chẳng nghĩ gì. Tuy trở thành lãnh nhân, ông vẫn hồn nhiên tìm đến chỗ Sorai: “Ta muốn in sách, nên muốn nhờ bậc cao danh đây viết lời tựa.” – Chứng tỏ vẫn duy trì mối quan hệ bằng hữu với Sorai.

Tōri rút rè tiến lại ngồi trước mặt Hosoi. Thế nhưng, vừa nhìn mặt Tōri, Hosoi dập trán xuống chiếu, rạp người nói:

“Ngài Nakane, tôi đây có một nguyện vọng. Nghe nói ngài sẽ hoàn tục. Ngài có thể lưu lại nhà tôi một thời gian không? Đường nhiên, chỉ cần ngài đồng ý.”

“ ... ”

Còn chuyện gì buồn cười hơn? Cao nhân thư pháp lừng danh nhất xứ, tuổi hơn sáu mươi lại chấp tay trước một thanh niên tuổi mới hai mươi, cung kính hết mực, khẩn cầu người đó đến nhà mình ở. Tuy rất biết ơn lời mời nhưng thật lòng Tōri chẳng hiểu chuyện gì.

“Thế nhưng cháu không có lấy một mon. Thật sẽ phiền ông lắm.”

“Ngài Nakane, sao lại nói vậy? Lễ nào mời thầy quý mà lấy tiền cơm, ở đời làm gì có đạo lý đó. Nhà tôi tuy tòi tàn nhưng xin đừng lo lắng.”

Không cần nói cũng biết, đây là sắp xếp của Egan. Sư trụ trì Egan vì lo lắng cho Tōri nên đã âm thầm bàn bạc với Hosoi. Hosoi từng biết tài thơ văn tuyệt diệu của Tōri. Không bỏ mặc kẻ khó vốn đã là căn tính của Hosoi. Hay tin Tōri bị môn đệ Sorai đồng loạt tẩy chay, Hosoi đã vội chạy như bay đến.

Rốt cuộc, Tōri đến nhà Hosoi ở Hongō. Căn nhà quả thật rách nát, lại có con con nhỏ, thỉnh thoảng gào khóc thật to. Nếu bình thường thì thật chẳng phải nơi dẫn khách về.

Chưa hết, vừa về đến nơi, Hosoi lấy ra một cuộn giấy được viết tên người dày đặc, rồi lấy bút viết tên Tōri vào đoạn cuối cùng: “Nakane Magohei”. Tōri ngạc nhiên tột độ. “À, đây là danh sách bạn bè, quen biết của tôi. Người ta nói chữ viết nói lên cái tâm. Nếu quen với bạn xấu, tâm hồn mình sẽ bị vẩn đục, không viết chữ đẹp được. Cho nên, mỗi khi tìm được người bạn có tâm hồn đẹp, tôi lại viết tên người đó ra như thế này.” Đó là một thói quen kỳ lạ của Hosoi.

Điều khiến Tōri ngạc nhiên hơn cả khi đến nhà Hosoi là phòng đọc sách. Trong phòng không chỉ sách in rập takuhon¹, kim thạch văn mà còn có cả văn tự Mãn Châu, tất cả thư tịch, văn tự đều có.

Không chỉ vậy, Hosoi còn biết cả tiếng La-tinh. Đó là nhờ ông đã học kỹ thuật khảo sát thiên văn của phương Tây khi ở Nagasaki, còn có thể gọi tên các vì sao, tên của mười hai tháng trong năm bằng tiếng Hà Lan hay tiếng La-tinh.

¹ Sách đồ lại chữ đã được khắc trên gỗ, đá, v.v.

“Tháng Một là Yanuwari (January), tháng Hai là Feburuwani (February). Nếu chia thế giới thành bốn phần thì có Ajiya (Asia), Erohha (Europe), Rimiya (Africa), America. Còn nếu chia thành năm thì America sẽ phân Bắc, Nam. Một foot của Tây dương bằng 1 *shaku 2 bu* của chúng ta.”

Chuyện ông nói với khách đến chơi nhà như vậy là bình thường. Sau đó, ông viết lại những kiến thức đó thành sách bí truyền gọi là *Trắc lượng bí ngôn*. Tuy hơi lạc đề nhưng cũng mạn phép nói thêm, quyển sách này của Hosoi đã được lưu truyền dưới dạng sách chép lại, sau thời Meiji, hiệu trưởng đầu tiên của trường Đại học Kyōto Teikoku, khoa Văn học, là nhà triết học *kanō* Kōkichi biết được. Cuối cùng cuốn sách đã được in lại vào thời Heisei. Tôi cũng từng được nhìn thấy nó.

Tóm lại, tư duy của Hosoi rộng mở, quảng đại, Ogyū Sorai thật chẳng thể nào sánh bằng.

Càng tiếp xúc với ông, Tōri càng không thể hiểu nổi con người này.

Cơm ngày hai bữa đạm bạc, rượu không uống. Khi nào có chút đồ nhắm *sashimi*¹ ông mới nhắm chút rượu muối nhưng lại cực kỳ thích mì *soba*. Cứ ba ngày ông ăn mì *soba* một lần. Khó hiểu nhất là Hosoi không hề ngủ. Ông đọc sách, viết lách thâu đêm. Khi trời sắp sáng, ông chớp mắt một chút. Nhưng mặt trời ló dạng thì ông cũng thức dậy, lại chìm đắm trong sách vở. Không day ai cũng chẳng lấy tiền bạc gì khi viết chữ. Cũng không tỏ ý gì muốn phụng sự *daimyō* nào đó. Ông chỉ mềm lòng khi thấy mì *soba* nên ai đó đem *soba* đến thì ông viết chữ rồi nhận lấy như tiền công. Người hầu trong nhà có lấy trộm gạo, củi than Hosoi cũng nói: “Vì là nhà ta nên hấn mới dám, đừng mắng hấn”, rồi bỏ qua. Ngay cả người như Tōri nhìn

cũng thấy Hosoi là một người kỳ lạ nhưng những lời nói kỳ lạ đó lại có sức hấp dẫn khó lý giải. Đặc biệt, khi nghe Hosoi nói về chuyện tiết nghĩa của con người, chẳng hiểu tại sao người nghe ai nấy đều xúc động chảy nước mắt.

¹ Món cá sống cắt lát mỏng của Nhật.

Một người đáng kính như vậy lại chịu sống cảnh như thế này sao? Có lần, chàng lấy hết can đảm hỏi thử: “Tiên sinh thông tuệ học vấn, từ thư pháp, kiếm thuật, cung thương, nhu thuật, pháo binh đến thiên văn trắc lượng, sao lại không phụng sự bề trên? Con đây thấy thật uổng phí...” Bất ngờ thay, Hosoi trả lời: “Ngài Nakane đây nghĩ vậy sao? Ta vì muốn viết mà viết, muốn đọc nên đọc, chỉ vậy là đủ. Ta nghĩ rằng đó là con đường của “kĩ”. Nếu chuyên tâm vào “kĩ”, sẽ nhìn thấy con đường. Nếu “kĩ” đạt ở tầm vóc cao, nó sẽ có ích cho ta và lưu hành đương thế nhưng ta quyết định không dùng kĩ để kiếm sống.” Nói rồi ông mỉm cười hiền hậu.

Đúng là vậy. Nghệ thuật tự thân nó đã có vẻ đẹp. Việc chúng ta muốn có cái gì đó từ nghệ thuật là một sai lầm. Khi được ca ngợi tài năng văn chương, khi tên tuổi nổi tiếng ở kinh đô, bản thân chàng cũng suýt làm đường. Lúc đó chàng đã say sưa, đắm chìm trong thơ phú chỉ vì niềm hạnh phúc khi một kẻ cô độc lần đầu tiên được thế gian chấp nhận, chỉ vì mong được người đời công nhận hơn nữa mà lặp lại đi lặp lại thi tác. Tuy không có tham vọng công danh, cũng chẳng có ý định làm quan nhưng nghĩ lại đó là một cách báng bổ nghệ thuật.

“Không thể cứ ở mãi nơi này được.” – Khi Tōri bắt đầu cảm thấy đã đến lúc rời khỏi nhà Hosoi ở Hongō, chàng nhận được một lời đề nghị ngoài mong đợi.

Nghe danh tài năng văn chương trẻ tuổi nên nhà Kaga cùng xứ Hongō đã gửi thư cho Tōri. Tên người gửi là Muro Shinsuke. Muro Shinsuke có hiệu là Kyūsō. Tuy phụng sự Mạc phủ, có sức ảnh hưởng đến nền chính trị của Tokugawa Yoshimune nhưng thật ra Muro vốn là trọng thần phiên Kaga.

Thư viết: “Ta chuẩn bị đi Kanazawa. Người có thể cùng đi với ta không?”

Phiên Kaga lúc ấy nhanh nhạy nhất nước Nhật trong việc tìm kiếm học giả. Đó là vì phiên chủ của họ là Maeda Tsunanori (1643 – 1724), một *daimyō* rất chú trọng học vấn. Tsunanori có thói quen sưu tầm. Với ông, học vấn là “sưu tầm”.

Châu Âu cận đại đã tạo ra tự điển bách khoa, sở thú, bảo tàng, cửa hàng bách hóa, cho hết cả thế giới vào một không gian nhỏ và tư tưởng của Tsunanori cũng gần như thế. Với sức mạnh kinh tế một triệu *koku*, phiên Kaga giàu có có thể mua hết những sách vở quý hiếm trong và ngoài xứ, cũng như con mắt sắc sảo không bỏ qua việc chiêu mộ nhân tài. Muro Kyūsō cũng là một người trong bộ “sưu tập” của Tsunanori, mười lăm tuổi đã được mời đến phiên Kaga. Phiên Kaga đã dùng Muro Kyūsō để mắt giới Nho học, chiêu mộ văn nhân. Hơn hết, Kyūsō là người phản đối Ogyū Sorai mạnh mẽ nhất trong việc đuổi Tōri.

Nhưng khi ở nhà Hosoi, với Tōri, chuyện xảy ra với Sorai chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Tōri chỉ quan tâm một điều: “Kaga có nhiều sách. Mình muốn đọc sách.”

Kaga được gọi là “thiên hạ chi thư phủ” (phủ có nhiều sách nhất trong thiên hạ). Đó là nhận xét của Arai Hakuseki¹ và sự thật đúng là vậy. Không thể lập chính quyền ở Kaga, dòng họ Maeda đã lập thành một phủ sách. “Có sách thì cứ đem đến Kaga. Sẽ bán được giá” là câu nói truyền miệng và là tri thức phổ biến giữa học giả và giới buôn sách. Sách vở trong thiên hạ được tập trung ở Kaga. Trong lòng Tōri trời dấy ham muốn mãnh liệt là đọc hết chỗ sách đó.

¹ *Arai Hakuseki (1657 – 1725): một nhà Nho, nhà văn nổi tiếng thời Edo trung kì.*

Tết năm Shōtoku 6 (1716), Tōri hai mươi ba tuổi đi theo Muro Kyūsō năm mươi chín tuổi, xuống Kanazawa.

Kyūsō là người tốt, có học, chẵn chu. Khuôn mặt với đôi lông mày chảy xuống trông buồn cười. Không như Ogyū Sorai và Hosoi Kōtaku, ông cực kỳ ít nói.

Tuy vậy, thơ văn của Kyūsō thì không phải tầm thường. Cả đối thủ học vấn Sorai cũng phải công nhận tài viết văn của Kyūsō.

Lúc trước có người tên Hirano Kinka, đệ tử của Sorai, vốn hay nghịch ngợm. Tōri cũng biết, người này làm thơ hay và khá tự do. “Để xem tài nghệ của Kyūsō thế nào”, Hirano thỉnh thoảng đến chỗ Kyūsō đề nghị sửa giúp một tác phẩm tâm đắc của mình. Ban đầu, Kyūsō từ chối nhưng Hirano một mực nài nỉ nên ông gọt bớt hai mươi chữ, thêm vào năm chữ rồi trả lại cho Hirano. Hirano bất mãn nên đem đến cho Sorai xem, mong được nghe lời nhận xét “trước khi sửa hay hơn”. Nhưng xem xong bản sửa của Kyūsō, Sorai đã phải thốt lên vì nó quá hoàn hảo.

Chính vì học thức của Kyūsō như vậy nên khi Tōri quyết định đi Kanazawa, Hosoi Kōtaku rất lấy làm vui mừng, mắt cười rạng rỡ:

“Ngài Nakane có tài năng thi phú trời ban. Nếu được ngài Kyūsō gọt giũa, thật tôi không tưởng tượng được tài năng đó sẽ đạt đến mức nào.”

Kyūsō là một học giả lớn của Trình Chu học tức Chu Tử học, lại có tính chẵn chu, việc gì cũng phải đầu vào đầu mới được nên từ đầu, khi Tōri nhập môn, ông đã hỏi:

“Nghe nói người đã có tên Shōen khi vào chùa, nay định làm thế nào?”

“Con dự định quay lại là Magohei như xưa.”

“Magohei cũng là cái tên hay nhưng sao không thử chọn một cái tên cho ra *samurai* một chút? Thật ra ta đã thử nghĩ giúp người. Người thấy tên Sadaemon thế nào? Sada có nghĩa là đúng đắn, ý là quay về con đường đúng đắn. Sadaemon. Người đã hoàn tục, có được con đường đúng đắn của mình. Trong *Luận ngữ* cũng có viết “*quân*

tử trính nhi bất lượng” (quân tử giữ điều ngay chính, không chấp những điều tin nhỏ mọn). Nói gì thì nói, rất hợp với người, luôn đứng thẳng, không cúi đầu. Chỉ có thể là Sada mà thôi. Có thể xưng tên mình là Sadaemon lắm chứ. Ở Kanazawa, người không phải lo lắng điều gì. Chỉ cần chuyên tâm học hành.”

Nghe những lời nói đó, lòng Tōri ngập tràn cảm xúc.

“Con thật không xứng với những lời như vậy. Con đã đạt được mong mỗi bao lâu nay của mình. Gánh nước, thổi cơm, việc gì con cũng có thể làm được. Xin hãy cho con được ở bên cạnh tiên sinh.”

Nói rồi chàng bật khóc nức nở.

Như vậy, Tōri trở thành Sadaemon. Có một người như Tōri làm đệ tử, Kyūsō lấy làm vui mừng, viết cả thư cho bạn bè, tri kỉ kể chuyện đặt tên cho Tōri.

Tuy miệng nói vậy nhưng ở chỗ Kyūsō, Tōri không gánh nước cũng chẳng nấu cơm. Nói đúng hơn, thật không thể để Tōri làm những việc đời thường đó. Chàng ta thích học đến mức kinh ngạc, không thể nào mở miệng sai làm những việc

vật đó được. Kyūsō còn viết thư kể: “Mỗi sáng thức dậy là cậu ta ngồi thiền rồi đọc *Tứ thư*, cứ như một hình nhân đất sét.” Buổi sáng, mỗi khi thức dậy, Tōri ngồi thiền ngay và bắt đầu đọc *Tứ thư*. Bất chấp muỗi chích, ruồi bay xung quanh, chàng cứ ngồi yên, bất động. Dân Kanazawa thích thú bàn tán về Tōri: “Người đó chắc là hình nhân bằng đất.” Kyūsō rất quý mến một Tōri như thế.

Tóm lại, một lần nữa, Tōri bắt đầu con đường học vấn đáng kinh ngạc của mình. Bằng cách đó, học thức của chàng bắt đầu vươn đến đỉnh cao. Cũng phải thôi. Thời niên thiếu, Tōri đến Ōbakusan mài đũng quần ở chùa với tăng sư Trung Quốc, học Hán học. Năm mười chín tuổi, như Saichō, chàng đọc hết các kinh kệ. Sau đó theo Ogyū Sorai học cổ văn tự, cùng sống với Hosoi Kōtaku tinh tường thiên văn học phương Tây. Sau đó, lại theo Muro Kyūsō là một nhà tri thức hàng đầu để tìm đến với học vấn chính thống. Đương thời,

những lĩnh vực chàng từng theo đuổi và học qua đều là những lĩnh vực tối cao trong học vấn, chỉ có thể nói thật là một kỳ tích khi những tinh túy đó đều được trút vào chàng trai thiên tài này.

Do đó, ở Kanazawa, Tōri rất được quý trọng. Người ta nói với nhau chàng thừa sức được trọng dụng như một học giả Nho học của bề trên. Và người ta nói rằng: “Nếu để một tài năng như thế bị phiên khác chiêu mộ thì thật đáng tiếc. Phải nhanh chóng tìm cách giữ lại.” Vốn Kyūsō cũng có suy nghĩ đó. Dẫn Tōri về Kanazawa cũng là muốn một lúc nào đó, để Tōri làm quan phụng sự phiên Kaga.

Vì vậy, Kyūsō đã khuyến khích Tōri làm quan. Nhưng Tōri không hề có ý đó. Chàng từ chối: “Bản thân con không có ý định làm quan. Không thể nhận bổng lộc bằng học vấn được.”

Thoạt đầu, Kyūsō cũng nghĩ chàng khiêm tốn, cho là khẩu khí thường gặp của những người trẻ nên không để bụng. Ông chủ quan nghĩ rồi Tōri sẽ thay đổi sau một thời gian tiếp xúc với người dân ở Kanazawa. Thế nhưng, chẳng có chút thay đổi nào cả. Ông tìm đủ mọi cách mà Tōri vẫn một mực kiên định trước lời đề nghị làm quan. Dần dần, Kyūsō trở nên sốt ruột.

Tōri cảm thấy nếu cứ ở đây sẽ phải nghe đi nghe lại chuyện làm quan, phụng sự mãi. Cuối cùng, chàng cũng bị sư phụ gọi lên:

“Người không định ra làm quan, vậy chứ định làm gì?” “Con định về lại Edo.”

“Về rồi làm sao?”

“Con đọc sách. Con vẫn chưa đọc cho đến khi thấy thỏa mãn ạ.”

“Vậy nếu đọc đến lúc thỏa mãn thì người sẽ làm quan đúng không? Vậy ta sẽ chờ đến lúc đó.”

“Dạ không, cả đời con sẽ không làm quan ạ.”

“Người nói gì vậy? Làm sao mà có thể đọc sách mãi được. Còn phải ăn chứ?”

Đúng vậy. Ở thôn làng thì không nói làm gì, nhưng Edo là chốn phồn hoa, vật giá đắt đỏ. Tōri lại có tính cứng đầu, không giỏi ăn nói. Đến cả một Sorai khôn ngoan như thế cũng phải vất vả bao nhiêu mới mở trường học ở Edo được. Tōri không thể nào có được cái tài khéo léo xoay xở đó. Biết đâu chết khô bên đường cũng nên. Thế nhưng, Tōri nói dứt khoát:

“Con sẽ bện dép *zōri* để bán.” “...”

“Con sẽ đọc sách vào buổi sáng và tối, nếu hết gạo sẽ bện *zōri* bán bên đường. Nếu có tiền, sẽ nấu cháo cở ăn rồi lại đọc sách.”

“Đúng là một tên ngốc.” – Kyūsō nghĩ bụng.

Thời này, *zōri* thường được treo trong những căn lều nhỏ thô sơ bên đường để bán. Những thanh niên độc thân đói nghèo hay những lão nhân thường được đem về đây để làm người canh gác và được phép làm *zōri* để bán. Nhưng Nho gia, *samurai* mà lại dùng nghề này để sinh nhai thì thật không thể nào tưởng tượng được. Vốn là một đại học giả phái chính thống trong thiên hạ, ý thức sang hèn trong Kyūsō rất mạnh.

Ông cho rằng: “Con người ta mỗi người có cái gọi là thân phận. Nho gia thì phụng sự quốc quân với tư cách Nho gia, có sứ mệnh được trời trao cho, làm an lòng dân chúng bằng trái tim nhân từ.” Việc bán *zōri* để kiếm tiền là việc làm tư lợi, không phải dành cho người quân tử. Vậy giải thích như thế nào về mâu thuẫn giữa việc này với việc sống bằng lương bổng lấy được từ tiền thuế của những người dân bán *zōri*? “Lòng nhân là nghĩ về hạnh phúc của con người, còn lợi chỉ nghĩ đến hạnh phúc của riêng mình. Người có lòng nhân luôn nghĩ về hạnh phúc của mọi người nên đứng trên thì xã hội mới yên bình, cũng như mây bay trên cao, bùn lắng xuống dưới, thân phận cao thấp đã được hình thành như một đạo lý của trời đất.” – Kyūsō nói. Nhưng, Tōri lại cho rằng: “Nói như vậy chẳng phải là nguy biện sao?”

Vì vậy, cuộc nói chuyện giữa hai thầy trò mãi không có điểm gặp nhau.

“Con không có ý định nói này nói nọ về chuyện người khác. Có điều con muốn tự mình kiếm ăn bằng sức của mình, chứ cảm thấy không đúng đắn khi nhận từ người khác dù chỉ một xu nhỏ. Con muốn theo đuổi cách sống như vậy.”

Tōri nhìn thẳng vào Kyūsō. Một ánh mắt trong sáng, tuyệt đẹp như có thể xuyên thấu. Hình ảnh chàng trai trẻ lúc ấy hết như hình ảnh của một chiếc đỉnh nặng ngàn cân đứng thẳng, vững chãi.

Cuối cùng Kyūsō đành chịu thua. “Ta sẽ không nói chuyện làm quan nữa. Con làm gì tùy thích.” Và ông còn nói thế này: “Con là một người có lòng nhân, không chịu khuất phục. Dù xung quanh có là đen, hay trắng, con cũng chẳng bị nhuộm màu. Và chẳng tranh cãi với ai. Thật là một người kỳ lạ.”

Về sau, Kyūsō còn có lời bình về Tōri như thế này: “Cứng cỏi, không chịu khuất phục; trầm lặng, không tranh cãi; không sợ mòn dù bị mài, không sợ đen dù bị bôi bẩn.”

Kyūsō nghĩ Tōri “như một viên ngọc cứng”. Ở đời, những viên ngọc thường đánh mất ánh sáng long lanh của mình khi bị đá lẫn lóc, bị vùi dập trong bùn đất thô nhám nhưng với Tōri thì hoàn toàn không có chuyện “bị chà xát” đó. Ngược lại, càng lao khổ, tâm hồn chàng càng được mài giũa trở nên sáng đẹp. Hoàn toàn khác hẳn với Ogyū Sorai vốn vì những khó khăn thời trẻ mà trở thành một con người tính toán. Kyūsō nghĩ vậy.

“Cuối cùng, ta muốn nói với con điều này. Con không được vứt bỏ thi ca. Đừng bám lấy văn từ mà đánh mất thơ. Thơ mà câu nệ từ ngữ, sẽ rơi vào lý thuyết, đánh mất phẩm chất, nếu xuất phát từ cái tình, sẽ trở nên cao quý đầy cảm xúc. Ta chỉ mong con nhớ điều này. Những bài thơ xuất phát từ tình cảm sẽ thấu tận trời cao, chiếm trọn trái tim muôn người. Không có gì cao quý và mỹ tuyệt bằng một người sống và để lại những bài thơ cho đời.”

Khắc sâu trong tâm khảm những lời nói của Kyūsō, Tōri rời Kanazawa.

Nakane Tōri là một Nho gia lạ thường. Chàng được nhà Nho hàng đầu trong thiên hạ, Muro Kyūsō công nhận nhưng lại có suy nghĩ “Không thể nhận bổng lộc bằng học vấn được” và bỏ ra đi. Chàng đã tự mình rời bỏ con đường làm quan, con đường trở thành một Nho gia hàng đầu của phiên Kaga giàu có cả triệu *roku*.

“Người đó khác thường không thể tả. Rồi kiếm cái ăn như thế nào đây?” – Người quen của Tōri bàn tán với nhau. Thậm chí có người lo lắng, đi tìm chàng nhưng họ chẳng biết chàng đã đi đâu.

Cũng phải thôi. Tōri đến ở tại xóm trọ bản thủ Hachōbori ở Edo, đầu đầy chí, chẳng gặp gỡ ai, cả ngày không chợp mắt, chỉ biết đọc sách. Như khi còn ở Kanazawa, một ngày chỉ hai lần là dịch chuyển, ăn cơm, tiểu tiện. Xong những việc đó, lại đọc sách.

Hết như một con rối búp bê đọc sách, chẳng thể nào nghĩ đó là một con người. Vì quá kỳ lạ nên có lần, một người trong nhà trọ đã đến hỏi.

“Anh đọc nhiều sách như thế để làm gì vậy?” Tōri chậm rãi ngẩng mặt lên trả lời:

“Tôi đọc sách là để lấp đầy cuộc đời này. Không biết có phải tham lam quá không nhưng nếu không đọc sách, tôi thấy rất thiếu thốn, muốn ăn món ngon và lo lắng hết tiền. Nhưng thật ra không được đọc sách chỉ để vui thú. Mà phải suy ngẫm nhiều hơn. Làm thế, khi làm những việc không đúng, ta biết xấu hổ. Người có thể hoàn thiện nhân cách chỉ bằng việc đọc sách thật tuyệt vời. Nhưng không cần đến mức đó cũng được, chỉ cần đọc sách, con người sẽ thấy xấu hổ khi làm chuyện không hay. Chỉ vui thú đọc sách như tôi cũng không đúng đâu nhưng...”

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau đó, nguồn lương thực của chàng cạn kiệt. Thùng gạo của Tōri đã trống rỗng. Cái chết vì đói hiện hiện trước mắt.

Vẫn có nơi có thể nhờ cứu giúp. Đó là Hosoi Kōtaku ở Hongō và Egan ở chùa Renkō. Chỉ cần hai người này biết Tōri đã quay lại, họ sẽ vui mừng đón chàng. Nhưng chàng đã quyết định không nhờ cậy vào họ. Chàng đã quyết định không dựa dẫm vào họ dù chàng có thể làm vậy với lòng hảo tâm của hai người. Tōri tiếp tục đọc sách. Chàng nghĩ: “Mình không thể nào chết ngay được. Mình chỉ uống nước thôi, rồi đọc sách.”

Thế rồi kỳ lạ thay, khi đã xác định rõ trong lòng “có thể chết” và bắt đầu đọc những quyển sách yêu thích thì không ngờ, nỗi bất an trong lòng biến mất. Và quả thật, chỉ còn niềm vui.

“Uống nước lòng khoan khoái, mặc lụa vẫn ưu sầu.” – Chàng thốt lên. Ý rằng dù chỉ uống nước nhưng vẫn có thể tận hưởng cuộc đời. Hay dù mặc lụa vẫn không thể thoát khỏi bất hạnh.

Nhưng nói gì thì nói, không thể cứ như vậy mà chết được. Tōri còn một người em trai. Gia đình chàng vốn đông đúc anh em, khi cha mất đi, Tōri còn bốn người em trai và một người em gái nhưng họ cũng lần lượt ra đi. Bây giờ chỉ còn một người em trai và em gái. Cô em gái tháo vát đi làm dâu nhà một vị quan ở Uraga, dẫn theo mẹ già để chăm sóc nên phần họ không có gì đáng lo.

Người em trai còn lại mới thật đáng nói. Ngay cả người vụng về như Tōri cũng thấy em mình là một người không giỏi xoay xở, rất đáng lo. Người em trai này chỉ có cái tên Toshinori (Thúc Đức) là có vẻ Nho gia, còn lại thì chậm chạp, ít nói nên chẳng kiếm được tiền, sống bữa đói bữa no ở Kamakura với chút tiền công ít ỏi.

Chẳng biết Tōri nghĩ gì nhưng chàng vét hết mấy hạt gạo cuối cùng còn sót lại ở đáy hũ rồi đi Kamakura. Hai anh em họ cùng bán *geta*¹ dưới cổng đền Tsurugaoka Hachiman. Họ vớt gỗ cây trôi từ bờ biển Yuigahama vào, đẽo đóng thành guốc rồi bày dọc đường lên viếng đền, bán cho người đi cúng bái.

¹ *Guốc gỗ truyền thống của Nhật.*

Cho đến thời Muromachi, người xứ này vẫn cời guốc, dép, đi chân trần khi vào khu vực linh thiêng của đền, chùa do không được phép đem những gì đã vấy bẩn của hạ giới vào. Vào thời Edo, phong tục tuy chỉ còn cái tên nhưng vẫn được những người có lòng tín ngưỡng sâu sắc duy trì bằng cách mua guốc, dép mới trước cổng. Do đó, anh em Tōri có thể bán *geta* trước đền thờ là vậy.

Người đề nghị “bán *geta* dưới cổng đền” là Tōri. Người em trai lập tức chau mày. Thời này, bán guốc, dép trên đường là nghề hạ tiện nhất vùng. “Huynh có học vấn. Chẳng phải làm thầy thuốc không tốt hơn sao?” Cách nói tỏ rõ thái độ “đâu cần phải đến mức bán *geta*”.

Đúng vậy. Vốn dĩ thời này, không thể nào có chuyện một sĩ đại phu có thể đọc hiểu y thư mà bán *geta* bên đường.

Hơn thế nữa, cha của Tōri là thầy thuốc, và người có học như Tōri, đừng nói Kamakura này mà có tìm sang Edo, một vùng Kantō cũng chẳng có. Nếu theo ngành y, chắc chắn thiên hạ sẽ kéo đến. Lý lẽ của người em trai cũng không có gì là khó hiểu.

Tuy vậy, Tōri dứt khoát: “Ta không thể chữa bệnh. Điều này rất rõ ràng. Đúng là nếu làm thầy thuốc, cuộc sống của chúng ta sẽ thoải mái hơn. Nhưng phát thuốc không hiệu nghiệm rồi đi lấy tiền công chẳng khác nào lừa người.”

Vốn là người chính trực nên người em trai gật gù đồng ý. Thế là hai anh em họ bắt đầu bán *geta*. Những đôi *geta* do những người nghiệp dư làm thì không thể nào bán giá cao.

Hai người bị khách bắt thóp, đành giảm giá bán hai đôi *geta* mất bao công sức mới làm ra với giá 3 mon. Thật là những ngày khó nhọc.

Nếu một ngày bán được một đôi thì họ đủ tiền ăn hôm đó. Gặp ngày mưa liên tiếp, không bán được đôi nào thì không có cơm, đành chịu để bụng đói.

Có điều, dần dần, lời đồn “có người kỳ quặc vừa đọc sách Hán vừa bán *geta*” bắt đầu lan ra. Thế là có người lấy làm tò mò, tìm đến mua *geta*. Nhờ vậy mà cuối cùng họ cũng có thể tiếp tục ngồi bán *geta* trên đường, lay lắt bữa đói bữa no qua ngày dù tâm, thân co ro trong bộ quần áo mỏng manh giữa những cơn gió lạnh.

Vào khoảng thời gian đó, cạnh phòng trọ của Tōri có một người đàn ông bị bệnh, ho sù sụ đến kiệt sức, không ngồi dậy nổi. Đừng nói tiền gọi thầy thuốc, anh ta chẳng có lấy một xu để mua cơm. Người ở quanh đó ai cũng nghèo kiệt xác, ban đầu họ còn thương tình nấu cơm cho nhưng rồi tiền cũng chẳng còn nên không ai đến giúp nữa. Đứng ngoài nghe tiếng anh ta ho cũng thấy thật đáng thương.

Tōri không cảm lòng. Chàng vội vã nấu cháo đem sang và múc từng thìa đút cho người đàn ông. Nhưng anh ta không ăn, ngược đôi mắt hờn sâu nhìn Tōri nói: “Tôi không có tiền, chẳng nào cũng chết. Tiên sinh hãy ăn đi. Tôi nghe nói ngày xưa, tiên sinh là sư trong chùa. Tôi chết rồi, nhờ tiên sinh đọc cho bài kinh để tôi được siêu thoát.”

Tōri sửng sờ. Chàng nghĩ không thể nào để cho người này chết được.

Và điều đó là thật lòng chàng. Tōri vội vã quay về nhà, gom hết tất cả y phục, sách vở vào furoshiki¹. Người em trai thấy vậy liền hỏi:

¹ Tám vải vuông lớn được dùng để gói hành lý, đồ đạc.

“Anh làm gì vậy?”

“Nếu cứ để vậy, người đó sẽ chết mất. Chỉ cần có thuốc là anh ta sẽ sống. Anh định đem quần áo và sách vở đi cầm, mượn chút tiền.”

“Anh đừng làm vậy. Nếu là đồ của em thì anh bán hết cũng không sao. Mớ sách vở đó chẳng phải là công sức anh bỏ ra mười năm nay để ghi chép lại sao? Anh đâu cần phải làm đến mức đó với một người xa lạ...”

Người em trai ra sức ngăn Tōri vì anh ta không thể nào tưởng được cuộc sống không có sách vở của anh mình. Nhưng Tōri vẫn làm.

“Sinh mạng con người quý hơn sách vở.”

Chàng dứt khoát và đem tất cả quần áo, sách vở đi cầm, đổi thành tiền.

Sau khi Tōri mất, trong Đạo đức tiên sinh Tōri do người em trai biên tập, có ghi thế này: “Tình cờ có người ở trọ gần đó bị bệnh. Anh ta nghèo khó, không có tiền mua thuốc. Tiên sinh đã cầm cố tất cả sách vở, y phục để giúp người này.”

Căn phòng của Tōri vốn chất đầy sách vở nay trở nên trống trải hẳn. Buổi tối, không có sách để đọc, Tōri đành ngắm trăng. Chàng ngồi yên lặng trên manh chiếu cũ của căn phòng trọ, ngắm mình dưới ánh trăng xuyên qua cửa sổ. Người em lên tiếng:

“Căn phòng rộng hẳn ra nhỉ. Anh ta đã chấp tay bái anh, gọi là ân nhân cứu mạng. Nhưng nghĩ lại, với anh em mình, anh ta cũng là ân nhân không chừng. Anh ta đã trao cho chúng ta cơ hội vượt qua lòng tham. Em quyết định nghĩ theo cách đó.”

“Anh cũng nghĩ vậy. Học vấn là thứ dễ tiến gần đến đạo, không phải là thứ dễ tích trữ sách vở. Cả những lời của thánh nhân quân tử, nói ra, cũng chỉ như những ngón tay mà thôi.”

“Ngón tay ư?”

Người em trai tỏ vẻ khó hiểu. Tōri chỉ thẳng vào mặt trăng ngoài cửa sổ.

“Nếu không dỗi mắt nhìn theo hướng ngón tay này, chúng ta chỉ thấy bên trong căn phòng tồi tàn này và cho rằng đây là đất trời của chúng ta. Nhưng nếu nhìn theo đầu ngón tay chỉ, ta sẽ thấy có bầu trời rộng lớn, có mặt trăng xinh đẹp. Những lời của thánh nhân quân tử như ngón tay chỉ cho ta thấy mặt trăng tuyệt đẹp ngoài kia. Chúng ta chỉ có việc ngắm trăng mà thôi.”

“ . . . ”

“Chúng ta không được theo đuổi những con chữ vô dụng, đọc những gì khó hiểu, giải những gì khó thông, tiêu tốn tinh thần mà đánh mất ánh dương một cách lãng phí. Anh cũng đã suýt bỏ lỡ ngón tay cho mặt trăng kia. *Tứ thư*, Ngũ kinh chỉ là ngón tay mà thôi. Điều quan trọng là mặt trăng ngoài kia.”

Ý Tōri nói: “Người nhìn thấy mặt trăng có thể quên đi ngón tay.” Có thể nói tư tưởng này thật quá khích. Vào thời đại này, không nhân vật nào có thể khẳng định rằng giá trị thật sự nằm ngoài lời dạy của thánh hiền là *Tứ thư*, Ngũ kinh, chỉ cần nắm được điều đó, có thể quên đi những cuốn sách hướng dẫn.

Và Tōri đã mất toàn bộ tài sản như thế. Sau khi chứng kiến người đàn ông nợ hồi phục, chàng cũng rời bỏ Kamakura.

“Mình mà ở đây thì người đó cũng khó xử.” – Hai anh em bàn tính với nhau và quyết định chuyển chỗ ở. Nhờ người quen, họ trở thành người gác tiệm ở gần cầu Benkei, Edo. Ở đây, những người canh gác thường làm và bán cả *geta*.

Nhưng tiệm *geta* ở Edo rất chuyên nghiệp, nên những đôi *geta* do những người nghiệp dư như họ làm chẳng được ai ngó ngang đến.

Hai anh em Tōri tay trắng đến Edo, không biết đã học ở đâu, gọt vỏ tre đan thành những đôi dép cỏ bền chắc, treo ở nơi mình đứng canh để bán.

Nơi ở của Tōri thật sự rất chật hẹp. Có thể nói căn phòng chật chội, “nhỏ như cái lỗ mũi” cũng được, nói độ hai chiều cho sang chứ thật ra họ chẳng có đến manh chiếu để lót. Gió mưa cứ thổi vào nhà qua khe vách. Hai anh em ôm nhau trong căn phòng đó mà ngủ.

Ngày nào cũng như ngày nấy, cứ đến giờ là Tōri lại thức dậy vào rừng tre để gọt vỏ tre, cặm cùi đan dép, đến tối lại dọn hàng. Dép tre của chàng bán chạy. Khi có dư tiền, chàng lại mua sách đọc.

Sau đó, đám trẻ trong phố kéo đến nhờ chàng dạy chữ.

Tōri dùng gậy vẽ lên mặt đất dạy chúng đọc viết và từ đó, được gọi là “Tiên sinh dép tre”.

Ngày nọ, Tōri để mắt đến một đứa trẻ. Một đứa bé trai mới ba tuổi đầu. Đôi má bầu bĩnh trông rất đáng yêu. Trước đó không lâu, thằng bé được cha bỗng đến ở căn phòng thuê bên cạnh.

Chắc chắn là đứa bé không còn mẹ. Người cha bận đi làm, phải để nhà trống, cũng không thể chăm sóc miếng cơm cho con nên dẫn đến người phụ nữ trông trẻ lấy tiền gần bên. Người phụ nữ tươi cười nhận giữ đứa bé.

Nhưng thật ra, tiếng đồn về người này vốn không hay ho gì. Bà ta miệng rộng đến tận mang tai, lại rất háu ăn nên dân xóm trọ rất ghét, gọi sau lưng bà ta là “chó sói”. Thoạt đầu, người phụ nữ này cũng yêu mến đứa bé như con mình. Có người thấy vậy còn nói với vẻ cảm động “người như bà ta cũng có trái tim của người mẹ”.

Nhưng rồi, đứa bé cứ ngày càng ốm đi, hai má hóp lại. Thử hỏi hàng xóm láng giềng mới biết: “Bà đó đúng là chó sói. Nhận tiền của người cha rồi là bà ta không cho thằng nhỏ ăn uống gì nữa. Bà ta chỉ biết có tiền.”

Tōri muốn giúp đứa bé. Nhưng với người phụ nữ đó, đứa bé là nguồn thu chính, sẽ dứt khoát không chịu buông. Nếu Tōri định làm gì, người phụ nữ xảo quyệt đó sẽ ngược đãi đứa bé mất. Nếu có nhiều tiền thì còn có thể có cách giải quyết. Nhưng Tōri đã trút toàn bộ tài sản cho người đàn ông bị bệnh lúc trước, chẳng còn một xu dính túi nên chẳng thể làm gì được. Buổi trưa, chàng vừa gác tiệm vừa âm thầm theo dõi đứa bé. Tối đến, hai anh em chỉ có thể vừa đan dép vừa lặng lẽ kể cho nhau nghe cảnh đáng buồn đã chứng kiến ngày hôm đó.

Tōri kẹp sợi tre giữa mấy ngón chân, nói:

“Đứa bé đó, đói bụng cũng không được cho ăn, khát nước cũng không được cho uống. Chẳng được ai nắm tay, lúc ngủ cũng thui thủi một mình. Nó còn nhỏ quá nên không biết cầu xin, không biết làm gì, chỉ biết nằm ra khóc. Nhưng khóc thì lại bị bà ta đánh đập. Trái tim nhỏ bé của nó hình như cũng biết điều đó nên khóc mà cố gắng sao cho không phát ra tiếng. Thật đáng thương làm sao.”

“Tại sao con người ta có thể làm chuyện tàn nhẫn như vậy được nhỉ? Biết thằng bé yếu ớt, những đứa trẻ gần đó lại kéo đến trêu chọc, bắt nạt. Hết nhổ nước bọt vào mặt, bẻ ngoặt tay ra sau, túm tóc mà kéo lê, cào khắp da thịt thằng bé cho đến khi chảy máu. Chúng vui thú khi thấy thằng bé kêu khóc. Vậy mà bà ta lại không ngăn chúng lại. Không những không ngăn lại mà còn hào hứng hòa với chúng mà cười thích chí. Nhưng thật không thể tha thứ được là chỉ khi người cha đến, bà ta mới giả vờ cưng nựng thằng bé, bồng bế, vỗ xoa dịu dàng và nói “cha về kia, con cười đi, nói chuyện đi”, bắt thằng bé cười để lừa người cha. Thật không thể nói.”

“Anh cũng thấy. Thằng bé đói tình thương. Nên nó khao khát được yêu thương dù chỉ một chút, nó không muốn bị đánh đập. Cho nên nó mới cười, mới nói chuyện. Người ta nói, kẻ sắp chết đói gì cũng ăn, kẻ sắp chết khát gì cũng uống.

Nhìn thằng bé, anh thật sự cảm nhận được nỗi buồn tuyệt vọng đó.”

“Người cha có biết thằng bé đang khốn khổ như thế nào không nhỉ?”

“Anh nghĩ là biết. Ông ta nhìn bộ dạng ốm yếu của nó mà nước mắt lưng tròng. Chắc chắc không phải không nhìn ra sự tình. Chỉ là không dám nói. Trong thời gian ngắn ngủi cha con gặp nhau, chắc ông ta chỉ muốn an ủi thằng bé. Ông ta say sưa nhìn thằng bé với vẻ mặt rạng rỡ. Thằng bé cũng nhìn mặt cha, hẳn là hiểu được nỗi buồn trong lòng đó mà cười nhe cả răng “cha đến rồi, cha đến rồi”. Niềm vui quá độ đó thể hiện rõ cuộc sống ngày thường của thằng nhỏ đau buồn đến mức nào. Thật buồn quá.”

“... ”

“Cho nên, người cha đã ôm con thật chặt vào lòng, cho nó uống, cho nó ăn, nghe bất kỳ điều gì con nói, hết sức làm cho vui vẻ rồi mới ra về.”

Nói đến đó, Tōri ghen ngào.

“Nhưng khi ra về, sợ con níu kéo nên ông ta không dám nói thật. Chỉ cho thằng bé cái bánh hay con búp bê cho nó vui rồi lúc đó mới nói “cha đi tiểu tiện cái”, “cha qua nhà hàng xóm”. Khi thằng bé vui vẻ gật đầu “ừm”, người cha không còn ở đó nữa. Nhưng ông ta vừa ra khỏi cổng xóm trọ là đám trẻ bắt nạt ủa đến, cướp lấy của thằng bé món đồ chơi, cái bánh đó. Rốt cuộc, thằng bé chẳng có gì. Thật tội nghiệp. Nó khóc gọi cha nhưng rồi nước mắt cũng cạn khô, chỉ biết lăn ra ngủ. Thức dậy, lại khóc... Thằng bé đang sống trong địa ngục như thế.”

Nước mắt Tōri rơi lã chã trên những thanh tre đan dép. Câu chuyện ngược đãi trẻ em cách đây ba trăm năm được truyền tải đến tận ngày nay qua những dòng văn còn sót lại ít ỏi của Tōri. Nay tôi vừa đọc những câu văn viết bằng chữ Hán vừa viết đoạn văn này nhưng cảm thấy đau buồn vô hạn. Văn Tōri không chỉ nổi tiếng mà cảnh tượng mô tả càng đọc càng thấy đau đớn như thể bị dao đâm vào ngực. Không, còn hơn thế, tôi tự hỏi Hán văn đã được viết trong lịch sử đất nước này đã hơn ngàn năm nhưng liệu có mấy ai để lại những dòng văn mô tả trái tim một đứa trẻ sâu sắc như Tōri? Tôi tự hỏi Nho giáo ở đất nước này, Quốc học ở đất nước này đã đạt đến “lòng nhân” thật sự chưa?

Kết cuộc của đứa bé trai bị ngược đãi được Tōri viết như thế này: “Kể từ đó về sau, chúng tôi không được biết gì về đứa bé nữa.” Chẳng biết tự lúc nào, đứa bé biến mất.

Thời Edo trung kỳ, chỉ một nửa số trẻ em, kể cả những đứa trẻ được cha mẹ thương yêu chăm sóc, là sống được đến mười hai tuổi. Số phận của đứa bé trai ba tuổi đầy thương tích vì bị ngược đãi đã quá rõ ràng ngay từ đầu.

Sau đó một thời gian, Tōri sống trong niềm mộng lung. “Lâu nay ta học để làm gì...?” Có thể tâm hồn chàng đã bị xáo động quá mức. Những câu hỏi không lời đáp hiện lên và đọng lại trong đầu. Tōri nằm dang rộng hai tay hai chân trong căn phòng chật chội. Chàng đã đọc hết sổ sách mới có được sau khi cầm cố hết cả gia tài lần trước. Vừa nghĩ đến đó thì chàng nhớ ra vẫn còn một bộ chàng chưa đọc tới. Đó là *Vương Dương Minh*¹ *toàn tập*. Biết được Tōri vừa đan dép bán vừa sống đời cực khổ, một người bạn tìm đến tặng nhưng chàng để mặc đến hôm nay. Có lý do khiến chàng không muốn đọc. Lúc trước, ân sư Muro Kyūsō đã dặn “Tránh xa Vương Dương Minh học. Lấy Chu Tử học chính thống làm mô phạm”.

¹ *Vương Dương Minh (1472 – 1528): nhà tư tưởng thời nhà Minh ở Trung Quốc. Ông được đánh giá rất cao trong giới Nho học, được xem là một trong bốn vị thầy vĩ đại, ngang hàng với Khổng Tử, Mạnh Tử, Chu Hi.*

“Học vấn Đường thổ cho đến giữa thời nhà Minh rất đúng đắn. Thế nhưng Vương Dương Minh xuất hiện, bắt đầu hô hào “Lương tri chi học”, cho rằng “Đừng nghĩ chuyện gì khó khăn. Cứ theo lương tri có trong ta”. Nhưng học vấn là thứ truy tìm cái lý của từng sự vật. Nếu không làm vậy mà tự nhiên nhận ra thì tọa thiền cũng được. Đó chỉ là Phật giáo ngụy tạo cố cho thấy đó Nho giáo.” – Đó là một người cuồng thiền. Kyūsō cực lực phản bác Dương Minh học. Khoảng thời gian đó, Tōri đã quá chán Thiền học nên chàng cũng chấp nhận những phản bác đó.

Vì vậy, tuy đã cầm trong tay *Vương Dương Minh toàn tập*, chàng cũng đọc rất thờ ơ, tức vừa nằm vừa đọc. Thế nhưng, càng đọc, tâm trạng chàng thay đổi hẳn, cứ như màn sương bao phủ trước mắt dần tan biến. Không chỉ vậy, mắt Tōri dừng lại luận thuyết “trí tri cách vật, tri hành hợp nhất”. Chàng bật ngồi dậy, chỉnh lại tư thế, ngồi ngay ngắn lại và thỉnh linh thốt lên: “Cứ như thể tâm pháp truyền thụ của Khổng Tử đều nằm trong quyển sách này. Sao ta lại đọc nó muộn thế này?” Kể từ đó, chàng say sưa đọc luận thuyết của Vương Dương Minh như nuốt từng chữ từng lời. Những suy

nghĩ mơ hồ lâu nay được kết nối thành hình rõ ràng. Bao nhiêu năm nay chàng chỉ biết có đọc sách nhưng đây là lần đầu tiên có được trải nghiệm tinh thần như thế này.

Thiên 1 Đại học trong Lễ ký có viết tám điều người quân tử phải làm. Đó là cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Trong số đó căn bản nhất là cách vật. Chu Tử lý giải điều này là “nghiên cứu vật”, “truy tìm lý của vật, tức tìm hiểu lý của tự nhiên với mọi sự vật hiện tượng để lý giải”.

Thế nhưng, trong giới hạn đọc hiểu của Tōri, lý giải về “cách vật” của Vương Dương Minh hoàn toàn khác. Nó tươi mới đến kinh ngạc. “Cách vật” này được lý giải là “sửa vật”.

Khác với phái Chu Tử, Vương Dương Minh đặt ra câu hỏi “Vậy chứ “vật” là gì?” và lập luận chặt chẽ.

Tōri hiểu ra rằng Chu Tử cho rằng “phải quan sát vật để tìm ra lý của nó” nhưng ý thức bản thân khi nhìn “vật” không tồn tại nghiêm nhiên bên ngoài “vật”. “Vật” và “Tâm” của bản thân nhìn vật vốn là một, không phải hai thứ tách rời. Chàng tỉnh ngộ rằng ngược lại, vốn dĩ bản thân cũng là một thể cùng với “vật” và phải sống với ý thức như vậy.

Hơn thế nữa, khi đọc đến Truyện tập lục, trong đó có viết thế này: “Con người là tâm hồn của đất trời. Đất trời, vạn vật vốn là một thể với ta. Những khốn khổ, đắng cay của ai kia cũng khiến ta đau đớn... Nhìn người như ta, nhìn quốc gia như gia đình. Đất trời vạn vật là một thể.”

“Hãy nghĩ rằng con người là tâm hồn của đất trời. Đất trời, vạn vật và ta vốn là một thể. Nếu ở đâu đó có người nào đó đau khổ, thì tất cả đau khổ đó bản thân ta cũng chịu đựng. Cả những con người như ta, cả động vật, cả cỏ cây đều sinh ra từ đất trời và cũng chết đi, biến vào đất trời. Vốn dĩ tất cả đều như vậy. Nếu đứng giữa đất trời mà suy nghĩ, vốn dĩ trên thế gian này không tồn tại cái gọi là chuyện của người ta...”

Đúng là vậy. Tuy có nhiều người cho rằng “không thể nghĩ như vậy được” nhưng Tōri cho rằng “dứt khoát không có chuyện đó”.

Đúng như Vương Dương Minh nói, nếu con người vốn là một thể với vạn vật, đất trời, thì chắc chắn con người đã có tâm hồn cảm nhận được điều đó khi sinh ra.

Đó chính là “lượng tri” mà Mạnh Tử nói, không sai. Nếu vậy, chim mẹ mớm mồi cho chim non, mẹ cho con bú, những trái tim ấm áp đó, dù bắt nguồn từ xa xưa đến nay vẫn lớn lên trong con người. Và chẳng phải sứ mệnh đọc sách lâu nay của bản thân ta là giảng lại những điều trong sách cho người khác nghe sao?

Chàng kinh ngạc trước tư tưởng của một nhân vật sống cách mình hai trăm năm và như được tiếp thêm dũng khí.

Tōri bắt đầu công việc dạy học từng chút một. Ban đầu chỉ là có ai hỏi thì trả lời, có ai xin học chàng nhận dạy nhưng so với thời chàng còn né tránh tiếp xúc với thiên hạ thì khác hẳn. Lúc này chàng vừa bước sang tuổi ba mươi.

Sau đó không lâu, chàng nhận đệ tử. Cậu học trò có tên Kozuka Shimpo đến từ làng Ueno vùng Shimotsuke¹. Không biết cậu ta nghe từ đâu mà tìm đến ngôi nhà nhỏ của Tōri để nghe giảng và ra về với vẻ mặt rất phấn khởi. Kozuka vốn là người tốt bụng, và rất thích chăm sóc người khác. “Con muốn cho chủ nhân ở Shimotsuke nghe bài giảng của tiên sinh.” – Chàng ta nói vậy và mời Tōri đến đó. Shimotsuke là một trạm thông tin rất lớn. Người chủ trạm tên Takagi, rất thích học vấn, vừa nhìn thấy mặt Tōri đã khấn khoản: “Thưa tiên sinh, rất mong tiên sinh lưu lại đây ít lâu để giảng sách cho chúng tôi.” Tōri rời ngôi nhà nhỏ tồi tàn chàng quanh quần gần mười năm nay, đến nơi ở mới có trải chiếu đàng hoàng tử tế.

¹ *Nay ở tỉnh Tochigi.*

Thế nhưng, ngay sau đó chàng cũng lập tức rời nơi ấy ra đi. Tōri có thói quen không ở đâu lâu, đến mức có người nói rằng “ổng khói nhà Tōri chẳng bao giờ ám muội khói”.

Khoảng thời gian này, số người ngưỡng mộ đức tính của Tōri cũng tăng lên. Chàng thuê một chỗ chật hẹp trước cổng đền Fukagawa Hachiman tuy để đan và bán dép tre trở lại nhưng thời gian dạy học cũng nhiều lên.

Tuy trong số đệ tử, có người đến muộn giờ nhưng chàng hoàn toàn không la mắng dù chỉ một lần. Nhưng phần mình thì Tōri luôn luôn đúng giờ hết như sự vận hành của những thiên thể khiến nhiều người lấy làm thú vị.

Mỗi độ xuân về, Tōri thường đi dạo ngoại ô. Chàng rất yêu hoa, đặc biệt là hoa đào. Hoa đào kết thành trái to, đem lại ích lợi cho cuộc đời. Chàng được người bạn có tên Muga (Vô Ngã) mời đi thăm vườn đào. Muga là một người lạ lùng.

Ngày nọ, khi Tōri đang bán dép tre thì được một thầy bói bắt chuyện. Khi được hỏi tên, người ấy chỉ trả lời “Muga” mà không nói danh tính. Khi được hỏi “Sao lại lấy cái tên Muga lạ như thế?”, thầy bói trả lời thế này: “Khổng Tử có nói bốn điều phải dứt: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã. Đừng phỏng đoán. Đừng khẳng định, đừng cố chấp, đừng có mình. Điều thứ tư, không có mình là khó nhất. Do đó tôi đặt hiệu mình là Vô Ngã.”

Thế rồi họ trở nên thân thiết với nhau. Tōri thuê tầng hai của một nhà bán dầu, cùng Muga cơm cháo qua ngày bằng nghề bói của chàng quân tử ẩn dật này và cùng nhau thưởng thức cuộc sống vui tươi, dạo bộ ngoại ô Edo để thưởng hoa. Những người ngắm hoa bày yến tiệc dưới gốc cây, nào rượu ngon, và cả thức nhắm.

Cả Tōri và Muga đều không một xu dính túi. Họ chỉ nhìn rồi đi ngang qua. Bình thường, Tōri hay lẩm nhẩm làm thơ khi đi bộ. Chàng bắt đầu đọc:

Đông nông chi hoa

Cốc phong kì phúc

Thử hữu ẩm tửu

Thị hữu thực nhục

Kí bảo kí túy

Sứ ngã tâm lạc.

Dịch ý:

Cánh đồng phía Đông thăm sắc hoa

Thung lũng ngào ngạt hương

Nơi đây người uống rượu

Nơi nọ người nhấm môi

Còn tôi đã no, say

Lòng tràn đầy hoan lạc.

Nghe được, Muga bật cười:

“Thú vị lắm. Họ chỉ ăn, uống riêng họ thôi mà. Sao chúng ta có thể thấy lòng vui vẻ được chứ?”

“Vui chứ. Hãy cứ để mình vô ngã xem. Khi lòng ta không còn ranh giới đến mức ta là họ, họ cũng trở thành ta thì không còn cái không phải của ta nữa. Nếu cứ cố chấp phần mình, ta sẽ quan tâm đến tất cả, từ phú quý – bần tiện, trường thọ – đoản mệnh, hạnh – bất hạnh, sinh – tử, phúc – họa, vinh – nhục và ngược lại chỉ thấy khổ mà thôi. Nhưng nếu không còn mình nữa, mọi người đều như nhau đúng không. Thật ra nuôi dưỡng con người đảng hoàng, chấm dứt chiến tranh, cấm bạo loạn, dẹp bỏ bất nạt, tất cả không vì người khác đâu, mà là để chữa bệnh cho chính bản thân ta đấy.”

“Đúng là vậy nhưng không phải bậc hiền nhân thì không thể có được suy nghĩ đó đâu.”

“Không có chuyện đó đâu. Không phải mọi thứ đều bắt đầu từ bậc hiền nhân. Chẳng phải đó là những điều chúng ta nên làm sao? Chỉ cần từng người chúng ta mài giũa viên ngọc đẹp để trong tâm hồn mình bằng khả năng của mình là được. Có ngọc lớn, ngọc nhỏ, có thể không thể mài viên ngọc lớn như bậc hiền nhân nhưng ngọc nhỏ nếu chăm mài vẫn tỏa sáng lấp lánh. Chỉ cần mài viên ngọc đó trong tim mình. Đó mới là nghĩa vụ ở đời của con người.”

Muga ngăn người ra. Đi trong làn hương hoa đào một lúc lâu, chàng buột miệng:

“Làm cách nào chứ?”

“Tôi cũng nghĩ đến điều đó nhưng không thể diễn tả được.”

“ ... ”

Muga nhìn Tōri với ánh mắt khẩn cầu:

“Cũng có thể là khiêm tốn. Là tấm lòng đặt người khác lên trước, ta lui về sau. Nếu có được tấm lòng đó, sẽ không còn ta và có thể tiến gần đến lòng nhân...”

Muga ngộ ra khi nghe những lời này và đổi tên thành Kensai (Khiêm Trai). Câu chuyện được kể lại như thế đấy.

Sau đó khoảng bốn năm, Tōri xuống vùng Sano xứ Shimotsuke vì Kozuka Shimpo đã lừng tròng nước mắt, tha thiết đề nghị: “Tôi rất mong cho người dân quê mình được nghe những bài giảng *Truyền tập lục* của tiên sinh.” Deigetsu là cái am nhỏ được dựng lên tại Ueno ở Sano. Tōri sống ở đó và giảng về *Truyền tập lục* của Vương Dương Minh tại nhà của Kozuka Shimpo. Nhà của Kozuka không nhỏ vậy mà cũng đầy ắp người đến nghe giảng do tiếng lành đồn xa.

Những bài giảng của Tōri thật sự thực tế. Chàng ưu tiên mức độ dễ hiểu nên không nói vòng vo, kiểu cách. Với cách nói chuyện lấy ví

dụ gần gũi nên vẫn dễ tiếp thu dù nội dung thật sự cao siêu. Người nghe cứ thế tự ngộ ra trong lúc lắng nghe giảng.

“Tiên sinh đã ưu tiên việc giảng cho người nghe, chuyện danh vọng để lại phía sau. Tiên sinh lấy những ví dụ so sánh gần gũi để giải thích nên rất dễ hiểu.” (*Tōri sensei gyōjō* – Hành trạng của tiên sinh Tōri)

Chàng thiếu niên tên Sudō Atsushi đã đi bộ một chặng đường xa xôi để đến nghe giảng. Khi bắt đầu giờ học, Tōri đã nói về cách đọc sách như sau: “Mọi người, với sách vở chúng ta có cách đọc. Trước khi đọc, người đọc sách nên suy nghĩ đâu là chính yếu để lưu ý mà đọc cho thấu đáo. Ví dụ, khi du ngoạn thị thành, nếu chỉ ngắm những cánh cổng nhỏ, những tiệm ăn mà chẳng buồn nhìn qua thành quách, cung điện mà ra về thì có gọi là du ngoạn thị thành được chăng? Cũng giống như vậy thôi. Đi tìm đạo, đi tìm sự thật cũng như khi ta tìm cơm ăn khi đói. Không có đồ ăn thì ta không có thời gian rảnh để loanh quanh những chỗ không cần thiết. Để có được đạo, mọi người cứ thẳng một đường, tìm cho ra chỗ quan trọng trong sách để đọc...”

Có thể nói những giờ học của Nho gia đương thời không phải là nói về đạo mà là giải thích về câu chữ trong sách. Họ giải nghĩa từng đoạn, từng câu ngay từ đầu sách và nhận tiền học phí. Còn Tōri lại nói rằng không cần đọc toàn bộ. Có lẽ điều này đã gây ấn tượng mạnh cho Sudō khiến ba mươi năm sau đó, chàng vẫn nhớ rõ bài giảng đó như in.

“Những lời dạy của hiền nhân, không có gì là khó cả. Chỉ cần nhớ một điều này là được.” – Tōri nói chắc như đinh đóng cột. “Đó là *Thiên địa vạn vật nhất thể*, chỉ cần nhớ đạo lý này là đủ.” “Sự học của thánh hiền có thể gói gọn trong một chữ “Nhân”. Nhân là trái tim của thiên địa, vạn vật nhất thể. Cả Nghĩa, Lễ, Trí, Tín cũng bao gồm trong đó. Đúng là thoát nhìn, những gì trong vũ trụ thật đa dạng, khác nhau, không thể nói là một được. Nhưng hãy thử nghĩ xem. Vạn vật trong vũ trụ này, tất cả đều đón nhận khí của trời đất mà sinh ra. Với ý nghĩa đó, có thể nói vạn vật nhất thể. Nhờ ánh sáng mặt trời rọi xuống, nhờ những cơn mưa mà cây cỏ trên núi cao, ngũ

cốc trên những cánh đồng sinh sôi nảy nở, đầm chồi nảy lộc. Rồi từ đó, chim muông và loài người sinh ra. Vì vậy, từ cha con, huynh đệ cho đến hậu thế trong thiên hạ, tất cả đều là cốt nhục của ta. Cả thái dương hay vầng trăng, cả những cơn mưa hay giọt sương sớm, núi và sông, cỏ cây, chim, thú, cá, tôm, cua, ghe đều là một, không gì là không phải ta. Thiên địa vạn vật là một. Chỉ cần quay lại điều cơ bản này. Sự học của thánh hiền quảng đại vô ngần nhưng lại đơn giản vô cùng.” Cuối cùng, chàng còn nói thêm như thế này.

“Nhưng tôi đang nói thế này cũng là một con người rất tẻ nhạt. Xin lặp lại, tôi đọc thuyết này, giảng giải cho cả người khác nghe nhưng cũng như ếch ngồi đáy giếng, không biết biển rộng sông dài. Tôi đã cố gắng nỗ lực hàng rào ngăn cách giữa mình và họ, mở rộng tầm lòng nhưng mãi không được, nên thật sự đau khổ. Điều đó cũng như con chó, con mèo cứ đuổi theo cái đuôi của chính mình mà quay vòng. Tôi hiểu rằng đó là vì cứ mãi chú tâm vào bản thân “ta là”, “tôi thì” nên đau khổ mà thôi. Nhưng... Hôm nay đến đây thôi.”

Sau đó, Tōri sống ở vùng quê Sano này khoảng gần ba mươi năm. Giữa chừng, chàng quay lại Uruga khoảng ba năm. Thời gian ấy, chàng chăm sóc mẹ già gần đất xa trời và trông coi mộ mẹ. Khi mất tang, chàng quay về Sano, tiếp tục dạy học và được tôn kính.

Cả đời, Tōri không lập gia đình. Nhưng vì hoàn cảnh, chàng nhận nuôi cô cháu gái.

Một ngày nọ, người em trai tìm đến: “Con gái em, Yoshiko tội quá anh ời.” Sau khi Tōri đi Sano thì Toshinori, người em trai từng sống với chàng cũng tự lập, đến khoảng độ bốn mươi lăm tuổi cũng lấy được vợ. Họ có với nhau đứa con gái tên Yoshiko. Tức cháu gọi Tōri bằng bác. Nhưng vợ người em trai chẳng may mất sớm, ngay sau khi sanh con, để lại Yoshiko bé nhỏ.

Người em trai lâm vào cảnh cùng cực. Thân làm đàn ông nên không có sữa đã đành, lại nghèo xác xơ chẳng thể nào thuê vú em. Không còn cách nào khác, Toshinori đi xin sữa của những người xung quanh. Hễ Yoshiko cất tiếng khóc là Toshinori đi xin sữa. Nhưng đứa bé mới lọt lòng mẹ, chẳng bú được nhiều nên lại đói ngay.

Người cha lại đi xin sữa, cứ thế thâu đêm suốt sáng. Nhưng vì quá thường xuyên nên người cho sữa cũng trở nên khó chịu và từ chối. Đi xin chỗ khác cũng vậy. Cứ như thế này, Yoshiko bé bỏng sẽ chết mất. Toshinori và người mẹ vợ già yếu thay nhau đút cháo nóng, giữ được tính mạng đứa bé.

Đến năm Yoshiko lên ba, khó khăn lại xuất hiện. Bà ngoại cô bé đuối sức trong việc chăm cháu, lâm bệnh rồi mất. Người cha phải đi làm nên đành gửi Yoshiko cho bà lão hàng xóm. Toshinori ra sức đi làm kiếm tiền nhưng không thể nào lo đủ tiền công cho bà lão. Vì vậy, bà lão không chăm sóc cô bé kỹ càng khiến cô bé ngày càng suy nhược, hết như đứa bé mà hai anh em Tōri từng chứng kiến.

“Anh ơi, em thật xin lỗi nhưng em không còn nơi nào để nương tựa...” Người em trai nhìn đói nhìn khát, lặn lội từ Uruga xứ Sagami xa xôi trong gió lạnh bật khóc nức nở. Tōri tức giận quát: “Sao không dẫn theo con bé đến đây?”

Ngay lập tức, người em trai quay lại Uruga, cũng Yoshiko đang thoi thóp đến Sano. Lúc ấy đang tháng Mười một, trời mùa đông. Yoshiko ba tuổi trông thật bi thảm. Chẳng biết được cho ăn gì mà cô bé đi chầy nhiều ngày liền, bụng phình to như cái trống, đầu đầy vảy và chảy rịn.

Tōri bắt đầu chăm sóc đứa cháu gái ba tuổi đang thoi thóp sắp chết ấy. Toshinori quay về Sagami. Từ đó, Tōri xây dựng cuộc sống ở Sano như thế. Dân làng rủ nhau dốc sức “làm cho tiên sinh Nakane cái am”. Họ dựng một túp lều tranh nhỏ Bắc – Nam chừng hai gian rưỡi, Đông – Tây chừng ba gian, đặt tên Chishōan (Tri Tùng am). Cái am thô sơ, cửa sổ yếu ớt, đến cánh cổng ra vào cũng chẳng có. Nhưng Tōri đã vừa nuôi dạy Yoshiko vừa dạy học cho dân làng ở đó.

Những hôm trời đẹp, có thể nhìn về hướng Sagami ngắm núi Phú Sĩ. Chàng đặt Yoshiko bé nhỏ ngồi trên đầu gối mình và nói: “Chỗ đó là quê mình.”

Trong khoảng thời gian này, chàng đã thử viết lên vách nhà những điều ghi nhớ dành cho học trò đến học.

“Người tiều phu lên núi, ngư ông xuống biển, mỗi người đều phải tận hưởng niềm vui với nghề của mình.”

“Có người uống nước lã mà vui, có người mặc áo lụa mà buồn.” Nói vậy nhưng lúc ấy Tōri đã năm mươi ba tuổi. Chẳng biết cái chết sẽ đến lúc nào?

“Nếu mình chết... Yoshiko sẽ ra sao? Liệu con bé có bị những cơn sóng buồn bã nhấn chìm khi chỉ còn lại một mình trơ trọi giữa thế gian?” – Tōri nghĩ đến điều đó. Và thế rồi, thỉnh thoảng chàng nảy ra một ý. “Hãy chờ trăng lên. Đừng đuổi theo những cánh hoa rơi.” – Tōri viết thêm lên vách.

Ngày 7 tháng Hai năm Meiwa 2 (1765), Tōri qua đời, thọ bảy mươi hai tuổi. Ông không để lại thứ gì đáng gọi là di vật, cả những bản thảo quý báu cũng không còn. Chỉ mỗi tập sách *Tan ngōa* (Gạch mới) rơi ra từ tấm khăn vải *furoshiki*.

Đệ tử mở ra xem thì thấy trong đó là những bài văn thơ Hán tự, về tiểu sử và hành trình đến Sano của người cháu gái Yoshiko. Những tinh hoa trong tư tưởng của Tōri đã được chuyển tải bằng những câu chữ đơn giản nhất để cho cô cháu gái bốn tuổi có thể đọc hiểu. Thi sĩ thiên tài này chỉ để lại trước tác duy nhất cho người cháu và rời khỏi cõi đời. Trong tập sách còn có những bức tranh màu do chính Tōri vẽ chim muông.

Sau đó, Tōri dần bị lãng quên. Những đệ tử từng được ông dạy học ở Shimotsuke cố gắng tìm kiếm, thu thập lại những bản thảo quý giá của Tōri. Hay tin ở đâu có bút tích của ông là họ tìm đến ngay dù chỉ là mảnh giấy vụn. Nhưng dấu tích của chàng Nho sĩ thanh bần chẳng còn được bao nhiêu.

Cuối cùng *Tōri di cảo* cũng được xuất bản với số lượng ít ỏi. Sau đó, tuy đã thử tái bản nhiều lần nhưng không thành. Một trăm năm sau khi Tōri mất, *Tōri ngoại tập* mới được ấn hành. Ngày nay, nếu

muốn đọc các tác phẩm văn chương của ông, ta có *Tōri di cảo giải* do Kumekawa Shinya biên tập. Quyển sách đã khiến Kumekawa mất nhiều công sức nhưng cũng chỉ được in với tư cách cá nhân nên số lượng cực kỳ ít ỏi. Khi tôi bắt tay viết bản thảo phần này, không một thư viện nào ở Tōkyō cho tôi mượn.

Nhưng chắc chắn một điều, Nakane Tōri đã hiện diện ở cõi đời này.

Nhà tư tưởng sớm nhận ra vũ trụ và chúng ta là một, rằng con người nên sống cuộc sống như thế nào ở thời đại còn chưa biết đến sự tồn tại của nguyên tử, phân tử, đã sống bình dị như thế tại một ngôi làng hẻo lánh.

Và ông đã sống trong ký ức ngôi làng hai trăm năm mươi năm. Người dân Sano không hề quên Tōri. Ông lão tôi tình cờ gặp trên đường ở Sano đã ân cần chỉ tôi: “Tiên sinh Tōri đã sống ở ngôi chùa đằng kia.” Ông còn nói thêm bằng một vẻ kính cẩn như đang nói về một điều quý giá, thiêng liêng: “Tiên sinh thật sự là một người vĩ đại.”

Ōtagaki Rengetsu (1791 – 1875)

L

Ông nhân từ của con người đến từ đâu? Khi nghĩ đến người phụ nữ sống vào cuối thời Mạc phủ này, tôi không ngừng tự hỏi mình như thế. Đó là Ōtagaki Rengetsu (Đại Điền Viên Liên Nguyệt).

Bà chào đời hoàn toàn không hạnh phúc. Chưa từng thấy mặt cha, thậm chí cũng không rõ có từng gặp người mẹ đã sinh ra mình lần nào hay chưa. Cho đến nay, cả họ tên cha mẹ bà cũng không được xác định rõ ràng nên khi viết về bà thì bắt đầu từ đâu là một khó khăn đối với tôi.

Nhưng chắc chắn một điều: đêm 30 tháng Giêng năm Tenmei¹ 8 (1788) đã xảy ra một trận hỏa hoạn cực lớn “kể từ thời loạn Ōnin”² ở Kyōto. Trận hỏa hoạn này được xem là một sự kết nối nhỏ nhỏ dẫn đến sự ra đời của bà. Ngọn lửa thiêu rụi Kyōto ba ngày ba đêm đã sinh ra bà.

¹ Thiên Minh: niên hiệu trong khoảng thời gian 1781 – 1789.

² Loạn Ōnin (Ứng Nhân) là cuộc chiến kéo dài từ 1467 ~ 1477.

Tất cả bắt đầu từ một cuộc cãi vã nhỏ giữa đôi vợ chồng nọ. Sáng hôm đó, bên bờ Đông dòng sông Kamo, ở căn tiệm phía sau Dongurizushi, phố Miyagawa, hai vợ chồng lờ qua tiếng lại và hát đồ chầu lửa gây nên đám cháy.

Ngọn lửa nhanh chóng thiêu rụi dãy nhà Dongurizushi, tia lửa theo cơn gió lớn vượt sông Kamo, lan rộng với tốc độ kinh hoàng. Đến chiều thì thành Nijō cháy rụi, ngọn lửa cháy phừng phực cả đêm đe dọa cả cung điện Gosho. Quân lính triều đình vội vã đưa Thiên hoàng đi lánh nạn trong rừng Shimogamo gần đó. Về sau, người ta gọi đó là đám cháy Donguri-yake. Ở Kyōto từng xảy ra nhiều vụ hỏa

hoạn nhưng chưa từng bị thiêu rụi như thế. Thời loạn Ōnin cũng từng vài lần nhưng chỉ cháy rỉ rả kéo dài, sự biến Cổng Hamaguri với “đám cháy súng” cuối thời Mạc phủ cũng không đến mức này.

Trận hỏa hoạn Donguri-yake này đã thiêu hủy toàn bộ Kyōto. Có thể thấy ngôi tháp phía xa của chùa Tōji và đại sảnh đường của chùa Nishi Honganji còn sót lại trong đám cháy là nhờ các môn sinh đã đánh đổi cả tính mạng tạt nước dập lửa. Những người thoát nạn bắt đầu cuộc sống tạm bợ bên bờ sông Kamo. Trời lạnh kinh hoàng. Mọi người bắt đầu than khóc và chờ đợi chút cháo bổ thí dành cho người bị nạn.

Một bài hát buồn thảm ghê người trở nên thịnh hành ở Kyōto hoang tàn. Những đứa trẻ, vừa tung những quả cầu vải temari vừa hát: “Mới đầu năm con khi, vua đã phải gặp khó. Đáng thương thay những người đã chết... Tháp chùa Tōji xa xa kia. Còn đây là dấu tích cổng chùa Honganji. Kyōto chín vạn chín ngàn nhà, thành tro tàn hết tám vạn tám ngàn căn. Cây dẻ hai mươi năm, nay thành gỗ dựng xây.” Những cây hạt dẻ được trồng hai mươi năm ở Kyōto, nay được đốn hạ để xây lại kinh thành. Rengetsu chào đời vào khoảng thời gian tái dựng này.

“Kinh thành gặp hỏa hoạn, cung Gosho lẫn biệt dinh của các *daimyō* đều cháy rụi. Người ta xây dựng lại nhà cửa, những *samurai* bậc cao đều thượng kinh. Những lúc rảnh rỗi, họ tìm vui khắp chốn. Vì thế, những đứa trẻ chào đời.”

Phụ nữ kinh thành vốn thành thạo đàn *shamisen*, múa lại đẹp. Nhà nào trong phố có con gái đều dốc lòng dạy con những môn này để gửi đến những buổi tiệc đàn ca, “kiếm tám chồng” giàu sang, địa vị.

Thật ra, sau trận đại hỏa hoạn, người dân Kyōto không còn phương tiện kiếm sống. Vì vậy, ngay cả những cô gái trẻ con nhà trâm anh những tưởng không liên quan gì đến giới ca kỹ cũng tìm đến chốn này. Người ta nói cũng hơn ngàn người.

Mẹ của Rengetsu là một trong số những người như thế.

Bà biểu diễn ở khu phố Sanbongi, gần cung Gosho. Đây được xem là khu ca kỹ nổi tiếng với những vị khách giàu có, quyền lực bậc nhất Kyōto. *daimyō* khắp các phiên xứ thường xuyên hội họp nơi này, quan lại triều đình cũng lui tới vui chơi. Thậm chí thân vương hoàng tộc cũng bí mật tìm đến. Khách quen mặt vì vậy khá đông, lại tiêu xài hào phóng.

Sau trận hỏa hoạn Donguri ít lâu, một chàng *samurai* trẻ tuổi, phong mạo ngời ngời xuất hiện ở Sanbongi. Chàng trai trẻ được gọi là “Tsudō han” thuộc dòng tộc Tōdō, phiên Tsu từ Iga Ueno lên kinh. Đến nay cũng không rõ chàng ta tên thật là Shinshichirō hay Kinshichi.

Lúc trước, Sugimoto Hidetarō¹ đã từng tìm kiếm cha ruột của người phụ nữ tên Rengetsu và tôi cũng đã tra tìm nhiều tài liệu để tìm câu trả lời đó khi viết phần này. Mạnh mối chỉ là lời kể của người con của nhũ mẫu của Rengetsu: “Máu mủ của ngài Tōdō Kinshichirō, chủ thành Iga Ueno.”

¹ *Sugimoto Hidetarō (1931 – 2015): nhà phê bình văn học.*

Thư viện Quốc lập Quốc hội ở Tōkyō chỉ lưu trữ một quyển gia phả chi tiết dòng tộc Tōdō. Tập phả hệ được in với tư cách riêng tư trong gia tộc, gọi là Tōdōsei shokatō kafushū (Đăng Đường tính chư gia đẳng gia phả tập) do Hayashi Izumi biên soạn. Trong này không có cái tên Tōdō Kinshichirō, nhưng có tên Tōdō Kinshichi và Tōdō Shinshichirō. Rengetsu chào đời tháng Giêng năm Kansei 3 (1791), suy ra thời gian trong bụng mẹ khoảng tháng Ba năm Kansei 2, vậy phải tìm người đàn ông mang họ Tōdō từng lên kinh khoảng thời gian này. Tôi đã thử tìm kiếm sự thật nhưng không có dữ kiện nào rõ ràng.

Tōdō Kinshichi là biệt danh của phiên đầu Tōdō Shikibu với 3.000 *koku*. Tōdō Shinshichirō là người em rể. Cả hai đều là trọng thần trong phiên nhưng không có tài liệu ghi chép nào cho biết hai người từng đi Kyōto khoảng năm Kansei 2 (1790). Năm này, có người tên Tōdō Kyūbei được phái lên kinh nhưng vào khoảng tháng Mười

một, nên có lẽ không phải là cha của Rengetsu. Tôi cho rằng “Tōdō Kinshichirō” là một sự nhầm lẫn giữa hai cái tên Kinshichi và Shinshichirō. Có thể người ta đã nghe nhầm “Shinshichirō” thành “Kinshichirō”. Nhưng dù gì đi nữa, người ta truyền rằng cha của Rengetsu là người trong dòng họ Tōdō. Nếu đúng vậy thì bà mang trong mình dòng máu của một dòng họ nổi tiếng.

Cứ cho là Tōdō Shinshichirō thì đây là dòng họ được nhận bổng lộc lên đến 5.000 *koku*. Tên thật của Shinshichirō là Yoshikiyo, có ông tổ là Shinshichirō Yoshikatsu, em họ của phiên chủ đời đầu Tōdō Takatora. Yoshikatsu nổi tiếng là một dũng sĩ trong trận chiến Sekigahara (1600) khi tấn công và đánh bại gyōbu (hình bộ) Ōtani Yoshitsugu. Ông tổ này lại không màng danh lợi, chỉ biết một lòng chiến đấu vì Takatora. Takatora đã ban thưởng cho Yoshikatsu vì chiến công đó 10.000 *koku* nhưng ông cũng không nhận, 20.000 cũng nhất quyết chối từ khiến Takatora tức giận mà hạ xuống còn 5.000 *koku*. Cũng nên kể thêm, thi hào haiku Matsuo Bashō (1644 – 1694) vốn là gia nhân nhà Shinshichirō. Nhà Shinshichirō vốn chuộng món ngon tinh tế từ nhiều đời và Bashō vốn là đầu bếp trong nhà.

Tôi xin phép tiếp tục câu chuyện với giả định cha của Rengetsu là Shinshichirō.

Ngày nọ, Shinshichirō được người quen dẫn đến phố ca kỹ. Thời gian đó, người đại diện nhà Tōdō ở Kyōto là Taki Yoemon.

Căn nhà của dòng họ Tōdō ở Kyōto là phần đất nhà cũ của Furuta Oribe nằm ở Shijō Horikawa vốn đã bị cháy trong trận hỏa hoạn. Taki nhanh chóng quét dọn tro bụi, vây rào khu đất nhưng cũng mất nửa năm để dựng lại dãy nhà và cổng. Và còn mất nhiều thời gian hơn để xây gian chính. Phiên sĩ ở Ise Iga ở lại Kyōto rất nhiều. Và có lẽ Shinshichirō là một trong số đó. Hẳn Taki đã muốn tiếp đãi chàng trai trẻ gánh trọng trách của phiên đang buồn chán này thật nồng hậu. Với dòng dõi quý tộc của một danh môn trong phiên, chắc hẳn Shinshichirō đã được người hầu đón tiếp cực kỳ chu đáo.

Hồng lâu Sanbongi có chút khác biệt là không có du nữ túc trực thường xuyên. Họ chỉ gọi các geisha bên ngoài. Ở Sanbongi, khi khách ngồi vào ghế, trước khi món ăn được dọn lên thì người phục vụ sẽ hỏi: “Quý khách có muốn gọi cô nào quen thuộc không ạ, chúng tôi sẽ cho gọi ngay lập tức.”

“Ta không có ý đó.” – Dù Shinshichirō nói vậy nhưng người phục vụ vẫn sẽ đưa ra một danh sách các cô geisha và gợi ý “Cô này được đấy ạ”.

Và thế rồi, nàng geisha xinh đẹp kéo cánh cửa lụa bước vào, mắt chạm mắt với Shinshichirō. Có thể nói mọi thứ bắt đầu từ đây.

Shinshichirō thường xuyên lui tới gặp gỡ nàng. Có thể nói đó là tình yêu. Nhưng bấy giờ Shinshichirō hai mươi bốn tuổi đã có vợ xuất thân gia tộc Tōdō, lại đang mang trong mình giọt máu của chàng. Nhưng tình yêu của Shinshichirō mạnh mẽ đến mức như thối bay những suy nghĩ thấu đáo, phải trái. Và nàng geisha cũng mềm lòng trước tình cảm ấy, nàng mang thai.

Không cần phải giải thích, đứa bé chính là Rengetsu. Mùa xuân năm Kansei 2, Shinshichirō bắt gặp nói với nàng geisha: “Ta là con của một người thiếp.”

Sự thật đúng là vậy. Mẹ của Shinshichirō là thiếp của cha chàng, cùng sống với chánh thất nhiều năm nay. Nhà ngoại Shinshichirō có họ là Kanazawa nhưng chỉ là hậu duệ của gia nhân một phiên sĩ, tức gia nhân của gia nhân. Từ nhỏ, Shinshichirō đã cảm nhận được sự phân biệt trong địa vị, xuất thân thấp kém của mẹ mình.

Khi biết nàng geisha mang trong người giọt máu của mình, Shinshichirō trở nên dao động. Biệt dinh Kyōto của nhà Tōdō đang dần hoàn thiện. Công cuộc tái dựng cung Gosho cũng đang tiến triển.

“Khi xây nhà xong, công việc ở Kyōto kết thúc, phải trở về Iga. Lúc ấy, ta phải làm sao với nàng và đứa con?”

Không rõ sau đó, Shinshichirō và người phụ nữ ấy đã trao đổi với nhau ra sao. Chỉ rõ ràng một điều là sinh linh mới hình thành, sẽ chào đời nay mai, tức Rengestu, trở thành nỗi phiền toái đáng hắt hủi của hai người họ.

Shinshichirō viếng đến Yamazaki Tsune-emon, một *samurai* ở chùa Chion. Yamazaki xuất thân nông dân ở Tottori, xứ Inaba, lang bạt đến kinh thành, vất vả lắm mới trở thành người gác cổng chùa Chion.

Yamazaki ba mươi lăm tuổi, lớn hơn Shinshichirō những mười tuổi nhưng địa vị khác xa nhau một trời một vực. Yamazaki chỉ là một “*san koku san*”. Ở Kyōto, người ta gọi những *samurai* công gia hay trong chùa chiền mà tiền công chỉ có 3 *koku* như vậy. Công việc của *san koku san* là phục vụ chủ. Trang phục trên người chỉ một tấm áo mỏng manh. Có người phải tiểu tiện lên chân mình để làm ấm chân vào những ngày đông lạnh giá ở kinh thành. Có những *samurai* với thân phận bi thương như thế.

Một Tsune-emon thấp hèn như thế lại quen biết một Shinshichirō cao quý 5.000 *koku* là nhờ cờ vây. Điều này được ghi chép rõ ràng. Tsune-emon được biết đến như một danh thủ cờ vây.

Nghe tiếng đồn, Shinshichirō đã nhiều lần mời Tsune-emon “cùng chơi cờ vây”. Những nước cờ của Tsune-emon thật sự thượng thặng, thanh nhã. Cuộc đấu cờ thông thả khi nhìn vẻ mặt nồng hậu của đối phương quả thật đáng tận hưởng. Shinshichirō không sao quên được cảm giác dễ chịu đó.

“Hắn anh ta sẽ giúp được mình.” – Shinshichirō mơ hồ nghĩ vậy. Một suy nghĩ khá ích kỷ nhưng làm được vậy là nhờ Shinshichirō có dòng dõi cao quý.

“Ta có việc muốn nhờ anh.” – Tsune-emon thật đáng thương khi bị đề nghị đột ngột như vậy. “Ta đã làm một người phụ nữ mang thai. Hãy giúp ta chăm sóc nàng ấy. Ta sẽ không để anh thiệt thòi.”

Một đề nghị quá đáng đổ xuống đầu Tsune-emon khiến chàng bối rối.

Nhưng khi khoanh tay suy nghĩ, dần dần chàng thấy thật đáng thương. Không phải đáng thương cho Shinshichirō mà cho đứa bé còn chưa chào đời.

Nghĩ đến đó, Tsune-emon buột miệng nói như phản xạ: “Tôi hiểu rồi. Hãy để tôi nhận đứa bé.” Quyết định đó của Tsune-emon thật không tầm thường chút nào. Có thể nói, chẳng có phiền toái nào hơn việc này cả.

Cái bụng của nàng geisha ngày càng lớn, đứa bé có thể chào đời bất kỳ lúc nào. Lúc ấy cần có sữa cho nó. Tsune-emon chạy quanh tìm nhũ mẫu.

Tsune-emon là *samurai* chùa, lại ở cấp bậc thấp nhất, khoảng thời gian cuối năm sau tiếng chuông chùa đón giao thừa đến khi dọn hai cây thông *kadomatsu* ngày Tết là lúc bận rộn nhất. Tsune-emon xoay như chong chóng để làm công việc trong chùa. Chàng chỉ có thể tranh thủ thời gian rảnh để ngược xuôi tìm người phụ nữ có thể cho sữa.

Thời này, người ta cho rằng nhũ mẫu phải là người có đạo đức, tâm tính tốt. Tâm tính của người cho sữa được truyền cho đứa bé qua dòng sữa, ảnh hưởng đến nhân cách của đứa bé về sau. May mắn là Tsune-emon tìm được nhũ mẫu ngay. Đó là vợ của người có tên Takahashi sống ở phía Bắc con đường nhỏ băng qua cánh cổng cũ của chùa Chion, phía Tây Kobori. Người này vừa sinh con gái, sữa ra khá nhiều.

Tsune-emon nhờ người này làm nhũ mẫu. Chàng vốn là người chu đáo nên chuẩn bị trước mọi thứ rồi mới đi nhận đứa bé.

Đứa bé ấy ra đời ở một góc phố ca kỹ Sanbongi, vào giờ Dần (khoảng bốn giờ sáng) ngày 8 tháng Giêng năm Kansei 3.

Tsune-emon chạy dọc bờ sông Kamo, đến Sanbongi nhìn mặt đứa bé đang nằm trên đồng rơm. Một đứa bé gái sáng rực rỡ. Người trong phố Sanbongi bàn tán: “Con bé sinh ngay bát nhật tháng Giêng, thật là điềm lành, tương lai hẳn rộng mở như chữ “bát 八” thôi. Con gái mà sinh vào giờ Dần thì chắc là dũng mãnh lắm đây.” Người xứ kinh đô cực kỳ mê tín. Đặc biệt rất xem trọng tuổi tác can chi, đến cả phố ca kỹ cũng đầy rẫy những kiêng kỵ, hên xui, lành dữ. Nào con gái tuổi Dần có tướng sát phu, nào nam tính vân vân. Họ rỉ tai nhau những điều đó như thể chính xác một trăm phần trăm. Chính vì vậy, tuy không biết rõ tên người mẹ nhưng ngày tháng năm sinh của cô bé thì được biết rất rõ.

“Giờ Dần ngày 8 tháng Giêng năm Kansei 3 (1791).” Vậy còn tên thì sao? Tsune-emon nghĩ mãi và rồi cuộc, gọi cô bé là Onobu (Thành).

Mẹ đẻ cô bé cho bú được mười ngày rồi biến mất. Không biết từ đâu nhưng nghe đồn bà đi làm dâu nhà *samurai* ở Kameyama cách đó một ngọn núi.

Đó là câu chuyện xuất thân của Rengetsu. Cô bé bắt đầu cuộc đời từ việc bị cả cha lẫn mẹ bỏ rơi.

Ngay từ lúc còn đỏ hỏn, Onobu đã có khuôn mặt đầy nam tính, mạnh mẽ. Sống mũi thẳng, cặp mắt long lanh cùng làn da trắng ngần. Ai cũng cho rằng lớn lên, nhất định cô bé sẽ là một trang tuyệt thế giai nhân.

“Thật hiếm có đứa bé nào lại toát lên khí chất từ bé như vậy.” Mọi người cùng trầm trồ và chuyền tay nhau bế đứa bé. Nhưng Tsune-emon thấy trong lòng thật phức tạp. Dù có khuôn mặt nam tính đi nữa nhưng đứa bé được chàng đặt tên Onobu kia dù sao vẫn là đứa bé gái. Chàng không ngừng nghĩ bụng nếu đó là đứa bé trai thì có phải tốt biết bao nhiêu không. Nếu thật sự đứa bé là con trai, hẳn nó đã không phải chịu cảnh đời thế này. Dù là con của tì thiếp đi nữa nhưng nếu là con trai, hẳn nó sẽ được dòng tộc Tōdō cha ruột mình nhận nuôi. Gì thì gì, cha ruột của Onobu cũng là một đương chủ 5.000 *koku* được nhắc đến trong bài đồng dao “Tōdō

Shinshichirō và Genba xứ Iga Ueno. Đầu tóc búi cao với 5.000 *koku* cơ mà.

Tōdō Takatora là taishu¹ 320.000 *koku* xứ Anotsu Ise, sau trở thành *daimyō* là nhờ công rất lớn của hai người anh em họ, Shinshichirō và Genba. Hai người họ có phong cách khác thường là búi tóc bằng rơm như *ashigaru*² và tả xung hữu đột ở chiến trường dù địa vị cao đến bậc 5.000 *koku*. Shinshichirō cầm cờ chuyển pháp luân, Genba cầm phướn, cả hai cùng phát cờ xông vào hàng ngũ địch. Nhờ vậy, Takatora thắng trận nhưng hai người anh em bất chấp tính mạng để chiến đấu thì hi sinh anh dũng. Và cha của Onobu là Shinshichirō đời thứ sáu.

¹ *Đại thủ: một chức quan quản lý ở địa phương.*

² *Túc khinh: quân lính cấp bậc thấp.*

Không biết có phải vì vậy không mà ánh mắt đứa trẻ trước mặt Tsune-emon như có ánh sáng mạnh mẽ trú ẩn. Nhưng đứa bé là con gái.

“Phải nhận đứa bé làm con nuôi.” – Tsune-emon đã chuẩn bị tinh thần như thế. Dù là *samurai* phục vụ trong chùa nhưng cuộc sống của chàng không dễ thở chút nào, liệu có nuôi được đàn hoàng không? Theo lẽ, người ta sẽ đòi tiền phụ dưỡng nhưng Tsune-emon là người tốt bụng, không suy tính thiệt hơn.

Tsune-emon vốn là nông dân vùng Tottori, Inaba. Nhưng ngày nọ, cha chàng cho xem quyển gia phả cũ kỹ Hệ đồ tộc Ōtagaki. Cha chàng giải thích: “Thật ra, nhà ta là một trong tứ thiên vương nhà Yamana, hậu duệ của Ōtagaki, quan trấn thủ xứ Tajima. Dòng dõi chủ thành, nay vẫn còn di tích thành ở Takeda, Tajima.”

Yamana từng giữ một trong bốn chức của nhà tướng quân thời Muromachi, tức gia lão của Ashikaga. Một thời họ từng chiếm lĩnh một phần sáu lãnh thổ Nhật Bản nên còn được gọi là “tướng quân một phần sáu”. Với dòng dõi thành chủ như thế, có trở thành

daimyō cũng là chuyện bình thường ở đời. Tsune-emon thật sự kinh ngạc.

Trong khi đó, bốn người con trai của Tsune-emon đều lần lượt chết sớm. Nỗi đau của Tsune-emon không gì tả nổi khi những đứa trẻ ra đi lúc còn đỏ hỏn. Ngày vợ mang thai đứa con thứ năm, Tsune-emon thành linh tuyên bố: “Cuộc đời như thế này chỉ có một. Nếu cứ làm một nông dân tầm thường thế này ta sẽ hối hận cả đời. Ta phải làm quan, phụng sự như một *samurai*. Chỉ cần ta lập thân xuất thế, sẽ lo được cho vợ con.” Chàng nghĩ rằng mình đã có số phận không may mắn, nếu cứ ở trong nhà thì con cái sinh ra đều chết cả. Có thể nỗi lo lắng mơ hồ đó đã khiến chàng hành động. Tóm lại, chàng nói vậy với người vợ đang bụng mang dạ chửa, ôm cuốn gia phả trong người rồi bỏ nhà ra đi. Trước tiên, chàng tìm đến sơn thành của tổ tiên, tìm dấu tích nơi ấy và thăm viếng họ hàng còn lại ở Tajima, sau đó lên kinh.

Có thể nói, thật buồn cười khi chỉ xem qua cuốn gia phả cũ kỹ mà Tsune-emon chất phác quyết định hành động như thế. Chưa kể, chàng ta còn nhầm cả họ của tổ tiên. Lẽ ra nếu viết Hán tự thì phải là “Thái Đa Viên” nhưng không biết có phải trong gia phả viết nhầm hay không mà chàng nghĩ họ của mình là “Đại Đa Viên”. Và cứ thế tự xưng là “Ōtagaki” với chữ Đại (大), không có dấu chấm như chữ Thái (太). Tsune-emon và cả Rengetsu về sau cũng rất trân quý họ Ōtagaki này, trên mộ dòng họ lẫn mộ Rengetsu đều khắc rõ.

Chính vì bản tính chất phác đó mà Tsune-emon đã đành nhận đứa bé gái làm con nuôi khi được ông chủ trẻ Tōdō ra lệnh dù có thưa: “Làm sao một người thân phận thấp hèn như tôi lại có thể chăm sóc quý tiểu thư của ngài được chứ” (theo Ni cô Rengetsu toàn tập).

Vào thời này, để trở thành *samurai*, chỉ có lên kinh đô Kyōto là dễ dàng nhất. Trong Mạc phủ hay các phiên thì hiếm khi nhận *samurai* mới nhưng chỉ cần lên Kyōto, nhà công gia, đền thờ, thiền viện môn tịch nghèo nhưng quyền thế dưới trướng Mạc phủ nhiều như nấm. Chỉ cần những người có quyền lực này nói “ta nhận người làm gia nhân” thì có thể trở thành *samurai* về mặt hình thức. Trở thành *samurai* rồi được mặc *hakama*, áo khoác *haori* và giắt hai thanh

gương bên mình. Có điều, lương bổng thì cực kỳ ít ỏi, hoặc thậm chí không có đồng nào. Hoặc có khi còn ngược lại, phải dâng tiền để được nhận làm gia nhân. Công gia, quan lại ở Kyōto hầu hết đều nghèo nên không ít nhà làm vậy để kiếm chút tiền tiêu.

Tsune-emon lên kinh cũng đã được ba năm, sau những cố gắng trả bằng mồ hôi và cả máu, cuối cùng chàng kiếm được một chân terazamurai ở chùa Chion và được giắt hai thanh gương bên mình. Tuy nhiên, với lý do “chùa Chion có mối liên hệ với hoàng tộc nên không thể nhận người không có liên hệ gì”, chàng buộc phải từ bỏ họ Ōtagaki của mình, trở thành con nuôi nhà Yamazaki mới được phục vụ trong chùa.

“Mình muốn chấn hưng dòng họ Ōtagaki trở thành nhà *samurai* lần nữa.” – Tsune-emon chỉ nghĩ vậy nên dù đã trở thành *samurai* nhưng niềm vui nửa phần. Tsune-emon chỉ là một nông dân nên cả tên họ hẳn chẳng đáng quan tâm nhưng thâm tâm chàng hoàn toàn dành cho cái họ Ōtagaki.

Vào những năm Kansei này, dân chúng khắp nơi đều xem trọng danh gia, và bắt đầu có ý thức của người *samurai*, tìm về với cội nguồn, tổ tiên xa xưa. Trong số đó, có người lên tận kinh thành để tìm kiếm cơ hội trở thành *samurai*. Có thể nói, biến động thời thế như vậy trong xã hội Tokugawa kéo dài đến thời Minh Trị Duy tân và không quá lời khi nói rằng Tsune-emon là người báo hiệu cho biến động đó.

Vốn dĩ Tsune-emon không phải là người tham lam vật chất, và trọng nghĩa tình. Khi trở thành *samurai*, chàng giữ lời hứa khi xưa, gọi vợ con lên kinh. Thời gian chàng rời quê nhà, đưa con thứ năm tên Sennosuke đã chào đời và lớn lên bình an. Nghe nói “có hộ tịch ở kinh thành”, chị chàng cũng lên theo. Tsune-emon trở thành trụ cột trong gia đình gồm vợ, chị, con trai Sennosuke, sau đó còn gọi cả mẹ già từ Tottori lên.

Onobu đã được nhận vào một gia đình như thế. Cô bé bú sữa nhũ mẫu, chóng lớn, sớm biết bò. Từ bé, chuyển động cơ bắp đã không

phải tầm thường. Mùa hè đến, cô bé được tám tháng tuổi, người tròn mồm mĩm.

Thời đại này, cứ bốn đứa trẻ mới sinh thì một đã chết sớm trong năm đầu tiên. Ở chốn kinh thành như Kyōto, những căn bệnh dịch thường cướp đi sinh mạng của nhiều người, số những đứa trẻ trưởng thành cũng chỉ được một nửa. Bốn trong năm người con của Tsune-emon cũng vậy nên chàng rất lo cho số phận của Onobu nhưng nay chàng tin rằng “con bé sẽ trưởng thành”. Tsune-emon yên lòng và quyết định viết thư cho ông chủ trẻ xứ Iga Ueno để báo tin này.

Ngay sau đó, Tsune-emon bất ngờ được sư trụ trì chùa Chion gọi lên. Trong phòng sư trụ trì, Tsune-emon ngồi thu mình trước Koyama, Iwanami, Takeda và các vị sư có chức sắc trong lịch sử chùa, nghe đọc một lá thư thật trịnh trọng: “Phong làm *gofudai* (ngự phổ đại).”

Cuối cùng rồi Tsune-emon cũng trở thành một *samurai* thực thụ. Chắc hẳn ông chủ Tōdō đã có lời ngợi khen chàng. Trở thành *fudai*, tức từ nay về sau, con cháu chàng vĩnh viễn có địa vị *samurai* ở chùa Chion và nhà nhà Tsune-emon đã trở thành một võ gia danh chính ngôn thuận.

Chùa Chion, ở một nghĩa nào đó, là một ngôi chùa đặc biệt. Chùa có mối liên hệ mật thiết với Mạc phủ đến mức được xem như là một nơi dành cho Tokugawa ở Kyōto. Có thể nói gia tộc Tokugawa lần đầu tiên được cả nước biết đến cũng là do chùa Chion. Ông tổ Matsudaira của Tokugawa một nhà sư niệm Phật (Tịnh Độ tông) lưu lạc tên Tokunami. Đời cháu Tokunami đã mời sư trụ trì chùa Chion đến xây ngôi chùa bồ đề của gia tộc, gọi là “Daiju (Đại Thụ)”.

Đại Thụ ở đây chỉ tướng quân. Từ khi ở vùng quê Mikawa, gia tộc này đã ôm ấp một tham vọng lớn. Bằng việc xây chùa Daiju, dòng họ Matsudaira vốn chỉ là một quý tộc nhà quê lâu nay, giờ đây bắt đầu được kính trọng như một gia tộc bảo vệ chùa Chion – tổng hành dinh của phái Tịnh Độ tông. Cũng có thể vì vậy mà con trai của gia chủ đời thứ tư Matsudaira Chikatada là Zongyū bất ngờ

nhận thánh chỉ của Thiên hoàng Gokashiwabara trở thành người đứng đầu chùa Chion đời thứ hai mươi lăm. Đây là sự kiện khởi đầu cho việc dòng họ Matsudaira trở nên nổi tiếng khắp nước và sau đó tám năm, Ieyasu thống lĩnh thiên hạ.

Sau khi nắm quyền toàn cõi, Ieyasu nhanh chóng cho xây lại chùa Chion ở mức độ hoành tráng hơn và đặt cứ điểm của Tokugawa ở Kyōto tại đây. Người đứng đầu chùa Chion được chọn từ hoàng cung và được đối xử như “do tử” (gần như là con nuôi) của tướng quân Tokugawa, thường được phái đi lại giữa Kyōto và Edo. Vì vậy, đến cả con nít kinh thành nhìn cánh cổng to lớn của chùa Chion cũng bàn tán: “Ngài Tokugawa theo dõi cấm lí (Thiên hoàng) từ trên cánh cổng đó. Nếu có gì lạ, ngài ấy sẽ phát cờ báo hiệu cho thành Nijō.”

Giếng nước chùa Chion nối liền với thành Nijō. – Điều này cũng được thiên hạ tin sái cổ. Không có gì vô căn cứ bằng việc này nhưng sự thật thì ninja của Tokugawa ở khắp hang cùng ngõ hẻm trong vùng. Cả mộ của Yamaoka Dōami, người chiêu tập ninja, dẫn dắt Ieyasu đi đến thắng lợi trong trận Sekigahara cũng nằm trong khuôn viên chùa Chion.

Chính vì vậy nên chùa Chion có mối quan hệ sâu sắc với nhà Tōdō. Kể từ thời phiên tổ Takatora, nhà Tōdō được ban cho vùng đất Iga – xứ sở của ninja, và theo dõi các *daimyō* phía Tây như một sự phục vụ trung thành đối với Tokugawa. Đây là một phiên nắm vai trò quan trọng giúp Tokugawa cai trị các phiên xứ phía Tây. Một *tozama daimyō* được Tokugawa trọng dụng đến mức này quả thật hiếm có. Và có thể nhà Tōdō đã nói gì đó về Tsune-emon. Và rồi cuộc, chàng trở thành *fudai* chùa Chion sau khi được chùa sửa lại danh phận từ một công bộc thấp kém.

“Ngài Tōdō đã nói “ta sẽ không để anh thiệt thòi” hẳn là việc này chẳng? Âu cũng là nhờ đứa bé này.”

Tsune-emon bế Onobu trên tay, cảm nhận ơn báo đáp. Con trai Sennosuke đã lên tám. Chẳng biết tự lúc nào, Tsune-emon và vợ

hết lòng yêu thương Onobu. Có thể nói được cặp vợ chồng có tình thương người sâu sắc này nuôi nấng là một hạnh vận của Onobu.

Onobu càng lớn càng khiến người lớn kinh ngạc. Không chỉ bởi dung mạo xinh đẹp nổi bật, thu hút ánh mắt của người xung quanh mà còn xuất sắc trong bất kỳ việc gì mà cô bé làm. Chỉ cần đưa một cây bút, cô bé sẽ viết chữ thật đẹp và đòi họ dạy chữ mới cho mình. Năm tuổi, Onobu bắt đầu viết văn, lên sáu tuổi thì bắt đầu làm thơ *waka* không thua gì người lớn. Tình cờ khu vực Fukuro trước cổng chùa Chion nơi Onobu sống là nơi lui tới của nhiều văn nhân.

Lúc trước, Ike no Taiga (1723 – 1776) lừng danh trong cả thi – thư – họa từng sống và múa bút ở đây. Còn dạo gần đây, có một lão nhân kỳ lạ tên Ueda Akinari (1734 – 1809) mới chuyển đến sống đối diện nhà Nho sĩ Murase Kōtei (1746 – 1818). Ông lão cũng hí hoáy viết gì đó thật khéo léo dù những ngón tay thô cứng, dị dạng.

“Tiên sinh Ueda có vẻ khó tính.” – Người lớn thì nói vậy nhưng thật ra với trẻ con, ông rất hiền từ. Mỗi lần chúng nhìn ông chăm chăm, Ueda lại cử động những ngón tay khó bảo của mình như cua bò để làm trò cho chúng xem. Biết Onobu làm thơ *waka*, thiên tài văn chương, tác giả của *Ugetsu Monogatari* (Vũ Nguyệt Vật Ngữ) mỉm cười hiền hậu và cẩn thận sửa cho cô bé. Không có cách giáo dục anh tài nào hơn thế. Chẳng mấy chốc, thi phú của Onobu tiến bộ hẳn lên.

Nếu chỉ vậy thì Onobu cũng chỉ là một người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng đáng ngạc nhiên hơn cả là Onobu rất yêu thích kiếm thuật. Kinh ngạc hơn nữa cô bé nhanh chóng đạt đến đẳng cấp cao. Cho người anh Sennosuke học kiếm thì chẳng biết tự khi nào cô bé Onobu nhỏ hơn tám tuổi lại đi theo, nhìn anh học. Về nhà, khi anh luyện tập bằng kiếm gỗ thì Onobu cũng bắt chước đánh gậy.

Tuy là con gái nuôi nhưng dù sao cũng là “tiểu thư” trâm anh mà Tsune-emon đang nhận giữ. Vì vậy mọi người nhanh chóng ngăn lại, sợ gây thương tích trên khuôn mặt xinh đẹp kia.

“Ôi, nguy hiểm quá! Con gái sao lại chơi mấy thứ đó.” – Người mẹ lên tiếng can ngăn nhưng Onobu không dừng tay. Cô bé phụng phịu chực khóc khiến Tsune-emon mỉm cười: “Vậy con chơi chút thôi nhé!” Tsune-emon buột miệng nói vậy thì ngay lập tức, Onobu nhướn miệng cười, nắm chặt ngay thanh kiếm gỗ. Từ đó trở đi, cô bé không rời thanh kiếm gỗ ấy. Tsune-emon dạy Sennosuke thì Onobu luôn đến bên, hô to “Ei! Ei!” thật dễ thương và vung kiếm gỗ.

Thời gian đó, dường như Onobu đã biết mình là con nuôi. Dù cô bé không còn phải xin sữa như lúc nhỏ nữa nhưng nhũ mẫu Takahashi vẫn đến chăm sóc cô, và vô tình hé lộ xuất thân của cô bé. Cũng có thể vì vậy mà Onobu luôn muốn học chung với anh trai khi anh được cha, Tsune-emon dạy. Cô bé luôn theo kịp những bài giảng của cha như để lấp những khoảng trống nào đó trong tâm hồn. Tsune-emon cũng cảm nhận được và âm thầm quan sát, rồi ông dạy cô bé những gì ông dạy cho Sennosuke, không chút phân biệt.

Sennosuke đã mười lăm tuổi, cắt tóc trước và làm lễ *Genpuku*¹ nhưng thể chất yếu ớt. Đến mức người ta hay bàn tán sau lưng chàng trai trẻ “đứa em gái không có kiếm cũng còn mạnh hơn”.

¹ Lễ Nguyên phục tức là lễ trưởng thành dành cho những thiếu niên ở độ tuổi 12 ~ 16 thời bấy giờ.

Lúc Onobu độ bảy tuổi, một *samurai* không quen biết tìm đến nhà Onobu ở trước cổng chùa Chion. Onobu lập tức cảm nhận được điều gì đó khác lạ, không giống bình thường. Đó là người hầu của cha ruột cô, chủ thành Iga Ueno.

“Onobu bây giờ ra sao? Ta muốn gặp con bé một lần.” – Người *samurai* truyền đạt lời của cha cô. Onobu không biết phải làm sao. Liệu cô có phải rời xa cha mẹ hiền từ? Với cô bé tuổi còn thơ dại, điều đó thật kinh khủng biết bao. “Em thật xấu hổ với thân phận mình bây giờ.” – Về sau, con của nhũ mẫu Takahashi đã kể lại Onobu nói vậy và “trốn đi đâu mất”.

Vì vậy, cuộc gặp gỡ người cha ruột được gác sang một bên. Thế nhưng, sau đó không lâu, tin buồn truyền đến.

“Ngày 2 tháng Tám vừa qua, ngài Tōdō Shinshichirō đã qua đời...” Cha ruột của Nobu đã qua đời ở độ tuổi ba mươi hai. “Chắc hẳn vì lâm bệnh nên cha đã muốn gặp mình trước khi chết nên mới sai người hầu đến. Vậy mà mình lại bỏ chạy. Mình đã làm một việc ác độc biết bao.” Onobu luôn hối hận về chuyện này. Có lẽ đây là vết thương lòng cả đời của cô bé. Sau này, khi đã trở thành Rengetsu, nàng tuyệt đối không nhắc đến chuyện này.

Người cha ruột qua đời khiến cuộc đời của Onobu cũng thay đổi to lớn. Nếu người cha thuộc dòng tộc Tōdō còn sống, hẳn Onobu đã có thể đi làm dâu nhà võ gia có cấp bậc cao quý. Cô bé lại tài sắc vẹn toàn, chỉ cần người cha ruột lên tiếng, mối hôn ước như gokarō (ngự lão gia) hay gojikisan (ngự trực tham) sẽ bay đến tới tấp. Cha nuôi, Tsune-emon cũng từng nghĩ đến tương lai của Onobu như vậy. Vậy mà, cha ruột cô bé đã mất đi, triển vọng đó cũng biến mất.

Cũng trong năm này, Tsune-emon trả lại họ Yamazaki vốn để xin việc cho chùa Chion, quay trở lại họ thật của mình là Ōtagaki. Tsune-emon đổi tên thành Ōtagaki Banzaemon Teruhisa, anh của Onobu là Sennosuke cũng làm lễ *Genpuku* và xưng tên Ōtagaki Mataichi Katahisa. Hai cha con họ cùng nhau phục vụ trong chùa Chion từ đó.

“Sẽ làm cho nhà Ōtagaki là võ gia.” – Rồi Tottori mười lăm năm, cuối cùng Tsune-emon cũng đã hoàn thành tâm nguyện.

Nhưng vấn đề chàng lo lắng vẫn là tương lai của Onobu. Ở tuổi lên tám, cô bé tinh thông võ nghệ, lại xuất sắc trong học vấn. Tsune-emon nay đã là Banzaemon Teruhisa chỉ mong mỗi một điều, có thể phát triển tài năng của Onobu và giúp cô có được hạnh phúc.

Kể từ khi cha ruột mất, Onobu cũng thay đổi. Tuy tính tình vẫn còn ngây thơ, trong sáng những khuôn mặt đã bắt đầu có nét thiếu nữ. Không có tài liệu ghi chép trong thời gian này, Onobu và cha nuôi Teruhisa trò chuyện những gì nên không rõ. Nhưng có thể tưởng tượng được đôi điều.

Có lẽ Onobu đã nói với Teruhisa về mẹ ruột rằng hẳn bà còn sống. Cô bé mạnh mẽ, quyết đoán. Sau cái chết của cha ruột, hẳn Onobu đã hỏi Teruhisa về mẹ ruột, đang ở đâu, làm gì. Cũng có thể cho rằng cô bé đã đề nghị được gặp mẹ ruột.

Lâu nay, Teruhisa hết lòng yêu thương Onobu nhưng trước những câu hỏi của cô bé, ông bắt đầu suy nghĩ cẩn trọng. Trước tiên, vấn đề là liệu có nên tiếp tục để cô bé sống chung một mái nhà với con trai ông, Katahisa, như lâu nay được không?

Onobu quá đẹp. Dù được nuôi như anh em trong nhà nhưng Onobu và Katahisa không cùng dòng máu. Có thể nghĩ đến chuyện để hai người kết hôn một khi Onobu mất đi hậu thuẫn của người cha ruột. Nếu không làm vậy, phải để Onobu rời khỏi nhà để bảo vệ cô bé khỏi tiếng đồn thổi ác ý của thế gian. Onobu sớm trưởng thành, tuy mới tám tuổi nhưng đã bắt đầu có nét thiếu nữ.

“Thật tiếc cho tài năng của con bé. Nếu biết cách nuôi dạy, chắc chắn sẽ lừng danh thiên hạ. Chưa kể, nuôi dưỡng trong một gia đình *samurai* quèn như mình thì thật không phải. Ít gì cũng phải để con bé phục vụ nhà *daimyō* cao danh nào đó để được nuôi dưỡng trong một môi trường rộng lớn hơn.” Sự thật đúng là vậy.

Mẹ ruột Onobu, sau khi sinh cô bé và để lại con cho người khác nuôi, đã đi làm dâu nhà quan ở Kameyama. Teruhisa gọi Onobu lại. Ông bắt Onobu ngồi thẳng lưng và nói với Onobu nhiều chuyện, nào chuyện mẹ ruột con đang ở Kameyama, nào nếu nghĩ chuyện tương lai thì cũng sắp đến lúc con nên đi phục vụ *okumuki*¹ nhà *daimyō* để mài giũa tài năng, nào ở nhà *daimyō* sẽ được học đủ các môn văn văn. Vợ Teruhisa, nuôi cô bé từ nhỏ đến nay, ngồi cạnh đó, mắt đỏ hoe.

¹ Chỉ khu vực bên trong, gia chánh trong nhà *daimyō*.

“Ở Kameyama có mẹ ruột của con. Vì vậy, con thử tìm đến thành Kameyama xem sao?”

Có thể đây là lời tuyên cáo tàn nhẫn đối với một cô bé chỉ mới tám tuổi. Thế nhưng, Onobu đã đối diện với số phận của mình.

“Có mẹ, có thể học được tất cả mọi thứ.” – Onobu đã lên đường tìm đến thành Kameyama với hai kỳ vọng đó.

Hoàn toàn không có tài liệu nào đề cập đến việc Onobu và mẹ ruột đã gặp nhau ra sao sau khi cô bé đến Kameyama. Thậm chí, không thể biết được hai người có thật sự gặp được nhau không. Rengetsu cũng không hề nhắc đến chuyện này trong suốt cuộc đời mình.

Khi vào làm *okumuki* trong thành Kameyama, Onobu say sưa học tập. Không chỉ làm thơ *waka*, cô bé còn học múa, may vá và các môn nữ công gia chánh, giỏi đến mức có thể chỉ dạy lại người khác. Lên mười, rồi mười lăm tuổi, dung mạo Onobu ngày càng xinh đẹp, quyến rũ.

“Với dung mạo như thế thì chẳng mấy chốc sẽ được bề trên sủng ái thôi.” – Chẳng mấy chốc đã có những lời bàn tán như vậy.

Thế nhưng, chẳng bao lâu, những lời bàn tán lại là: “Con gái thế không được rồi.” Có nghĩa Onobu quá nam tính.

Tóm lại, võ nghệ của Onobu thật sự đáng gờm. Nếu làm người hầu cho bề trên, chỉ cần học cách sử dụng *naginata*¹ là đủ vậy mà chỉ cần có thời gian rảnh, Onobu lại học kiếm thuật với cây kiếm gỗ. Chưa kể chẳng biết tìm được sư phụ ở đâu, nàng còn bắt đầu học *kusarigama*². Không lâu sau đó, cô bé đạt đến trình độ cao thủ có thể một nhát ném chùy, đoạn xích kêu leng xeng là trúng đích với độ sát thương cao. Chưa kể, Onobu thường hay quanh quẩn bên chuồng ngựa, và chẳng bao lâu đã chễm chệ trên lưng ngựa để học cách cưỡi ngựa.

¹ *Thế đao*: một vũ khí như cây giáo.

² *Tỏa liêm*: một đầu là liêm cắt cỏ, một đầu là quả chùy được nối với nhau bằng một đoạn dây xích bằng sắt.

Cuối cùng, Onobu học đến cách nhảy sào tre. Chẳng biết lấy từ đâu, Onobu luyện cách nhảy qua tường thành bằng cây sào tre.

“Cô ta hết như ninja nữ. Mặt mũi đẹp đẽ thế kia mà lại thật chẳng ra làm sao.” Những người hầu gái trong thành ai nấy đều lắc đầu ngán ngẩm.

Những năm cuối đời, khi đã rút lui về Kamigamo ở ẩn, Rengetsu vẫn điềm nhiên tuyên bố “Ta già thế này rồi nhưng chỉ cần một cây gậy ba xích (khoảng một mét) là đủ để ta bay qua hàng rào một gian (một mét tám) kia”.

Dù võ nghệ tài giỏi, hùng dũng thế kia nhưng khi làm những bài thơ trang nhã, hay chỉ cần ngồi im thôi, Onobu vẫn toát lên vẻ quý phái, cốt cách hơn bất kỳ ai.

Có lần được ra ngoài chơi vào ngày nghỉ, một sự cố đã xảy ra. Lâu ngày Onobu mới được đến Kyōto. Nàng cùng các bạn thân thiết thường ngày rủ nhau đi viếng chùa Kiyomizu và ngắm lá đỏ. Nào ngờ bốn, năm người đàn ông say rượu, thô lỗ tiến đến. Onobu và các bạn chỉ mới có linh cảm không hay thì một trong số họ dang rộng tay, ngăn không cho nàng và các bạn đi qua. Sau đó, hắn lại còn định giơ bàn tay bẩn thỉu ra chọc ghẹo. Các cô gái thét lên, mặt đỏ lựng, vội vã bỏ chạy. Ban đầu, Onobu nhỏ nhẹ nói: “Đừng đụng đến chúng tôi. Cho chúng tôi qua.” Nhưng đám đàn ông trơ trẽn vẫn chạy đến ôm các cô gái. Một tên khịt mũi ngửi phía sau cổ Onobu, định đưa tay sờ vào ngực nàng qua lớp áo *kimono*.

Đúng vào khoảnh khắc đó, Onobu giở tuyệt chiêu.

Như tên bắn, nàng túm cổ hắn và ném không thương tiếc. Thấy vậy, mấy tên còn lại dừng tay, nhìn nhau rồi nhất loạt bỏ chạy tán toạ như ong vỡ tổ. Các bạn của Onobu đứng đó còn chưa hiểu chuyện gì, sững sờ mắt tròn mắt dẹt.

“Onobu đẹp người mà võ nghệ cao cường.” (*Ni cô Rengetsu toàn tập*)

Sự kiện này được bàn tán không ngớt trước cổng chùa Chion. Người ngạc nhiên nhất lại chính là cha nuôi của Onobu, Banzaemon Teruhisa. Ông nghĩ nếu làm *okumuki*, Onobu sẽ nhã nhặn, nữ tính hơn nhưng nàng lại được phép sử dụng *naginata*, lại dùng nhu thuật quật ngã đàn ông, múa *kusarigama* và có thể nhảy sào qua hàng rào cao.

Chưa kể, Onobu khác hẳn những người con gái thông thường. Teruhisa mong con gái nuôi ít gì cũng mặc *kimono* cho ra dáng thiếu nữ nên cho nàng ra phố trong bộ *furisode*¹ duyên dáng. Nhưng lại xảy ra chuyện.

¹ *Kimono có ống tay áo dài dành cho các thiếu nữ chưa lập gia đình.*

Onobu dừng chân trước một tiệm đồ cổ. Ở đó có đặt một búp bê *daruma*² bằng gốm thật lớn. Nàng ngắm nhìn món đồ say sưa. Quả là một tuyệt phẩm quý giá.

² *Búp bê chỉ được vẽ một mắt, một mắt còn lại sẽ được tô lên khi điều ước thành hiện thực.*

Onobu muốn cho cha xem búp bê *daruma* này nên hỏi giá tiền. Do không quá đắt nên nàng trả tiền để mua về.

“Con búp bê lớn quá, khó mà đem về được. Hay để tôi giao đến tận nhà?” – Ông chủ tiệm nói. Nhưng Onobu nóng lòng muốn đem về cho cha xem ngay, lại tự tin vào sức mạnh đôi tay của mình nên từ chối: “Cháu tự đem về được.” Nói rồi nàng ôm con búp bê *daruma* to bự trên đôi tay thon đi về.

Một thiếu nữ mười bảy, mười tám đẹp đến nao lòng, mặc trên người bộ *furisode* trang nhã lại ôm trong lòng con búp bê *daruma* khổng lồ đi trên phố, làm sao tránh được ánh mắt của cánh đàn ông. Người đi đường giật tay áo nhau chỉ trỏ “nhìn kìa, nhìn kìa!”.

“Kìa, tiểu thư làm gì đó?” – Cuối cùng, một đám đàn ông theo sau cô gái, buông lời chòng ghẹo. Đến người như Onobu cũng lấy làm bối rối, hai má đỏ lựng. Không gì đẹp bằng những cô gái xinh đẹp độ tuổi trăng rằm đỏ mặt xấu hổ. Số người theo sau mỗi lúc mỗi đông. Onobu vội vàng chạy vào một căn nhà bên đường nhưng thật không may, căn nhà vắng chủ. Có muốn gửi búp bê *daruma* lại cũng chẳng có ai. Không còn cách nào khác, Onobu đành để lại búp bê *daruma* trong căn nhà trống, rồi bỏ chạy về nhà.

“Lâu nay người ta trộm đồ nhà người, chứ để lại đồ rồi bỏ trốn thì chỉ có Onobu.” – Câu chuyện trở thành trò cười của mọi người. Tuy buồn cười thật nhưng cha nuôi của Onobu, Banzaemon thì ôm đầu lo lắng. Làm sao nàng có thể đi làm dâu nhà nào tốt đẹp với những hành động quá lạ lùng như thế.

Ông bắt đầu nghĩ đến việc “chỉ còn cách giữ con bé ở nhà mà thôi”. Thực tế đã xảy ra sự tình khiến ông phải làm vậy.

Trong thời gian Onobu đi làm ở Kameyama, Sennosuke, tức con trai của ông, Katahisa đã sớm ra đi ở tuổi hai mươi. Bất hạnh nối tiếp bất hạnh. Chưa đầy ba tháng sau, người mẹ vì đau buồn trước cái chết của đứa con trai yêu quý cũng ra đi. Nếu không có người nối dõi, nhà Ōtagaki sẽ tuyệt tự. Đối với những chuyện khác, Banzaemon rất đơn giản nhưng chỉ tên tuổi dòng họ là ông câu nệ đến buồn cười. Banzaemon bắt đầu tìm con nuôi.

Có lẽ ông muốn khóa lấp trái tim mình bằng cách đó.

Ông gửi thư khắp nơi bày tỏ ý định “nhận con nuôi phù hợp cho nhà Ōtagaki”, nhờ đó một người quen dẫn đến một thiếu niên từ Kinasaki xứ Tajima xa xôi đến. Chàng trai tên Tenzō, là người con trai thứ tư của nhà Tainoshō làm chức *shōya* (một chức quan địa phương) rất được kính trọng ở Tajima. Lần về cội nguồn mới hay cũng là họ hàng với Ōtagaki. Teruhisa đặt tên người con nuôi là Ōtagaki Mochihisa và họ bắt đầu cuộc sống chung dưới một mái nhà. Ở nhà, người con nuôi được gọi là Naoichi. Mỗi khi có kỳ nghỉ, từ Kameyama về thăm nhà, Onobu cũng gặp mặt nhưng chàng trai có vẻ gì đó buồn bã, cô độc khiến nàng cảm thấy đáng thương nên

ra sức trò chuyện. Thế nhưng đôi mắt chàng thiếu niên vẫn tối sầm, cuối cùng chỉ là những câu nói vô thưởng vô phạt nên câu chuyện giữa họ đứt đoạn, chẳng đâu vào đâu.

Cha nuôi dặn Onobu gọi Naoichi là anh trai nhưng nàng không sao quen được. Nhắc đến “anh trai” nàng lại nhớ đến người anh Katahisa thể trạng yếu đuối, nhưng thông minh, hiền lành. Cả Teruhisa cũng vậy, rõ ràng là ông đã cố đè nén tình cảm dành cho đứa con ruột đã mất để đón nhận chàng thiếu niên năng lực yếu kém này.

Naoichi lại rất nhạy cảm khi nhận biết điều đó. Chàng luôn tỏ thái độ ngán ngẩm như luôn sống dưới một bầu trời xám xịt, buồn chán. Onobu rất thông cảm với người anh mới vì nàng cũng là con nuôi nhưng không cách nào gắn kết được với trái tim Naoichi. Mỗi khi được nghỉ về thăm nhà, ở cùng Naoichi vài ngày dưới một mái nhà nhưng ba năm trôi qua mà tình trạng cũng không có gì thay đổi. Có khác chẳng là sự thay đổi không thể tránh khỏi trên cơ thể họ. Onobu trở thành một người con gái trưởng thành, không còn là cô thiếu nữ nhỏ bé nữa. Naoichi cũng bị vỡ tiếng. Mỗi khi về nhà, Onobu cảm thấy chàng trai có vẻ đàn ông hơn, nàng bắt đầu cảm thấy khó chịu. Khoảng thời gian đó, bà nuôi ra đi, nhà Ōtagaki không còn bàn tay phụ nữ, Onobu được dẫn từ thành Kameyama về nhà. “Cũng đến lúc uống rượu mừng rồi đây.” – Người cha nuôi thúc giục. Nhưng giữa Onobu và Naoichi chỉ là sự quen thuộc trong gia đình chứ không hề có tình yêu. Onobu xót thương người cha nuôi sớm mất vợ con. Nàng cũng đồng cảm với Naoichi cô độc phải rời xa vòng tay mẹ hiền ở quê nhà. Onobu đè nén trái tim mình, đồng ý kết hôn với Naoichi vì sự thương cảm dành cho cha và anh nuôi.

Và như thế, Onobu (Rengetsu) kết hôn. Vốn nổi tiếng là người đẹp xứ Rakutō¹, nay trong bộ kimono cô dâu ở độ tuổi mười bảy “hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”, vẻ đẹp của nàng trong hôn lễ phải nói là hạnh phúc tuyệt đỉnh của một người con gái đã khiến người đời hết lời ca ngợi đến mãi sau này. Nhưng trong lòng Onobu lúc ấy là tâm trạng ngổn ngang không nói nên lời. Nàng biết mình

không thể nào hạnh phúc. Nỗi lo lắng về tương lai cứ tràn ngập trong lòng, không sao nguôi được. Bởi đây là một cuộc hôn nhân vốn không xuất phát từ tình yêu nam nữ.

¹ *Chỉ vùng từ sông Kamo về phía Đông ở Kyōto.*

Về sau, khi Onobu đã thành bà lão bảy mươi, bà đã đề cập đến Naoichi trong một bức thư, rằng “tôi muốn được một lần viếng mộ Naoichi vì đó là người bạn thời thơ ấu của tôi”.

Bà không hề viết muốn viếng mộ vì người đó là chồng. Trong lòng Onobu, Naoichi mãi mãi là “người bạn thời thơ ấu”.

Nhưng người cha nuôi không sao hiểu được tình cảm đó của Onobu.

Ông lấy làm phẩn khởi khi ngồi giữa cặp vợ chồng trẻ trong hôn lễ, ngắm Naoichi trong trang phục có thêu *kamon*¹ hình lá *tsuta*² trong cây dâu tằm và nói với vẻ hạnh phúc: “Nhà Ōtagaki chúng ta và nhà Tainoshō là đồng tộc, xuất thân từ thân vương Onome. Nói cách khác, chúng ta là anh em một nhà. Từ thời Muromachi, khi còn ở Yamana, chúng ta đã là bạn bè giúp đỡ lẫn nhau. Ta rất lấy làm vui sướng khi được đón một người con nuôi có dòng máu chính thống như vậy.”

¹ *Gia văn: hình ảnh biểu tượng của một gia tộc.*

² *Một loại dây leo, còn gọi là trinh đằng ba mũi.*

Xét theo phả hệ thì đúng là nhà Ōtagaki có liên hệ với thân vương Onome. Tại đền thờ Thần đạo Onome, gia đình đã thờ ngài như một vị thần của gia tộc nhưng thật ra vị thân vương đó vốn là người cổ đại, thời Kofun³, nghĩ theo cách thông thường nhất thì cũng như người dựng. Tuy nhiên, với người cha nuôi vốn quá chú trọng chuyện gia phả họ tộc thì đó là “lai lịch” của một dòng họ. Và ông không chỉ nhận chàng thiếu niên có “lai lịch” đó về làm con nuôi mà còn gả Onobu cho chàng ta. Nghe thì thật buồn cười nhưng đó là

một sự nghiêm túc đáng hãnh diện của một terazamurai lập nghĩa chú trọng lai lịch như Teruhisa.

³ Cổ Phần: niên hiệu trong khoảng thời gian 250 – 538.

Còn với Onobu, nàng như bị ép lập gia đình với một người không chút tình cảm yêu đương chỉ vì một lý do không thể hiểu được, “vì là con cháu của thân vương Onome”. Thế nhưng, nhờ vậy mà cha nuôi được giải thoát khỏi nỗi buồn từ ngày mất vợ, nàng thấy vui sướng khi nhìn cha hạnh phúc. Một Onobu sớm mồ côi cảm nhận hơn ai hết nỗi buồn đau khi phải chia cắt với người thân. “Chỉ cần mình chịu đựng.” – Nàng nghĩ vậy và đón nhận số phận.

Nhưng số phận đó thật quá tàn nhẫn. Cuộc sống với Naoichi là cõi địa ngục.

Cũng có người cho rằng không có chuyện đó nhưng không hẳn vậy. Murakami Sodō, người thu thập thông tin về Rengetsu (Onobu) đã tìm ra được người con của nữ mẫu Takahashi từng nuôi Onobu, hỏi thăm cả quê nhà của Naoichi, nghe họ kể về những bi thương của Rengetsu trong thời gian này.

Naoichi “chênh mảng việc gia môn, bỏ mặc người vợ trẻ tài sắc vẹn toàn, ăn chơi thâu đêm suốt sáng, tụ tập đàn đúm với những người bạn xấu tính, cờ bạc, rượu chè bê tha, đến mức cãi nhau với cha nuôi và bạo hành cả vợ mình là Onobu”. – Điều này gần với sự thật hơn.

Thời gian đầu, đời sống vợ chồng của Onobu và Naoichi khá thuận hòa, êm ấm. Naoichi luôn ở nhà, họ có ngay đứa con trai đầu lòng. Thế nhưng, đây là khó khăn hai vợ chồng phải đối mặt. Đứa bé bú ít, và có lẽ bị nhiễm bệnh nên sức khỏe yếu ớt, chào đời chưa đầy tháng đã ra đi. Onobu đau đớn, khóc chôn con ở nghĩa trang vùng núi sau chùa Chion.

Có lẽ Naoichi cũng không chịu được nỗi buồn này. Chàng bắt đầu bỏ bê nhà cửa, ăn chơi lêu lổng.

“Đàn ông thật yếu đuối.” – Onobu nghĩ vậy nhưng càng trách cứ, chồng càng bỏ đi. Onobu nhẫn nhịn chịu đựng sự đau đớn sau khi sinh, cảm giác sụp đổ khi mất đứa con yêu và bị chồng phụ bạc. Nhưng cũng không khá hơn. Onobu càng nhẫn nhục, càng cố gắng làm người vợ tốt thì Naoichi càng cảm giác bị vợ xem thường, càng mặc sức chơi bời, và cuối cùng còn ra tay bạo hành Onobu.

Naoichi vốn là người hậu đậu, chẳng giỏi giang gì. Ở nhà cha mẹ ruột, người anh tính tình hòa nhã, học hành cũng xuất sắc hơn nên được mẹ kỳ vọng rất nhiều. Vì vậy, Naoichi cho rằng mình bị tống đi làm con nuôi ở kinh thành xa xôi. Chưa kể, nhà cha mẹ nuôi lại có Onobu tài sắc vẹn toàn nổi tiếng khắp kinh kỳ, là huyết thống của dòng tộc Tōdō 5.000 *koku*, rõ ràng chỉ xét về huyết thống cũng đã không tương xứng. Hiểu được lý do chồng ôm nỗi mặc cảm như vậy, Onobu rất đau lòng.

“Nếu có con nữa, biết đâu chồng mình lại bình tâm?” – Ôm ấp niềm hi vọng mơ hồ, thỉnh thoảng Onobu tìm đến vòng tay chồng nhưng kết quả không có gì khác. Năm nàng hai mươi tuổi, một bé gái chào đời nhưng rồi cũng mất đi khi lên hai tuổi, lúc đáng yêu nhất của một đứa trẻ. Năm Onobu hai mươi hai tuổi, nàng lại sinh thêm một bé gái nhưng đứa bé này cũng chết lúc bốn tuổi mụ. Cứ mỗi lần những đứa con chào đời rồi lần lượt ra đi một cách vô tình, cuộc sống của người chồng Naoichi lại bê tha hơn.

Tin buồn lại tiếp tục đến với họ. Lần này là mẹ chồng mất.

Nghe tin bà hấp hối, nàng dâu Onobu đã vội vã đi Ōsaka, đến chỗ người anh chồng đang hành nghề y nhưng bà đã mất, thân thể lạnh ngắt trong mùng. Kể từ ngày đó, mắt Naoichi tối sầm, vô hồn, chẳng thiết làm gì kể cả ăn uống. Cuối cùng cơ thể trở nên suy nhược, không còn sức để làm công việc ở chùa Chion. Đến nước này, cả người cha nuôi cũng nhận ra sai lầm trong việc dẫn đứa con nuôi về nhà chỉ vì gia phả. Ông nói: “Phải ly hôn thôi.” Nhưng Onobu từ chối: “Cha hãy chờ thêm một năm rưỡi. Trong khoảng thời gian đó, con sẽ nói chuyện với chồng. Cha thấy sao?”

Nàng muốn níu kéo. Vì không biết ly hôn rồi, chồng mình sẽ ra sao. Nếu không còn tình cảm nổi kết, con người sẽ không sống được. Nếu cắt đứt sợi dây gắn kết như sợi chỉ mỏng manh, Naoichi sẽ không còn nơi nào để đi. Onobu linh cảm điều chẳng lành.

Nhưng người cha nuôi nói: “Chẳng phải anh của Mochihisa (Naoichi) là thầy thuốc sao? Để nó sống ở đó có lẽ tốt hơn đây. Tóm lại, không thể để nó ở đây được nữa.”

Onobu rơi nước mắt. Đúng là chồng nàng bê tha không điểm dừng. Nhưng liệu bây giờ bỏ mặc chàng có được không? Thế nhưng, nghĩ đến tương lai, nàng không đủ tự tin là mình sẽ đi tiếp được. Mọi người xung quanh ai cũng động viên nàng ly hôn. Họ nói: “Người xinh đẹp, đảm đang như Onobu đây thì lương duyên bao nhiêu mà chẳng có.”

Nghe vậy, nước mắt Onobu rơi lã chã. Người chồng vốn cùng nhau lớn lên từ thuở ấu thơ nay đang lâm cảnh bệnh tật.

Nếu mình bỏ rơi chàng để tái hôn và may mắn gặp được nơi tốt đẹp, chắc chắn Naoichi sẽ đứng bên bờ vực của cô độc, chắc chắn trái tim chàng sẽ tổn thương sâu sắc. Onobu nghĩ vậy. Không phải với tư cách người vợ yêu chồng. Mà với tư cách con người, nàng không nỡ làm vậy.

Nhưng về mối quan hệ với chùa Chion thì không còn có thể nói vậy. Nhà Ōtagaki có nghĩa vụ phục vụ chùa Chion với tư cách *fudai*. Không thể để Naoichi ở đây được nữa khi chàng ta không làm tròn nhiệm vụ. Cuối cùng, Onobu đành gật đầu chấp nhận ly hôn. Nàng nói thêm: “Đã vậy thì con nghe lời cha, con sẽ ly hôn. Nhưng con mong cha chấp nhận rằng con sẽ không cưới chồng thêm lần nào nữa.”

Và như vậy Onobu chia tay chồng. Naoichi xuống Ōsaka ở với người anh. Nhưng kết quả cuộc ly hôn này chẳng khác nào giết người không gươm không dao. Sau khi chia tay Onobu ít lâu, Naoichi trút hơi thở cuối cùng. Có thể nói đây là cái chết của một phế nhân.

Tin tức về cái chết của Naoichi đến vào tiết thu, khi những làn gió mát rượi thổi đến. Onobu đã không dám nhìn thẳng vào mặt trăng sáng đẹp trên bầu trời đêm. Người ta nói ánh trăng soi cả lòng người. Onobu tự trách bản thân mình khi đối diện với kết quả đáng sợ của việc mình đã làm, khi phân vân trước bóng tối tâm hồn.

Thực tế, sau đó gần nửa thế kỷ, khi Onobu đã trở thành ni cô Rengetsu, bà đã viết thư cho người anh của Naoichi, nhắc lại chuyện xưa. Cuối thư bà đã viết một bài thơ như lời tự bạch thế này:

Inishihe wo tsuki ni towaru kokochi shite

Fushime gachi ni mo naru koyoi.

Dịch ý:

Sợ rằng trăng hỏi chuyện xưa

Lòng tôi thốn thức, mi ngài sụp buông.

Trong tình cảnh như vậy, *waka* trở thành niềm an ủi, nâng đỡ trái tim Onobu. Hai mươi lăm tuổi, nàng bắt đầu cuộc sống chỉ có hai người với người cha nuôi. Cũng từ đây, Onobu chú tâm học thơ ca. Khu vực quanh chùa Chion nơi Onobu ở rất đông học giả, văn nhân. Trong số đó, nàng không sao cưỡng lại được trước sức hút của tài năng văn chương, Ueda Akinari, người từng sửa ca từ cho nàng lúc nhỏ.

Nói vậy nhưng chuyện đã xảy ra lúc nhỏ, chỉ như một trò chơi con trẻ chứ không phải giờ học *waka* thực thụ. Trước hết, văn nhân nổi tiếng vì tính cứng đầu này tuyệt đối không nhận đệ tử.

“Ta không nhận đệ tử nữa.” – Ông nói vậy và phải vung gậy để xua đuổi những người tìm đến.

“Tiên sinh Ueda đánh đuổi cả đệ tử.” – Nhờ lời đồn đó mà số người tìm đến cũng đa phần giảm hẳn.

Thời gian Onobu kết hôn thì Ueda đã là ông lão mù lòa, hơn bảy mươi lăm tuổi. Onobu lại yêu mến ông lão tay chân lóng cọng có cuộc sống kỳ lạ ấy.

Trong nhà Ueda, chỉ có bút nghiên, vài món đồ dùng để uống trà và chiếc chần cũ, ngoài ra không có thứ gì khác.

Đáng ngạc nhiên hơn là khi vợ mất, nhà văn lớn bạc nhất thời ấy chẳng buồn bận tâm đến con mắt người đời, nằm lăn ra chiếu, đập chân, khóc tu tu như một đứa trẻ. Sau khi vợ mất, ông được người con gái nuôi là một ni cô đến chăm sóc nhưng sau đó chuyển về gần chùa Nanzen, mua một cánh đồng trà nhỏ và pha trà, thường thức phần đời còn lại.

Onobu được ông lão kỳ lạ này dạy nhiều điều về thơ ca. Khoảng thời gian đó, Kagawa Kageki (1768 – 1843) còn có hiệu là Keien bắt đầu gây bão trên ca đàn kinh đô, còn có hiệu là Keien. Ông cũng xuất thân từ Tottori như cha nuôi Onobu nên nàng không ngừng quan tâm đến người này. Nhưng nàng còn nhớ rõ ông lão Ueda đã nói thế này: “Đó chỉ là những vần thơ điên cuồng.” Theo Akinari, phong cách thơ của Kagawa chỉ là giả tạo. Ông nói: “Thơ người đó không trọng tình, chỉ có âm điệu.” – Những bài thơ của Kagawa đặt nặng âm điệu, xem nhẹ việc kể lại tâm tư con người. Khi nói vậy, Akinari luôn nhắc tên một người đã chết, Ozawa Roan (1723 – 1801). “Người đó là bạn đồng điệu với ta. Nếu muốn học thơ ca, hãy học Roan.”

Ozawa Roan cũng là một người kỳ lạ. Ông nhất định không tha thứ cho những gì bất chính, dối trá trong tâm hồn con người và hoàn toàn không dùng đến những lời nịnh hót, thảo mai. Có lần ông được người bạn gửi mấy con tôm làm quà. Nếu bình thường, người ta sẽ viết thư cảm ơn nhưng Roan lại viết: “Tôi không thể nói dối. Tôi đã không ăn số tôm đó.” Hay khi được tặng mì soba từ Kyūshū, ông viết: “Khác với lần trước, lần này tôi cảm giác như có lẫn tạp chất trong bột.”

Onobu nghe nói chính vì giữ phong cách này trong mọi việc nên Roan luôn sống trong cảnh bần hàn. Tuy có thời gian làm gia thần ở

nhà Takatsukasa nhưng khi được lệnh xuống Kantō, để lại mẹ già ở quê nhà, giữa đường ông luôn miệng nhắc “Mẹ tôi sẽ buồn lắm. Tôi muốn về sớm” nên cuối cùng bị đuổi, trở thành lãng nhân. Vì vậy, Roan đành phải dạy waka cho người ta để kiếm sống. Ông cũng thường xuyên lui tới chăm sóc Ueda Akinari.

Motōri Norinaga (1730 – 1801) từng nói “Ozawa Roan là nhà thơ vĩ đại nhất đương thời” khiến cả nhà thương gia quý tộc Mitsui (sau là nhà tài phiệt nổi tiếng) tìm đến nhập môn và trả tiền học phí hậu hĩnh. Thế nhưng, chỉ vì một chuyện mà Roan đã đồng loạt đuổi họ ra khỏi trường. Đó là vì có lần ông bị ốm nằm liệt giường thì chẳng ai trong dòng họ nhà Mitsui đến thăm lần nào trong khi những môn sinh nghèo khác lại đến thăm bệnh. Roan không thể chấp nhận điều này. Ông nghĩ “phú thương chẳng có trái tim thật sự của con người”. Ông viết bài thơ sau lên mảnh giấy gửi đến nhà Mitsui và đuổi họ khỏi trường.

Hito no yo no tomi wa

Kusaba ni oku tsuyu

Kaze wo matsu aida no

Hikari narikeri.

Dịch ý:

Giàu sang đời người

Là sương long lanh

Trên mình ngọn cỏ

Là nắng lấp lánh

Mong chờ làn gió.

“Đời người ngắn ngủi. Phú quý, giàu sang ở đời cũng chỉ là ánh sáng thoáng qua cho đến khi ta chết. Người không hiểu được điều

gì quan trọng nhất ở đời thì không có tư cách học thơ ca.” Đó chính là lý lẽ của Roan nhưng thế gian lại nhìn ông như một người kỳ quái. Nhưng tóm lại, ông là người cực kỳ ghét những mối quan hệ hời hợt bên ngoài như rắn rít. Thời ấy, không một ai dám thẳng thừng chỉ trích sự tồi tệ của cách sống lơ đãng, không ngay thẳng vì lý do nào đó như ông.

Mỗi lần nghe những giai thoại như thế, Onobu lại vô cùng quan tâm đến con người kỳ lạ vốn đã không còn ở cõi đời này nữa.

Onobu sưu tập những tập thơ của Roan, nàg lần giở, đọc đi đọc lại cho đến khi những tập sách tờ tả. Đó là những bài thơ vô cùng chân thật. Những lời ca, lý luận trong thơ ông ngược lại hoàn toàn với thơ của Kagawa Kageki. Roan kêu gọi làm thơ *tadagoto-uta*¹.

¹ *Thơ miêu tả trực tiếp sự vật mà không dùng phép ẩn dụ hay so sánh.*

“Chỉ cần nói ra những gì mình đang nghĩ bằng chính ngôn từ mình có thể nói sao cho “đúng”. Đó mới là thơ.” Ông còn nói: “Thơ ca là con đường khiến trái tim trở nên chân thực.”

Onobu đặc biệt bị cuốn hút bởi những câu nói này. Tại sao con người cứ phân vân trên con đường của trái tim để rồi trở nên bất hạnh? Với Onobu, waka là con đường để nghĩ về điều này. Nàng cảm thấy trong thơ của Roan có câu trả lời cho câu hỏi đó. Onobu bắt đầu chép lại thơ của Roan.

An karan

Dairo wa ikade

Iwane fumi

Sakasiki michi ni mayofu

Yo no hito.

Dịch ý:

Đường rộng, bằng phẳng không đi

Người chọn đường đá ngõ đâu mình tài

Nào ngờ lạc giữa dối gian

Ấy người trong cõi thế gian vậy mà.

Onobu vừa chép thơ Roan vừa nghĩ đến sự tính toán của chính mình. Lúc nhỏ, nàng được gọi là tài nữ, võ nghệ lẫn thơ ca, không gì không làm được. Nàng nhận ra rằng từ nhỏ, mình đã sống theo những lời ngợi khen dung mạo xinh đẹp của những người xung quanh mà không hay biết. Nghe lời cha, theo lệnh chồng, nàng đã chọn con đường làm người vợ đảm đang nhưng rốt cuộc, cách sống đó của nàng đã khiến người khác bất hạnh. Tại sao nàng đã không từ chối cuộc hôn nhân với Naoichi khi lúc ấy nàng không hề cảm thấy vui mừng. Khi thành vợ chồng rồi, nếu nàng khóc lúc muốn khóc, tức giận khi muốn giận chồng thì đâu đến nỗi người ấy phải chết. Nhưng thực tế, nàng đã không làm vậy, nàng đã diễn vai người vợ hiền với khuôn mặt đeo mặt nạ kịch Nō. Vì vậy mà kết quả là nàng đã giết chết người ấy. Những suy nghĩ ấy ám ảnh Onobu.

Sunao naru

Kokoro kotoba wa

Inishihe ni

Kaeran michi no

Sugata narikeri.

Dịch ý:

Những lời chân thật trong tim

Là đường dẫn dắt ta về ngày xưa.

Roan cho rằng waka là cách sống bằng trái tim chân thành. Những lời của Roan thấm sâu trong tim Onobu. “Có nói bao nhiêu lời hoa mỹ mà không thật lòng thì không thực chất. Ngôn từ là tiếng nói của trái tim con người, nên chỉ có cách duy nhất là nói ra những gì mình nghĩ. Đến cả cỏ cây cũng gửi tiếng nói của mình vào làn gió đầy thôi...”

Thấm sâu những lời dạy đó, Onobu bắt đầu gửi tiếng lòng mình vào *waka*.

Mùa xuân thứ tư sau khi chia tay chồng, chuyện tái hôn được đề cập với Onobu. Thật ra, cho đến lúc đó, cha nuôi nàng cũng thường nhận được những lời đề nghị làm sui gia.

Onobu đã hai mươi chín tuổi nhưng vẫn giữ được dung mạo xinh đẹp, trẻ trung. Vóc dáng thanh thoát khiến nàng trông như những thiếu nữ mới bước qua tuổi hai mươi. Tuy có vẻ gầy ốm đôi chút nhưng sự mềm mại như cây liễu rũ ấy lại làm tăng vẻ đẹp của nàng. Chỉ cần nàng xuất hiện ngoài đường ở Kyōto, đàn ông đều không giấu được ánh mắt ngưỡng mộ, nhìn theo chăm chăm. Thói quen đi trên những con đường nhỏ để tránh những ánh mắt đó, từ nhỏ đến nay vẫn không thay đổi.

Sau cuộc hôn nhân đầu tiên, những đứa con chào đời lần lượt ra đi và cả người chồng trước cũng đã mất. Rốt cuộc, với Onobu, hôn nhân là thứ dòn chòng và ba đứa con đến cái chết. Nếu không kết hôn với nàng, người chồng vốn là bạn, là anh nuôi thưở thiếu thời ấy đâu phải chịu nhiều tổn thương đến lúc chết như vậy. Ba đứa con cũng chưa hẳn phải chết thảm. Khi đã trải qua nỗi đau buồn là kết quả của việc trở thành vợ chồng, Onobu không còn muốn cùng ai ước hẹn đến đầu bạc răng long nữa. Nàng chỉ mong được một mình cho đến khi phải xuống địa ngục.

Ba năm đầu, người cha nuôi cũng chỉ âm thầm quan sát Onobu, hầu như không đề cập đến chuyện tái hôn. Nhưng nay ông cũng đã sáu mươi lăm tuổi, sức khỏe cũng xuống dốc. Bây giờ, công việc terazamurai ở chùa Chion cũng trở nên nặng nhọc đối với ông.

“Cha nói những lời này thật không phải chứ đôi khi cha nghĩ, nếu Katahisa còn sống thì hay biết mấy. Nó sẽ kết hôn với con, cả ba chúng ta sống chung...” – Thịnh thoảng ông nhắc. Cũng có khi ông thần thờ đứng trước bài vị của Katahisa.

Katahisa là người con ruột duy nhất sống đến tuổi trưởng thành của Teruhisa và là người anh hiền lành không chung dòng máu của Onobu. Lẽ ra Onobu đã kết hôn với người anh không cùng dòng máu này. Người cha nuôi đã già nay bắt đầu nhắc lại cái chết của Katahisa như người ngủ mơ. Ông cứ nhắc đi nhắc lại cặp vợ chồng lý tưởng Onobu và Katahisa không hề có trong thực tế.

Với thân phận con nuôi như Onobu, hình ảnh đó buồn hơn bất kỳ điều gì. Nàng hiểu hơn ai hết nỗi buồn khi không có người thân bên cạnh. Tuy không máu mủ ruột rà nhưng với Onobu, Teruhisa là người thân duy nhất. Làm gì, nàng cũng không hề muốn làm cha đau lòng. Nhìn cha buồn bã, không chút sinh khí khi nàng không tái hôn, nàng đau hơn cả khi bị dao cứa. Onobu chỉ biết rút vào một góc bếp mà khóc.

Thông thường, *samurai* sẽ ẩn cư khi sáu mươi tuổi. Có người mới năm mươi đã sớm thỉnh nguyện nhà chủ xin được ẩn cư. Một *samurai* giữ chức *fudai* vẫn tiếp tục làm việc dù đã sáu mươi lăm tuổi, lại không người nối dõi như cha nuôi nàng, thật không bình thường chút nào.

Thực tế, hình như cha đã từ chối tất cả chuyện mai mối người làm con rể nuôi trong nhà để tránh làm nàng bận lòng. Cũng vì nàng, ông vẫn tiếp tục việc dù cơ thể đã già nua. Cứ nghĩ vậy là nàng thấy thật sự đau lòng.

“Chỉ cần mình nhẫn nhịn...” – Một lần nữa, suy nghĩ đó lại hiện lên trong đầu Onobu. Nàng quyết định nghe theo nguyện vọng của cha lần nữa, chấp nhận tái hôn. Onobu dứt khoát: “Thưa cha, đời người thật ngắn ngủi đúng không.

Không biết khi nào, chuyện gì sẽ xảy ra với cha. Con đã suy nghĩ kỹ càng, và thấy không còn cách nào khác ngoài việc cha nhận con

nuôi lần nữa.”

Với người cha nuôi, điều này vượt quá sự mong đợi của ông. Nhưng ông hiểu rõ lòng Onobu nghĩ gì.

“Onobu! Con có chắc không? Cha vốn chỉ là nông dân Tottori. Ngự môn tích đã cho cha làm *fudai* nên đề tuyệt tự thì thật đáng tiếc. Vì vậy, phải nhận con nuôi nhưng nếu chỉ để duy trì dòng tộc thì cha để con một mình, nhận cặp vợ chồng nào đó làm con nuôi để họ giữ tên Ōtagaki cũng là một cách.”

Nhìn Onobu chìm trong im lặng, người cha nói tiếp: “Onobu, cho cha nói những lời ích kỷ một chút nhé. Tuy con không phải con ruột cha nhưng là đứa con gái duy nhất mà cha vô cùng tự hào. Từ khi nhận con về nuôi nấng, dạy dỗ, cha đã vô cùng hạnh phúc khi có con là con gái của cha. Người ta khen con mà cha cũng cảm giác như mình được khen. Không, còn hơn thế nữa. Cha biết không được có suy nghĩ này nhưng thật lòng, khi cha con mất đi, cha đã thở phào yên tâm. Cha đã nghĩ vậy là mình không phải giao con cho ai nữa, Onobu là của mình rồi. Cha nói thật lòng mình cho con nghe. Cha muốn con của con kế tục dòng họ Ōtagaki.”

Người cha già rơi nước mắt lã chã. Lần đầu tiên nàng thấy cha khóc. Onobu cũng rơm rớm. Lần đầu tiên, nàng có cảm giác mình có được một nơi nương náu thực sự kể từ khi đến ngôi nhà này làm con nuôi.

“Con hiểu rồi. Con sẽ lấy người mà cha nhận làm con nuôi. Nhưng thừa cha, con có một tâm nguyện bao lâu nay.

Con muốn trở thành ni cô. Nếu người chồng lần này có sự gì, thì ngay hôm đó, con sẽ xuống tóc đi tu. Cha cho phép con chứ?”

“Đương nhiên. Đây là yêu cầu cuối cùng của cha dành cho con. Lúc đó, cha cũng xuất gia.”

Có lẽ ông đã nghĩ “không thể để Onobu bất hạnh thêm lần nào nữa”. Người cha nuôi bắt đầu chọn con nuôi cũng là con rể hết sức

cẩn trọng.

Người ông chọn là Ishikawa Jūjirō, con thứ ba của Ishikawa Kōji Mitsusada, là *gokachū* (ngự gia trung) của *kamon-no-kami* (Tảo bộ đầu) li. Khoảng thời gian sau đó có lẽ là giai đoạn hạnh phúc nhất trong cuộc đời Onobu.

Đúng như kỳ vọng của cha nàng, người chồng thứ hai Jūjirō rất tử tế. Nhà li phiên Hikone nổi tiếng có nhiều *samurai* dũng mãnh, đến mức được gọi là “quỷ đồ li”. Nhưng đó cũng là chuyện xưa từ thời Keichō, Genna chứ Jūjirō không có sự dữ dội đã đi vào huyền thoại đó. Ngược lại, đó là một thanh niên với thân hình mềm mại đến mức có thể ví như cây liễu, nụ cười hiền từ, chuyện gì cũng khiêm tốn nhưng không chịu khuất phục. Hằng ngày, người cha Teruhisa và Jūjirō giắt cơm hộp bên mình, phụng sự chùa Chion như cha con ruột thịt thực thụ.

Hàng xóm láng giềng mừng lây: “Onobu có được người chồng tử tế thật rồi.” Onobu lần đầu tiên nếm trải hạnh phúc vợ chồng. Họ có con ngay sau đó. Tuy là con gái nhưng cha nàng vui mừng khôn xiết. “Ta không còn gì để luyến tiếc nữa”, nói rồi ông giao trách nhiệm gia chủ cho Jūjirō, phần mình lui về ẩn cư. Sau đó, một đứa bé trai mà họ chờ đợi bấy lâu, chào đời.

Thế nhưng, bất hạnh cứ như luẩn quẩn đâu đó bên Onobu. Mùa xuân năm thứ tư sau khi họ kết hôn, gia đình Jūjirō và Onobu cùng các con đi ngắm hoa sakura vùng núi Higashi-yama. Cũng từ hôm đó, Jūjirō có những tiếng ho kỳ lạ. Thoạt đầu, họ chỉ nghĩ cảm mạo thông thường nhưng đi thầy thuốc, uống thuốc cũng không khỏi. Những cơn sốt nhẹ kéo dài và cuối cùng chàng ngã bệnh. Onobu túc trực bên cạnh, không rời một bước. Trong cơn nóng nực mùa hè, nàng cũng không có chút thời gian nghỉ ngơi, ngày cũng như đêm, ra sức chăm sóc chồng. Nhưng người chồng yêu quý ngày càng yếu đi, khi tiếng mưa tháng năm rơi rả rích, cũng là lúc Jūjirō suy kiệt, không thấy dấu hiệu hồi phục, đến cuối tháng sáu thì chàng hấp hối.

Onobu quyết định trong lòng, nàng phải thực hiện một việc khi chồng vẫn còn ý thức. Trước mặt người chồng đang nằm trên giường bệnh, nàng bắt đầu cắt đi mái tóc đen dài tuyệt đẹp của mình. Vì Onobu muốn nói với chồng rằng suốt phần đời còn lại, nàng nguyện một lòng thờ phụng chàng.

Hôm sau, Jūjirō trút hơi thở cuối cùng. Ở tuổi ba mươi ba, Onobu trở thành quả phụ lần thứ hai.

Suốt mấy tháng sau đó, ai cũng thấy Onobu suy sụp thấy rõ. Một lá thư nàng viết ngay sau khi chồng mất còn được lưu giữ ở nhà Ono, phố Kaiya: “Lần giở những lá thư và món quà xưa, cứ ngỡ như một giấc mơ.”

Onobu như người mất hồn trong một thời gian dài. Cả ngày trời, nàng chỉ ôm lấy y phục của người chồng quá cố, lần giở những món đồ kỷ niệm giữa hai người, đôi khi khóc nức nở.

Về sau, Onobu làm *waka* mô tả khoảnh khắc thi hài của Jūjirō bị đưa vào lò hỏa táng.

Tachi noboru

Kemuri no yue mo

Kakikurete

Yue mo yue naki

Kokochi koso sure.

Dịch ý:

Làn khói xám

Bay lên bầu trời đen

Và thiếp khóc

Đến tận cùng cũng không có tận cùng

Cho lòng người ngoại.

Tomo ni mi shi

Sakura wa ato mo

Natsu yama no

Nageki no moto ni

Tatsu zo kanashiki.

Dịch ý:

Ta đã cùng nhau ngắm

Những đóa hoa xuân hồng

Và dãy núi mùa hè

Vậy mà nay mình thiếp

Buồn thương đứng nhớ chàng.

Mùa hạ đến, ba mươi sáu ngọn núi của dãy Higashi phủ một màu xanh ngắt, đón chờ lễ hội *Daimonji okuribi*¹ mà nỗi buồn đó vẫn không nguôi ngoai.

¹ *Đại văn tự tổng hỏa: lễ hội mùa obon ở Kyōto, thắp lửa theo hình chữ “Đại 大” để thắp sáng đường đón người đã khuất.*

Nhưng không thể cứ khóc than mãi được. Onobu còn hai đứa con thơ Jūjirō để lại, một còn chưa dứt sữa và một mới lên năm, cùng người cha già cần chăm sóc. Người cha nói “cha cũng cạo đầu” và từ gia tộc li xuất thân của Jūjirō, ông dẫn Tasaburō là em kết nghĩa

của Kazami Heima về trao vị trí người đứng đầu dòng họ Ōtagaki. Đến khi đứa con trai còn đang bú sữa mẹ trưởng thành, vị trí này sẽ được trả lại cho đứa bé. Ông nhận Tasaburō làm con nuôi với lời hứa như thế.

Chakuson shōso (đích tôn thừa tử) là một phong tục trong gia đình *samurai*. Cháu đích tôn nối dõi ông mình, khi người cháu còn quá nhỏ, chưa thể thay thế thì sẽ nhận người ngoài làm con nuôi để làm bandai (phiên đại: thay thế) trong khoảng thời gian đó. Chuyện như vậy không hiếm.

Sau khi thu xếp như vậy để tên tuổi dòng họ Ōtagaki không bị mai một, người cha thỉnh sư trụ trì chùa Chion để được cạo đầu xuất gia. Là một người thông thạo chùa Chion đến mức được gọi là pho tự điển sống, ông trở thành sư trụ trì am Makuzu. Một sự đãi ngộ xứng đáng.

Am Makuzu có tên như vậy là do nằm ở Makuzugahara – một thung lũng phía Nam chùa Chion. Khi xưa, nơi đây cỏ dây sắn và cỏ lau khô mọc um tùm, những con cáo hoang dã lang thang khắp thung lũng. Nhà sư Saigyō (Tây Hành pháp sư 1118 – 1190) đã từng có bài thơ nổi tiếng sau:

Negawaku wa

Hana no shita nite

Haru shinan

Sono kisaragi no

Mochizuki no koro.

Dịch ý:

Xuân sang dưới cội anh đào

Hãy để tôi chết đêm rằm tháng Hai (tháng Hai âm lịch).

Chính vì địa danh giàu chất thơ có thể trở thành *utamakura*¹ mà vào thời Muromachi, sáu am tự được gọi là Kyo no rokuami (Kinh chi lục a di) được dựng lên tại vùng đất này, dùng làm nơi tiếp đãi vô số nhân vật nổi tiếng, thưởng thức thú vui phong lưu, trong đó có tướng quân Ashikaga. Ẩm thực *kaiseki*² của vùng này cũng bắt đầu từ rokuami của Makuzugahara. Tuy chỉ là một am tự nhỏ, nhưng am Makuzu là chốn lui tới của nhiều văn nhân mặc khách. Motōri Norinaga cũng từng đến đây làm thơ viết văn.

¹ *Ca chẩm*: một nơi được xem như biểu tượng văn học.

² *Bữa ăn cao cấp gồm nhiều món ăn truyền thống địa phương được trình bày tinh tế.*

Có lẽ cũng vì đây là nơi Saigyō ca ngợi đến mức “muốn chết dưới cội anh đào đầy hoa vào đêm trăng rằm tháng Hai âm lịch” chẳng? Thế rồi, sư trụ trì chùa Chion đặt pháp danh cho Teruhisa là Saishin (Tây Tâm) với nghĩa tâm hồn của Saigyō, và Onobu nhận tên Rengetsu (Liên Nguyệt).

Onobu cùng cha dẫn theo hai con nhỏ đến am Makuzu này. Chùa Chion khá phóng khoáng. Tuy thật kỳ dị khi dắt theo con nhỏ xuất gia nhưng họ vẫn cho phép. Không những vậy, sư ở đây còn thường dẫn phụ nữ vào trong chùa. Những người vợ trên thực tế này được gọi bằng ẩn ngữ là *daikokuhan*. Không hiếm sư trong chùa Chion có *daikokuhan* nhưng khi Matsudaira Sadanobu lên làm *rōchū*¹ thì tình hình việc này bị cấm, cũng ồn ào một thời gian nhưng rồi đâu lại vào đấy.

¹ *Lão trung*: một chức quan cấp cao trong chính quyền Mạc phủ Tokugawa.

Cửa ra vào am Makuzu rất thú vị. Nếu muốn vào chùa Chion từ tam môn tức cổng chính thì phải lên một con dốc rất mệt. Vì vậy người già, phụ nữ thường đi bằng bậc thang đá từ dốc “nữ nhân” bên phải tam môn. Cổng am Makuzu nằm ở giữa dốc “nữ nhân” đó, đi vòng

qua cổng là thấy ngay một ao sen nhỏ, băng qua cây cầu đá ở ao sen là vào được am.

Onobu nay đã trở thành ni cô Rengetsu rất thích ngắm hoa sen từ cây cầu đá này. Những cành sen vươn thẳng, hướng lên trời cao từ bùn lầy, và những hoa sen đầu cành nở tròn đẹp như thể không phải thuộc về thế giới này mà là từ thế giới của vàng trắng trên cao kia.

“Làm sao một loại hoa mọc từ trong bùn lại có thể nở đẹp đến dường ấy?” – Onobu thường nói như vậy khi ngắm những cành hoa sen xinh đẹp. Nàng nói như thể đang nghĩ mình là bùn dơ, như thể chỉ nơi đó mới có thể cứu rỗi nàng khi say sưa ngắm nhìn những cành sen từ cây cầu đá.

Với ni cô Rengetsu, cuộc sống ở am Makuzu thật sự đủ đầy khi có cả cha và con bên cạnh. Có thể nói sau ba mươi ba năm sống ở đời, lần đầu tiên nàng mới có được sự yên tĩnh trong lòng. Vườn rêu của am Makuzu rất đẹp. Cha nàng nheo mắt ngắm đứa cháu gái năm tuổi dắt theo đứa em trai mới chập chững biết đi vui đùa, khi chơi cờ vây với nàng. Cha của Onobu vốn là một cao thủ cờ vây. Onobu càng chơi càng tiến bộ, chẳng mấy chốc đạt mức sơ đẳng. “Như vậy thì có thể dạy cờ vây kiếm cơm đấy.” – Cha nàng buột miệng. Sau đó, bạn đánh cờ của cha nhiều lần đề nghị nàng “đánh thử một ván” nhưng thuyết phục thế nào, Rengetsu cũng chỉ mỉm cười từ chối. Những người đó chán nản bỏ về, còn người cha thì cười nói: “Họ chỉ muốn xem mặt con hơn là xem bàn cờ.”

Những tưởng chuỗi ngày hạnh phúc sẽ kéo dài mãi nhưng không phải vậy. Vừa lên bảy, đứa con gái yêu của nàng đã ra đi. Cô bé ra đi đột ngột sau khi uống ngụm trà ngọt ngày lễ hội hoa (Phật đản ở Nhật tính là ngày 8 tháng Tư). Chưa hết, mùa Tết hai năm sau đó, đứa con trai còn lại cũng ra đi. Trong tay Rengetsu chỉ còn lại những manh áo kimono nhỏ xinh của hai đứa con đã mất. Điều này giáng một đòn mạnh lên cha nàng, Saishin. Dù đã là thân phận xuất gia, phải cắt đứt những tham vọng đời thường nhưng khi nhận ra không còn hi vọng con của Rengetsu nối dõi dòng họ Ōtagaki, trái tim ông bị tổn thương sâu sắc và Saishin già đi nhanh chóng. Tuy vậy, tính

cẩn thận và cầu toàn vẫn không thay đổi, cứ đến mùa *obon* ông lại đếm chính xác một, hai, ba đóa hoa hagi đặt lên mộ con, cháu đã mất. Nhưng cũng chỉ được năm năm, đến ngày 15 tháng Tám năm *tenpō*¹ 3, ông nhẹ nhàng ra đi như thể đã cháy hết mình trong ngọn lửa *okuribi* mùa *obon*. Saishin thọ bảy mươi tám tuổi.

¹ *Thiên Bảo: niên hiệu trong khoảng thời gian 1831 – 1845.*

Bi kịch lại bắt đầu từ đó. Am Makuzu không phải là chùa dành cho ni cô, Rengetsu không thể thay cha làm trụ trì. Chưa kể, tuy đã trở thành ni cô nhưng Rengetsu quá đẹp. Tuy đã bốn mươi hai nhưng làn da trắng như men sứ của nàng thừa sức gây xao động trái tim đàn ông. Khi sư trụ trì mới đến, không thể để một ni cô dung mạo xinh đẹp như thế này trong chùa. Ni cô Rengetsu không còn chốn dung thân. Nàng bước lên những bậc thang sau bản đường chùa Chion, đến khu mộ nhà Ōtagaki ở khu nghĩa trang buồn bã trong núi. Trong bộ tang phục đen tuyền, nàng đứng lặng, mặc cho mặt trời đã xuống núi từ lâu và khu nghĩa trang đã chìm trong bóng đêm.

Mọi người xung quanh phải ra sức khuyên bảo “Rengetsu à, sao lại có thể làm việc nguy hiểm như vậy? Chẳng may có kẻ nào giở tà tâm thì sao?”. Mặc rồi nàng cũng chịu nghe, rời khỏi khu mộ nhưng ngày qua ngày, nàng cứ ở đó từ sáng sớm đến tận chiều tối. Cuối cùng, Rengetsu quyết định “sống bên cạnh khu mộ”. Nàng nói mình sẽ dựng một căn nhà nhỏ chừng một gian trong khu mộ nhà Ōtagaki nhưng làm sao được. “Không thể để người sống ở trong nghĩa trang. Nhà chùa không thể chấp nhận.” – Nhà chùa mãi mới thuyết phục được nàng. Về sau, Rengetsu kể lại như sau: “Tôi ao ước được ở bên mộ cha, nhưng cả đỉnh núi cũng không có chỗ cho người sống, tôi chỉ biết khóc và tìm đến Kagura Okazaki.”

Rengetsu đến chân đồi Kagura, thuê một gian nhà nhỏ thô sơ, cách xa nhà dân làng Shōgoin, phía sau nhà là đồng ruộng. Một khi đã rời khỏi am Makuzu thì nàng phải tự mình kiếm sống. Điều mà nàng có thể làm được ngay lúc ấy là dạy đánh cờ vây. Chỉ cần bắt chước cha nàng, truyền thụ thuật cờ là được. Nhưng nếu vậy, phải đối mặt với cánh đàn ông nên cũng không phải là cách hay. Gập ngón tay

đếm những môn nàng có thể chỉ dạy người ta, kể cả cờ vây là bảy môn. Đó là naginata, kusarigama, kiếm, múa, thơ ca và may vá.

Nhưng bây giờ, khi đã trở thành ni cô thì số lượng ít đi. Trước tiên, không thể dạy võ nghệ. Một ni cô không thể chỉ cách người ta múa kiếm, hạ gục đối thủ. Múa cũng không được. Nàng không thể nào múa trong bộ *kimono* đen để tang cha. May vá cũng không được. Chắc chắn trong vùng có nhiều thầy giỏi hơn. Nếu vậy chỉ còn cách dạy *waka* dù môn này không hứa hẹn nguồn thu nhập ổn định. Nàng quyết định nhận đệ tử nhưng chuyện hoàn toàn không suôn sẻ như nàng nghĩ.

Tuy đã trở thành ni cô nhưng Rengetsu vẫn còn nguyên vẻ đẹp quyến rũ. Không ít đàn ông tìm đến, miệng thì nói muốn học *waka* nhưng thật lòng chỉ muốn đến ngắm một Rengetsu đầy hương sắc. Cũng có đệ tử nghiêm túc, chuyên tâm con đường *waka* nhưng cực kỳ hiếm hoi. Hầu hết bọn họ đều tìm đến vì dung mạo xinh đẹp của Rengetsu mà thôi. Thậm chí có kẻ vợ con đề huề vẫn tìm đến tán tỉnh người vợ góa nay đã thành ni cô Rengetsu. Tuy đã thề với lòng sau khi vào cửa Phật, sẽ không ghét bỏ con người nhưng dần dần, nàng cảm thấy chán nản những người đàn ông. “Sắc tức thị không”, nếu mình không có dung mạo này, liệu bọn họ có tìm đến như thế này chăng? Nàng cảm thấy như mình đã tập hợp những hư vô của thế gian, ngược lại với con đường Phật pháp.

Rengetsu quyết định nhổ lông mày với hi vọng sẽ làm xấu đi dung mạo vốn có của mình. Từng sợi, từng sợi một, Rengetsu dùng tay nhổ lông mày. Tuy đau đớn nhưng Rengetsu vui mừng khi nghĩ mình sắp có được hình ảnh xấu xí của một bà lão.

Nhưng chỉ bằng cách này thôi vẫn không thể nào làm xấu đi vẻ đẹp trời ban của Rengetsu. Kondō Yoshiki (1801 – 1880), một nhà Quốc học từng gặp mặt Rengetsu thời gian này, nhiều năm sau đó đã hồi tưởng: “Nàng cố tình ăn mặc xấu xí, nhổ cả lông mày nhưng ngược lại, chỉ khiến vẻ đẹp của khuôn mặt trở nên nổi bật.”

Sau đó, người làng bắt đầu đồn thổi những lời vô căn cứ. Nếu chỉ là những lời nói dối thì còn chịu được, đằng này có người đàn ông tìm

đến vì vẻ đẹp của nàng chỉ nhằm lúc không có người quanh đó mà đến. Ban đầu, chỉ là những câu chuyện vô thưởng vô phạt nhưng sau đó ánh mắt hắn trở nên gian xảo, cuối cùng hắn thì thào: “Này, được mà đúng không?”

Nàng cũng buồn mà.” Nghe vậy, một sự ghê tởm gần với sợ hãi, không gì so sánh được trào lên trong lòng như một phản xạ. Bản thân sự ghê tởm dành cho người đàn ông này chứng tỏ nàng tu tập chưa đủ. Khi nghĩ đến mình vẫn còn là phụ nữ, Rengetsu nhụt chí. Điều đó khiến nàng đau khổ hơn cả việc bị đàn ông ve vãn. Vốn dĩ bản thân sinh ra trong cõi đời này từ một sự bất nghĩa, nàng cảm nhận sắc dục sinh ra nỗi đau dường nào bằng chính cuộc đời mình.

Dù sao những người đàn ông tìm đến vì háo sắc vẫn còn dễ cư xử hơn người đàn ông trẻ xuất hiện với những lá thư tình lời lẽ chân thành. Chàng ta nhìn thẳng vào Rengetsu, đề nghị nàng hoàn tục và nói “hãy làm vợ ta, ta thề nhất định sẽ khiến nàng hạnh phúc”. Dường như Rengetsu khó lòng chạy trốn tình cảm chân thực của người đó.

Cuối cùng, Rengetsu dứt khoát: “Tôi đã nguyện phụng sự đức Phật. Nhận được những lời nói như thế chứng tỏ tôi chưa đủ giác ngộ. Có lẽ do dung mạo của tôi chẳng. Xin hãy chờ một chút.”

Nói rồi, nàng khuất sau tấm cửa lùa. Ngay sau đó, một tiếng thét rợn người vang lên sau tấm cửa. Chàng trai trẻ kéo cửa thì chứng kiến một Rengetsu miệng đầy máu, tay đung đưa như ma quỷ. Nhìn lại thì thấy phía bên kia có một sợi chỉ thấm máu được cột từ một cái móc cân nặng hướng về miệng Rengetsu căng như cung tên. Thoạt đầu, chàng trai không hiểu chuyện gì xảy ra. Nhưng, ngay lập tức nhận ra tình trạng bất thường. Rengetsu cho ngón tay vào cái miệng đang đầy máu, quấn chặt răng trước bằng sợi chỉ từ cái móc cân.

Và đáng sợ thay, Rengetsu định dùng cái móc cân đó để nhổ răng, biến mình thành một bà lão xấu xí. Thật sự thì một chiếc răng vấy đầy máu đã nằm lăn lóc trên sàn nhà. Rengetsu nhổ những chiếc

răng còn lại trong cơn đau khủng khiếp đó. Cứ mỗi lần như vậy là máu chảy xối xả.

Người đàn ông trẻ khóc thét “Hãy dừng lại, hãy dừng lại” trong cuồng loạn.

Nhưng Rengetsu vẫn tiếp tục hủy hoại cơ thể mình. Cứ rên lên vì đau rồi lại nhỏ, cứ rên rồi nhỏ. Cuối cùng thần kinh của người đàn ông không chịu nổi hành vi quá đột ngột đó của người phụ nữ xinh đẹp, anh ta mở cửa lao ra ngoài như một cơn lốc. Cuối cùng, chỉ còn lại Rengetsu.

Kể từ sau hành động nhỏ răng đó của Rengetsu, không còn ai đến ve vãn nàng nữa. Chàng trai trẻ đề nghị nàng hoàn tục cũng không quay lại đó lần nào. Dân làng Shōgoin cũng không đón đãi về nàng nữa.

“Nàng Rengetsu đó, mặt mũi xinh đẹp nhưng sợ thật đấy. Còn mạnh mẽ hơn cả đàn ông. Chắc vì nhầm lẫn sao đó mới sinh ra làm phụ nữ thôi. Cứ như đàn ông.”

Cũng từ đó, Rengetsu mới được yên ổn.

Những năm về sau, khi thấy Rengetsu là một ni cô già hiền lành, nhiều người đã không tin câu chuyện nhỏ răng năm nào là thật. Trong số đó có Morita Sessai (1811 – 1868) vốn là thầy dạy học của Yoshida Shōin¹. Tương truyền, có lần, ông hỏi Tomioka Tessai, một họa sĩ trường phái Nanga (Nam họa): “Chuyện đó không có thật, phải không?” Nhưng Tessai, người từng lớn lên chung với Rengetsu lắc đầu: “Là thật. Ni cô Rengetsu thừa sức làm những việc như thế.”

¹ *Yoshida Shōin (1830 – 1859): nhà tư tưởng, giáo dục học lừng danh xuất thân từ tầng lớp samurai.*

Trải qua những việc như vậy, Rengetsu không còn dạy waka nữa và lại không biết làm cách nào để sinh sống. Gạo trong hũ cạn kiệt, bữa đói bữa no, hai má bà hóp lại. Dung mạo xinh đẹp ngày nào trở

nên héo hắt, nếu cứ như thế này thì nhìn bà chẳng khác nào con ma đói. Không còn cách nào khác, bà đành đi khát thực.

Cứ lê bước như vậy thì Rengetsu đến Awataguchi, nơi này có bà lão làm đồ gốm Awata-yaki để kiếm sống.

Awataguchi là một nơi cách xa Kyōto, lữ khách thường qua con dốc cao Keage để đi về hướng Đông. Nơi này đã là tận cùng của kinh đô nên lữ khách thường ghé mua quà ở Awataguchi. Bà lão thường bán gốm Awata-yaki cho lữ khách qua đây. Nhìn bộ dạng thê thảm của Rengetsu, bà động lòng thương xót và rụt rè đề nghị: “Bà Rengetsu này, tôi mạn phép nói điều thất lễ này nhưng bà có muốn thử làm công việc này không? Bà có thể làm waka và khắc lên món đồ gốm để bán thì cũng có thể kiếm sống qua ngày đấy. Tuy bàn tay sẽ bị khô nẻ, rất vất vả vào mùa đông khắc nghiệt nhưng công việc thú vị lắm đấy. Tôi sẽ cho bà đất, dạy bà cách nặn. Bà có muốn làm thử không?”

“Tay tôi sẽ bị khô nẻ ư?” – Nghe vậy, mắt Rengetsu sáng bừng. Đó là điều Rengetsu tha thiết mong mỏi.

Nàng bắt đầu nhào đất. Rengetsu vốn có cá tính mạnh mẽ, một khi đã bắt đầu thứ gì, đều theo đuổi đến tận cùng địa ngục. Ngày mưa cũng như ngày gió, nàng chăm chỉ đến lò gốm của bà lão để học việc, cuối ngày thì đem đất về, cả ngày quên ăn quên ngủ, vật lộn với bùn đất. Những ngón tay thon thả, trắng ngần ngày nào trở nên khô nẻ, sần sùi, biến thành tay của một bà lão già.

Người Edo rất chú trọng việc chăm sóc ngón tay. Có thể hiểu điều này qua những động tác trong *kabuki*¹. Cho đến thời Edo, người Nhật rất quan tâm đến vẻ đẹp thon thả của các ngón tay chẳng khác gì vẻ đẹp của khuôn mặt. Cũng đúng thôi. Kimono của Nhật Bản che hết đường cong cơ thể, chỉ cho thấy bàn tay người mặc nó. Người Nhật khi xưa cho đến thời Edo chỉ có thể cảm nhận vẻ đẹp cơ thể người phụ nữ qua những ngón tay. Chỉ từ những năm cuối thời Taishō², khi Âu phục trở nên phổ biến, thân hình mới trở thành yếu tố quan trọng trong việc đánh giá sắc đẹp người phụ nữ.

¹ *Ca vũ kỹ: một loại hình biểu diễn truyền thống của Nhật.*

² *Đại Chính: niên hiệu trong khoảng thời gian 1912 – 1926.*

Thời của Rengetsu, vẻ đẹp của người phụ nữ ẩn nấp trong những ngón tay nên nếu vì lao động vất vả, ảnh hưởng đến ngón tay thì người con gái đó trở thành người xấu xí. Nhưng với ni cô có cá tính mạnh mẽ này thì việc vẻ đẹp sẽ bị ảnh hưởng bởi bùn đất lại là mong mỏi của bà. Nhưng rồi, khi chú tâm vào việc nhào nặn đất cát, chuyện xấu đẹp không còn ý nghĩa gì nữa. Có thể nói Rengetsu như được cứu thoát bởi những món đồ gốm xinh đẹp được sinh ra từ bùn đất dơ bẩn, xấu xí kia.

Trước tiên, không thể không nghĩ rằng nghề làm gốm có ân đức bên trong. Từ những mớ đất, bùn không chút giá trị mà cả người già, trẻ em, đàn ông, phụ nữ đều có thể có việc làm và kiếm sống từ đó. Có nghề buôn bán nào được như thế?

Rengetsu làm kibisho, một loại ẩm pha trà, viết là “cấp tu” (急須) hay “cấp thiêu” (急焼), phát âm trong tiếng Hoa thời Đường Tống là “kyusha”, từ đó sang Nhật gọi là kibisho. Thời Rengetsu, các vùng quê thường xuất hiện những người gọi là niwaka bunjin (văn nhân nhất thời), nhiều như nấm mọc sau mùa mưa. Lý do rất đơn giản.

Từ khoảng thời Hōreki¹, Tenmei, sự giàu có chuyển dịch từ *samurai* sang thường dân, những người nông dân, phú thương giàu có giác ngộ trước học vấn. Chỉ một nông dân thường ở vùng quê cũng có thể làm Hán thi Hán văn và quan tâm đến văn hóa Trung Hoa. Tóm lại, mọi người ai nấy đều ngưỡng mộ văn nhân Trung Quốc, và muốn trở thành như vậy. Để trở thành “văn nhân”, họ phải biết pha trà. Những người cùng sở thích trong làng, trong xóm rủ nhau pha trà thưởng tranh. Lúc đó họ cần những ẩm pha trà *kibisho* này và cố tình gọi cho giống tiếng Trung Quốc.

¹ *Bảo Lịch: niên hiệu trong khoảng thời gian 1751 – 1764.*

Dù có lịch sự thế nào, cũng không thể khen những ẩm trà *kibisho* của Rengestu là đẹp. Những môn nghệ thuật khác, nàng dễ dàng

đạt trình độ cao nhưng với đồ gốm thì khác.

Một tháng, Rengetsu nặn khoảng năm mươi đến một trăm ăm, chén trà có khắc thơ *waka* do mình sáng tác. Nàng đem sản phẩm từ Awataguchi đến một lò nung ở dốc Kiyomizu nhờ nung với giá một đồng tiền năm mươi cái, và giá gấp đôi nếu nung một trăm cái. Nhưng không cách nào tiến bộ để vượt khỏi ranh giới của một người nghiệp dư. Rengetsu đến nhờ cả Taizan Yohei, hay Kiyomizu Rokubei nhưng không được đặt ở những chỗ tốt trong lò nung. Vì chỉ được trong góc lò, nơi lửa nung không đều với kiểu ban ơn nên sản phẩm của Rengetsu thô ráp, không đẹp khiến chẳng tiệm đồ gốm nào chịu nhận bán. Chủ tiệm đồ gốm chau mày nhìn sản phẩm của Rengetsu – một người nghiệp dư, nói: “Mấy thứ này bán không được đâu.” Sự thật đúng là vậy.

Rengetsu tìm đến vài tiệm bán đồ gốm làm quà lưu niệm ở Kyōto, mãi mới có tiệm đồng ý. Tuy nàng hiểu rõ những chiếc ăm kibisho của mình hơn ai hết nhưng không còn cách nào khác ngoài việc nhờ họ bán với sự áy náy trong lòng khôn xiết. Đến độ, nàng buột miệng thốt lên bài thơ về sự thất vọng với sản phẩm của mình:

Tezusabi no

Hakanaki mono wo mochiide

Uruma no shi ni tatsu zo

Wabishiki.

Dịch ý:

Món đồ gốm xấu xí

Do chính tôi làm ra

Lại đem ra chợ bán

Thấy thật buồn làm sao.

Không chỉ vậy, tiệm bán đồ gốm lại chẳng ngại nói những lời xúc xiểm. Trước mặt Rengetsu thì tỏ vẻ lịch sự, nhưng chỉ cần Rengetsu khuất dạng, ngay lập tức xuất hiện những lời đồn thổi ti tiện, không chút căn cứ, đặc biệt là tiệm đồ gốm ở dốc Kiyomizu. Khi có khách hỏi “Ai làm cái này vậy?” thì người bán trả lời “À, đó là của một ni cô tên Rengetsu. Vốn là kỹ nữ ở Gion, rất dâm đãng. Nghe đồn bà ta thích đàn ông đến nỗi, làm ni cô rồi đôi khi vẫn dắt họ về nhà đấy”.

Họ nói những lời đồn xằng bậy như vậy để bán sản phẩm của Rengetsu. Hẳn là vì khách cũng tò mò trước những lời đó nên cũng chịu mua.

Đương nhiên, việc này đến tai Rengetsu. Có điều, chẳng mấy tiệm chịu nhận bán sản phẩm nên bà đành chấp nhận giao du với những người đàn ông như vậy. Thoạt đầu, Rengetsu im lặng chịu đựng. Bà vô cùng khó chịu nhưng không còn cách nào khác.

Nhưng rồi dần dần, bà hiểu ra chính vì mình quá chú trọng bản thân nên mới chịu dần vật bởi những chuyện nhỏ nhặt như thế. Bản thân ta chỉ là một thứ nhỏ bé, tầm thường. Nếu chịu vứt bỏ trái tim chỉ biết chăm chăm bảo vệ danh dự của mình, hẳn sẽ không phải chịu khổ vì những điều ngán ngẩm đó. Vốn dĩ, tâm hồn và thể xác của bản thân ta đâu phải là thứ trong sáng, đẹp để đến mức không nổi giận khi bị người đời dè bĩu. Ngược lại, chúng thật dơ bẩn. Nếu thế gian này trong sạch thì làm sao có thể sống được? Nghĩa là, thứ mà ta cần chẳng phải là “tu tập tự tha bình đẳng” sao, chẳng phải là tiếp tục sống đời tu hành để xóa bỏ phân biệt giữa ta và người khác trong trái tim sao? Kể từ đó về sau, trong thư gửi người khác, Rengetsu luôn viết “Tôi muốn tu tập tự tha bình đẳng”.

Sau khi ngộ ra như vậy, phong cách sáng tác của Rengetsu thay đổi hẳn. Bà phối hợp hình ảnh hoa sen vào tác phẩm của mình. Nắp ấm trà được làm như lá sen, núm cầm ở nắp như cành sen.

Hoa sen mọc từ bùn lầy nhơ nhớp sao lại... không, chính vì mọc từ bùn lầy nhơ nhớp mới cứu rỗi trái tim con người. Nghề làm gốm

cũng giống vậy. Từ mớ bùn đất bần thiêu cho ra một ấm trà, rót trà cho bao nhiêu người. Còn gì tuyệt vời hơn?

Tuy vụng về nhưng Rengetsu dốc lòng, cẩn thận làm từng cái ấm một. Nắp trà được bà cẩn thận tạo hình từng gân lá sen hướng ra tám phương tứ hướng, núm cầm thì cẩn thận khoét lỗ. Bà khắc gân lá sen với mong muốn có thể cứu rỗi hết thầy vạn người không phân biệt, khoét lỗ cành sen với mơ ước xuyên thấu mọi tâm hồn.

Dần dần, đồ gốm của Rengetsu bắt đầu được đánh giá cao. Tuy hình thức vẫn còn xấu xí nhưng đâu đó người ta cảm nhận được sự dịu dàng. Không biết có phải sự ấm áp đó chạm đến trái tim con người hay không mà người hỏi mua không ngớt. Một khi đã được yêu thích thì chẳng mấy chốc hết hàng để bán.

Thái độ như trở ngược bàn tay, lần này thì tiệm đồ gốm tìm đến chỗ Rengetsu, ngon ngọt đặt hàng. Nhưng dù họ có nài nỉ thế nào đi nữa, chỉ một mình Rengetsu làm tất cả mọi việc nên không còn cách nào khác. Số lượng có hạn. Tiệm đồ gốm hiểu rằng không thể nhập hàng như ý muốn, nên nghĩ đến chuyện bán đồ giả. Chẳng mấy chốc, có đến năm, sáu tiệm bán đồ gốm giả sản phẩm của Rengetsu. Họ làm những kibisho, chén trà có hoa như của Rengetsu và cứ thế bán ra ào ào. Một người quen biết được chuyện đó, vội vàng đến báo cho bà biết: “Rengetsu à, gay go rồi. Máy tiệm đồ gốm giả đồ gốm của bà mọc lên nhiều lắm. Đến cả năm, sáu căn đấy.” Nghe vậy nhưng phản ứng của Rengetsu thật kỳ lạ: “Ồ, vậy à? Có người kiếm sống được bằng những món đồ gốm như tôi sao, tốt quá rồi.” Bà chỉ nói vậy rồi mỉm cười.

Thái độ ấy của Rengetsu được truyền tai đến cả những người làm đồ giả. Họ có một khó khăn chung. Sản phẩm của Rengetsu luôn có khắc những bài waka do chính bà sáng tác. Những thợ làm gốm giả này không được học nên không thể nào khắc lên sản phẩm với bút tích sao cho đẹp. Chưa kể, lúc nào cũng khắc thơ giống nhau thì chẳng chóng thì chầy, sẽ bị phát hiện là đồ giả. Họ muốn khắc nhiều bài waka khác nhau nhưng vốn dĩ không có tài thi phú làm thơ ba mươi một chữ nên đang loay hoay không biết làm sao.

Cuối cùng, những người thợ làm gốm giả đó tìm đến chỗ Rengetsu, và có màn chào hỏi kỳ lạ như sau. “Bà Rengetsu này, thật xấu hổ khi phải nói điều này nhưng như bà cũng biết, chúng tôi đang làm nhại kibisho của bà. Chúng tôi thật không có nghĩa lý gì khi đề nghị thể này nhưng thật sự muốn làm đàng hoàng, làm những sản phẩm bắt chước sản phẩm của bà. Nhưng chúng tôi thật không thể nào bắt chước được nét chữ của bà. Có thể giúp chúng tôi không ạ?” Thái độ của Rengetsu cũng thật kỳ lạ: “VẬY Ạ? VẬY các ông cứ làm cho thật tốt đi. Dù gì một mình tôi cũng không xoay xở kịp. Không cần phải e ngại. Các ông cứ làm cho thật tinh xảo, việc làm thợ cứ để tôi. Cứ đem sản phẩm đến, bao nhiêu cái cũng được.”

Rengetsu nói thêm thể này khi nhóm thợ làm gốm còn đang há hốc mồm: “Tặng các ông mấy ấm kibisho của tôi. Hãy đem về đi. Các ông cứ bán sau khi lấy mẫu. Thỉnh thoảng cũng phải có hàng thật để bán chứ không làm sao bán được hàng mô phỏng.” Trải qua hơn bốn mươi năm, từ những năm bốn mươi tuổi đến hơn tám mươi tuổi, Rengetsu liên tục làm gốm *Rengetsu-yaki*.

Những năm cuối đời, bà thường mua đất sét của người tên Kuroda Kōryō và nhờ ông ta nung nên nhà Kuroda còn giữ nhiều thư từ trao đổi của Rengetsu. Theo những lá thư ấy thì cho đến gần bảy mươi tuổi, Rengetsu vẫn làm hơn một trăm món đồ gốm mỗi tháng. Một năm mười hai tháng hơn 1.200 món, tính trong vòng bốn mươi năm thì cả đời, bà đã để lại hơn 50.000 tác phẩm. Dân số Nhật Bản thời ấy chỉ khoảng 35 triệu người với khoảng 7 triệu hộ dân. Có thể tính nhằm trung bình một trăm nhà có một món đồ gốm do Rengetsu làm trên khắp lãnh thổ Nhật Bản. Hơn thế nữa, cũng nhờ những món làm giả có kèm waka được bán chạy lúc bấy giờ mà cái tên Rengetsu được khắp Nhật Bản biết đến.

Có điều, nổi tiếng rồi thì rắc rối lại xảy ra. Khách khứa lũ lượt kéo đến. Ban đầu, am Rengetsu nằm giữa cánh đồng khoai sọ, và củ cải trắng làng Shōgoin nhưng dần dần khu vực đó trở nên huyên náo hẳn. Kể từ đó về sau, Rengetsu, một người “đã vứt bỏ thế gian”, cứ phải nhiều lần chuyển chỗ ở. Bà hầu như không có chút của cải nào. Y phục thì gần như chỉ có đồ mặc trên người, gia tài

lớn nhất có lẽ chỉ là hũ gạo. Không tính những vật dụng chén bát thô sơ thì chỉ có con lăn nhào đất sét làm gốm và cái bàn viết. Chỉ cần một cái xe đẩy là có thể dọn nhà đi bất cứ đâu.

Mỗi độ xuân sang, bà chuyển đến sống ở gần sông Kita Shirakawa với cảnh hoa anh đào nở rộ, sang hè, bà tìm đến cánh rừng mát rượi gần Daibutsu, đến đông, bà quay lại khu vực Okazaki và chùa Chion. Chẳng biết tự lúc nào, bà được gọi là “Rengetsu chuyển nhà”, cũng không có gì lạ. Khu vực bà thường sống nhất là làng Shōgoin, nay trong khuôn viên trường Đại học Kyōto.

Vào cuối thời Shōwa, bệnh viện Đại học Kyōto định xây thêm tòa nhà. Khi trường đại học xây dựng trên di tích, các nhà khảo cổ học đến khảo sát khai quật. Và nơi họ khai quật để xây tòa nhà khoa chụp ảnh CT dường như là nơi ở của Rengetsu. Vô số những mảnh gốm *Rengetsu-yaki* chưa nung hay bị thất bại được khai quật. Vị trí này phù hợp với địa chỉ của Rengetsu trong bản đồ cổ nên các nhà khảo cổ xác định đây từng là nơi ở của bà. Vì không có gì chắc chắn bằng những món đồ gốm *Rengetsu-yaki* được phát hiện bởi cuộc khai quật này nên ngày nay đó là những tư liệu quý báu để phân biệt những món đồ gốm do chính Rengetsu với những món đồ giả. Sau đó, thêm nhiều chứng tích về cuộc sống của Rengetsu lần lượt được phát hiện trong khuôn viên trường đại học. Cho đến ngày nay, trong khuôn viên trường Đại học Kyōto có ít nhất ba nơi khai quật được gốm *Rengetsu-yaki*. Hẳn là bà đã di chuyển nhiều lần trong khu vực này.

Khoảng thời gian đó, một thiếu niên đã dọn đến ở chung với Rengetsu ở làng Shōgoin. Đó là cậu thiếu niên ở nhà bên cạnh, tính tình rụt rè, thời gian đầu mới dọn đến rất ít nói nhưng có lẽ bị mấy món đồ gốm thu hút mà tự nhiên, bắt đầu giúp bà chuyên chở đất cát làm gốm. Cậu ta khoảng mười ba, mười bốn tuổi, con của nhà bán tăng phục khá lớn ở Sanjō Koromonodana. Do một căn bệnh từ nhỏ mà một bên tai hầu như không nghe thấy gì. Vì vậy, mới trôi giạt đến làng Shōgoin này. Tên cậu ta là Yūsuke, sau này chính là văn nhân họa sĩ Tomioka Tessai (1837 – 1924).

Rengetsu dồn hết tất cả tình thương và cảm thụ nghệ thuật vào chàng thiếu niên. Cậu thiếu niên được Rengetsu gọi là “cậu Yū” này có vẻ gì đó u ám. Theo lời đồn đãi của hàng xóm thì tại cậu ta nghe không rõ, nhưng bà cảm nhận không chỉ có vậy. Không biết vì lý do gì mà chỉ thấy có hai cha con sống với nhau, không thấy bóng dáng người mẹ.

Rengetsu khá quan tâm đến cậu thiếu niên sống ở nhà bên cạnh nên thường quan sát từ xa. Nhưng có một chuyện bà không sao hiểu được.

Cậu thiếu niên lúc nào cũng đọc sách. Cả người cha cũng có vẻ rất thích đọc sách. Hai người họ cứ chúi mũi vào sách. Với người ngoài, hình ảnh hai người đàn ông chỉ biết chăm chú đọc sách trong một ngôi nhà không có bóng dáng phụ nữ thật dị thường. Nhìn từ xa, chàng thiếu niên có khuôn mặt khả ái nhưng nhìn gần thì cặp mắt bị lác thấy rõ, phá hỏng cả khuôn mặt duyên dáng đó.

Mỗi lần nhìn thấy cậu, trong đầu Rengetsu lại hiện lên hai chữ “thương xót”.

Cuối cùng, bà cũng hiểu ra lý do của sự u ám quanh cậu nhờ bắt đầu nói chuyện thân mật với người cha. Yūsuke đã hơn mười lăm tuổi, lớn hơn về bề ngoài của cậu. Vì hoàn cảnh, người cha đã để lại vợ và đưa con trưởng để dắt người con trai thứ hai là cậu đến sống ở làng Shōgoin này.

Rengetsu lấy làm lạ. Người cha trông có vẻ là người tốt, không giống hạng người thành linh bỏ công ăn việc làm lẫn vợ con để sống ở nơi khác.

“Nhưng làm sao có thể...” – Khi Rengetsu tỏ vẻ nghi ngờ, người cha vừa nhìn cậu con trai bên cạnh vừa kể ngắt quãng. “Hoàn toàn do lỗi của tôi. Chỉ vì tôi mà thằng bé phải chịu khổ.”

“Tức là sao?”

“Nhà tôi là tiệm bán tăng phục đã bảy đời, tên Jūichiya. Nhưng thật xấu hổ, tôi đã khiến gia nghiệp lụn bại. Vợ tôi trách chỉ vì tôi say mê học vấn, bỏ bê chuyện buôn bán, kinh doanh. Cũng có thể đúng là vậy. Vì tôi chỉ đọc toàn Nho thư, đến mức có biệt danh là “Thanh biểu chỉ” (bìa sách xanh – chỉ những cuốn sách Nho học bìa màu xanh). Thời gian đó, thằng Yūsuke này chào đời. Nó thật sự rất đáng yêu, ban đầu vợ tôi cũng rất yêu thương thằng bé. Đến một ngày, chẳng may nó mọc mụn đầy trên mặt. Bây giờ nghĩ lại tôi thấy thật hối hận, nhưng lúc đó, làm cha làm mẹ chỉ muốn tìm cách chữa cho con nên ra sức xức thuốc. Nhưng thuốc đó hình như không được tốt, khi lành mụn thì thính lực hầu như không còn. Tai bên phải hoàn toàn không nghe được gì. Tai bên trái thì phải ghé miệng sát một bên, nói thật to mới nghe được...”

“Nhưng cậu bé đọc nhiều sách như thế, thật là một đứa trẻ tuyệt vời.”

“Vâng, cho nên lại rất đáng thương. Thằng bé không nghe được gì nên ra chỉ biết ra sức đọc sách là thứ có thể thấy bằng mắt. Đọc say sưa. Nhưng vợ tôi lại nói học vấn này nọ kia chỉ làm vướng bận chuyện kinh doanh, buôn bán nên mỗi khi thằng bé đọc sách lại mắng: “Chỉ biết đọc sách thôi thì mẹ không cho ăn cơm”, và ép thằng bé để tích thu sách giấu đi. Tôi thấy tội nghiệp quá, không cách gì đành lòng. Nhưng cũng chẳng thể nói được gì vì thật ra cũng vì tôi ham đọc sách khiến công việc buôn bán của gia đình đi xuống. Cho nên tôi mới đề nghị với vợ: “Con nó tai không nghe được nên không hợp với buôn bán. Hay cho nó làm *kannushi*¹ và gửi con cho đền thờ Rokusonnō ở Nishi Hachijō để tập sự. Có người khen thằng bé mặc bộ *hakama* tay áo dài màu tím vào thì thật ra dáng lắm. Nhưng lúc đó, nó chỉ mới tám tuổi, vậy mà phải rời xa cha mẹ, chắc phải buồn lắm. Cho nên, khi thằng bé xong việc về nhà, tôi đã dắt con rời khỏi nhà. Tôi muốn cho thằng bé tập trung vào con đường học vấn.”

¹ *Thần chủ* - người làm công việc trong đền thờ Thần đạo.

Rengetsu nhìn cậu thiếu niên. Ánh mắt cậu trong suốt khiến bà tự hỏi liệu cậu có thể sống trong thế giới hỗn mang này?

“Tôi rất lo không biết tương lai thằng bé sẽ ra sao.”

Đúng vậy. Và Rengetsu quyết định nói với người cha:

“VẬY, cho phép tôi nhờ cậu Yū giúp một tay được không? Như ông thấy đấy, tôi làm gốm nhưng không có bàn tay đàn ông nên cũng hơi vất vả.”

“Ồi, tôi thật không mong gì hơn. Để tôi hỏi thằng bé.” – Người cha ghé sát tai trái con, nói: “Giúp ni cô Rengetsu được không?” Vừa nghe, mắt cậu thiếu niên sáng rỡ.

Kể từ hôm đó, Yūsuke giúp Rengetsu khiêng đất làm gốm, nhào nặn, vừa xong nặn khuôn là lại đẩy ra lò gốm ở Awataguchi. Công việc vất vả, nặng nhọc nhưng cậu không một lời bất mãn. Cậu gần gũi bên Rengetsu như để khóa lấp sự thiếu thốn tình mẫu tử. Và Rengetsu cũng thương yêu cậu như vậy.

Cậu thiếu niên có vẻ bề ngoài nhỏ hơn độ tuổi nhưng nhờ từng học việc trong đền thờ Thần đạo nên có nền tảng giáo dục tốt. Cậu luôn háo hức lắng nghe Rengetsu nói chuyện *waka* hay *Genji*

*Monogatari*¹, và tiếp thu rất nhanh. Rengetsu nói với Yūsuke: “Con cứ làm những gì mình thích. Gặp những người muốn gặp. Đi đến bất kỳ đâu để ngắm những gì muốn ngắm.”

¹ *Nguyên Thị vật ngữ: bộ sách văn học kinh điển Nhật Bản của nữ sĩ Murasaki Shikibu khoảng thế kỷ XI.*

Không chỉ vậy, khi biết chàng thiếu niên không có tiền mua sách, bà dùng tiền có được từ nghề gốm để tặng cậu: “Con dùng vào việc học đi.” Chàng thiếu niên ngạc nhiên chối từ thì bà nói: “Tiền bạc không nhất thiết phải còn trong nhà. Vào bao nhiêu ra bấy nhiêu là tốt nhất.”

“Sao ni cô lại tốt với con như vậy?” – Chàng thiếu niên đã thử hỏi vậy. Rengetsu trả lời như thể chẳng có gì đáng nói: “Ta không có ý đối xử tốt đặc biệt với con. Ta chỉ đang thử tu hành tự tha bình đẳng mà thôi. Giữa ta và người khác không có gì khác biệt. Ta chỉ nghĩ và sống như vậy thôi. Để sống an yên cho đến khi có lệnh về châu Diêm Vương tốt nhất là không câu nệ vật chất.”

Nói rồi bà cười lớn. Nghe vậy, cậu thiếu niên cũng thấy mình thật ngốc nghếch, từ đó không e ngại, khách sáo những chuyện như thế nữa.

Có điều, mỗi lần cậu bị cảm, bà lại nghiêm mặt quở trách: “Cậu Yū. Cậu phải biết quý trọng sinh mạng mình. Phải sống lâu để làm những việc phải làm vì thế gian, vì con người. Phải sống với tâm hồn bình lặng và kiên nhẫn.”

Đáng ngạc nhiên là khi *kurofune*¹ kéo đến. Cả nước xôn xao, những người có học vấn đều trợn mắt tức giận, kêu gọi “nhường di” (đuổi giặc ngoại xâm). Chàng thiếu niên Yūsuke cũng phấn khích, hỏi thăm Rengetsu về tư tưởng nhượng di thịnh hành thời bấy giờ. Nhưng, thật bất ngờ khi Rengetsu trả lời: “Cậu Yū. Người Mỹ có làm gì xấu với chúng ta không? Họ không làm gì xấu cả mà ngay từ đầu, chúng ta đã gọi họ là kẻ thù, chẳng phải không đúng sao? Người Mỹ đến đây, biết đâu sẽ gạn đục khơi trong xã hội này đấy.”

¹ Hắc thuyền: hạm đội của Mỹ tiến vào Nhật Bản đòi mở cửa giao thương vào cuối thời Mạc phủ.

Nói rồi, bà viết một bài waka lên mảnh giấy nhỏ:

Furiku tomo

Haru no amerika

Nodoka nite

Yo no uruoi ni

Naran to suran.

Dịch ý:

Đến cùng cơn mưa xuân

Là những người Mỹ kia

Và rồi trong lặng lẽ

Đem trù phú đến ta

Nào ai biết đâu đây.

Chàng thiếu niên ngẩn người ra. Khi *kurofune* đến đây, người Nhật ai nấy đều bị kích động trong tâm tưởng và dễ hòa theo một hướng, mắt trợn ngược tức giận: “Chúng ta đang bị lũ ngoại bang Mỹ quốc xâm lược, phải đánh đuổi bọn chúng.” Có thể nói, lúc này, chẳng có ai có được tầm nhìn đúng đắn rằng *kurofune* của Mỹ quốc đến không hẳn chỉ toàn chuyện xấu. Thế nhưng, một Rengetsu lúc ấy chẳng biết gì đến bang giao quốc tế lại đưa ra kết luận chính xác như vậy thì chỉ có thể nói là kỳ tích.

Hằng ngày, chàng thiếu niên đến chỗ Rengetsu, họ cùng nhau làm gốm từ sáng sớm đến tối mịt, hết như hai mẹ con một nhà. Và chẳng biết từ lúc nào, sự u ám trong chàng trai trẻ biến mất một cách kỳ lạ.

Sau đó, chàng trai Yūsuke trở thành một tên tuổi lớn. Tomioka Tessai là cái tên sau khi đã nổi tiếng của Yūsuke, người được công nhận là văn nhân họa sĩ tài năng nhất với lượng tri thức Nho, Phật, Đạo giáo, Thần đạo đáng nể, đến mức người ta nói rằng một người như thế sẽ không còn xuất hiện ở đất nước này nữa.

Rengetsu dạy mọi thứ cho Tessai. Thời gian này, Rengetsu cũng đã nổi tiếng, văn nhân mặc khách hàng đầu thời ấy thường xuyên lui tới nơi ở của bà nên Rengetsu luôn giới thiệu họ với Tessai.

Thú vị ở chỗ là Rengetsu không cư xử với Tessai như một đứa trẻ. Bà luôn kính cẩn giới thiệu Tessai như một đại tiên sinh thực thụ: “Đây là tiên sinh Tomioka.” Một khi được đối xử như một người trưởng thành như vậy thì phải cư xử đúng mực như thế cũng như phải tham gia bàn luận cùng mọi người. Tessai ra sức học tập là vậy.

Khoảng thời gian đó, Rengetsu lại nghĩ đến chuyện chuyển nhà. Làng Shōgoin tiếp giáp với thị thành, giao thông qua tiện lợi. “Khách khứa cứ kéo đến không ngớt cả ngày lẫn đêm, rất phiền.” Quả đúng như vậy. Rengetsu đã hơn sáu mươi tuổi nhưng trông như hơn bốn mươi một chút. Dù có che giấu cách nào thì vẻ đẹp của người phụ nữ vẫn không mất đi. Chưa kể, từ ngày góm *Rengetsu-yaki* nổi tiếng, bán chạy thì khách không ngừng tìm đến để gặp một lần cho biết khiến bà không tập trung làm việc.

“Không biết có sơn tự nào vắng vẻ, yên tĩnh không nhỉ?”

“Nhà tôi bán tăng phục nên quen biết nhiều thiền viện.”

– Cha của Tessai nói vậy và tìm giúp Rengetsu nơi ở mới. Nhưng hầu như không có chùa nào chịu nhận một ni sư như Rengetsu dù bà đã hơn sáu mươi. “Lẽ nào không được?” – Cứ tưởng hết cách thì ông nhớ ra có vị sư trụ trì chùa Shinshō phái Tào Động, tên Hara Tanzan ở làng Kita Shirakawa. “Không có người nào tự do phóng khoáng như vậy.” Một vị sư đặc biệt đến mức về sau, vì công khai chỉ trích *kanpaku* đương thời nên không được ở Kyōto.

“Chỉ có vị hòa thượng đó.” – Cha của Tessai nghĩ vậy nên đến nhờ.

“Có thể cho chúng tôi mượn một phòng ở chùa Shinshō cho ni sư Rengetsu được không ạ?”

“Ờ, được thôi. Từ ngày mai cứ đến đây.” – Hòa thượng Tanzan gật đầu đồng ý, không chút do dự.

Rengetsu vui mừng cực độ. Vì chùa Shinshō là nơi đặt phần mộ của Ozawa Roan – nhà thơ mà bà tôn kính tự đáy lòng. Rengetsu nóng

lòng nói “Ngày mai ta chuyển nhà” và nhanh chóng kéo xe đẩy. Công cuộc chuyển nhà của một Rengetsu thường xuyên chuyển chỗ ở. Vợ người thợ mộc vốn quen thân với Rengetsu, tên Matsubei thường giúp bà sửa lật vật chỗ ở kể rằng có năm bà đổi chỗ ở mười ba lần. Về sau, vợ Matsubei kể “Thật đấy, tôi vẫn nhớ số lần bà ấy chuyển nhà cũng phải đến ba mươi bốn lần đấy”.

Nói là dọn nhà chuyển chỗ ở nhưng Rengetsu không đem theo gia tài, đồ dùng gì cả. Chén bát cũng chỉ một cái, khách có đến thì dùng lá cây cỡ lớn để đựng cơm. Vật dụng nặng nhất có lẽ là con quay làm gốm, nồi, chảo và cái bàn viết nhỏ nên không phải đóng gói gì nhiều. Tuy vậy, cũng không thể để bà tự xoay xở một mình. Tessai vội vàng chất con quay và nồi niêu lên xe đẩy.

Cha của Tessai rất ý nhị. Ông ghé tai trái của con trai, nói: “Con đi theo ni cô Rengetsu đi!”

Rengetsu đã sáu mươi sáu tuổi, nói gì thì nói cũng đã già. Từ chùa Shinshō đến lò nung Awataguchi cả đi lẫn về cũng phải khoảng hai lý (tám ki-lô-mét). Nếu phải gánh đất, chuyên chở sản phẩm nữa thì không có thời gian nặn đất làm gốm.

“Một mình ni cô không thể làm được, con đi theo đi.” Tessai im lặng, gật đầu.

Một Rengetsu sáu mươi sáu tuổi. Một Tessai hai mươi một tuổi.

Cuộc sống chung kỳ lạ của họ bắt đầu từ đó. Chính cuộc sống chung với Rengetsu đã biến Tessai thành Tessai.

Những năm về sau, Tessai được biết đến như một ẩn sĩ thoát tục.

Có ý kiến cho rằng: “Vốn dĩ, phẩm cách văn nhân Kyōto không cao lắm” (theo *Geien issekiwa*, Nghệ uyển nhất tịch thoại). Phần đông, chỉ cần đem tiền đến là họa sĩ Kyōto sẵn sàng cầm cọ.

Nhưng, “khi hầu hết các văn nhân đều tham tiền thì chỉ một mình Tessai là nhân cách cao quý, tính tình cao thượng, nổi bật sáng

ngồi trong sổ văn nhân Kyōto”. Sự thật đúng là Tessai được biết đến là không tham lam, không vẽ tranh vì tiền. Khi ngưỡng mộ học thức của bằng hữu, chàng sẵn sàng cầm bút vẽ một tác phẩm mà nếu bán có thể có giá triệu bạc để gửi tặng. Người ta bình phẩm về chàng thế này: “Tessai là một người kỳ lạ”, hay “Có lẽ lúc trẻ, sống với ni cô Rengetsu đó nên mới được vậy”. Sự thật có lẽ đúng vậy.

Vào khoảng thời Ansei¹, danh vọng của Rengetsu vang khắp Nhật Bản. Đồ gốm bà làm ra bao nhiêu bán hết bấy nhiêu. Bà có tính cẩn thận, chỗ ngồi luôn đặt một quyển sổ gọi là “đại phúc trưởng” (sổ kế toán) ghi chép cụ thể số tiền thu chi liên quan đến công việc làm gốm.

¹ *An Chính: niên hiệu trong khoảng thời gian 1855 – 1860.*

Cũng có người nói xấu sau lưng “tặng ni mà ghi chép đại phúc trưởng thật không phù hợp tí nào” nhưng bà không bận tâm. Sau đó, những lời chỉ trích lại chuyển thành “ni cô bình thường mà làm vậy thì là tham lam, nhưng ni cô Rengetsu làm thì lại thấy phong lưu”.

“Đại phúc trưởng” của Rengetsu trở nên nổi tiếng đối với khách đến thăm.

Rengetsu được chia đất từ lò nung Awataguchi và làm việc, tạo các sản phẩm gốm hàng ngày. Khi làm được năm mươi, một trăm món thì Tessai lại đẩy xe đến lò nung. Khi ít thì một phân tiền, khi nhiều thì hai phân tiền, cứ trả tiền công nung như thế. Bán được hàng rồi bà lại ghi chép vào sổ.

“Phần mình ăn thì mình phải tự lo lấy, không sống dựa vào từ thiện” là tín niệm cả đời của Rengetsu và bà không hề làm khác.

Thế nhưng, khi có người “nhờ ni cô viết *waka* vào giấy ạ” thì bà dứt khoát không lấy tiền công.

“Lão ni nhào bùn đất làm đồ gốm bán chứ không bán thơ ca.” Bà nói vậy. Thời này, việc các nhà Nho hay nhà thơ thu tiền học phí từ đệ

tử hay lấy tiền công viết tác phẩm để kiếm sống là chuyện thường tình. Nên ngược lại, Rengetsu làm vậy không đúng với phong cách thời bấy giờ.

Không chỉ vậy, bà còn không thích xuất bản thi tập. Khi một tiệm sách để mắt đến độ nổi tiếng của Rengetsu nên định xuất bản *Rengetsu ca tập* thì bà tái mặt, sai Tessai đi ngăn lại: “Xin các ngài đừng làm vậy.” Nhưng chủ tiệm sách không hiểu ý, tức giận nói: “Thường nhà thơ người ta phải nhẩy cẩng lên vì vui mừng khi nghe được xuất bản, sao bà ấy lại nói vậy?” Thậm chí còn đòi: “Chúng tôi đã chuẩn bị đem đi in rồi, ai gánh tổn thất cho chúng tôi chứ?” Tessai cũng bối rối, quay về trao đổi với Rengetsu thì thật kinh ngạc, bà nói thế này: “Ta sẽ trả phần tổn thất in ấn đó. Cậu cứ đi nói chuyện với họ lần nữa, nhất định phải dừng lại.” Thế nhưng, nhà sách vẫn một mực lắc đầu. Lần này, đến lượt Tessai tức giận: “Vốn dĩ, các người đòi xuất bản mà không được ni cô chấp nhận, tác giả đã hai lần bảo dừng, thậm chí còn đề nghị trả tiền tổn thất, sao bây giờ cự tuyệt là thế nào?” Cuối cùng, nhà sách mới chịu để yên cho họ. Về sau, Tessai kể ông đã phải vận dụng mọi kỹ năng đàm phán trong việc này. Thế nhưng, cũng vì Rengetsu từ chối xuất bản mà những bài *waka* thời trẻ của bà bị thất lạc, chúng ta vĩnh viễn không bao giờ được đọc những tâm tư của bà từ lúc kết hôn cho đến khi xuất gia.

Có thể nói, sự trong sáng, không chút lòng tham của Rengetsu vượt quá sức lý giải của người thường.

Chuyện từ chối tiền công sáng tác cũng vậy. “Chỉ cần đem giấy đến, ni cô Rengetsu viết bất kỳ thứ gì bạn muốn.” Cũng vì vậy mà khách đến như trẩy hội. Tiền giấy một tờ hai mươi mon nhưng có khi Rengetsu cũng cho, không lấy tiền. Tuy miệng nói “ta không thích khách khứa” nhưng khi có người đến, bà lại không tiếc gì, tặng họ cả ấm trà, giấy viết: “Quý vị đã lặn lội đường xa đến đây chỉ đến gặp bà lão này. Hãy đem mấy thứ này về nhé.” Với Rengetsu, cho đi là một niềm vui.

Mùa đông nọ, bà đi viếng chùa Kiyomizu nhưng giữa đường gặp phải người đang khổ sở trong giá lạnh, ngay lập tức bà cởi áo

khoác cho người ấy. Lên đến chùa, lại gặp cùng cảnh một người co ro trong manh áo phong phanh, bà lại tặng luôn cả kimono mặc trên người. Phần bà chỉ còn lại tấm áo kimono lót bên trong, nước mũi chảy ròng ròng về lại am. Đối tượng của bà không chỉ có con người.

Nếu thấy ngựa, bò bên vệ đường, Rengetsu nói chuyện với chúng như vỗ về, lấy miếng bánh nếp trong túi cho vào máng đựng thức ăn. Bà vui vẻ ngắm những con ngựa, con bò ấy ăn miếng bánh một cách ngon lành rồi nói: “Các con làm việc vất vả rồi. Ăn nhiều cho khỏe nhé.” Đó là một cách thư giãn của bà.

“Cho ngựa ăn bánh nếp thật uổng phí.” – Có người ngạc nhiên nói vậy nhưng bà vẫn thản nhiên như không. “Chúng luôn bị con người sai khiến, thật đáng thương làm sao. Thân hình to lớn như vậy nên chắc sẽ bị đói.”

Vì vậy, năm nạn đói xảy ra, năm Kaei¹ 3 (1850), bà rất đau lòng. Năm ấy, ngay cả Kyōto, người đói cũng nằm la liệt khắp nơi. Rengetsu đưa Tessai một bọc lớn nói: “Cậu đem cái này đến chỗ quan gobugyōsho Hiratsuka.”

¹ Gia Vĩnh: niên hiệu trong khoảng thời gian 1848 – 1855.

Khi ấy, Hiratsuka Hyōjūrō nhận lệnh đến cứu đói dân chúng ở phố Đông Kyōto. Rengetsu biết tin đã tặng tiền để mua thêm gạo.

Tessai lo lắng hỏi: “Có bao nhiêu trong này ạ?” “Ba mươi lượng.” Theo thời giá bây giờ là một số tiền lớn gần một triệu yên. Nhưng bà nói “Cậu đem đi và đừng cho biết tên”. Tessai đành cầm tiền đến chỗ quan.

Thế nhưng, một thư sinh như Tessai thành linh đem món tiền lớn như vậy, lại còn ẩn danh nên khiến quan nghi ngờ xuất xứ của món tiền, liền điều tra Tessai. Cái tên Rengesu lập tức được phát hiện.

“Nếu là ni cô Rengetsu thì hẳn là bà sẽ tặng chừng này.” Cả phủ quan cũng nghĩ vậy cuối cùng Tessai vô tội được thả ra. Tessai vốn là người không rành chuyện thế sự. Vì thế, cả đời ông cứ thắc mắc

và nói với người ta: “Không biết ở đâu ra số tiền lớn như vậy. Một ni cô nghèo như vậy không thể có số tiền lớn như thế được. Có lẽ ni cô mượn của Daimaru hay một nhà phú thương quen biết nào đó.” Nhưng sự thực không phải vậy. Đó là số tiền ni cô Rengetsu đã dành dụm vào một mục đích khác.

Ni cô Rengetsu có một ước mơ. Bà muốn xây cầu.

Khoảng thời gian đó, bà đã quay về làng Shōgoin. Làng Shōgoin gần với Sanbongi, nơi chôn nhau cắt rốn của bà. Hai làng chỉ cách nhau con sông Kamo, gần nhau như mắt với mũi. Cứ đến chiều, tiếng đàn *shamisen* từ Sanbongi ở bờ bên kia vang qua tận bên này. Nhưng lúc ấy không có cầu bắc qua sông. Con đường Marutamachi bị đứt khúc ở đoạn sông khiến Sanbongi gần nhau gang tay mà như xa tận chân trời. Cha mẹ bà quen biết nhau tại khu phố đó và sinh ra bà nhưng rồi bỏ đi đâu mất. Có lẽ tình cảm dành cho cha mẹ ruột cũng vậy, tuy gần mà xa, khiến bà có ước mơ đó.

Cầu Marutamachi – Rengetsu bắt đầu nghĩ đến việc bắc một cây cầu nối liền Sanbongi và làng Shōgoin. Lúc ấy, sông Kamo chảy rất phức tạp, rối rắm trong lòng sông như những bàn chân nhện, chỗ nào có nước chảy thì chỉ được đặt tám ván để đi. Người ta băng qua sông trên những tám ván đó, thật đáng sợ khi chỉ cần nước dâng lên một chút là có thể bị cuốn trôi. Nên thường phải đi xa đến tận cầu lớn Sanjō mới băng qua sông Kamo được. Người người, ai nấy đều gặp khó khăn. Khi còn sống ở phố Kawabata Marutamachi gần con sông, bà đã nghĩ đến sự cần thiết của cây cầu khi chứng kiến người ta khổ sở thế nào trong thời tiết oi bức hoặc buốt giá.

Hằng ngày, bà ra sức nhào nặn đất bùn, làm đồ gốm, dành dụm tiền từng chút một. Số tiền Tessai đem lên phủ quan chính là số tiền này. Tuy là món tiền bà để dành gần hai mươi năm nhưng không thể sánh với sinh mạng con người. Chỉ cần còn sống, thì vẫn có thể xây cầu bất kỳ lúc nào, nghĩ vậy nên bà đã tặng trọn số tiền đó.

Sau đó, cho đến khi có đủ tiền để xây cầu mười năm tuế nguyệt trôi qua. Trong khoảng thời gian đó, Rengetsu vẫn cứ chăm chỉ ngày qua ngày làm gốm. Cây cầu Marutamachi mà cuối cùng bà bắc

được thật sự thô sơ, bề ngang chỉ vừa đủ xe đẩy hàng qua lại, dầm cầu thấp. Nhưng chắc chắn một điều, nó đã nối liền hai bờ sông Kamo. “Cầu cầu làm từ bùn đất.” – Cảm xúc đó tràn ngập trái tim Rengetsu.

Bước vào thời Bunkyū¹, xung quanh Rengetsu trở nên náo động. Chí sĩ các nơi tụ hội tại Kyōto, gây nên làn sóng thay trời hành đạo. Những nhóm lãnh sĩ như Shinsengumi ra đời, đi chiến đấu khắp nơi trong thành phố, đến đêm thì nào có người bị giết, nào một cánh tay đầm máu bị ném vào nhà, đâu đâu cũng một bầu không khí bất thường. Các chí sĩ quá khích phái tôn vương nhưng di cũng ra vào chỗ của Rengetsu. Người ta bắt đầu nhắc bà: “Ni cô Rengetsu, mặt thám của tướng quân đang theo dõi đấy, hãy cẩn thận.”

¹ Văn Cữu: niên hiệu trong khoảng thời gian 1861 – 1864.

Tessai cũng từng nói về cần vương nên khi phiên Aizu tiến vào Kyōto, bắt đầu gây hại cho các lãnh sĩ cần hô hào cần vương thì chàng cũng gặp nguy hiểm. Tessai bàn với Rengetsu tạm rời khỏi Kyōto, đi về phía Kyūshū từ Chūugoku để lánh nạn.

Một sự kiện kỳ lạ đã xảy ra vào khoảng thời gian ấy. Rengetsu đã đóng cửa đi ngủ nhưng khoảng nửa đêm, bà nghe tiếng lục cục lục cạc ở cửa nhà.

Vừa nghĩ “không biết chuyện gì?” thì một người đàn ông to lớn lộ mặt ra: “Ni cô, đưa tiền đây.” Thì ra là cướp. Nhưng Rengetsu không nao núng: “Này, cậu kia.” Bà không rời khỏi chỗ nằm, gọi tên cướp. “Chắc cậu vào nhầm nhà rồi. Nhưng tiền bạc hay thứ gì, thích gì cứ lấy đi.” Nói rồi bà mới ngồi dậy, thấp lửa, giúp tên cướp tìm của cải. Khi hắn định lấy kimono của bà từ trong tủ đem đi thì:

“Chờ đã.” “...”

“Lấy cái này bọc lại.”

Tên cướp quay lại thì thấy Rengetsu đang trải rộng tấm furoshiki lớn ra: “Cậu đói bụng rồi phải không? Tôi bắc nước, ăn chút cơm chan

trà rồi đi.”

“Tôi đâu có thời gian làm mấy chuyện đó.”

“VẬY HÔM QUA NGƯỜI TA CÓ CHO TA ÍT BỘT LÚA MẠCH, ĂN ĐỖ VẬY.” NÓI RỒI bà pha nước ấm với bột, quậy dẻo cho hần ăn. Hần tên cướp cũng đói nên ăn hết ba bát liền, xong cảm thấy khó xử nên vội vã bỏ đi mà không nói lời cảm ơn.

Thế nhưng, sáng hôm sau, Rengetsu bị đánh thức dậy. “Ni cô Rengetsu, nguy rồi. Có người nằm chết sòng soài trên đường, lưng giắt một bọc furoshiki lớn lắm. Trên *furoshiki* có viết “Rengetsu” nên con tưởng người quen của ni cô, chạy đến báo đây.”

“Hôm qua có người khách đến nói túng tiền nên ta đã cho hần cả kimono lẫn bọc furoshiki.”

“Chà, ni cô lại bị trộm cướp vào nhà? Nhưng thôi, cứ đi với con.”

Người chết đúng là tên cướp đêm qua. Rengetsu thấy hoảng sợ.

Quan khám nghiệm tử thi đến và nói: “Bị hạ độc.” Rengetsu bị gọi lên phủ quan nhiều lần. “Bột đó từ đâu mà có?” Rengetsu không thể nói thật là của bà lão hàng xóm được một người đàn ông lạ mặt cho vì sợ liên lụy đến bà lão.

“Tôi là ni cô sống một mình. Bột này tiện lợi nên cứ mua để sẵn. Thật chẳng nhớ ở đâu.”

Họ nghe có lý nên cho qua, rốt cuộc vụ án đó không được giải quyết.

Ban đầu, Rengetsu nghĩ tên trộm tự sát. Nhưng nhiều người sau đó tìm đến, chau mày:

“Ni cô Rengetsu à, tên cho bột là tay sai của Mạc phủ đấy. Người ta đồn ngài Sanjō cũng bị hạ độc mà chết đấy. Ni cô nên cẩn thận.”

Cũng không phải vô lý. Bà có mối quan hệ thân thiết với Yanagawa Seigan (1789 – 1858), Umeda Unpin (1816 – 1859), những người đã bị xử tử trong cuộc biến loạn An Chính địa ngục. Đến giờ, những người phê phán Mạc phủ như Kasuga Senan (1811 – 1878) hay sư Tenshō chùa Kennin cũng thường lui tới.

Đến nước này thì cả Rengetsu cũng thấy kinh sợ.

“Xã hội đã xáo động quá rồi. Ta cứ nghĩ thế gian này là một giấc mơ mà vứt bỏ nhưng rốt cuộc, đêm đến lại phải đặt tay lên ngực mà âu lo.”

“Nguy hiểm lắm rồi. Ni cô nên từ chối khách đến đây.”

Rengetsu làm một tấm bảng “Rengetsu đi vắng” rồi treo trước cổng. Nhưng chỉ hiệu quả trong một thời gian ngắn. Nhà của Rengetsu nhỏ xíu, chỉ khoảng chừng ba gian, không cách nào trốn được.

Rengetsu sống phía sau nhà người làm vườn tên Uekichi. Bà nhờ con gái của Uekichi nói giúp “ni cô Rengetsu vắng nhà” nhưng khách cũng nhanh chóng nhận ra: “Vắng nhà cũng không sao” và cứ thế vào nhà. Rengetsu chịu thua.

“Ta thật không hiểu tại sao cứ phải Okazaki, Shōgoin để khách lui tới ồn ào như vậy. Nếu không thích người ta đến nhà như vậy thì cứ đến Kamigamo có phải hay không?” – Hòa thượng Chiman của viện Jinkō, làng Nishikamo, nói vậy.

Bây giờ bắc được cây cầu Marutamachi rồi thì từ nhà Rengetsu đi bộ khoảng một ki-lô-mét là đến cung Gosho. Kamigamo nằm cách đó khoảng sáu ki-lô-mét. Ở vùng quê thì có thể tránh được khách khứa, lại không bị nguy hiểm. Bà nhờ Tessai đi nói chuyện:

“Hòa thượng, xin hỏi vùng này có nơi nào ni cô Rengetsu sống được không ạ?”

“Không, ta thật không nghĩ ra.”

“Vậy có thể cho ni cô ở chùa Jinkō này được không ạ?”

“Cái phòng trà còn trống đấy...”

“Vậy cũng được ạ.” Và như vậy, việc ni cô chuyển nhà đã được quyết định xong. Cũng như mọi lần, Rengetsu chuyển nhà đến làng Nishikamo một cách nhanh chóng. Sau đó, bà nhờ người thợ Matsubei chuyển căn nhà ba gian của bà đến bên cạnh phòng trà chùa Jinkō và chuyển vào đó. Vườn thiền chùa Jinkō rất đẹp. Cứ mỗi lần ngắm khu vườn, Rengetsu lại nói:

“Nơi này thật yên tĩnh. Ta thấy thật thanh thản khi ở đây. Liệu ta có thể sống suốt đời ở đây không?”

Kể từ lúc đó, Rengetsu chấm dứt chuỗi di chuyển nơi ở, sống ở ngôi chùa này cho đến cuối đời.

Ở Nishikamo, cuộc sống đơn sơ, giản dị của bà vẫn không có gì thay đổi. Cả ngày, bà vẫn nhào nặn đất để làm gốm, ban đêm chong đèn niệm Quang Minh Chân Ngôn. Theo lời những người nhìn trộm thì Rengetsu đã nặn tượng cha mẹ bằng đất sét và để cạnh một tượng Jizō (Địa Tạng) nhỏ rồi đêm nào cũng nấu nước thơm cúng. Xong xuôi các nghi lễ đó rồi bà mới lấy tấm chăn sơ sài cuộn trong tủ ra quần quanh người đi ngủ.

Rengetsu sống thanh bạch trong cả ăn, mặc, ở. Bà cũng chỉ dùng thức ăn của dân làng biếu. Bà đặc biệt thích lá của cây củ cải trắng. Không biết có phải vì cảm nhận được niềm vui sống bằng những chiếc lá cây bị vứt đi không mà mỗi lần có người nông dân nào biếu rau củ, bà lại hỏi: “Có lá củ cải trắng không? Ta thích lá cây nhất. Có thể kiếp trước ta là con gà đầu thai kiếp này.” Bà nói vậy rồi cười lớn.

“Con biếu bà củ cải ngâm nhé!”

Nghe vậy, bà mỉm cười: “Ta xin phép không nhận củ cải ngâm. Hãy cho ta lá khô dính ở nắp đậy chum ấy.” Bà không kén chọn đồ ăn nhưng duy nhất có cà tím là bà không ăn được.

Quả cà tròn thì không sao.

“Có lần mở nắp hũ ta thấy một con chuột bị con chồn hút máu mà chết. Nó hết như trái cà tím và ám ảnh ta không rời.” Kể từ đó, bà không ăn được cà tím. Đương nhiên, vì là người tu hành nên bà không ăn thịt. Thậm chí bà cũng tránh ăn cá.

Rengetsu rất thương trẻ con trong làng. Bà thường để sẵn giấy trên kệ, cứ thấy đứa trẻ nào đi ngang là lại cho chúng.

“Ni cô Rengetsu, cho con giấy với.” – Sau đó, bọn trẻ kéo đến xin giấy. Không những không khó chịu mà bà còn nheo mắt nói “Haha, muốn bao nhiêu tờ cứ lấy cả đi” và cho chúng lấy tự do. Người trong làng thấy vậy nên cứ mỗi lần hết giấy lại cho bọn trẻ đến chỗ Rengetsu để xin: “Đến chỗ ni cô xin giấy đi.” Tuy đã được nhắc nhở nhưng bà không bận tâm, cứ tiếp tục tặng giấy cho trẻ con trong làng.

Không chỉ vậy. Trẻ con làng Nishikamo, cứ đến mùa hè là cả trai lẫn gái đều ở trần mà chạy chơi cho đến khi da đen nhem nhem.

“Không được để con trẻ đau bụng.” – Nói rồi bà phát cho trẻ em trong làng dải quần bụng.

Thế nhưng, bà lại không chú trọng đến đồ mặc của mình. Tương truyền, có lần Tessai đến thăm thấy Rengetsu mặc một bộ kimono lòa lẹt khác thường. Tessai hỏi “Ni cô có chuyện gì à?” thì bà trả lời “Chà, lòa lẹt quá à? Ta thấy không sao cả. Đây là chiếc rẻ nhất mà lại bền nhất đấy”.

Rengetsu đã trải qua thời đại cuối thời Mạc phủ đầy biến động tại một ngôi làng quê yên tĩnh. Tuy nhiên, bà bày tỏ sự đồng tình chính trị với phiên Chōshū. Vào sự kiện shichi kyō ochi, khi phiên Satsuma và Aizu đuổi bảy tướng lĩnh phiên Chōshū khỏi Kyōto, bà đã cất công đến tận nơi để tiễn họ, lòng tràn đầy bi cảm. Tuy vậy, bà cũng không cùng suy nghĩ với các chí sĩ quá khích nên đã viết những lá thư bày tỏ sự căm ghét đối với việc giết người.

“Họ đã giết người, bêu đầu người chết bên sông Kamo. Những người làm việc tồi tệ nay trốn chạy khắp nơi.”

Tuy Rengetsu đã dọn đến ở Nishikamo, khách vẫn không ngừng tìm đến chỗ bà ở. Văn nhân mặc khách nổi tiếng trong thiên hạ đều tìm đến trò chuyện. Những lúc như vậy, có thể nói là họ luôn đem những bức thư pháp hay tranh vẽ đến để làm quà. Rengetsu dùng hồ dán những bức tranh ấy lên tường nhà loang lổ, ngắm chúng vài ba ngày rồi lại gỡ ra, dùng làm giấy lót dán lên giỏ lát hay làm nắp đậy chậu than.

“Ni cô Rengetsu, uổng phí quá!” – Có người nhắc nhở nhưng bà nhất định không bỏ thói quen đó. Không có nghĩa bà không thích thư pháp hay tranh vẽ. Trong tokonoma ở góc nhà bà treo bức tranh hoa sen của Hine Taizan kèm lời tán thưởng của Hatta Tomonori. Lúc trước, còn có bức vẽ “Lan trúc treo bên núi” của Nukina Sūō nhưng chẳng biết đã biến mất từ lúc nào. Khi hỏi “Bức tranh ấy đâu rồi?” thì bà trả lời “Có người xin nên tôi cho rồi”. Rengetsu là người như vậy, ai muốn thứ gì, bà đều sẵn lòng cho.

Người xung quanh kinh ngạc trước sự thờ ơ của bà đối với của cải vật chất.

Có điều, dường như bà biết giá trị của những bức thư pháp, tranh vẽ.

Năm Keiō¹ 2 (1866), giá gạo tăng vọt do cuộc chinh phạt Chōshū và các sự kiện khác, dân chúng khắp nơi đói khổ. Năm ấy, Rengetsu bảy mươi sáu tuổi, bà liên tục viết chữ, làm thơ, họa tranh cho đến khi bàn tay cầm bút rã rời để lấy tiền công. Sau đó, bà đem số tiền ấy đến quyên góp cho nơi nấu cháo cứu trợ người nghèo để người dân nghèo khổ có cháo ăn. Vì vậy, trong số những tác phẩm còn lại của Rengetsu, phần nhiều là tác phẩm viết lúc bảy mươi sáu, bảy mươi bảy tuổi.

¹ *Khánh Ứng: niên hiệu trong khoảng thời gian 1865 – 1868.*

Trái tim Rengtsu đã vô cùng đau khổ trước thời chiến loạn. Mỗi lần xảy ra cuộc chiến nào, bà lại cầu nguyện “không ai phải chết”. Vì vậy, khi cuộc chinh phạt Chōshū lần thứ hai kết thúc, bà vô cùng mừng rỡ, ngay lập tức cầm bút viết thư cho Murakami Tadamasa ở Mikawa. “Tôi được biết cuộc chinh phạt Chōshū đã kết thúc. Thật đáng mừng khi không còn chiến tranh nữa. Thật đáng mừng.”

Chính vì vậy, khi xảy ra cuộc chiến Toba Fushimi, bà đã đau lòng như thể trái tim bị vỡ nát.

Hôm đó, ngày 3 tháng Giêng năm Keiō 4, tiếng đại bác ầm ầm vang đến tận chùa Jinkō xa xôi. Ngày bảy, bà đã viết thư cho người bà con xa Ōtagaki Yasohei sống ở Tottori, thông báo: “Từ đêm ngày 3 tháng Giêng, chiến tranh bắt đầu ở Fushimi. Nghe đâu hôm qua, quân triều đình thắng trận đến tận Hashimoto. Kết cuộc sẽ ra sao nhỉ? Người đứng đầu chùa Ninna làm tổng đại tướng quân, phát cờ phướn ngày đêm hướng về chùa Tōji. Ngài Satsuma cầm cờ mặt trời đỏ dẫn đầu, ai nấy cũng cầm quạt có mặt trời đỏ, họ xuất trận. Không biết chuyện đáng sợ gì sẽ xảy ra, tôi đây trốn trong núi rừng và chỉ biết nghe lời đồn, nép mình thật sát và cầu nguyện thần Phật mà thôi.”

Ngay cả khi tin báo quân triều đình thắng trận, nét mặt Rengetsu cũng không có chút niềm vui. Người ta nói bà nghe tin với vẻ mặt u ám.

“Nghe đâu quân triều đình thắng ở vùng Yawata.” “Vậy phe Tokugawa thế nào? Có ổn không nhỉ?”

“Sao mà ổn được! Từ Fushimi trở đi là người chết nhiều la liệt. Nhìn thấy thôi cũng đã kinh hoàng.”

“ ... ”

Nghe đến đó, mắt Rengetsu ngấn lệ. Khi chỉ còn một mình, bà làm thơ waka:

Kiku mama ni

Sode koso nurare

Michi no be ni

Sarasu kabane wa

Dare ni kaaruran?

Dịch ý:

Khi tôi đang lắng nghe

Nước mắt đầm tay áo

Những xác người bên đường

Họ có thể là ai?

Và Rengetsu bắt tay vào hành động với sức mạnh không thể ngờ với một bà lão ở độ tuổi như bà. Có thể nói trực giác của người phụ nữ đã khiến bà phản xạ như vậy. Bà bắt đầu một việc chưa từng có. Đó là “đàm phán với Saigō Takamori¹”. Quân triều đình đã cho xuất quân truy đuổi cừu Mạc phủ. Họ trừng phạt Tokugawa như những kẻ tội đồ.

¹ *Saigō Takamori (1828 -1877): một samurai có sức ảnh hưởng lớn thời kì này và là người đứng đầu trong cuộc khởi nghĩa Satsuma.*

“Không thể để người trong một nước chém giết lẫn nhau như thế này.” – Rengetsu nghĩ. Bằng trực cảm, bà nghĩ chỉ có thơ mới thuyết phục được Saigō. Rengetsu trút hết lòng mình vào bài thơ:

Ada mikata

Katsu mo makuru mo

Aware nari

Onaji o koku no

Hito to omoeba.

Dịch ý:

Bạn hay thù

Thắng hay thua

Đều đem lại buồn đau

Nếu nghĩ đến

Người chung một nước.

Những lời thơ được thốt ra tự nhiên từ đáy lòng. Bà viết ra giấy và dự định đem đến gặp trực tiếp Saigō. Bà có nhiều mối quen biết. Trước tiên là Kasuga Senan, người có thể gọi là quân sư của Saigō. Vốn dĩ, những phiên sĩ Satsuma yêu thích waka, trước hết phải kể đến là Hatta Tomonori, thường xuyên lui tới chỗ của Rengetsu. Ngay cả Tessai cũng biết mặt Saigō, thậm chí lúc trước từng thử sức ở sới vật *sumo* ở Horikawa Hakatayama. Vì vậy, việc gửi bài thơ cho Saigō không phải việc gì khó khăn.

Về sau, có người nói chuyện này chỉ là truyền thuyết, nhưng thật sự không phải vậy.

Saigō đã đọc bài *waka* này. Trong cuộc họp quân sự ở Ōtsu, Saigō đã cho các tướng lĩnh đọc bài thơ và họ đã nghĩ về cuộc nội chiến lớn nhất đất nước này.

“Phải làm cho đất nước này vườn không nhà trống. Và chúng ta xây nước Nhật mới từ đó.” – Người làm thay đổi suy nghĩ của Saigō có thể là Rengetsu. Trong lúc tiến xuống Tōkaidō, rõ ràng tư tưởng của Saigō đã thay đổi.

Ngày nay, Saigō, Katsu Kaishū và Yamaoka Tesshū được ghi danh công trạng là đã tránh một cuộc tổng tấn công thành Edo thời bấy giờ. Nhưng người đã cứu Edo khỏi biển lửa chiến tranh chính là

lòng nhân đạo, là tình cảm chân thực của một người phụ nữ tên Rengetsu.

Và rồi, Rengetsu bước vào thời Meiji.

“Muốn gặp người có tên Rengetsu đó một lần thôi cũng được.” – Bước vào thời duy tân, cả những người quyền quý cũng tranh nhau đến thăm bà. Công hầu Maeda của xứ Kaga cũng dẫn theo vài người, cưỡi ngựa tìm đến. Cả công hầu Mōri của Chōshū cũng đến. Rengetsu luôn đối xử với mọi người như nhau.

“Ngài đã đường xa đến đây. Xin mời uống chén trà.” – Bình thường, người ta sẽ pha matcha nhưng Rengetsu cũng vẫn mời loại trà thường có vị đắng. Mōri là người trọng quy tắc, hôm sau sai người gửi tặng Rengetsu một đồng vàng và một túi đường với lời cảm ơn: “Hôm qua đã phiền bà.”

“Cảm ơn tấm lòng của ngài nhưng với người đã xuất gia như tôi đây, tiền của chỉ có hại mà không có lợi. Xin hãy đem về. Nhưng tôi xin phép nhận túi đường.”

Nói rồi Rengetsu chỉ nhận túi đường. Bà muốn cùng lũ trẻ trong làng thưởng thức vị ngọt của đường.

Khi qua tuổi bảy mươi, Rengetsu đã chuẩn bị cho cái chết của mình. Bà đã nhờ thợ mộc đóng sẵn hòm và đựng gạo trong đó.

Thế nhưng, Rengetsu mãi không chết. Khi có người nghèo trong làng Nishikamo chết, bà lại cho đi cái hòm đựng gạo đó. Sau đó, cứ hễ có người chết là người trong làng nói: “Đến chỗ ni cô Rengetsu xin hòm về.” Nhiều người đã được chôn cất trong chiếc hòm mà Rengetsu chuẩn bị cho chính mình. Cứ mỗi lần cho đi, bà lại chuẩn bị hòm mới. Rốt cuộc, không biết bà đã mua bao nhiêu cái hòm.

Hơn tám mươi tuổi, Rengetsu bắt đầu yếu đi. Thế nhưng khi hay tin Tessai có con, bà vui mừng làm cho đứa bé mới sinh chiếc chăn từ kỷ vật của mẹ bà là chiếc kimono mặc lót bên trong mà bà không lúc nào rời xa.

“Vẽ cho ta hình hoa sen và mặt trăng lên một miếng vải lớn được không?” – Bà đã nhờ Tessai như vậy mà không nói để làm gì.

Cuối tháng Mười năm Meiji 8 (1875), Rengetsu mắc bệnh thương hàn. Bước sang tháng Mười một, bệnh tình không có gì khả quan hơn.

“Ta muốn gọi thầy thuốc Seiken.” – Thầy thuốc Bắc Andō Seiken đến từ Sanbongi, nơi chôn nhau cắt rốn của Rengetsu, được gọi đến. Đây là thầy thuốc mà Rengetsu thân thiết lâu nay. Nhưng tiếc là cũng không có chuyển biến tốt hơn.

“Nên nhờ bác sĩ Tây dương.” – Mọi người thúc giục. Thật ra Rengetsu cũng biết y học phương Tây, sau thời duy tân, bà từng uống thuốc Tây theo lời khuyên của người khác.

“Thuốc của tiên sinh Seiken không tốt. Ni cô hãy chuyển sang thuốc Tây đi.” Nhưng Rengetsu vẫn im lặng lắc đầu.

“Con người có sinh có tử. Không cần làm vậy.”

Sang tháng Mười hai, hơi thở bà yếu dần, bà trấn trối nghiêm cẩn: “Hãy cho vào quan tài một thanh đoản đao, đừng để tay đàn ông chạm vào thi thể tôi. Sau khi tôi chết, chỉ báo cho Tessai biết. Xin đừng làm phiền người khác vì tang lễ của tôi.”

Rengetsu trút hơi thở cuối cùng vào lúc bốn giờ chiều ngày 10 tháng Mười hai năm Meiji 8 (1875). Không có gì có thể gọi là di vật ngoài chiếc áo mặc liệm khi chết và tấm vải trắng để phủ quan tài được xếp ngay ngắn.

Đó là tấm vải Tessai vẽ hoa sen và mặt trăng. Mở ra xem thì thấy giữa hoa sen và mặt trăng, một bài thơ tạ thế được viết thêm vào:

Negai waku wa

Nochi no ren no hana no ue ni

Kumoranu tsuki wo miru yoshimogana.

Dịch ý:

Tôi mong ở kiếp sau

Được ngắm trăng trong ngần

Không bị mây che phủ

Trên đóa sen ngoài kia.

Với người đời, ni cô Rengetsu đã sống một cuộc đời thanh bạch quá đổi nhưng người ta còn thật sự ngưỡng mộ bà hơn trước điều ước này. Đó là muốn có một mặt trăng tâm hồn không bị mây che phủ ở kiếp sau. Dân làng Nishikamo thương tiếc Rengetsu vô hạn. Dân làng rủ nhau đến đưa tiễn bà.

“Đây là cái hòm thứ mấy nhỉ?” – Ai đó thì thầm. Khoảnh khắc đó, như bị đâm trúng tim, cảm xúc dâng trào, dân làng Nishikamo òa khóc nức nở.

“Ni cô Rengesu là một vị thần sống... Khi ni cô mất, cha tôi và tôi đã quỳ gối dự tang bà. Lúc đó từ chùa Jinkō đến nơi chôn cất rất xa nhưng tôi không thể nào quên được dân làng, từ trẻ em cho đến người già, đã òa khóc tiễn bà ra sao.” Nishimura Tahei, một người trong số họ, về sau đã kể lại như thế.

Lời kết

Đ

ã mười năm trôi qua kể từ ngày tôi viết *Bushi no kakeibo* (Sổ chi tiêu gia đình võ sĩ). Từ đó, đất nước này, à không, môi trường bao quanh đất nước này đã thay đổi nhiều. Trong sách này là cuộc đời của ba người vô danh, đã yên nghỉ dưới suối vàng. Tôi đã viết về ba người, ba cuộc đời mà bây giờ tôi muốn viết nhất. Khi nhìn vào tình trạng đất nước này, phần lớn tôi cảm thấy nên lần về cuộc đời, cách sống của những bậc tiền nhân hơn là nói cả ngàn những lý luận suông. Tôi đã tự hỏi tự trả lời rất nhiều lần, rằng mình nên nói về bậc tiền nhân nào, nên kể về chuyện gì.

Và rồi có lần tôi nhận được một lá thư. Người gửi là Mihashi Shōei nhưng tôi thật không biết là ai. Nội dung lá thư thế này: “Tôi sống ở một nơi gọi là Yoshioka, gần Sendai vùng Tōhoku. Tôi đã đọc sách và xem phim *Bushi no kakeibo* của nhà văn. Thật ra, ở Yoshioka nơi tôi ở có lưu truyền một câu chuyện thế này. Ngày xưa, Yoshioka là một thị trấn nghèo nàn. Do không được phiên giúp đỡ nên người dân cứ dần phá sản. Người dân trong thị trấn tuyệt vọng, nếu cứ thế này thì sẽ tiêu vong hết cả nên họ đã tự mình hành động. Họ nghĩ ra cách lập nên một quỹ phúc lợi ngàn lượng để cho phiên mượn tiền, lấy tiền lãi phát cho tất cả người dân. Chín người cùng chí hướng đã cùng nhau gom góp một ngàn lượng với tinh thần sẵn sàng đánh đổi cả thân phận, địa vị và họ thương lượng với phiên. Tuy quan lại trên phiên đã tìm cách bòn rút của họ thật nhiều nhưng rồi cuối cùng quỹ cũng được thành lập. Chín người này rất đáng ngưỡng mộ. Sau khi lập quỹ, được phiên khen thưởng, họ cũng không giữ lại mà chia hết cho dân chúng. Nhờ công trạng đó mà Yoshioka trải qua được thời Edo, dân số không bị sụt giảm và còn đến ngày nay. Đó là một câu chuyện khiến ta rớt nước mắt khi kể lại. Có người tên Yoshida Katsukichi đã truy tìm lại câu chuyện này và tập hợp thành tư liệu *Kokuonki* giác. Rất mong nhà văn Isoda viết lại câu chuyện này thành sách để truyền đạt lại cho hậu thế.” Lá thư tràn ngập tình cảm

khiến tôi xúc động. Tôi không thể ngồi yên mà không tìm hiểu về chín người ở Yoshioka mà tác giả lá thư, Mihashi, đề cập. Tôi chạy khắp nơi để tìm sử liệu. Khi tra tìm được rồi thì ngạc nhiên làm sao, chín người này đã đặt ra nhìn ra vấn đề của một hệ thống mà *samurai* chỉ biết lấy gạo thóc từ người nông dân. Và ngược lại, họ đã định xây dựng một hệ thống người nông dân lấy tiền từ *samurai*. Ngoài điều tra của ông Yoshida về chín người này, còn có tài liệu ghi chép cổ rất chi tiết khác nữa. Đó là ghi chép của một nhà sư muốn lưu lại sự nghiệp của chín người này vì ông lo lắng họ sẽ bị quên lãng. Tôi đã đọc và đã khóc. Tôi chưa từng vừa đọc văn bản cổ xưa vừa khóc như vậy bao giờ cả, nhưng tôi thật sự không kiềm chế được lòng mình. Và sau đó, tôi bắt tay viết về câu chuyện của chín người này như bị ai đó nhập hồn.

Tại sao tôi lại dồn cả tâm huyết như vậy ư? Cũng có thể do lúc đó tôi vừa đón con mình chào đời. Tôi đã viết với suy nghĩ, một ngày nào đó con lớn sẽ đọc tác phẩm này. Tôi vừa viết vừa không ngừng nghĩ về sự thay đổi của đất nước này khi con tôi trưởng thành. Có thể trong tương lai, Nhật Bản sẽ bị các nước láng giềng vượt qua trong một thế giới vật chất giàu có. Chính vì vậy, tôi muốn truyền tải lại câu chuyện này. Thành linh đề cập đến những vấn đề to tát thế này nhưng, mười năm gần đây, tổng sản lượng quốc nội của nước láng giềng Trung Quốc đã tăng bốn lần. Người ta còn dự đoán khoảng mười năm nữa thì Hàn Quốc sẽ vượt Nhật Bản về lượng GDP tính trên đầu người. Khoảng thời gian đó, vùng trũng biển Nankai (Nam Hải) sẽ biến động, và vành đai Thái Bình Dương sẽ phải gánh chịu tai họa sóng thần cực lớn. Nợ quốc gia sẽ không còn có thể giải quyết trong nước mà có thể chúng ta phải vay tiền của ngoại quốc với lãi suất cao. Nếu vậy, một Nhật Bản nghèo nàn hơn đại lục sẽ lại xuất hiện lần nữa sau năm trăm năm, kể từ thời Muromachi. Lúc ấy, chúng ta sẽ nói gì với con cháu, sẽ dạy chúng những gì? Chính lúc này đây, chúng ta phải dạy các thế hệ sau những gì mang tính triết học.

Ngày nay, sự tồn tại kinh tế xã hội cạnh tranh với người khác, phân biệt người và ta đang bao trùm Đông Á. Có thể khi xưa người đại lục và bán đảo đã có sự phân biệt này. Tôi không có ý phủ định

cách sống của những người muốn “phát triển kinh tế” bằng cách đánh đổi với sự tàn khốc của chiến tranh. Họ cũng có quyền lợi của họ. Nhưng, với tôi, đâu đó trong lòng tôi nghĩ rằng không được bước vào đó. “Liệu ở đó, con người có thật sự hạnh phúc?” – Câu hỏi đó cứ lớn vồn trong đầu và thật sự không thể bước vào. Đất nước này có một triết học khác sâu sắc hơn nhiều. Chưa kể, triết học đó trú ẩn trong những con người Edo bình thường, vô danh. Và điều đó đã tạo nên vô số kỳ tích ở đất nước này. Tôi rất tự hào về điều đó. Với Nhật Bản, nghèo hơn nước láng giềng không có gì đáng sợ. Mà thứ đáng sợ thật sự là đánh mất lòng tin đích thực mà người Nhật đang có. Tôi muốn viết những lời thật lòng mình ở đây.

Một đất nước mà chiếc ví bị đánh rơi đâu đó chắc chắn sẽ quay về chủ hơn bất cứ nơi đâu trên trái đất này. Có thể chỉ là một việc rất nhỏ nhặt nhưng tôi cho rằng nó quan trọng hơn cuộc cạnh tranh GDP, quan trọng hơn bất kỳ điều gì. Nếu để nguyên sách cổ như thế thì con tôi không đọc được, vì vậy tôi quyết định viết truyện lịch sử. Tôi đã viết về cuộc đời của ba con người mà tôi thật sự muốn con mình biết đến.

Trong lúc viết, thật lòng mà nói, tôi rất yên tâm. Thời trẻ, con người ta dễ bị mệt mỏi với những bất an về tiền bạc, lập thân xuất thế, không biết mình có thể sống được không. Nhưng khi được tiếp xúc với ba nhân vật này, tôi thở phào nhận ra những con người sống cuộc đời thanh tịnh thái quá như thế này cũng có thể hạnh phúc. Nhóm Kokudaya Jūzaburō, hay Nakane Tōri, ni cô Ōtagaki Rengetsu... – triết học mà họ đạt được thật sâu thẳm. Tôi không nghĩ cách sống của họ “quá trong sáng”. Thỉnh thoảng, có người tỏ ra hiểu biết nói rằng “người ấy đón nhận cả người tốt lẫn người xấu, thật vĩ đại”. Nhưng tôi cho rằng hoàn toàn sai lầm. Hoặc ít nhất, tôi muốn dạy con mình rằng như vậy không đúng. Người vĩ đại thật sự là người không uy quyền, không giàu có nhưng có sức mạnh thanh tẩy những gì dơ bẩn trở nên sạch đẹp, dù chỉ một ít. Trong lịch sử đất nước này, tôi đã chứng kiến rõ ràng có những con người như thế. Tôi tin như vậy và đã viết quyển sách này.

Khi đến thị trấn Yoshioka, nơi đã chịu thiệt hại nặng nề bởi trận động đất sóng thần vùng Đông Bắc năm 2011 để thu thập tài liệu viết sách, tôi được Kenshōkai¹ chín người ở Yoshioka đón tiếp. Tôi cứ tưởng có ông Yoshida trong đó nhưng không thấy nên mạn phép hỏi thì một người buồn bã trả lời “ông ấy không được khỏe”. Ông Yoshida là người đã dành cả đời để thu thập tài liệu để tôn vinh chín bậc tiền nhân.

¹ *Hiền chương hội: hội tôn vinh một cá nhân, tập thể nào đó.*

Tôi cũng đã đến thăm nhà ông Takahira Kazunori, hậu duệ của Kokudaya Jūzaburō. Chỉ có nhà Kokudaya là vẫn tiếp tục kinh doanh rượu ở Yoshioka. Người dân Yoshioka đã thay nhau kể về sự vĩ đại của bậc tiền nhân, nhưng ông Takahira, con cháu đích thực thì chỉ mỉm cười. Vì ông không nói gì nên tôi hỏi thì được trả lời thế này: “Vì chúng tôi đã được dặn rằng không được nói gì về việc của tổ tiên đã làm khi xưa.” Tôi nhìn lên thì thấy xà ngang nhà có treo bức thư pháp “Thành Ý” được viết vào năm đầu Meiji. Ông Takahira chỉ một lần duy nhất nói “lời cảm tạ” khi được một vị cao niên ngỏ lời dịp bia tôn vinh tổ tiên được dựng lên. Ông đã viết những lời cuối thế này trong tâm thế cực kỳ khiêm tốn, e dè: “Vào thời Heisei kinh tế sa sút, tôi trộm nghĩ không có cách nào khác ngoài việc mượn lấy trí khôn tiền nhân để vượt qua.”

Khi viết xong quyển sách này và viết được hơn nửa lời kết này, tôi nhận được một e-mail từ Ủy ban Giáo dục thị trấn Taiwa ở Yoshioka. Đó là tin cáo phó “ông Yoshida Katsukichi đã mất”. E-mail có nhắc ông Yoshida, người đã dành cả đời để thu thập tài liệu về chín nhân vật của Yoshioka, đã nằm trên giường bệnh vui sướng đọc loạt truyện nhiều kỳ về Kokudaya Jūzaburō do tôi viết. Tôi chỉ còn cách tưởng niệm ông. Và muốn dâng quyển sách này lên hương hồn ông Yoshida. Nếu không có những sử liệu của ông, hẳn tôi đã không thể viết được dù chỉ một dòng. Tuy chưa từng được gặp mặt ông lần nào, nhưng tôi đã được ông tiếp sức để có thể làm một công việc hạnh phúc nhất từ trước đến giờ với tư cách một sử gia. Cảm ơn ông.

Ngày 12 tháng Chín năm 2012

Ngày đưa tang

Tác giả

Người có cả lý luận và tình cảm

Fujiwara Masahiko

(Nhà toán học – Nhà văn)

Lần đầu tiên tôi biết tên và đọc văn của Isoda Michifurumi là vào dịp làm giám khảo cho giải thưởng Tài liệu Shinchō năm 2003. Năm ấy, *Bushi no kakeibo – Kaga han gosanyōmono no Bakumatsu ishin* (Sổ chi tiêu gia đình võ sĩ – Duy tân thời Mạc mạt của kế toán phiên Kaga) là một trong năm tác phẩm lọt vào vòng chung kết. Thoạt tiên, tôi đã nghĩ sách viết về sổ chi tiêu của nhà Inoshiyama phiên Kaga của một nhà nghiên cứu lịch sử trẻ chỉ chuyên viết luận văn chuyên ngành thì chẳng có gì hấp dẫn. Nhưng nhờ có chữ san (toán) nên với người làm toán học như tôi lại thấy có chút thu hút.

Tôi bắt đầu đọc và không thể rời mắt. Cha tôi là một nhà văn và ông sung sướng nhất khi nhận được một lời bình luận: “Tôi đã đọc một mạch đến hết.” Với ông, kiệt tác là “cuốn sách có thể đọc một mạch đến hết” hơn là bất kỳ lý lẽ nào. *Bushi no kakeibo* là tác phẩm như vậy và hơn thế, có thể nói đó là tác phẩm thậm chí mang tính học thuật, dẫn đến việc xem xét lại lịch sử Nhật Bản cận đại. Tôi đã tin rằng tác giả này là người có thể tiếp tục viết những tác phẩm xuất sắc khác. Tôi đã không trừ trừ chấm tác phẩm này đoạt giải.

Tôi gặp tác giả Isoda sau đó khoảng hai tiếng. Khi hội đồng chấm giải đang nâng ly chúc mừng thì anh đã tìm đến sau khi biết tin đoạt giải. Đó là một người thẳng thắn, không chỗ nào chê được. Vì là một thanh niên độc thân, mới xuất hiện trên diễn đàn văn học nên anh được khá nhiều tác giả và biên tập viên nữ chọe ghẹo. Khi nghe Isoda nói “đọc cổ văn trong thư viện hay tiệm sách cũ là hạnh phúc nhất”, tôi đã nghĩ “thật trong sáng” và vừa ngắm nhà văn mới trắng trẻo này vừa thấy ghen tị với tư chất trời phú của anh chàng. Tôi nghĩ đúng là một tác giả xứng đáng đoạt giải.

Còn bây giờ nói về tiêu điểm của quyển sách này, ba nhân vật đã bị lịch sử chôn vùi. Một người là Kokudaya Jūzaburō, thương nhân một *shukuba* nghèo phiên Date. Chàng đã rủ rê, thuyết phục một số thương nhân khác để tìm cách cứu ngôi làng đang suy kiệt kinh tế với tâm lý sẵn sàng phá sản, gia đình ly tán. Từ đó họ gom góp được một ngàn lượng, cho phiên mượn để trang trải tài chính bấy giờ. Họ đã cứu ngôi làng bằng một nước cờ kỳ diệu là lấy lãi hàng năm từ phiên và phát cho tất cả dân chúng trong làng. Không những vậy, còn cấm con cháu đời sau không được nhắc đến, không được nghĩ rằng hành vi của họ là vĩ đại.

Một người nữa là Nakane Tōri, được xem là nhà Nho số một Nhật Bản, một Hán thi gia hàng đầu Nhật Bản. Một nhân vật không màng công danh phú quý, cả đời sống trong nghèo khó. Một thi nhân không được biết đến, không nổi tiếng là vì ông đã vứt hết thơ văn của mình vào ngọn lửa bếp lò. Về sau ông được gọi là một tài thơ hiếm có là nhờ vào vài tác phẩm hiếm hoi còn sót lại được phát hiện. Tōri sống trong một cái am nhỏ, đơn sơ do dân làng dựng cho, mở lớp dạy học, dạy đạo làm người mà ông nắm bắt được sau khi đã đọc qua trăm ngàn quyển sách cho dân làng bằng những lời lẽ dễ hiểu nhất.

Người thứ ba là Ōtagaki Rengetsu, một tuyệt thế giai nhân thời Edo hậu kỳ có một số phận kỳ lạ. Tuy xuất thân dòng dõi cao quý nhà Tōdō phiên Tsu nhưng vì hoàn cảnh mà trở thành con gái nuôi của một *samurai* cấp bậc thấp. Hai lần kết hôn, bốn lần sinh con nhưng cả hai người chồng và bốn người con đó đều sớm ra đi. Bà cạo đầu xuất gia và nổi danh như một ca nhân *waka*, sau đó sáng tạo ra trường phái gồm Rengetsu-yaki có khắc thơ *waka* do mình sáng tác lên các tác phẩm gốm do mình làm. Bà cũng là một người không màng danh vọng, dứt khoát từ chối xuất bản tập thơ của mình. Tiền thu được nhờ bán sản phẩm gốm thì bà quyên góp cứu đói, xây cầu qua sông Kamo để giúp cuộc sống người dân thuận tiện hơn. Bà cũng là người gửi bài thơ kêu gọi Saigō Takamori, người phát cờ chống triều đình, rằng: “Bạn hay thù / Thắng hay thua / Đừng đem lại buồn đau / Nếu nghĩ đến / Người chung một nước.” Có người cho

rằng Saigō đã không tổng tấn công thành Edo nhờ bài thơ này hơn là nhờ Katsu Kaishū và Yamaoka Tesshū.

Như Bushi no kakeibo, Những người Nhật vị tha cũng là một tác phẩm tập trung nói về những con người đã bị vùi trong lịch sử nhưng chủ đề thì khá khác biệt. Bushi no kakeibo nói về sức sống mạnh mẽ của nhà Ishinoyama, tự mình mở đường bằng chính tố chất cần kiệm, chịu cực chịu khổ. Còn Những người Nhật vị tha ca ngợi những Những người Nhật vị tha lợi, giàu lòng trắc ẩn, khiêm nhường và hiến thân. Có thể nói đó là những con người mà nước Nhật đáng tự hào và là những đức tính tốt đẹp mà những năm gần đây chúng ta lãng quên.

Có lẽ tác giả, bằng con mắt của một nhà sử học, cho rằng hình ảnh nước Nhật ngày nay không phải là hình ảnh nước Nhật vốn có. Chạy theo chủ nghĩa tự do mới của Mỹ – chủ nghĩa đo lường giá trị bằng tiền bạc, bị nhuộm bởi chủ nghĩa kinh tế tối thượng, con người ta bị những cạnh tranh và bình phẩm, đánh giá truy đuổi khiến họ đánh mất vẻ Nhật Bản vốn có. Hẳn Isoda đã cảm thán “không phải đâu” khi nhìn thấy những cảnh này. Người Tây dương đến Nhật thời kỳ cuối Mạc phủ đã từng thán phục: “Người Nhật Bản nghèo nhưng hạnh phúc.” Bởi với họ, nghèo thật đáng thương và bất hạnh. Và tôi có cảm giác chìa khóa giải mã sự lạ lùng đó nằm trong cuốn sách này.

Sách của Isoda luôn có phần lợi ích thấy rõ. “Thời Edo, đặc biệt là hậu kỳ, là thời người dân tỏa sáng. Tấm lòng tử tế, sự hiền lành của thường dân Edo cho ta thấy một vẻ đẹp mà chưa nền văn minh trên trái đất này có được. Ngay cả những khi ổn định nhất cũng hiếm có thời đại nào mà người dân đạt được mức độ này về mặt đạo đức, triết lý.” “Ý thức gia đình là một loại tôn giáo cho rằng sự trường tồn của gia đình, sự thịnh vượng đời đời của con cháu là giá trị tối cao. Tôn giáo này tuy xưng là “Phật” nhưng không phải “Phật” mà là tôn giáo thờ phụng tổ tiên và cũng thờ phụng con cháu. Thông qua thời Edo, cho đến cả thường dân Nhật Bản cũng tôn sùng tôn giáo quốc dân này.” – Những nhận xét và cách nhìn lịch sử sắc sảo chỉ có ở

tác giả thể hiện rải rác trong sách, khiến những người như tôi có cảm giác mình thật có lỗi khi đọc cuốn sách này.

Tôi vô cùng vui sướng khi biết có những nhân vật được mô tả sinh động trong sách này đã từng sống ở đất nước chúng ta. Và tôi tin rằng trải dài trên cả nước, chắc chắn còn có nhiều người Nhật như thế nữa. Chỉ là họ đã bị lịch sử vùi lấp mà thôi. Tôi thành thật cảm ơn tác giả Isoda, người có thể đọc thông hiểu thạo các văn bản, cổ thư, đã soi rọi ánh sáng đến những con người như thế. Hẳn trong lòng tác giả, chính nghĩa và lòng trắc ẩn cũng đã hoạt động mạnh mẽ để đem lại sự tôn vinh xứng đáng dù muộn màng cho những con người vĩ đại bị thời gian vùi lấp.

Khi đọc tác phẩm của Isoda, tôi hiểu tác giả là người có đầy đủ lý lẽ và tràn ngập tình cảm. Những con người như thế này có đôi mắt của sâu bọ, của chim chóc¹. Trong tương lai, tác giả sẽ lại khai quật, phát hiện ra những con người, những sự việc bằng đôi mắt này. Và tôi mong đến một ngày nào đó, tác giả sẽ lại cho chúng ta biết rõ người Nhật là ai, cũng như làm những công việc đem lại quan điểm mới mẻ cho lịch sử Nhật Bản.

¹ Ý người viết nói tác giả Isoda Michifumi có thể quan sát sự việc từ nhiều góc độ khác nhau (đến gần để quan sát), một cách toàn thể (nhìn từ trên cao).

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHỦ YẾU

Kokudaya Jūzaburō

Kokuonki (Sendai Sōsho Dai 11 kan shoshu – *Kokuonki* Sendai tūng thư bộ 11 quyển), NXB Hōbundō, 1972.

Taiwa-chō shi (Lịch sử thị trấn Taiwa), Anazawa Yoshitarō biên soạn, Taiwa-chō, 1977.

Kokuonki oboe (*Kokuonki* giác), Yoshida Katsukichi biên soạn, 2001.

Nakane Tōri

Tōri Ikō kai (Tōri di cảo giải), Kumekawa Shinya biên tập, Hội phát hành di cảo Nakane Tōri, Di tích Am Chishō chùa Hōryū, văn kiện Meiji, 1974.

Nihon Yōmei gakuha no tetsugaku (Triết học của phái Dương Minh Nhật Bản), Inoue Tetsujirō, Fuzanbo, 1900.

Ōtagaki Rengetsu

Ōtagaki Rengetsu-ni zenshū (Rengetsu-ni toàn tập), Murakami Sodō biên soạn, Hội phân phối *Rengetsu-ni toàn tập*, 1927.

Ōtagaki Rengetsu, Sugimoto Hidetarō, Tōyō Shobō, Seigensha, 2004.